

THƯ VIỆN ĐỒNG THÁP



DAVV11.497

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG THÁP

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG THÁP
HÀNH CHÍNH ĐẢNG BỘ HUYỆN TAM NÔNG



LỊCH SỬ
TRUYỀN THỐNG & CÁCH MẠNG
HUYỆN TAM NÔNG
(THẾ KỶ XVIII - 1975)

SƠ THẢO

89

DAVV11.497

BAN TUYÊN GIÁO HUYỆN ỦY

12/2007

**Lịch sử
Truyền Thống & Cách Mạng
Huyện Tam Nông**

Kính Biểu



Lịch Sử
Truyền Thống & Cách Mạng Huyện Tam Nông

Chỉ đạo biên soạn:

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY TAM NÔNG

Trực tiếp sưu tầm & biên soạn:

*** Th.s Nguyễn Hữu Hiếu**

Phó Chủ tịch Hội KHLS Đồng Tháp

*** Ông Lê Thanh Hùng**

Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy Tam Nông



HUYỆN ỦY TAM NÔNG



959.789

L3025

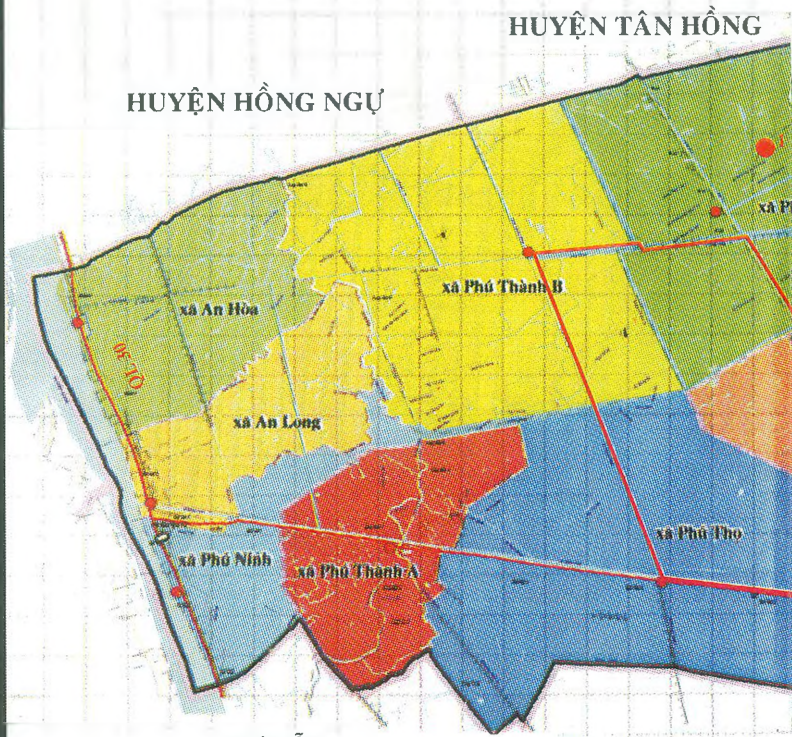
LỊCH SỬ
TRUYỀN THỐNG & CÁCH MẠNG
HUYỆN TAM NÔNG
(Thế kỷ XVIII - 1975)

(Sơ thảo)



Tháng 12 năm 2007

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH HUYỆN TAM NÔNG -

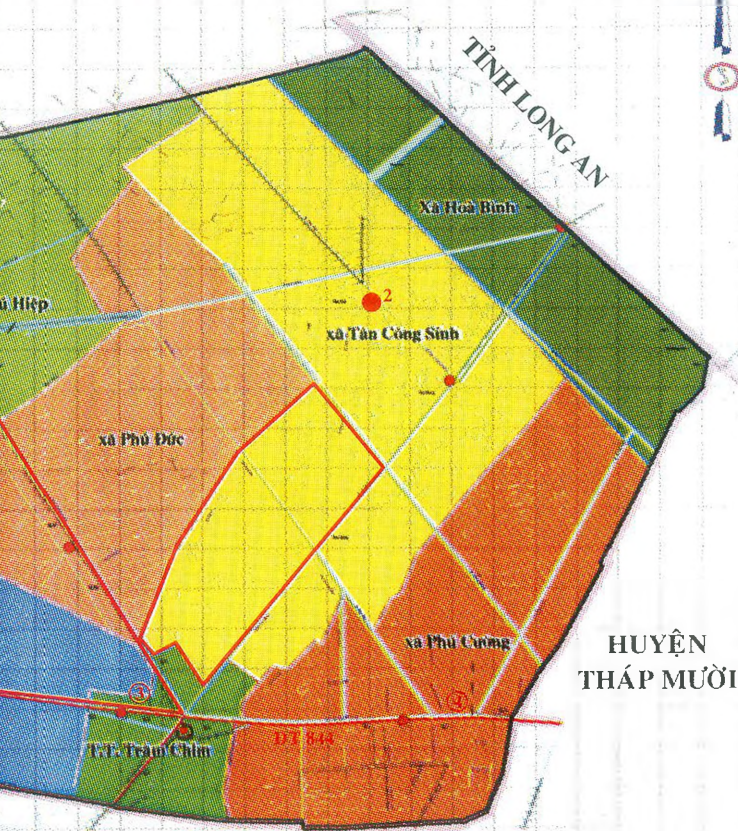


CHÚ DẪN

KÝ HIỆU	GIẢI THÍCH
	- ĐƯỜNG SÁ
	- SÔNG NGÔI, KINH RẠCH
	- UBND HUYỆN, XÃ, THỊ TRẤN
	- GÒ QUẢN CUNG
	- GÁO ĐÔI
	- TRUNG TÂM VƯỜN QUỐC GIA TRÀM CHIM
	- VƯỜN QUỐC GIA TRÀM CHIM
	- TƯỢNG ĐÀI GIAO BƯU - THÔNG TIN VÔ TUYẾN ĐIỆN NAM BỘ (Di tích lịch sử - văn hóa quốc gia)

HUYỆN T

TỈ LỆ:



ANH BÌNH

Lời giới thiệu

Tam Nông là một huyện của tỉnh Đồng Tháp. Với lịch sử hình thành lâu đời cùng với địa lý tự nhiên khắc nghiệt: Vùng trũng, chua phèn, đầm lầy, bưng trấp, sáu tháng ngập nước, sáu tháng khô hạn.

Trong mấy trăm năm khai hoang mở cõi, ông cha ta đã tốn biết bao nhiêu mồ hôi kể cả xương máu, nhưng vẫn chưa khai phá hết vùng này, đến đầu thế kỷ XX, nơi đây còn nhiều vùng hoang hóa, thưa dân. Trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm dưới sự lãnh đạo của Đảng mà nhất là trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Tam Nông là địa bàn hoạt động, là nơi đi về, là căn cứ địa của nhiều cơ quan, đơn vị bộ đội của ta. Ngoài ra địa bàn này còn là hành lang chiến lược từ Campuchia xuống các tỉnh Trung Nam Bộ. Chính vì vậy, nơi đây là chiến trường ác liệt, hứng chịu nhiều bom đạn của kẻ thù.

Suốt 30 năm kháng chiến giành độc lập dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy Thanh Bình, Huyện ủy Hồng Ngự và sau này là Huyện ủy Tam Nông (1969), quân và dân địa phương vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, hy sinh mất mát về người và của đã lập nên nhiều chiến công vang dội, góp phần vào sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Để trân trọng, tự hào, kế thừa và phát huy truyền thống quý báu của dân tộc nói chung, quân và dân huyện Tam Nông nói

riêng; được sự giúp đỡ nhiệt tình của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Hội Khoa học Lịch sử Đồng Tháp, kết hợp với Nhóm biên soạn đã sưu tầm tư liệu, biên soạn quyển sách mang tên "**Lịch sử truyền thống & cách mạng huyện Tam Nông (thế kỷ XVIII - 1975)**". Nội dung cuốn sách ôn lại quá trình hình thành và phát triển của vùng đất từ những ngày đầu khai phá, quá trình đấu tranh bảo vệ quê hương cho đến khi hoàn toàn giải phóng và để giáo dục các thế hệ mai sau trân trọng, giữ gìn truyền thống quý báu ấy của các thế hệ đi trước.

Trong quá trình tiến hành sưu tầm tư liệu, biên soạn nội dung, Nhóm biên soạn được sự giúp đỡ, đóng góp ý kiến, bổ sung tư liệu của các vị lão thành cách mạng, nhân dân và các cơ quan... làm cho quyển sách này phong phú, đầy đủ hơn.

Tuy nhiên, do phần lớn tư liệu phục vụ biên soạn là hồi ký, hồi ức, truyền khẩu...; nhiều tư liệu thành văn, di tích lịch sử, chứng tích chiến tranh... đã bị thời gian và chiến tranh phá hủy, nên tư liệu sưu tầm được không tránh khỏi thiếu sót... rất mong được sự đóng góp, bổ sung của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu quyển "**Lịch sử truyền thống & cách mạng huyện Tam Nông (thế kỷ XVIII - 1975)**" với đồng chí, đồng bào.

Ban Thường vụ Huyện ủy Tam Nông

Tháng 12/2007

Phần thứ nhất

KHÁI QUÁT ĐẤT ĐAI VÀ CON NGƯỜI TRÊN VÙNG ĐẤT TAM NÔNG

Chương một

Điều kiện tự nhiên & tiềm năng kinh tế

Huyện Tam Nông của tỉnh Đồng Tháp thành lập vào năm 1969. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (1975), nhập với Thanh Bình thành huyện Tam Nông. Đến tháng 8/1983 lại tách ra cho đến nay. Do đó, trong suốt chiều dài lịch sử của mình, Tam Nông luôn gắn bó với Thanh Bình trên vùng đất Phong Thạnh Thượng cũ.

Sau hơn 20 năm xây dựng, dưới sự lãnh đạo của đảng bộ huyện, với sự hỗ trợ của tỉnh và trung ương, nhân dân huyện Tam Nông đã từng bước đưa vùng đất nhiễm phèn, ngập nước với cây lúa, cây tràm và con cá tự nhiên trong hoạt động kinh tế truyền thống là chủ yếu, chuyển dần sang một huyện có cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp, thương mại - dịch vụ - dù tỷ lệ công nghiệp - thương mại dịch vụ chưa cao. Đời sống văn hóa - xã hội ngày càng được cải thiện và nâng lên.

Thành quả đó là cả một quá trình chiến đấu và xây dựng gian khổ của bao thế hệ con người trên vùng đất có điều kiện tự nhiên khá đặc biệt này.

I.- ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

Tam Nông là huyện nằm sâu trong vùng trũng Đồng Tháp Mười. Phía bắc giáp hai huyện Hồng Ngự và Tân Hồng; phía đông giáp huyện Vĩnh Hưng (tỉnh Long An); phía đông nam giáp hai huyện Tháp Mười và Cao Lãnh; phía nam giáp huyện Thanh Bình và phía tây giáp sông Tiền.

Huyện có diện tích tự nhiên là 459km², chia ra 11 xã và một thị trấn. Thị trấn huyện lỵ Tràm Chim được thành lập vào tháng 8/1994 ⁽¹⁾. Vạt đất ven sông Tiền gồm 3 xã: An Long, An Hòa, Phú Ninh; vùng Đồng Tháp Mười (ĐTM) bao gồm các xã còn lại: Phú Thọ, Phú Thành A, Phú Thành B, Phú Hiệp, Phú Đức, Tân Công Sính, Hòa Bình, Phú Cường và thị trấn Tràm Chim.

Tam Nông là vùng đất thấp, tương đối bằng phẳng, độ cao trung bình so với mực nước biển khoảng 1,50m. Toàn bộ địa hình hơi nghiêng thấp dần từ phía sông Tiền vào nội đồng; được xem như một huyện có đặc trưng về địa hình, thổ nhưỡng, thủy văn, sinh thái động thực vật,... tiêu biểu của vùng Đồng Tháp Mười (ĐTM)⁽²⁾. Nền phù sa cổ kéo dài từ đông nam Campuchia xuống Hồng Ngự - Tân Hồng lưu lại một vệt dài, gồm các giồng Lâm Vồ, Cà Dăm, Thốt Nốt, Gò Cát, Gò Tre, Cỏ Ống, gò Mười Tỏi, Gáo Giồng... Tam Nông có một số nơi được xem là chỗ trũng nhất của ĐTM. Trầm tích đầm lầy biển chiếm một diện tích khá lớn ở các xã Tân Công Sính, Phú Cường, Phú Đức, Hòa Bình, Phú Thành B, Phú Thọ, Phú Hiệp; đây là vùng chịu ngập nước sâu và

⁽¹⁾ *Ngụy quyền Sài Gòn lập quận lỵ Tràm Chim (thuộc quận Đồng Tiến tỉnh Kiến Phong) năm 1959*

⁽²⁾ Gs.TS. Võ Tòng Xuân (Chủ nhiệm) *Mười năm xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội Tam Nông. Sở KHCN&MT Đồng Tháp, 1994, tr.12*

lâu nhất trong năm, độ phèn tiềm ẩn sâu. Khu vực đầm lầy cũ để lại những vĩa than bùn rộng lớn. Các nhà khoa học đã tìm thấy ở Bưng Mốp (Phú Đức), Bưng Sấm (Tân Công Sính), lảng Tà Mơn (chiếm phần lớn diện tích các xã Hòa Bình, Tân Công Sính, Phú Cường) một số vĩa than bùn dày khoảng 2m, với trữ lượng khá lớn⁽¹⁾. Điều đó chứng tỏ Tam Nông xưa là vùng biển, cách đây hàng vạn năm được bồi lắng, không phải bằng phù sa sông Cửu Long mà bằng các loại cây cỏ mục, qua nước mưa, nước ngập trở thành vùng ngập úng, sinh trấp lưu niên, lại sâu trong nội đồng, chứa nhiều vật liệu tạo phèn. Vùng ven sông Tiền được lắng tụ nhiều phù sa sông, trở thành như một con đê tự nhiên. Phía trong đê tự nhiên là vùng đất thấp hơn, nhận được ít phù sa hơn. Do đó, có thể chia Tam Nông thành ba vùng tự nhiên:

- Vùng đất bồi ven sông Tiền: Đất cao, mầu mỡ, đông dân cư, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, nhưng chỉ phổ biến là cây lúa; còn hoa mầu, nghề vườn khó phát triển vì đất cao vào mùa khô, lại bị ngập sâu vào mùa nước.

- Vùng gò, giồng, phù sa cổ: Hoang hóa lâu đời, thiếu hệ thống thủy lợi, dân cư thưa thớt, chỉ tập trung nơi có địa hình cao, là các giồng: Giồng Hoang, Giồng Gò, giồng Lâm Vô, giồng Lung Bông, giồng Cà Dăm, giồng Thốt Nốt, giồng Bưng Khương, giồng Cỏ Ống, giồng Cù Lao Bang, giồng Cù lao Vung, giồng Cù lao Dài. Tiềm năng nông nghiệp lớn.

- Vùng phèn trũng: Khu vực trũng nhất, thường bị ngập sâu vào mùa nước nổi (Tràm Chim, Tràm Ó Heo...). Trong mùa khô thiếu nước ngọt, diện tích hoang hóa còn nhiều, dân cư thưa.

⁽¹⁾ Đồng Tháp tiềm năng và triển vọng, Nhiều tác giả, Nxb Đồng Tháp, 1990, tr.23.

Vào mùa nước rút, sông rạch ở Tam Nông hoạt động trong ba hệ thống: Ba Răng, Đốc Vàng Thượng và Đốc Vàng Hạ đổ ra sông Tiền.

- Hệ thống sông Ba Răng gồm các rạch: Cái Sậy, Cái Nổ, Cái Bèo, Bình Bát, Cái Bãi, Cái May, Cái Gốc, Ngã Cạy...

- Hệ thống sông Đốc Vàng Thượng, gồm các rạch: Cái Cái, Cái Gáo, Đường Gạo.

- Hệ thống sông Đốc Vàng Hạ, gồm các rạch: Ruột Ngựa, Bấc Giáo ...

Ngoài ra, còn có các rạch (ngọn) lảnh Chim Dài, mương Cai Tuần Cưng, ngọn Bình Bình ở An Long đổ thẳng ra sông Tiền. Phần các rạch trên đây đều bắt nguồn từ trong nội đồng ĐTM, nên vào mùa khô kiệt, các vùng sâu thường thiếu nước canh tác và sinh hoạt, nếu không có hệ thống kinh mương hợp lý.

Tam Nông nằm trong khu vực khí hậu gió mùa. Nhiệt độ trung bình hàng năm là $27,3^{\circ}\text{C}$, với biên độ thay đổi từ $3 - 5^{\circ}\text{C}$. Nhiệt độ trung bình thấp nhất vào tháng giêng ($25,2^{\circ}\text{C}$) và nóng nhất vào tháng tư (hơn 30°C). Lượng mưa hàng năm tương đối thấp, trung bình khoảng 1.500mm và phân bố theo mùa. Mùa mưa từ tháng 05 đến tháng 11, mỗi tháng lượng mưa trên 120mm; tháng 10 mưa nhiều nhất (240mm). Vào tháng 07 hoặc tháng 08 có những đợt hạn nhỏ (thường được dân gian gọi là hạn Bà Chăn). Mùa khô từ tháng 12 đến tháng tư.

Là vùng đồng bằng nên khí hậu tương đối đồng đều trong toàn huyện. Nhiệt độ cao, lượng bức xạ dồi dào suốt năm là yếu tố thuận lợi cho sự phát triển các loại cây trồng. Tuy nhiên, do sự phân bố lượng mưa theo mùa, do đó trong mùa khô kiệt, mực

nước sông thấp, lại ít mưa có ảnh hưởng rất lớn đối với tăng trưởng của cây trồng và sinh hoạt của nhân dân. Từ tháng 12, nước rút, bắt đầu khô đồng. Mức nước sông thấp vào tháng 03, tháng 04; mức nước lên xuống chỉ dao động trong khoảng 0,6m - 0,7m. Đất trở nên khô kiệt có ảnh hưởng đến sự phát triển của hiện tượng phèn hóa.

Mùa nước (còn gọi là mùa nước nổi, nước ngập, nước lụt hay nước lên) bắt đầu từ cuối tháng sáu, nước sông Tiền bắt đầu đổ vào kinh Đồng Tiến, An Bình, Xáng Cụt... Mức nước tăng dần đến cuối tháng 07 bắt đầu tràn đồng và đạt mức nước cao nhất vào khoảng cuối tháng 9. Sau đó nước rút dần đến tháng 12 thì chuyển sang mùa kiệt (khô).

Trung bình hàng năm thời gian nước ngập từ ba đến sáu tháng, vùng ngập sâu kéo dài hơn. Do thời gian ngập nước kéo dài, nên từ bao đời qua, người dân trong vùng đã tích lũy nhiều kinh nghiệm sống chung với nước ngập từ xây dựng nhà cửa, phương tiện đi lại, sinh hoạt, đánh bắt cá... đến cả việc ma chay, tang táng người chết trong mùa nước ⁽¹⁾.

II.- TIỀM NĂNG KINH TẾ

Đất đai là tài nguyên vốn quý của xã hội. Trong hàng mấy thế kỷ qua, người dân địa phương ở Đồng bằng sông Cửu Long, bằng nhiều cách đã và đang khai thác vùng đất được coi là một trong những vùng lương thực trọng điểm của cả nước. Thông qua việc khai hoang và sử dụng đất đai này, từng địa phương, từng khu vực đã thu được nhiều kết quả quan trọng trong sản xuất nông nghiệp. Huyện Tam Nông nằm trong vùng ĐTM có các

⁽¹⁾ Võ Tòng Xuân, *Tlđđ*, tr.12-17

điều kiện tự nhiên khác nhau: vừa có khó khăn và cũng có thuận lợi. Do đó, muốn sử dụng và khai thác tiềm năng đất đai một cách hợp lý để xây dựng và phát triển một nền nông nghiệp - công nghiệp - thương mại du lịch bền vững trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

Với điều kiện tự nhiên của Tam Nông cho thấy, ngoài vùng đất phù sa ven sông và vùng đất xám ở địa hình cao, vấn đề khó khăn về đất đai là diện tích đất phèn của huyện còn khá nhiều nên hạn chế một số loại cây trồng. Song song đó là vấn đề ngập lụt; thời gian bắt đầu và kết thúc mùa lụt nước dưới kinh rạch bị nhiễm phèn tác động không nhỏ đến sự đa dạng hóa hệ thống cây trồng trong toàn huyện.

Tuy nhiên, từ lâu đời, người nông dân địa phương đã tích lũy nhiều kinh nghiệm trong việc cố gắng khắc phục những điều kiện khó khăn của môi trường tự nhiên và đã thành công một số cây trồng và vật nuôi. Cơ cấu cây trồng và vật nuôi thích hợp cho từng khu vực, khả năng đất đai, môi trường khác nhau, tiềm năng phát triển cho từng cơ cấu cũng khác nhau, nên vấn đề hiểu biết về khả năng của điều kiện tự nhiên là vô cùng quan trọng trong việc khai thác và sử dụng chúng.

Trên cơ sở đất đai và môi trường tự nhiên, có thể chia Tam Nông thành một số tiểu vùng kinh tế nông nghiệp:

- Vùng trồng cây ăn trái, cây công nghiệp, hoặc lúa và hoa màu tập trung ở khu vực ven sông Tiền và các sông rạch khác.
- Vùng lúa hai vụ.
- Vùng lúa và hoa màu.

- Vùng trồng trà: Vừa phát triển kinh tế vừa để duy trì sự cân bằng hệ sinh thái trên toàn ĐTM, rừng trà phân bố dọc theo kinh Phú Đức, góc phía nam kinh Hòa Bình, kinh Phước Xuyên, khu vực kinh Thống Nhất tiếp giáp với hồ rừng Tràm Chim, có thể mở rộng thêm đến vùng đất phèn hoang hóa thuộc góc kinh An Bình, Xáng Cụt, Tân Công Sinh, Phước Xuyên, Phú Cường, Phú Đức.

Vùng bảo vệ môi trường tự nhiên: Khu vực hồ rừng hiện nay là Vườn Quốc gia Tràm Chim, vừa là khu bảo tồn thiên nhiên duy trì hệ sinh thái đồng thời cũng là nơi bảo vệ các loài động vật quý hiếm. Có thể phát triển thêm những khu vực phía nam gò Cỏ Luộc, phía nam kinh Hòa Bình, lòng hồ phía nam huyện lỵ... Mô hình này vừa có tác dụng cải thiện các điều kiện khí hậu, cũng là nơi lưu trữ nước sinh hoạt và sản xuất cung cấp cho khu vực chung quanh, kết hợp với sự phát triển thành khu lâm thủy sản - thú rừng và dịch vụ du lịch ⁽¹⁾.

Chương hai

Vài nét về hành chánh, cư dân và truyền thống văn hóa

I. SỰ THAY ĐỔI ĐỊA GIỚI HÀNH CHÁNH QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ

Huyện Tam Nông từ ngày khai hoang lập ấp đến nay, địa giới cũng như số lượng thôn, làng, xã trong huyện thường xuyên

⁽¹⁾ Võ Tòng Xuân, *Tlđđ*, tr.20-14

thay đổi qua các thời kỳ lịch sử. Sự thay đổi địa giới hành chính ở đây gắn liền với sự thay đổi hành chính của Nam Kỳ. Năm 1698, chúa Nguyễn Phước Chu (1675 - 1725) sai Nguyễn Hữu Cảnh vào Nam kinh lược, lấy đất Nông Nại (Đồng Nai) làm huyện Phước Long, lập dinh Trấn Biên và lập đất Sài Côn (Sài Gòn) làm huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn (Gia Định). Mỗi dinh đều có đặt quan cai trị, phân chia thành thôn, xã...

Do đó có thể chia sự thay đổi hành chính huyện Tam Nông thành năm giai đoạn:

1. Tam Nông trong thời Gia Định Phủ (1698 - 1802)

Theo sự phân định ở trên, thì vào thời điểm 1698 đất Tam Nông và cả ĐTM đều thuộc huyện Tân Bình. Đến năm 1732, chúa Nguyễn sai lấy đất Gia Định thành lập Châu Định Viễn, dựng dinh Long Hồ (ly sở đóng tại Cái Bè), nên thường được gọi là dinh Cái Bè. Bốn mươi năm sau (1772), chúa Nguyễn lại sai quan trấn lấy đất Mỹ Tho lập đạo Trường Đồn (ly sở đặt ở giồng Cai Yến). Đến năm 1779 đổi thành dinh Trường Đồn và năm 1781 đổi thành dinh Trấn Định với một huyện là Kiến Khương.

Như vậy trong suốt khoảng thời gian này, vùng Tam Nông thuộc huyện Tân Bình (của Phiên Trấn), rồi thuộc Châu Định Viễn (dinh Long Hồ), sau đó thuộc huyện Kiến Khương của dinh Trấn Định.

2. Tam Nông trong thời Gia Định trấn và Gia Định thành (1802 - 1832)

Năm 1802, Nguyễn Ánh (tức Gia Long) lên ngôi, đóng đô ở Huế, bỏ kinh Gia Định, cải Gia Định từ phủ sang trấn. Đất Nam Kỳ chia thành bốn dinh và một trấn: dinh Trấn Biên, dinh Phiên

Trấn, dinh Trấn Định, dinh Vĩnh Trấn và trấn Hà Tiên. Vùng đất Tam Nông vẫn nằm trong dinh Trấn Định; đến năm 1806 huyện Kiến Khương đổi thành huyện Kiến An, gồm ba tổng: Kiến Đăng, Kiến Hòa và Kiến Hưng. Vùng Tam Nông thuộc tổng Kiến Đăng.

Đến năm 1808, dinh Trấn đổi thành trấn Định Tường và huyện Kiến An nâng lên thành phủ, ba tổng trên được nâng lên thành ba huyện. Huyện Kiến Đăng chia ra hai tổng: Kiến Hòa và Kiến Phong.

Theo sách Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức⁽¹⁾ thì lúc bấy giờ huyện Kiến Đăng có 43 thôn, phía Đông huyện giáp ngòi nhỏ sông Bắc Chiên thẳng đến cửa sông Mỹ Lương; phía Tây giáp phủ Cầu Nam (Cao Miên), phía Nam giáp sông Tiền, sông Hiệp Ân; phía Bắc giáp sông Bắc Chiên tiếp giáp Cao Miên, tức vùng thuộc các huyện Cai Lậy, Cái Bè (thuộc tỉnh Tiền Giang ngày nay) và các huyện phía Bắc sông Tiền của tỉnh Đồng Tháp ngày nay (trong đó, chỉ có 22 thôn thuộc Đồng Tháp). Riêng trên vùng đất Tam Nông mới khai phá và chánh thức thành lập được ba thôn là An Long, Tân Phú và Tân Thạnh. Nên cần lưu ý trong buổi khai hoang vùng ĐTM lưu dân khai phá và lập làng ở vùng ven sông Tiền trước, về sau mới tiến sâu vô đồng.

3. Tam Nông dưới thời Lục tỉnh (1832 - 1862)

Năm 1832, Lê Văn Duyệt qua đời, vua Minh Mạng giải thể Gia Định thành và đổi trấn thành tỉnh, Nam Kỳ gồm sáu tỉnh: Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang (hai tỉnh Vĩnh Long, An Giang từ năm 1840) và Hà Tiên.



⁽¹⁾ Trịnh Hoài Đức: *Gia Định Thành thông chí*, tập Trung, tr. 58-59.

Phần đất Tam Nông vẫn nằm trong tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến Tường, tỉnh Định Tường

Cuộc đo đạc địa chính năm 1836 cho thấy tổng Kiến Phong được nâng lên thành huyện Kiến Phong, huyện lỵ đóng tại Mỹ Trà (nay thuộc thành phố Cao Lãnh), có hai tổng là Phong Phú có 17 thôn, Phong Thạnh có 11 thôn. Vùng đất Tam Nông nằm trong tổng Phong Thạnh có bốn thôn. Trong địa bạ năm 1836, ghi rõ:

Thôn An Long: ở hai xứ Thâm Du, Thương Tân.

Đông giáp thôn Phong Mỹ và rạch Tham Si. Tây giáp rạch Thanh Trúc, thôn Tân Thạnh, lại giáp rạch Thị Cẩm và thủ sở Thông Bình. Nam giáp sông lớn. Bắc giáp rừng hoang và đầm Cổ Chiên.

- Đất ruộng thực canh 442,25 mẫu ta, chia ra: ruộng sơn điền 133,69 mẫu với 31 chủ và bốn thôn thực canh 8,8 mẫu ta; đất trồng khoai đậu 169,29 mẫu với 83 chủ và bốn thôn đồng canh 36,6 mẫu; thổ trạch 139,25 mẫu với 32 chủ.

- Đất mộ địa: một khoảnh.

- Địa cá: 300 khẩu điền.

- Đất gò đồi: một khoảnh.

- Đất hoang nhà: 2 khoảnh.

Thôn An Phong: ở xứ Như Cang:

Đông giáp rừng hoang, tây giáp rạch Diện Hầu Thượng và Diện Hầu Hạ, nam giáp rạch nhỏ và địa phận thôn Tân Thạnh, bắc giáp rạch nhỏ và rừng hoang.

- Ruộng đất thực canh có 413,88 mẫu ta, trong đó: đất trồng khoai đậu 298,15 mẫu với 48 chủ và đất bôn thôn đồng canh 41,25 mẫu. Đất thổ trạch 115,73 mẫu với 17 chủ và đất bôn thôn đồng canh 3,9 mẫu.

- Đất cư thổ: 302 mẫu.
- Ruộng bỏ hoang: 40,6 mẫu.
- Mộ địa: 2 khoảnh.
- Đất gò đồi: 4 khoảnh.

Thôn Tân Phú: ở hai xứ Bạch Kim Tả và Bạch Kim Hữu.

Đông giáp địa phận thôn Tân Thạnh và rừng hoang, tây giáp địa phận thôn Tân Thạnh và rừng hoang, nam giáp địa phận thôn Tân Thạnh, bắc giáp rừng hoang.

- Đất ruộng thực canh có 261,80 mẫu ta, trong đó: đất trồng khoai đậu 170,8 mẫu với 7 chủ; đất thổ trạch 91,6 mẫu với 7 chủ.
- Năm trước sơn điền bỏ hoang 363,2 mẫu.
- Đất mộ địa: 2 khoảnh.
- Đất gò đồi: 1 khoảnh.
- Đất hoang nhàn: 2 khoảnh.

Thôn Tân Thạnh: xứ Kim Trúc

- Đông giáp hai thôn An Long, Tân Phú và rạch Thanh Trúc. Phía tây và phía nam giáp sông lớn. Bắc giáp thôn Tân Phú, rừng hoang và thôn An Phong.

- Đất ruộng thực canh có 475,12 mẫu ta, trong đó: đất trồng khoai đậu 271,7 mẫu với 62 chủ, đất thổ trạch 203,3 mẫu với 18 chủ.

- Đất mộ địa: 3 khoảnh
- Đất gò đồi: 3 khoảnh ⁽¹⁾.

Nên lưu ý các địa danh trên đã được Việt Hán hóa khi đưa vào văn bản, còn trong thực tế khi giao tiếp nhân dân địa phương vẫn sử dụng các tên gọi nôm na do họ tự phát đặt ra, ngày nay rất khó đối chiếu với thực địa. Song có một số địa danh, có đối chiếu được, như rạch Tham Si là rạch Sâm Sai, Thanh Trúc là Rạch Tre, sông lớn tức là sông Tiền, Như Cang tức giống Cốt Sa (Sa Rày); rừng hoang tức rừng trong ĐTM ngày trước, sông Hiệp Ân là sông Hồng Ngự, rạch Điện Hầu Thượng và Hạ tức sông Sở Thượng và Sở Hạ; xứ tức là xóm. Do đó, ta có thể thấy được bốn thôn trên sau này phát triển thành vùng Thanh Bình - Tam Nông và cả một phần của Tân Hồng ngày nay.

4. Tam Nông dưới thời Nam Kỳ thuộc Pháp (1862 - 1954)

Sau khi Hòa ước Sài Gòn (Nhâm Tuất, 1862) được triều đình Huế phê chuẩn, thực dân Pháp ban hành Nghị định ngày 03/06/1865, chia tỉnh Định Tường ra bốn khu hành chánh (còn gọi là khu thanh tra hay khu tham biện): Mỹ Tho, Cai Lậy, Chợ Gạo và Cần Lố. Khu tham biện Cần Lố quản lý phần đất của huyện Kiến Phong; Tam Nông vẫn nằm trong tổng Phong Thạnh với bốn thôn như trước.

Nghị định toàn quyền ngày 05/06/1871, tỉnh giảm Nam Kỳ từ 25 xuống còn 18 khu tham biện, trong đó khu tham biện Cần Lố sáp nhập vào khu tham biện Sadéc. Từ đây cho đến 1898, đất Tam Nông, thuộc quyền quản lý của hai khu tham biện:

⁽¹⁾ Nguyễn Đình Đầu: *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn - tỉnh Định Tường*, Nxb Tp.HCM, 1994, tr.212

- Tham biện Long Xuyên quản lý ba làng An Phong, Tân Phú và một phần Tân Thạnh, nằm trong tổng Phong Thạnh Thượng.

- Tham biện Châu Đốc quản lý hai làng An Long, một phần Tân Thạnh thuộc tổng An Phước.

- Nghị định Toàn quyền ngày 20/12/1899 quy định bắt đầu từ ngày 01/01/1900, toàn Nam Kỳ có 21 tỉnh, thay cho các khu tham biện. Đứng đầu mỗi tỉnh là viên chánh tham biện, mà ta thường gọi là viên chủ tỉnh. Đến ngày 01/04/1916, tỉnh Sadéc chia ra ba quận: Châu Thành, Lai Vung và Cao Lãnh. Vùng Tam Nông nằm trong tổng Phong Thạnh Thượng thuộc quận Cao Lãnh. Qua năm 1917, thực dân Pháp tách sáu làng Tân Thạnh, Tân Phú, Bình Thành, An Thành, An Phong và An Phú của tổng Phong Thạnh Thượng nhập vào quận Chợ Mới của tỉnh Long Xuyên. Tám năm sau, thực dân Pháp ra Nghị định ngày 19/12/1925, cắt 7 làng của tổng An Phước (An Long, Bình Thạnh, Thường Lạc, Thường Phước, Thường Thới, Bình Phú, Tân Thành), trước đây thuộc quận Tân Châu (tỉnh Châu Đốc) để thành lập quận Hồng Ngự (cũng thuộc tỉnh Châu Đốc). Tổng Phong Thạnh Thượng chỉ có phần đất trong nội đồng và làng An Phong (tổng An Phước) là thuộc đất Tam Nông.

Như vậy, cho tới thời điểm đình chiến (tháng 07/1954), đất Tam Nông nằm trên hai tỉnh:

- Châu Đốc: làng An Long (thuộc tổng An Phước, quận Hồng Ngự).

- Long Xuyên: vùng hậu bồi của các làng Bình Thành, Tân Phú, Tân Thạnh thuộc tổng Phong Thạnh Thượng, quận Chợ Mới.

Về phía cách mạng, đến ngày 6/3/1948, tỉnh Long Châu Tiền được thành lập, gồm các huyện⁽¹⁾: Tân Châu, Phú Châu, Hồng Ngự, Chợ Mới, Lấp Vò. Sau đó, do yêu cầu chiến trường, hai tỉnh Sa Đéc và Long Châu Tiền nhập lại thành Long Châu Sa, do Nghị định số 173/NB ngày 27/6/1951 của Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ, gồm các huyện Châu Thành, Lai Vung, Cao Lãnh, Chợ Mới, Lấp Vò, Tân Hồng, Tân Châu, Phú Châu. Phần đất Tam Nông thuộc huyện Chợ Mới. Tháng 9 năm 1954, ta lập lại tỉnh Long Xuyên, trong đó, có huyện Phong Thạnh Thượng, vùng đất Tam Nông nằm trong huyện này...

5. Tam Nông trong thời kháng chiến chống Mỹ (1955 - 1975)

Hai năm sau khi hòa bình lập lại, nhằm mục đích thống trị lâu dài miền Nam, chánh quyền tay sai Ngô Đình Diệm ấn định lại địa giới, đặt tên mới cho các tỉnh ở miền Nam. Với sắc lệnh số 22-NV ngày 17/02/1956, tỉnh Phong Thạnh được thành lập, gồm ba quận Cao Lãnh, Hồng Ngự và Phong Thạnh Thượng (trước là một tổng của quận chợ Mới, tỉnh Long Xuyên).

Nhưng liền sau đó, bằng Nghị định số 143-NV ngày 22/10/1956, tỉnh Phong Thạnh được cải thành Kiến Phong với địa giới như trước, gồm bốn quận: Cao Lãnh (của Sa Đéc), Hồng Ngự (Châu Đốc), Thanh Bình (tổng Phong Thạnh Thượng của Long Xuyên) và quận Mỹ An lập vào tháng 7/1957.

Từ 1957 đến 1959, trên địa bàn tổng Phong Thạnh Thượng (sau là quận Thanh Bình) chánh quyền Ngô Đình Diệm cho hình thành bốn điểm dinh điền: Hồng Ngự, Đôn Phục, Phước Xuyên

⁽¹⁾ Đây là lần đầu tiên, chánh quyền cách mạng dùng từ "huyện" thay cho "quận"

và gầy Cờ Đen, với 11 khu. Đến tháng 6 năm 1959, bằng Nghị định số 675/NĐ/NV ngày 6/6/1959, chúng tách Thanh Bình ra làm hai quận:

- Quận Thanh Bình: gồm Cù Lao Tây (các xã Tân Huê, Tân Quới, Tân Long) và vạt đất ven sông Tiền của tổng Phong Thạnh Thượng.

- Quận Đồng Tiến: gồm xã An Long và phần đất sâu trong nội đồng của các xã Bình Thành, Tân Phú, Tân Thạnh (của tổng Phong Thạnh Thượng).

Trong 11 khu nói trên, Khu 1 thành lập khu dinh điền độc lập, Khu 7 chia về cho quận Mỹ An; còn lại 9 khu thuộc quận Đồng Tiến. Chín khu này bố trí thành 8 xã: An Long (Khu 1), Phú Thành (Khu 2), Phú Thọ (Khu 3), Phú Yên (Khu 4), Phú Cường (Khu 5), Phú Hưng (Khu 6), Phú Đức (Khu 8 và Khu 9), Phú Hiệp (Khu 10, 11 và 12) và Phú Bình⁽¹⁾ (vốn là xã Tân Phú B của Thanh Bình).

Trong khi đó về phía cách mạng, ta vẫn hoạt động theo địa giới hành chánh của địch. Đến năm 1959, ta thành lập huyện Thanh Hồng (ghép hai huyện Thanh Bình và Hồng Ngự). Qua năm 1960 lại tách ra và đến tháng 3/1961 nhập trở lại. Cho đến sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân 1968, do yêu cầu chiến trường, Trung ương cục chuẩn y cho tỉnh Kiến Phong thành lập huyện mới, tách ra từ huyện Thanh Bình vào ngày 15/5/1969⁽²⁾ lấy tên là Tam Nông, tên một huyện của tỉnh Phú Thọ, tỉnh kết nghĩa với Long Châu Sa trước đây.

⁽¹⁾ Theo Kiến Phong địa phương chí, 1974

⁽²⁾ Một vài nhân chứng nhớ thành lập huyện Tam Nông vào tháng 9/1969

Địa giới của huyện Tam Nông lúc đầu theo địa giới của quận Đồng Tiến. Sau điều chỉnh, đổi tên xã Phú Bình thành Tân Công Sính.

Đến tháng 8/1974, do yêu cầu cách mạng chuyển sang giai đoạn mới, Trung ương Cục chủ trương giải thể tỉnh Kiến Phong và An Giang, để thành lập tỉnh Sa Đéc và Long Châu Tiền. Trong đó, tỉnh Long Châu Tiền gồm các huyện: Hồng Ngự, Thanh Bình, Tam Nông (của Kiến Phong), Tân Châu, An Phú, Phú Tân A, Phú Tân B (của An Giang).

6. Tam Nông sau năm 1975

Sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam và thống nhất Tổ quốc, để đáp ứng yêu cầu xây dựng đất nước, tháng 12/1975 tỉnh Đồng Tháp được thành lập, trên cơ sở ghép tỉnh Sa Đéc và một phần tỉnh Long Châu Tiền; với quan điểm "mỗi huyện là một pháo đài" cần một diện tích lớn, dân đông để có thể tự lực về mọi mặt, nên Thanh Bình và Tam Nông nhập lại thành một huyện với tên là Tam Nông, huyện lỵ đặt tại thị trấn Thanh Bình. Tuy nhiên, một thời gian sau, đứng trước yêu cầu cấp thiết là tiến công khai thác ĐTM, nên một lần nữa theo Quyết định số 13-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 23/3/1983, huyện Tam Nông được tái lập, với địa giới cũ; sau đó tách một phần xã Tân Công Sính ra lập thị trấn Tràm Chim. Ngày 23/9/1994, Chánh phủ ra Nghị định số 100, tách một phần xã Tân Công Sính, Phú Cường... lập thêm xã Hòa Bình.

Suốt quá trình diên cách (thay đổi địa giới hành chánh) trên cho thấy hai huyện Thanh Bình và Tam Nông thường xuyên gắn bó nhau trên bốn thôn khai phá đầu tiên trong thời khai hoang lập ấp: Tân Thạnh, An Long, An Phong và Tân Phú sau trở thành

tổng Phong Thạnh Thượng. Huyện Thanh Bình chiếm phần lớn vạt đất ven sông Tiền, còn đất Tam Nông phần lớn thuộc vùng sâu trong nội đồng của tổng này.

II. TÌNH HÌNH CƯ DÂN VÀ TÔN GIÁO

Hòa theo dòng lưu dân vào Nam trong các thế kỷ XVII, XVIII, một số lưu dân gốc miền Trung (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định...) theo đường sông Tiền đến cư ngụ trên Cù Lao Tây và vạt đất giồng ven sông Tiền. Đó là đợt di dân đầu tiên khai phá vùng Phong Thạnh Thượng và Cù Lao Tây. Đến cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX đã hình thành nên một số thôn cư: Tân Hưng (Cù Lao Tây), An Long, Tân Thạnh, Tân Phú, Tân Mỹ, Tân Khánh và An Phong... Đến nay không còn tư liệu về số lượng cư dân vào thời này.

Đến đầu thế kỷ XX, trên địa bàn Phong Thạnh Thượng đã phát triển được thêm hai làng mới là: An Thành, An Phú. Như vậy, đến thời điểm này trên địa bàn huyện Tam Nông ngày nay, có ba làng và phần hậu bồi của hai làng Tân Phú và Bình Thành. Dân cư được phân bố như sau:

- Làng An Long: 1.273 người ⁽¹⁾.

- Làng An Phú: 569 người ⁽²⁾.

- Làng An Thành: 175 người

Và hai làng nằm trong vùng hậu bồi:

- Bình Thành: 2.363 người.

- Tân Phú: 3.675 người ⁽³⁾.

⁽¹⁾ *Monographie de la province de Châu Đốc*

⁽²⁾ và ⁽³⁾ *Monographie de la province de Long Xuyên.*

Đó là dân số riêng lẻ từng làng, còn chung cả tổng Phong Thạnh Thượng, thì số dân đình (đàn ông từ 18 tuổi đến 45 tuổi), diễn biến như sau:

Năm	1901	1905	1912	1913	1922	1923	1931
Người	2.802	2.319	3.310	2.310	3.864	3.862	4.685

(* Nguồn: *Annuaire générale de l'Indochine* và *Annuaire administratif de l'Indochine*)

Vào các năm 1946, 1947, để trốn tránh cuộc tàn sát do một số tín đồ Phật giáo Hòa Hảo (PGHH) quá khích do bọn phản động xúi giục nổi dậy, một số đồng dân cư (có cả đồng bào theo PGHH) ở quận Chợ Mới trốn tránh vào ĐTM, rồi định cư luôn, góp phần làm gia tăng dân số khu vực Phong Thạnh Thượng.

Đến tháng 6/1959, ngụy quyền Sài Gòn đưa một số giáo dân đạo Thiên Chúa vào Thanh Bình để thành lập quận Đồng Tiến (huyện Tam Nông của ta sau này), với 8 xã: diện tích và dân cư được phân bố như sau:

Quận Đồng Tiến có diện tích 618,3km² và 43.614 người, chia ra:

- An Long: 40,2km² - 10.051 người
- Phú Cường: 115,6km² - 7.856 người
- Phú Đức: 115,0km² - 3.052 người
- Phú Hiệp: 74,0km² - 5.528 người
- Phú Hưng: 76,6km² - 5.798 người

- Phú Thạnh: 100,0km² - 3.754 người

- Phú Thọ: 23,4km² - 2.515 người

- Phú Yên: 33,5km² - 5.066 người ⁽¹⁾

Đến năm 1974, dân số là 51.130 người ⁽²⁾.

Chính do các đợt di dân cơ học, bên cạnh đợt di dân cơ chế trong lịch sử cư dân Tam Nông làm cho tình hình tôn giáo ở đây khá đa dạng. Toàn huyện có 4.192 hộ có đạo với 26.436 tín đồ, chiếm tỷ lệ 36,33% dân số, đứng thứ 3 so các huyện trong tỉnh. Số tín đồ phân bố như sau: PGHH 10.480 (đứng thứ 5 trong tỉnh), Thiên Chúa: 7.693 (đứng thứ 2 trong tỉnh), Đạo Phật: 6.114, Cao Đài: 1.832, Tin Lành: 83, Bửu Sơn Kỳ Hương: 1189 (đứng đầu trong tỉnh), Tứ Ân Hiếu Nghĩa: 284 ⁽³⁾.

Phần lớn đồng bào theo PGHH đều cư ngụ ở các vùng ven sông rạch, họ là hậu duệ của những người cư ngụ lâu đời địa phương. Còn tín đồ đạo Thiên Chúa, đa số cư ngụ trong vùng sâu, họ bị đưa đến cư ngụ ở đây khi thành lập quận Đồng Tiến (1959). Đây là một đặc điểm tôn giáo ở Tam Nông, khác với hai huyện bên cạnh là Thanh Bình và Hồng Ngự. Cộng đồng tín đồ Thiên Chúa giáo xuất hiện ở Tam Nông nằm trong âm mưu dùng tôn giáo để chống Cộng của Mỹ - Diệm. Song, trước chánh sách đoàn kết dân tộc và chánh sách tôn giáo đúng đắn của cách mạng âm mưu này đã bị bẻ gãy.

⁽¹⁾ Theo Bản đồ Nha Địa dư Quốc gia (Sài gòn) ấn hành 1971.

⁽²⁾ Kiến Phong Địa phương chí 1974.

⁽³⁾ Điều tra Tôn giáo và Tín ngưỡng - Đồng Tháp năm 1995.

III. VÀI NÉT VỀ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG

Bên cạnh những nét chung của văn hóa truyền thống Việt Nam ở Nam Bộ, Tam Nông còn có một số nét riêng, mang đặc trưng văn hóa vùng ĐTM.

Chính điều kiện tự nhiên của ĐTM, cư dân và xã hội ổn định trong một thời gian lâu dài ở vùng Phong Thạnh Thượng là một trong các yếu tố cơ bản quy định các đặc điểm của văn hóa truyền thống ở địa phương. Vùng ven sông Tiền của Phong Thạnh Thượng là nơi cư dân địa phương cư ngụ lâu đời, được coi như là trung tâm ra đời và định hình các định chế văn hóa truyền thống trên vùng đất Tam Nông ngày nay.

Ngoại trừ xã An Long, các xã còn lại trong huyện đều thành lập sau này, nên mỗi xã dù có đình làng, nhưng không có sắc phong, và đặc biệt là đều thờ phượng Thiên Hộ Dương hoặc Đốc Binh Kiều với tư cách là thần Thành hoàng bốn cảnh. Đình làng An Long ngày nay còn giữ được sáu lá sắc (sắc phong): Ba lá cho *"Thần Hoàng bốn cảnh"*, ba lá cho *"Đại càn quốc gia Nam hải tứ vị tôn thần"*.

Phần lớn các thôn ở Nam Bộ được thành lập trước khi thực dân Pháp xâm chiếm (1862) đều được cấp sắc cho thần Thành hoàng, một vị thần phù trợ cho dân cư làm nghề nông. Một số thôn, cá biệt là các thôn ven ĐTM mà làm nghề khai thác cá đồng thì được cấp thêm sắc *Đại càn*. Riêng thôn An Long có tới 300 khẩu đũa (nhiều nhất so với các thôn khác ở ĐTM).

Cứ liệu này cho thấy nguồn lợi cá ở đây vô cùng quan trọng, nó chẳng những là sinh hoạt chủ yếu trong đời sống kinh tế, mà

còn có tác động không nhỏ đến việc hình thành phong tục, tập quán của nhân dân địa phương. Nếu như ở các thôn chuyên nghề nông, có tục cúng *hạ điền* và *thượng điền* tương ứng với thời vụ sản xuất và được triều đình cấp sắc cho thần thành hoàng, thì một số thôn ven sông Tiền, như An Long, Phú Thành lại có tục cúng "Cầu ngư" vào thời điểm cá rút ra sông tức vào tháng 10 âm lịch. Đặc biệt, ở xã Phú Thành mặc dù không có sắc Đại càn, nhưng vẫn có tục cúng Cầu ngư vào mùa nước rút và trong khuôn viên đình làng có hai miếu nhỏ trước sân đình, gọi là "bài ngư" và "bài bộ". Chi phí cúng tế do các sai viên (hộ chuyên nghề cá, cũng có thể hiểu là người đầu thầu thủy lợi) hùn nhau đóng góp. Hình thức tế lễ mỗi nơi có khác nhau; song, nội dung tín ngưỡng cầu ngư vẫn thể hiện niềm ước mong có nhiều cá. Thường trong cúng tế có cảnh bóng rỗi (múa bóng). Vừa múa, bà bóng vừa đọc bài kệ tùy theo hoàn cảnh mà mời các vị thần thích hợp về chứng kiến buổi lễ và ban phước lành cho dân làng. Tục lệ này ngày nay đã mai một.

Ở Tam Nông còn lưu truyền các giai thoại, chuyện thần kỳ, chuyện tích về ông Phòng Biểu (Nguyễn Văn Biểu), Thiên Hộ (Võ Duy Dương), ông Thầy Rắn, Bưng Sáu Hì.... Ghi lại những tấm gương lao động, chiến đấu chống thú dữ, chống ngoại xâm... trong buổi đầu khai hoang. Hàng năm vào mùa cấy lúa, tát đìa,... dân cư ở vùng Cái Bè, Cai Lậy... kéo đến làm thuê, mang theo tiếng hát câu hò, phối hợp với sinh hoạt văn nghệ dân gian tại chỗ trong lao động hình thành một loại hò, được gọi là hò Đồng Tháp.

Trong buổi đầu khai hoang, lưu dân tiên phong đến ĐTM đã cải tiến và sáng tạo ra một số công cụ lao động phù hợp với hoàn cảnh tự nhiên ở địa phương. Cây phảng và cây cù nèo là hai công cụ khai hoang đắc lực nhất. Lúc mới khai hoang hoặc trong những năm thất mùa lúa, dân Tam Nông đã cải tiến chiếc xuồng ba lá dùng đi đập lúa trời. Chiếc xuồng trở thành người bạn thân thiết, gắn bó trong cuộc sống hàng ngày của người dân ĐTM và cả vùng sông nước Nam Bộ. Riêng ở ĐTM chiếc xuồng với cây sào chống trở thành một hình ảnh tiêu biểu cho sinh hoạt đặc trưng của vùng đồng nước. Khai thác cá là nghề truyền thống đặc trưng của cư dân ĐTM nói chung, Tam Nông nói riêng. Đào đĩa tát cá, đào mương xây rọ,... dùng xe trâu, cộ trâu để chở cá bắt được từ trong đồng ra bờ rạch, bờ sông, rồi chuyển cá xuống ghe đục... chở đi xa tiêu thụ là nét riêng của nghề cá ở đây. Nghề làm mắm, làm khô (cá khô) thu hút khá nhiều cư dân vùng Tam Nông và trở thành nghề truyền thống.

Cuộc sống chung của nhiều tộc người và cũng đều là người Việt Nam với nhau, đến từ các quê gốc khác nhau, mà sự hiện diện của họ trên vùng đất này, xuất phát từ những nguyên nhân, hoàn cảnh, thời điểm khác nhau; tất yếu gây nên những xáo trộn nhất định trong đời sống vật chất cũng như tâm linh... đối với từng nhóm người; song, sự quần cư đó dần dần hình thành trong cộng đồng người Việt, khả năng và sức mình hội tụ văn hóa trong đời sống vật chất cũng như tinh thần. Nên không lạ gì khi thấy bên cạnh đình làng thờ thần Thành hoàng bốn cảnh của người Việt, là miếu bà chúa Xứ (xuất phát từ tín ngưỡng Chăm); bên cạnh việc thờ cúng Ông Địa trong nhà, có miếu thờ Ông Tà ngoài bờ ruộng

(một loại "thần đất" của người Khmer); bên cạnh cái nhà nền đất đắp cao là nhà sàn; bên cạnh chiếc ghe tam bản, chiếc xuống ba lá là chiếc xuống cui (đầu to, đầu nhỏ), gợi lại hình ảnh chiếc thuyền độc mộc bằng thân cây thốt nốt của người Khmer; bên cạnh cái phăng của người Khmer là cái phăng cổ cò cong 90^0 Những điều đó cho thấy sức sống đa dạng, phong phú đầy trí tuệ và ý chí của người Việt trong vùng đất mới, có bản lĩnh chọn lọc, cải tạo cái cũ, tiếp thu cái mới trên cơ sở kế thừa vốn văn hóa truyền thống để thích nghi với môi trường thiên nhiên và hoàn cảnh xã hội đương đại, trong điều kiện hoàn toàn tự phát, đầy tính dân gian, không có chủ trương chánh qui của Nhà nước phong kiến lúc bấy giờ.

Phần thứ hai

TAM NÔNG QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ

(TKXVIII - 1975)

Chương một

**Nhân dân Tam Nông trong buổi đầu khai hoang
lập ấp, đấu tranh chống phong kiến và ngoại xâm**
(TK XVIII - 1930)

I. DIỄN TRÌNH KHAI HOANG VÀ ĐỜI SỐNG TRONG BUỔI ĐẦU MỞ CỎI

Trong "***Chân Lạp phong thổ ký***" của Châu Đạt Quan ⁽¹⁾, trong mục sơn xuyên (núi, sông), có viết:

"Bắt đầu vào Châu Bồ (tức Vũng Tàu) hầu hết cả vùng đều là bụi rậm của khu rừng thấp, những cửa rộng của con sông lớn chạy dài hàng trăm lý, bóng mát um tùm của những cây cổ thụ và cây mây dài tạo thành chỗ trú ẩn xum xuê. Tiếng chim hót và tiếng thú vật kêu vang dội khắp nơi. Vào nửa đường trong cửa sông, người ta thấy lần đầu cánh đồng ruộng bỏ hoang, không có một gốc cây nào. Xa hơn tầm mắt chỉ toàn là cỏ kê đầy dẫy. Hàng trăm, hàng ngàn trâu rừng tụ họp từng bầy trong vùng này. Tiếp đó, nhiều con đường dốc đầy tre chạy dài hàng trăm lý. Tại mắt loại tre này có gai mọc và măng thì có vị đắng....".

⁽¹⁾ Châu Đạt Quan: *Chân Lạp phong thổ ký*, bản dịch của Lê Hương, Kỷ nguyên mới xb, S.1973, tr.80.

Cả đoạn văn trên cho thấy đúng là tác giả tả cảnh Nam Bộ thuở ấy (tác giả đi thuyền ngang qua đây vào tháng 9 năm 1296 và trở về vào tháng 07 năm 1297). Đến nửa đường trong cửa sông thì rõ ràng là cảnh hoang vu của vùng ĐTM với cánh đồng bỏ hoang, cỏ kê ngút ngàn và hàng ngàn trâu rừng tụ họp thành đàn... Điều đó cho thấy là đến cuối thế kỷ XIII, ĐTM và cả Nam Bộ vẫn còn hoang vắng.

Đến ngày nay, còn một ít dấu vết và tư liệu cho thấy đến thế kỷ XVII, XVIII, lưu dân người Việt, từ miền Trung đã vào đến định cư trên vùng đất giống mầu mỡ ở hai bờ sông Tiền và ĐTM. Trên Cù Lao Tây, ở các vàm sông Bạch Ngưu (Trâu Trắng), Đốc Vàng Thượng, rạch Cái Tre, rạch Trà Bồng Đại, rạch Trà Bồng Tiểu, rạch Ba Răng, ngọn Bùng Binh, rạch Láng Chim Dài... (tức vùng tổng Phong Thạnh Thượng) đã có lưu dân đến phá rừng, vỡ hoang, đánh bắt thủy sản, khai thác lâm sản.

Đến đầu thế kỷ XIX vùng này đã hình thành được sáu thôn là An Long, Tân Thạnh, Tân Phú, Tân Mỹ, Tân Khánh và An Phong ⁽¹⁾. Nhưng do cuộc sống trong buổi đầu khai hoang quá vất vả, khổ cực, lại thêm ngoài vạt đất giống ven sông là mầu mỡ, còn sâu trong nội đồng là vùng đất trũng thấp, nhiễm phèn nặng, canh tác lúa không kết quả ngay trong những vụ đầu. Đến năm 1836, khi triều đình Huế tiến hành đo đạc làm địa bạ, thì các thôn trên chỉ còn lại bốn thôn là An Long, Tân Thạnh, Tân Phú và An Phong. Trong đó chỉ có thôn An Long ngày nay nằm trọn

⁽¹⁾ Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí, tập Hạ, tr.59*

ven trong huyện Tam Nông. Còn ba thôn kia, phần đất ven sông Tiền thuộc huyện Thanh Bình, chỉ có phần đất trong nội đồng ĐTM là thuộc Tam Nông.

Đến đầu thế kỷ XX, trên địa bàn huyện Tam Nông đã phát triển được thêm hai làng mới là: An Thành, An Phú. Như vậy, đến thời điểm này trên địa bàn Tam Nông có ba làng và phần hậu bối của hai làng Tân Phú và Bình Thành (của quận Chợ Mới lúc ấy).

Do điều kiện thổ nhưỡng và thủy văn, nên tiến độ khai khẩn khu vực ĐTM nói chung rất chậm. Lưu dân bám lấy vạt đất giống ven sông, vì vào trong năm, ba cây số thì gặp chằm Mãng Trạch (tức ĐTM), đất trũng thấp, nhiều phèn... khai phá canh tác không hiệu quả. Sách Gia Định thành thông chí chép rõ: *"Từ cửa sông Cần Lố đi về phía Bắc 25 dặm thì hết. Dân cư thưa thớt, lùm tre rậm rạp liên tiếp thành rừng, nhiều cây bách bì (tức cây tràm) và cỏ lát"*. Còn đi ngược lên phía thượng lưu ở lưu vực rạch Bạch Ngưu (Trâu Trắng), Huỳnh Kim Thượng đà (rạch Đốc Vàng Thượng), Huỳnh Kim Hạ đà (rạch Đốc Vàng Hạ), thì... *"Từ cửa sông đi về phía Bắc 40 dặm đến chằm lớn (tức ĐTM) dân cư thưa thớt"*⁽¹⁾. Lại thêm muỗi, đĩa, rắn độc... nên có nhiều nơi khai khẩn rồi, song canh tác không hiệu quả, lại bị hoang hóa. Trong cuộc chiến tranh Tây Sơn - Nguyễn Ánh, ở vùng có giao tranh, dân bỏ ruộng vườn, xóm làng thành gò hoang cỏ mọc. Sau chiến tranh (từ năm 1790), trong khi cuộc khẩn hoang, sản xuất nông nghiệp khắp nơi ở Nam Kỳ đều có một bước phát triển lớn do chánh sách của Nguyễn

⁽¹⁾ Trịnh Hoài Đức: *Sdd*, tr.63

Ánh; thì ở khu vực này, điều kiện vật chất, kỹ thuật và nhân sự của lưu dân lúc bấy giờ chưa cho phép họ trụ lại trên địa bàn sinh lầy trũng thấp này bằng hoạt động sản xuất nông nghiệp, nên sinh hoạt kinh tế chủ yếu ở đây là khai thác các nguồn lợi tự nhiên: đánh bắt cá, bắt ong, đồn củi, đốt than...

Do vậy, nên tốc độ khẩn hoang ở ĐTM diễn ra rất chậm. Theo bảng giới hành chánh Nam Kỳ do Trịnh Hoài Đức lập vào khoảng năm 1820, tổng Kiến Phong (của huyện Kiến Đăng, trấn Định Tường), bao trùm cả chằm Măng Trạch (vùng ĐTM) chạy dài từ sông Mỹ Lương (rạch Cái Thia) lên đến tận sông Hiệp Ân (rạch Hồng Ngự), Thảo Đà (rạch Cái Cỏ) chỉ lập được 43 thôn; trong đó có 21 thôn ⁽¹⁾ thuộc phần đất của Đồng Tháp ngày nay. Như vậy, cho đến hai thập niên đầu của thế kỷ XIX, khu vực phía Bắc sông Tiền của tỉnh, cư dân chỉ tập trung ở ven sông Tiền, trải dài từ Rạch Ruộng đến biên giới. Riêng ở khu vực biên giới, tình hình cư dân diễn ra có khác hơn. Trong những năm 1731 rồi 1754, do yêu cầu bảo vệ biên giới, binh đội chúa Nguyễn nhiều lần hành quân từ sông Bát Chiên (Vàm Cỏ Tây), Thảo Đà (rạch Cái Cỏ), Phiếm Gia (rạch Cái Cái) ra rạch Diện Hầu Hạ (Sở Hạ), Diện Hầu Thượng (Sở Thượng) rồi qua rạch Hiệp Ân (rạch Hồng Ngự) ra sông Tiền. Năm 1757, để củng cố tuyến phòng thủ biên giới, chúa Nguyễn cho xây dựng lại hệ thống các thủ sở: Tân Châu, Hồng Ngự (đồn thủ Châu Đốc kiêm quản), còn Thông Bình, Phong Kha Minh (do đồn thủ Tuyên Oai kiêm quản); hệ thống này xuyên qua đất Hồng Ngự - Tân Hồng ngày nay. Vào

⁽¹⁾ Trịnh Hoài Đức: *Sđd, tập Trung, tr.58-59*

thời điểm này, thủ sở Hùng Ngự còn đóng ở vàm Đốc Vàng (thuộc xã Tân Thạnh, huyện Thanh Bình ngày nay), thủ sở Thông Bình đóng thôn Vĩnh Thạnh (huyện Kiến Hưng, trấn Định Tường), nhưng do càng về cuối thế kỷ XVIII, dân cư càng tập trung về khu vực rạch Phiếm Gia (Cái Cái) để khẩn ruộng (chủ yếu là khai thác nghề cá) ngày một đông hơn ở Tuyên Oai, nên vào năm 1819, thủ sở Thông Bình được dời về trên địa bàn xã Thông Bình hiện nay *"Thủ sở mới Thông Bình nằm phía Đông Phiếm Gia chu vi 59 trượng, cao 4 thước. Đến năm Thiệu Trị nguyên niên (1841), đắp thêm một lũy dài 40 trượng 4 cao 5 thước"* ⁽¹⁾. Từ đó Thông Bình trở thành một tụ điểm cư dân quan trọng về kinh tế lẫn quốc phòng, tại đây, người Việt chung sống với người Hoa, người Khmer, người Chăm ... chủ yếu là *"khai thác sản vật của núi rừng, hồ ao"* và buôn bán các sản vật đó. Dưới thời Thiệu Trị (1840 - 1847) có nhiều "thổ dân, thổ mục" người Khmer tới làm ăn sinh sống chung quanh thủ sở Thông Bình, rồi xin ở lại luôn chớ không chịu về Chân Lạp; đến năm 1853, dưới thời Tự Đức lại có thêm một số nữa đến sinh sống. Sự gia tăng cơ học trong dân số do việc di trú của nhiều nhóm cư dân có nguồn gốc khác nhau và trong nhiều thời điểm, hoàn cảnh khác nhau có thể gây ra những xáo trộn nhất định về mặt xã hội; song chính sự qui tụ đó dần dần đã hình thành khả năng và sức mạnh mới trong cuộc sống vật chất lẫn tinh thần của cộng đồng người Việt ở vùng biên giới.

⁽¹⁾ Đại Nam nhất thống chí - Lục tỉnh, Nam Việt, tập Trung, tr.21

Đại bộ phận lưu dân đến khai phá khu vực Phong Thạnh Thượng (thuộc Thanh Bình và Tam Nông) thuộc gốc người Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định... Họ mang theo tên đất, tên người ở quê cũ vào đặt cho vùng đất mới, những địa danh: Trà Bồng Tiểu, Trà Bồng Đại ⁽¹⁾, Đốc Vàng Thượng, Đốc Vàng Hạ... ⁽²⁾ Lúc lưu dân đến ĐTM, một số giếng, gò nổi lên mặt nước như cù lao, nên ngày nay còn có những địa danh: giếng Cù lao Bang, giếng Cù lao Vung, giếng Cù lao Dài, tràm Cù lao Vung...

Ngoài những đợt di dân tự phát và chuyển cư tại chỗ, trong diễn trình khai hoang lập ấp, Đồng Tháp Mười còn tiếp nhận nhiều đợt di dân cơ chế, gồm có binh lính, tù phạm (số ít) và dân nghèo được chiêu mộ (đa số), đến khai phá dưới hình thức lập đồn điền do nhà nước đương thời tổ chức. Năm 1802, sau khi lên ngôi, Gia Long cho lập đồn điền nhiều nơi ở Phước Long (Biên Hòa), Tân Bình (Gia Định), Định Viễn (Vĩnh Thanh), Kiến An (Định Tường), Đồng Tháp Mười ở trong khu vực này. Lúc bây giờ, có hai loại đồn điền:

- Loại 1 do nhà nước bao cấp, giao cho quân đội của triều đình phụ trách.

⁽¹⁾ Trà Bồng là tên một con sông ở Quảng Ngãi.

⁽²⁾ Theo tác giả Nguyễn Hữu Hiếu trong "Tìm hiểu địa danh Nam Bộ", Nxb. KHXH, 2004 thì địa danh Đốc Vàng do lưu dân Quảng Ngãi lấy tên Đê đốc Hoàng Công Thiệu, người thôn Lộ Bôi, huyện Mộ Đức, Quảng Ngãi, một võ tướng dưới triều chúa Nguyễn Phước Khoát (1738-1765) có công lớn trong việc khai hoang, làm thủy lợi... được nhân dân cảm mến. Về sau, khi dẹp giặc Mọi, ông hy sinh, được nhân dân lập đền thờ tưởng nhớ. Nay đền thờ còn ở xã Minh Lâm, gọi là đền thờ Đê đốc Hoàng. Khi vào vùng Phong Thạnh Thượng, lưu dân Quảng Ngãi lấy tên Đê đốc Hoàng đặt cho hai con rạch. Đê đốc Hoàng lâu ngày nói trại đi thành Đốc Hoàng rồi Đốc Vàng (tr.108-109).

- Loại 2, cũng do nhà nước bao cấp, nhưng người phụ trách đồn điền là dân chiêu mộ, được biên chế thành đội ngũ.

Đất đai khai thác được ở cả hai loại đều thuộc quyền sở hữu của nhà nước; chỉ khác là ở loại hai, người trực tiếp khai thác được chia phần sản phẩm do mình làm ra; còn ở loại một, toàn bộ do nhà nước quản lý. Trong thực tế, dưới triều Gia Long, đồn điền có xu hướng phát triển theo loại một. Sang triều Minh Mạng đồn điền được quân sự hóa. Trước đó, tên đồn điền được gọi theo tên hành chánh địa phương, nhưng từ năm 1822, đồn điền được mang phiên hiệu quân đội. Đến năm 1840, chủ trương lấy đất đồn điền cấp cho nông dân để tăng nguồn thu thuế điền, đã làm cho nông dân một số nơi nổi loạn. Nguyên trước nay, trong quá trình khai hoang lập đồn điền, một số đất tư nhân bị bao chiếm, nay đất ấy không cấp lại cho chủ cũ. Vì vậy, khi lên ngôi, vua Thiệu Trị lập tức cho giải tán đồn điền ở Nam Kỳ và cho phép nông dân tự động khai hoang lập ấp dưới hình thức dân sự.

Dưới triều Tự Đức, năm 1853, Kinh lược sứ Nguyễn Tri Phương nhận thấy ở Nam Kỳ còn nhiều nơi hoang hóa, như ở Hà Tiên, An Giang, Định Tường trong đó có vùng Đồng Tháp Mười, nên đề nghị cho khẩn hoang để *"giữ giặc, yên dân"*. Kết quả sau một năm, Định Tường lập được 6 cơ đồn điền (Tường Kiên, Tường Nhuệ, Tường Uy, Tường Võ...) và 9 ấp; An Giang lập được hai cơ là An Vũ, An Dũng và 24 ấp. Đến nay chưa rõ các cơ đồn điền trên thuộc địa phương nào trong tỉnh Đồng Tháp. Song, cơ đồn điền Tường Võ chắc chắn thuộc địa phận Đồng Tháp Mười của tỉnh ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Theo bia Tiền hiền làng Mỹ Trà ở Phường 2, TP. Cao Lãnh

Cũng như các nơi khác ở Nam Kỳ, ruộng ở vùng Phong Thạnh Thượng có 03 loại.

- Sơn điền: không phải là ruộng núi, mà là ruộng có chân đất cao, ruộng trên gò, giồng... ở ven bờ sông Tiền. *"Lúc đầu khai khẩn chặt cây cối, đốt thành phân tro, khi mưa trồng lúa, không cần cày bừa, dụng ít mà được bội lợi. Trong ba bốn năm thì đổi chỗ khác, cũng như "qua đai điền pháp thời Hán Triệu" vậy mà cũng là phương pháp "đao canh hỏa nậu" (đốt cháy cỏ rồi mới trồng lúa). Lại có chỗ ruộng thấp mà nghiệp chủ trượng làm sơn điền lâu đã thành thực, thì cày bừa như thảo điền"* ⁽¹⁾.

- Thảo điền: là ruộng thấp, ngập nước có nhiều cỏ lác. *"Ruộng này lung lất bùn lầy, lúc nắng khô nứt nẻ như vỏ mu rùa có hông hồ lớn, đợi có mưa đầy đủ dầm thấm, nhiên hậu mới hạ canh, mà trâu cày chỉ lựa con khỏe mạnh, móng chân cao mới kéo cày được, nếu không vậy thì ngã ngập trong bùn không đứng dậy nổi"* ⁽²⁾.

- Ruộng bào: cũng là thảo điền, nhưng đất không tốt bằng, nên phải cày đất, gieo mạ vào tháng tám và thu hoạch vào tháng chạp.

Do phần lớn ruộng đất là thảo điền, ruộng ngập nước và có nhiều cỏ lác lúc đầu khai hoang không phải cày bừa, mà chỉ phát cỏ rồi cấy lúa. Nên phát cỏ chẳng những là khâu chủ yếu trong khai hoang mà còn là một khâu cực kỳ quan trọng trong mỗi chu kỳ canh tác. Do đó, mọi công dân ĐTM đều phải biết phát cỏ. Cái phăng và cây cù nèo cào cỏ trở thành công cụ chính, thay cho

⁽¹⁾ Trịnh Hoài Đức: *Sdd*, tr.30-31

⁽²⁾ Như trên

cái cày và chủ yếu dựa vào sức người. Vì ruộng thấp và ngập nước, nên ngay từ buổi đầu, nông dân Đồng Tháp Mười đều áp dụng kỹ thuật cấy lúa. Trước hết gieo mạ hay dùng mạ non ngâm (cấy tạm) trên ruộng cạn. Được một thời gian thì nhổ lên hay dùng dao bứng lên, rồi tét ra thành nhiều tép nhỏ cấy xuống ruộng sâu đã phát cỏ. Bí quyết thành công là chọn đúng thời điểm cho các công đoạn: nhổ mạ đúng lúc (không quá già), cấy đúng lúc (nước lên chưa cao). Ruộng mới phát, gốc cỏ chưa kịp mục rữa, không thể cấy trực tiếp bằng tay, mà phải cấy bằng nọc theo kiểu cấy hai người đi tới. Người trước xóc nách hai cây nọc lớn và dài đi tới theo lối đi "cà kheo". Người đi sau lấy mạ nhét vào lỗ nọc ⁽¹⁾

Ngoài công việc nặng nhọc là khai hoang, lưu dân tiền phong ở Đồng Tháp còn phải biết chọn giống lúa phù hợp với điều kiện khí hậu và đất đai tại chỗ.

Ngoài lúa, lưu dân còn trồng nhiều loại thổ nghi khác. Ở lưu vực sông Bạch Ngưu (rạch Trâu Trắng), rạch Đốc Vàng Thượng, Đốc Vàng Hạ, Láng Chim Dài "đất ở đây giáp sông lớn, nhiều gò đất cao để trồng bông vải, dâu, mè, bí ngô, dưa hấu, bắp đỏ, khoai lang, thuốc lá, đậu nành, đậu trắng, đậu đen" ⁽²⁾.

Song, nguồn lợi chính trong buổi đầu khai hoang không phải là kết quả của việc trồng tủa, mà là khai thác cá. ĐTM là bồn trũng, là nơi cá tập trung khi mùa nước rút; có nhà nghiên cứu cho rằng ĐTM là một ngư trường ⁽³⁾, xét ra cũng không phải là quá

⁽¹⁾ Ngày nay, khi đào kinh mương, thỉnh thoảng người ta phát hiện loại nọc cấy này.

⁽²⁾ Trịnh Hoài Đức: *Sđd*, tập Thượng, tr.69

⁽³⁾ Cao Tự Thanh: *Địa chí Đồng Tháp Mười*, Nxb. CTQG, 1996

đáng. Trong sách Gia Định thành thông chí, Trịnh Hoài Đức mô tả: "Huyện Kiến Đăng từ phía đông đến phía tây tiếp giáp với biên giới Cao Miên có nhiều chằm ao hồ đầm, cá trạch dùng ăn không hết. Thường đến tháng 4, 5 mưa xuống nước tràn đồng, cá sinh trưởng đầy dẫy cũng có cỏ và nước, tuy sâu độ một tấc cũng có cá ở, đến tháng mười về sau hết mưa nước rút, cá lại ra sông, cho nên lệ có thu thuế cá gọi là thuế dự cấp, tùy theo người ta thuần mãi (đấu thầu) mới được hành nghề. Ở thượng lưu sông, người ta đắp bờ đập ngang, khiến cá không thể bơi ngược dòng lên bờ đập ấy được; lại ở giữa sông dựng tấm dăng bện kín bằng tre chặn ngang cản thận để bắt cá, đem bán cho người buôn, lấy giỏ tre lường (đong) cá, trữ cá trong ghe lớn, rộng, nuôi bằng nước ngọt mà thường thay được. Cá có nhiều chất nhớt, nên dễ nuôi mà sống được lâu, chủ cá thu được mỗi lợi rất nhiều. Lại có một dãy đất ở phía bắc kinh mới Tranh Giang, tuy trướng vào hạng điền, nhưng nghề nghiệp là đào ao nuôi cá để nạp thuế. Ấy là nguồn lợi sông chằm tự nhiên vô cùng vậy" ⁽¹⁾.

Ở vùng ĐTM cho đến giữa thế kỷ XX, nghề cá vẫn là hoạt động mang lại nhiều thu nhập đối với nông dân hơn nghề nông, và nghề này sớm trở thành nghề truyền thống ăn sâu vào nếp sinh hoạt hàng ngày của nhân dân trong khu vực. Đánh bắt, chế biến, buôn bán cá là những hoạt động kinh tế thường xuyên trong vùng trũng Đồng Tháp Mười - một ngư trường vô cùng phong phú. Tùy theo môi trường địa lý của từng nơi mà kỹ thuật đánh bắt khác nhau. Trên sông rạch thì đánh bắt bằng cách đóng đáy, xây nò, chày lưới... Đối với những nơi mật độ cá dày đặc, ngư dân

⁽¹⁾ Trịnh Hoài Đức: *Sđd*, tập Thượng, tr.69

không được quyền đánh bắt tự do mà phải thuận mãi (đấu thầu) theo sự phân chia từng khu vực (gọi là sở thủy lợi, tức là sở khai thác cá) của chánh quyền địa phương, được thầu phải nộp thuế, gọi là thuế dự cấp. Rạch Diện Hầu Thượng, nơi đóng các sở thủy lợi phía trên, nên có tên là Sở Trên, còn gọi là Sở Thượng. Rạch Diện Hầu Hạ, nơi đóng các sở thủy lợi dưới, gọi là Sở Dưới, còn được gọi là Sở Hạ. Đây là hai con rạch có nhiều cá ở vùng biên giới, vào năm 1795, đã có tới 68 sở thủy lợi ⁽¹⁾. Còn ở sâu trong nội đồng, người ta đào đìa để bắt cá. Hoạt động này được chú trọng hơn là cày cấy lúa. Năm 1837, toàn tỉnh Định Tường (cũng có nghĩa là toàn vùng ĐTM) có 1070 miệng đìa ⁽²⁾ (khẩu đìa) trong đó, tổng Phong Thạnh (nay thuộc địa phận các huyện Cao Lãnh, Thanh Bình, Tháp Mười, Tam Nông) chiếm hết 450 miệng ⁽³⁾. Riêng ở thôn An Long, ngoài các sông rạch còn có tới 300 khẩu đìa, trong khi chỉ có 31 thửa ruộng, 83 thửa đất trồng khoai đậu và 32 mảnh vườn. Điều đó cho thấy thôn An Long ngày xưa, được xem như tập trung 2/3 số lượng miệng đìa và là nơi sản xuất nhiều cá nhứt trong tỉnh. Trong mùa cá 1846 - 1847, nhân dân trong vùng An Long và ở hai khu vực rạch Sở Thượng, Sở Hạ và xứ Như Cương (khu vực Tân Thành, Cả Cái nay thuộc hai huyện Hồng Ngự và Tân Hồng), sẵn sàng đóng thuế cho Nhà nước 26.130 quan tiền, tương đương với mức thuế đánh trên 13.065 mẫu vườn hạng nhứt - theo quy định về thuế ruộng đất ở Nam Kỳ năm 1836 (2 quan/ mẫu/ năm) ⁽⁴⁾.

⁽¹⁾ Đại Nam thực lục tiền biên, tập 1, tr.143

⁽²⁾ Nguyễn Đình Đầu: Nghiên cứu Địa bạ Nam Kỳ-tỉnh Định Tường, Nxb TP.HCM, 1996, tr.212

⁽³⁾ Như trên

⁽⁴⁾ Đại Nam thực lục tập XXVI, tr.86-87 và tập XXVIII, tr.214

Cá đánh bắt được, thường bán tươi cho thương lái, họ dùng "ghe đục", một loại ghe chuyên dùng (tháo một đôi be ghe đối xứng, chần lưới sắt cho nước chảy ra vô trong ghe để giữ cá sống lâu) chở đi bán tận Mỹ Tho, Sài Gòn. Song cũng có nhiều nơi nông dân biết dùng muối để chế biến cá thành mắm, thành khô để bán lâu dài. Đáng chú ý là con cá Đồng Tháp Mười đã tạo ra ở đây một số nghề thủ công độc đáo như làm nước mắm, nấu dầu cá từ con cá linh; phổ biến nhất là ở lưu vực các rạch Trâu Trắng, Đốc Vàng... Nông dân địa phương còn biết tận dụng bả (xác) cá sau khi làm nước mắm hoặc nấu dầu để làm phân bón rẫy, ruộng vườn. Nước mắm và dầu cá sau khi chế biến được vô tĩn, vô thùng bán cho thị trường xa.

Ngoài nguồn lợi cá, trong khai thác sản vật thiên nhiên, lưu dân định cư ở khu Phong Thạnh Thượng còn khai thác tre rừng, trầm, mật ong... Sách Gia Định thành thông chí có mô tả: "*Ở sông Bạch Ngưu, Đốc Vàng và Hùng Ngự thì có rừng tre đều là vật hữu ích cho nhân dân*". Cây trầm, cây tre gắn bó với người khẩn hoang ngay từ buổi đầu. Dựng một căn chòi (lều, trại), làm một cái cán dao, cán búa, cán cuốc, một cây sào chống xuống ghe ... lưu dân đều dùng vật liệu có tại chỗ là cây tre, cây trầm. Cây tre có công dụng nhiều hơn. Cái lờ, cái lợp, cái đăng, cái dó... đến đôi đũa ăn cơm, người ta đều dùng tre. Cây tre còn kết lại làm bè để chuyên chở, đi lại, làm nhà bè nơi thị tứ, chợ búa và người ta còn dùng cả măng tre làm thức ăn...

II.- VÙNG ĐẤT TAM NÔNG DƯỚI THỜI PHONG KIẾN

1. Về tổ chức hành chánh

Sau chiến tranh Tây Sơn - Nguyễn Ánh trên đất Gia Định (1776-1790), tổ chức hành chánh trên vùng đất Đồng Tháp Mười từng bước ổn định. Phần đất của Đồng Tháp ngày nay nằm trong sự cai quản chánh quyền tỉnh An Giang (phủ Tân Thành) và Định Tường (phủ Kiến Tường). Dưới thời Minh Mạng (1820 - 1840), phủ trị Tân Thành và huyện trị Vĩnh An đóng tại thôn Vĩnh Phước (nay thuộc thị xã SaĐéc); phủ trị Kiến Tường và huyện trị Kiến Phong đóng ở thôn Mỹ Trà (nay thuộc thành phố Cao Lãnh). Ông Hồ Trọng Đính là vị phủ sau cùng của phủ Kiến Tường và Tân Thành. Huyện Kiến Phong gồm hai tổng Phong Phú và Phong Thạnh. Tổng Phong Thạnh gồm 11 thôn; vùng đất Tam Nông thuộc các thôn phía thượng nguồn sông Tiền của tổng (về sau thực dân Pháp tách ra lập ở đây một tổng gọi là Phong Thạnh Thượng)

Triều đình nhà Nguyễn chỉ bổ các quan cấp tỉnh, phủ, huyện; còn cấp tổng và thôn đều do dân cử ra, được cấp trên chuẩn nhận và cấp cho một ký (tức con dấu). Mỗi tổng có một cai tổng (hoặc chánh tổng) và một hoặc hai phó tổng được hội đồng hương chức các thôn cử ra, phụ trách việc thuế khóa, an ninh trật tự công cộng, đề điều thủy lợi.

Các thôn làng được quản lý bởi một hội đồng hương chức, với số lượng hương chức không cố định, gồm có hương chức trưởng và hương chức thứ:

- Hương chức trưởng: gồm có hương cả (người cao niên nhất), hương chủ, hương chánh, (hương chánh nhứt, hương chánh nhì), là ba hội viên chánh thức của hội đồng; hương lão (cố vấn hội đồng), hương sư (trung gian giữa thôn và quan trên), hương trưởng (cố vấn về việc thực hiện lệnh của quan trên), hương quản

(phụ trách an ninh trật tự); thôn trưởng (hoặc xã trưởng, giữ mộc ký), hương hào, hương thân (ba vị phụ trách việc hành chánh của thôn);

- Hương chức thứ: gồm hương lễ (phụ trách tổ chức nghi lễ), hương nhạc (phụ trách nhạc lễ), hương ẩm (phụ trách việc ẩm thực khi có tế lễ), hương văn (phụ trách việc soạn văn bản, đọc văn tế), thủ bộ (giữ sổ bộ thuế), thủ chỉ (giữ công văn, giấy tờ), thủ bốn (giữ tiền bạc), thủ khoán (quản lý sổ bộ công điền, công thổ...), câu đương (hòa giải các vụ tranh tụng trong thôn), cai đình (canh giữ đình làng).

Trong khuôn viên đình làng có một cái nhà vuông, nơi làm việc của các hương chức phụ trách công việc hành chánh, nên gọi là nhà việc. Còn hội đồng hương chức khi nhóm họp hoặc họp dân đều họp trong đình. Do đó đình làng đóng vai trò rất quan trọng trong sinh hoạt hương thôn; vừa là nơi làm việc của hương chức vừa là nơi thờ thần Thành hoàng, vừa là nơi tổ chức vui chơi giải trí trong các kỳ lễ kỳ yên, thượng điền, Tết...

, 2. Về ruộng đất

Dưới triều Minh Mạng (1820-1840), trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp ngày nay có 52.097 mẫu ta ruộng đất. Trong đó, chỉ có 1.785 mẫu là công điền; như vậy đất công chỉ chiếm 3,4%, thuộc vào vùng chiếm tỷ lệ thấp nhất ở Nam Kỳ. Trong khi đó đất công ở Vĩnh Long chiếm 12,73%, Hà Tiên 77,10%. Đất tư nhân còn lại là 50.312 mẫu, nằm trong tay 6.394 điền chủ. Bình quân sở hữu ruộng đất trong tỉnh là 7,4 mẫu ta/người.

Riêng ở vùng Phong Thạnh Thượng, với 4 thôn An Long, An Phong, Tân Phú, Tân Thạnh, diện tích ruộng đất thực canh lúc

bây giờ là 1.622 mẫu ta, ngoài trừ phần đất công điền là 106,6 mẫu, phần còn lại là do 302 chủ điền làm chủ, được phân bố cụ thể như sau:

Các thôn	Ruộng đất thực canh	Số chủ đất	Công điền (mẫu ta)	Tỷ lệ công điền	Bình quân sở hữu
An Long	442	143	45,4	10,27%	2,27 mẫu/ ng
An Phong	413,8	65	45,1	15,70%	5,6
Tân Phú	161,8	14	0	0%	11,6
Tân Thạnh	475,1	80	16,1	3,38%	5,7
Tổng cộng	1.622,7	302	106,6	6,56%	5,02

Đối chiếu bảng trên với tình hình ruộng đất toàn tỉnh, ta thấy, tình hình công điền và tình trạng tập trung sở hữu ruộng đất ở vùng Phong Thạnh Thượng không khác biệt gì mấy so với toàn tỉnh. Song trong thực tế, mức độ chênh lệch về sở hữu ruộng đất giữa đại điền chủ và điền chủ nhỏ thực canh rất lớn. Sự chênh lệch lớn này không phải là hiện tượng cá biệt trên địa bàn Đồng Tháp. Tuy nhiên, do tình trạng thổ nhượng, nhất là vùng sâu trong nội đồng, đất khai phá rồi, nhưng canh tác không kết quả, chủ đất phải bỏ hoang, nên sự thống kê trên chưa phản ánh một cách trung thực tình hình thực tế. Cụ thể như thôn Tân Phú, trước khai báo diện tích ruộng đất thực canh là 624 mẫu, nhưng đến năm 1836, khi tiến hành đo đạc, thì diện tích ruộng đất thực canh chỉ còn 261,8 mẫu, tức là diện tích bỏ hoang lên đến 363,2 mẫu.

Bên cạnh quá trình tập trung sở hữu ruộng đất, một điều kiện chủ yếu của hiện tượng bóc lột; còn có sự cấu kết giữa các thế lực cường hào trong xã hội phong kiến. Địa bạ Nam Kỳ năm 1836 cho thấy, ở Phong Thạnh Thượng cũng như cả vùng Đồng Tháp Mười, chưa có hiện tượng đồng hóa hay cấu kết giữa giới điền chủ và quan lại; tức là chưa hình thành "*giai cấp địa chủ phong kiến*". Như vậy, không có nghĩa là thời này không có cường hào ác bá. Do điều kiện xã hội lúc bấy giờ, bọn này ẩn mình trong hội đồng xã thôn hay ban hội tề và cho con cháu hoặc tay chân ra làm tổng lý, làm chỗ dựa để thao túng, bóc lột nông dân.

Đối với điền chủ nhỏ trực canh, bọn đại điền chủ từng bước hạn chế rồi tiến tới thôn tính sở hữu đất của họ bằng nhiều thủ đoạn. Lợi dụng pháp luật nhà Nguyễn quy định không rõ ràng về việc cầm thế hay bán đứt tư điền, tư thổ; bọn đại điền chủ thông qua con đường cho vay có thế chấp bằng ruộng đất để cướp đoạt ruộng đất của điền chủ nhỏ.

Đối với lớp nông dân không có ruộng cày, bọn đại điền chủ bóc lột thông qua hình thức phát canh thu tô (cấy rẫy) hoặc cho thuê ruộng: đại điền chủ giao cho nông dân lúa giống, nông cụ, trâu bò, ruộng đất... để canh tác; đến ngày thu hoạch, đại điền chủ cho người tới lấy lúa theo một tỷ lệ thỏa thuận trước.

Tuy nhiên, các hình thức bóc lột này diễn ra ở Phong Thạnh Thượng không gay gắt lắm. Vì một là bản thân các điền chủ cũng là lưu dân khai hoang, hai là đất hoang còn mênh mông; nếu cảm thấy bị bóc lột quá nặng thì người thuê ruộng bỏ đi nơi khác khẩn hoang mà sống.

Ngoài áp lực của địa tô và vay nặng lãi, nông dân nghèo Phong Thạnh Thượng còn chịu một gánh nặng khác, đó là thuế, nặng nhất là thuế đinh. Nhà Nguyễn chia dân đinh ra làm 4 hạng: tráng, quân, dân, lão (hay cùng hạng). Vào năm Thiệu Trị thứ VII (1847), tỉnh Định Tường có 26.799 dân đinh, An Giang có 22.948. (Ước lượng trên địa bàn Đồng Tháp, lúc bấy giờ có khoảng 15.000 dân đinh, Phong Thạnh Thượng có khoảng trên 1.000 dân đinh). Biểu thuế khu vực từ Quảng Bình đến Hà Tiên lúc bấy giờ như sau:

	Tráng hạng	Dân hạng
Nơi có công điền	1 quan 4 tiền	7 tiền
Nơi không có công điền	1 quan 2 tiền	6 tiền

Nếu bình quân mỗi dân đinh hàng năm phải nộp 1 quan tiền thuế, thì hàng năm riêng trên địa bàn Đồng Tháp, ngân sách Nhà nước thu được 15.000 quan. Mâu thuẫn giữa nông dân nói chung với bọn đại điền chủ và bọn tổng lý ngày một gia tăng, nhất là từ khi Nguyễn Ánh thu phục được đất Gia Định (1790), kiện toàn bộ máy hành chính ở đây, ra sức khai thác vùng đất mới trù phú này để theo đuổi chiến tranh với Tây Sơn ở Trung và Bắc, tạo điều kiện cho bọn tổng lý cấu kết với đại điền chủ bóc lột nông dân.

Mâu thuẫn này ngày một phát triển theo mức độ ngày một hoàn chỉnh của bộ máy hành chính ở cơ sở, tạo điều kiện cho sự cấu kết giữa bọn tổng lý và đại điền chủ ngày một chặt chẽ.

3. Vùng đất Phong Thạnh Thượng trong chiến tranh bảo vệ biên giới Tây - Nam (1834 - 1835)

Cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi nổ ra năm 1833 và kéo dài đến 1835, không phải là hiện tượng một giọt nước làm tràn bát nước đầy trong mâu thuẫn nông dân - phong kiến ở Nam Kỳ; mà *xuất phát từ mâu thuẫn giữa các phe phái phong kiến, nhưng cũng phản ánh lòng bất bình của nhân dân Gia Định đối với triều Nguyễn* ⁽¹⁾. Lực lượng chủ yếu của cuộc nổi dậy là quân đội địa phương chống lại triều đình Minh Mạng. Bên cạnh đó, Lê Văn Khôi còn phạm một sai lầm lớn là cầu cứu quân Xiêm, đưa đất nước rơi vào tình cảnh chiến tranh hơn một năm trời.

Với hơn 50.000 quân Xiêm, chia làm năm cánh: một cánh đánh chiếm Hà Tiên, gồm 30.000 quân do tướng tài của Xiêm là Chaophraya Bodin (sử ta gọi là Chắt Tri) chỉ huy đánh chiếm Chân Lạp (Campuchia ngày nay); 10.000 quân do Bộ Trưởng Chiến tranh là Phraklang (sử ta gọi là Phật Lăng) ⁽²⁾, rồi tràn sang biên giới Tây - Nam nước ta, ở địa phận hai tỉnh An Giang và Hà Tiên. Ba cánh kia đánh vào Cam Cát, Cam Lộ, Cam Môn (Trần Ninh). Chúng chiếm được thành Hà Tiên, Châu Đốc, rồi xuôi dòng sông Hậu, qua sông Thuận Giang (sông Vàm Nao) đổ vào sông Tiền, chiến thuyền chúng tiếp sâu vào nội địa nước ta. Nhưng đến Thuận Cảng (Vàm Nao), bọn Xiêm can thiệp bị quân và dân ta do Bình Khẩu tướng quân Trần Văn Năng, Tham tán Trương Minh Giảng, Nguyễn Xuân chỉ huy chặn đánh, giết được tướng giặc là Phi Khả Khổ Lạc, rồi liền cho quân mai phục ở hai bên bờ sông Cổ

⁽¹⁾ *Lịch sử nền thống trị Thái Lan, bản dịch của Mai Văn Bảo, Viện Đông Nam Á, 1978, tr.135-136*

⁽²⁾ *Như trên.*

Hổ (một đoạn trên sông Vàm Nao), hai bên bờ sông Tiền (khoảng từ đầu đến cuối Cù Lao Tây) làm thế gọng kềm, hỗ trợ cho cuộc tái chiếm Hà Tiên, Châu Đốc. Nhân dân trên Cù Lao Tây và các thôn trong vùng Phong Thạnh Thượng tích cực cùng quân triều đình ra sức ngăn giặc. Sau trận Vàm Nao, quân Xiêm hoảng hốt vội vã lui quân ra khỏi biên giới trên toàn tuyến từ Hà Tiên đến Nghệ An. Thừa thắng quân ta giải phóng thành Nam Vang, đuổi quân Xiêm ra khỏi biên giới Chân Lạp.

Chiến thắng Vàm Nao-sông Tiền (1834 - 1835), một chiến thắng lừng lẫy, vừa đánh đuổi quân xâm lược bảo vệ độc lập cho Tổ quốc, vừa đập tan một âm mưu "cống rắn, cắn gà nhà" của Lê Văn Khôi; chiến thắng này có tầm vóc và ý nghĩa tương đương với chiến thắng Rạch Gầm-Xoài Mút năm 1785 của Nguyễn Huệ. Góp phần làm nên chiến công vẻ vang này có công lao của nhân dân Phong Thạnh Thượng vào giữa thế kỷ XIX. Những địa danh Vàm Nao, Cổ Hổ, Tú Điện (Chợ Thủ), Bến Siêu, Dơi Lửa (trên Cù Lao Tây), Đốc Vàng, Tân Thạnh, An Long... gắn liền chiến thắng chống ngoại xâm trên sông Tiền. Với chiến công oanh liệt này, tướng quân Trần Văn Năng được triều đình phong tước Quận công (Tân Thành Quận công) và nhân dân địa phương lập đền thờ gọi là Dinh Ông Đốc Vàng (vì đền thờ lập tại vàm rạch Đốc Vàng).

III. TAM NÔNG TRONG BUỔI ĐẦU KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

1. Cuộc kháng chiến do Võ Duy Dương lãnh đạo

Khi triều đình Huế ký hòa ước Nhâm Tuất (5-6-1862), nhường ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Định Tường cho thực dân Pháp. Nghĩa quân Ba Giồng do Võ Duy Dương và Nguyễn Hữu

Huân vẫn cùng nghĩa quân Tân Hòa của Trương Định tiếp tục chiến đấu gây cho giặc nhiều thiệt hại. Hòa ước này chẳng những đưa chúng thoát ra khỏi tình trạng nguy khốn mà còn tạo cơ sở pháp lý cho chúng và dồn lực lượng kháng chiến vào chỗ khó khăn, vì theo hòa ước này thì quân triều đình phải rút khỏi vùng nhượng địa, còn nghĩa quân thì phải giải giáp.

Nhưng nhân dân Phong Thạnh Thượng cùng đồng bào Nam Kỳ quyết không để một tấc đất rơi vào tay giặc, cùng nghĩa quân tiếp tục chiến đấu bất chấp lệnh giải giáp của triều đình. Trong tình hình mới, Võ Duy Dương phát lời kêu gọi nhân dân trong vùng nổi lên chống giặc. Nhân dân khắp nơi hưởng ứng, kể cả ở phần đất còn thuộc triều đình ở bên kia bờ sông Tiền. Riêng trên địa bàn Đồng Tháp, khắp các xã thôn đều có người nổi lên ứng nghĩa tập hợp tráng đinh, hình thành các đội nghĩa dũng, thiết lập đồn, trạm canh... sẵn sàng ứng phó. Bốn Lê, Biện Mẫn, Quản Võ, Tham Đa... ở Mỹ Trà, Quản Văn ở Phong Mỹ; Lê Khiêm (Trần Trọng Khiêm) ở Hòa An; Trương Tấn Minh ở An Bình; Nguyễn Văn Linh (Thông Linh) ở Mỹ Ngãi... Bên kia sông Tiền có Thống Bình, Thống Chiêu ở Hội An (huyện Vĩnh An, An Giang). Hầu hết các thủ lãnh này đều quy tụ dưới trướng Võ Duy Dương khi ông về lập căn cứ ở Đồng Tháp Mười, lấy Gò Tháp làm tổng hành dinh.

Song song với việc đôn đốc nghĩa quân xây dựng đồn lũy, Võ Duy Dương phát lời kêu gọi nhân dân tham gia kháng chiến. Lời kêu gọi được đáp ứng rộng rãi, tráng đinh gia nhập các đội nghĩa ứng, người giàu có góp tiền mua lương thực, vũ khí... Song, nguồn cung cấp sức người sức của chủ yếu vẫn là khu vực chung quanh Đồng Tháp Mười, Cái Bè, Cai Lậy nhất là hai tổng Phong Phú,

Phong Thạnh của huyện Kiến Phong và các làng ven sông Tiền thuộc phủ Tân Thành (An Giang) tức là phần đất thuộc chủ quyền của Việt Nam. Trong các con đường thủy đi sâu nội địa Đồng Tháp Mười, vàm Cần Lố (có tục danh là Doi Me) là đầu cầu tập kết, trung chuyển và sông Cần Lố là con đường vận chuyển lương thực, thực phẩm dùng hàng ngày và dự trữ quan trọng hơn hết ⁽¹⁾.

Sau hơn một năm âm thầm xây dựng với chiến thuật "im trắng giấu cờ", đầu năm 1865, trước khi mở các đợt tập kích lớn vào đồn trại của giặc, nghĩa quân Tháp Mười với sự hỗ trợ của nhân dân vùng ven căn cứ, dọc theo các sông rạch lớn: Vàm Cỏ Tây, Cái Bè, Cái Thia, Cái Nứa.... tiến hành đắp cản, phá cầu. Để bảo vệ con đường tiếp tế huyết mạch là rạch Cần Lố, nghĩa quân và nhân dân các làng từ Rạch Ruộng lên đến Đốc Vàng, Ba Răng hăng hái dùng tre, tràm, dừa... làm chướng ngại vật ở các cửa rạch ngăn tàu địch từ sông Tiền vào. Với chiến thuật du kích, từng toán quân nhỏ quấy rối đồn bót, phục kích trên các tuyến giao thông, hành quân lẻ tẻ của giặc.

Hoạt động liên tục của nghĩa quân làm chúng ăn ngủ không yên. Nhiều lần giặc Pháp tung tay sai, mật thám dò la, lùng sục nghĩa quân nhưng vô hiệu. Sau một thời gian điều nghiên, bố trí trận địa với sự ủng hộ nhiệt tình của dân chúng địa phương; ngày 22/7/1865, nghĩa quân Tháp Mười phối hợp với một số dân bị chúng bắt sửa đồn bất ngờ đánh úp đồn Mỹ Trà, tên đồn trưởng bị diệt tại trận cùng với nhiều tên khác lớp chết, lớp bị thương. Phó

⁽¹⁾ Nguyễn Hữu Hiếu (Chủ biên): *Võ Duy Dương và cuộc kháng chiến Đồng Tháp Mười*, Nxb Tổng hợp Đồng Tháp, 1990

đô đốc Roze, vội vã đem quân từ Sài Gòn xuống cứu viện. Nhưng nghĩa quân đã rút đi từ lâu. Để trả thù cho đồng bọn, giặc triệt hạ hai làng Mỹ Trà và Mỹ Ngãi, bắn giết dã man, đốt nhà, cướp của... làm cho nhiều dân chết và bị thương dưới làn đạn ác nghiệt của kẻ thù.

Ở phía Đông, nghĩa quân tấn công Cái Bè, Cai Lậy, Mỹ Quý và nhứt là trận Cái Nứa vào tháng 3/1866.

Căn cứ Tháp Mười với tầm hoạt động và ảnh hưởng ngày càng lan rộng, nhân dân Nam Kỳ mà nhứt là nhân dân Đồng Tháp hướng về Tháp Mười với tất cả lòng tin cậy. Tháp Mười trở thành trung tâm kháng chiến lớn nhứt ở Nam Kỳ lúc bấy giờ, với tổ chức và hoạt động khá đặc biệt xuất phát từ địa hình của vùng sinh lầy, sông nước ảnh hưởng lớn đối với công cuộc thống trị của thực dân Pháp khiến chúng phải lúng túng, chật vật đối phó: "*... còn một vùng Đồng Tháp Mười, chúng ta (tức giặc Pháp) khó đi vào nội địa, nhưng loạn quân chọn nơi ấy làm sào huyệt tốt, ra vào khùng bố các làng kế cận. Họ được tiếp tế vũ khí đạn dược từ Hà Tiên, Rạch Giá chở đến...*" ⁽¹⁾. Pháp quyết tâm hạ cho kỳ được căn cứ này.

Đầu tháng 4, chúng điều một lực lượng gồm bộ binh, thủy binh và tàu chiến đóng thành một tuyến dài trên sông Vàm Cỏ Tây từ Ngang Dừa, Kinh Ngang đến Mộc Hóa, tạo áp lực ở phía bắc căn cứ và tấn công vào một số đồn điền tiêu biểu của nghĩa quân ở phía Tây - Nam để đo lường phản ứng của nghĩa quân. Đến ngày 14, chúng tấn công đồng loạt theo cả ba hướng:

⁽¹⁾ A.Schreiner: *Đại Nam Quốc sử lược*. Bản dịch Nguyễn văn Nhân, S. tr.271.

- Từ Bắc Chiềng (Mộc Hóa) xuống.
- Từ Cái Nứa vào.
- Từ Cần Lố lên.

Trước tình thế đó, để bảo tồn lực lượng cho cuộc chiến đấu lâu dài, Võ Duy Dương dẫn đại bộ phận bỏ đồn Trung rút về hướng Đông, Nguyễn Tấn Kiều, Nguyễn Văn Cẩn rút sau làm nhiệm vụ cản hậu cho đại quân rút lui. Nguyễn Tấn Kiều anh dũng hy sinh khi làm nhiệm vụ. Nguyễn Văn Cẩn rút về hướng Tây lên Hùng Ngự, ngã ba Thông Bình, rồi sang Lăng Xăng, Trà Đuốt, Trà Bét (Campuchia). Cánh quân phía Đông lại đụng độ giặc ở Cái Thia, rồi rút về Cao Lãnh để qua Vàm Cỏ Tây lên Tây Ninh hợp tác với nghĩa quân Trương Quyền và Pu-com-pô. Giặc Pháp chiếm được đồn Trung, trung tâm của căn cứ, nhưng không tiêu diệt được nghĩa quân, nên vội vã rút lui trong ngày sau khi đốt phá doanh trại, kho tàng ở đồn này. Chúng bị thiệt hại gần 100 tên vừa chết vừa bị thương. Về quân số, nghĩa quân thiệt hại không đáng kể; song về vũ khí, đạn dược gần như kiệt quệ.

Tháng 10 năm 1866, Võ Duy Dương vượt biển về Trung, đến địa phận Cần Giờ (biển Thần Mẫu) tử nạn. Từ đó, nghĩa quân Tháp Mười vẫn còn hoạt động lẻ tẻ ở vùng biên giới Miên - Việt dưới quyền chỉ huy của Nguyễn Văn Biểu (Phòng Biểu) Nguyễn Văn Cẩn, Hồ Quang Huy, cuối cùng đều tan rã.

Năm 1867, giặc Pháp chiếm luôn ba tỉnh miền Tây (gồm có phần đất giáp phía Nam sông Tiền của Đồng Tháp), các con của Phan Thanh Giản là Phan Liêm, Phan Tôn đứng lên hô hào chống Pháp ở Vĩnh Long, Sađéc; nhiều người hưởng ứng. Cùng lúc ấy, khi thành An Giang (Châu Đốc) thất thủ, một bộ phận

binh sĩ triều đình không đầu hàng giặc, do Lãnh binh Hương tức Nguyễn Hương, Quản Bạch, Đội Ba chỉ huy, xuôi sông Tiền về đóng tại vàm Hổ Cự, được nhân dân địa phương ủng hộ, biến nơi này thành căn cứ kháng chiến. Nhiều lần nghĩa quân tấn công đồn Cần Lố, Đốc Vàng, quấy rối giặc ở Cao Lãnh. Giặc Pháp dùng thủy binh triệt hạ căn cứ, nghĩa quân tan rã; Quản Bạch bị giặc bắt, không đầu hàng, nên bị chúng đem về hành hình tại Cần Lố.

Ngay từ lúc thực dân Pháp nổ súng tấn công thành Gia Định, nhân dân vùng Phong Thạnh Thượng cùng với nhân dân trong tỉnh và cả Nam Kỳ với truyền thống yêu nước sâu sắc, quyết tâm bảo vệ độc lập Tổ quốc, bảo vệ thành quả lao động của cha ông... đứng lên cầm vũ khí chống giặc. Khi chúng còn ở xa thì chi viện sức người, sức của cho địa phương bạn; lúc chúng trực tiếp giày xéo xóm làng thân yêu thì đứng lên, xông vào kẻ thù với mọi thứ vũ khí có được. Thấm nhuần truyền thống bảo vệ quê hương bằng mọi giá của dân tộc, nhân dân Phong Thạnh Thượng dựa vào điều kiện tự nhiên của một vùng sông nước sinh lầy, sáng tạo nhiều cách đánh giặc phong phú đa dạng: một con rạch, một cây cầu khỉ, một trảng cỏ khô, một trấp sinh lầy, một bầy trâu, một ổ ong.... đều được vận dụng đưa vào trận địa diệt thù, gieo cho giặc bao nỗi hoang mang khiếp sợ. Ở đây, chúng không chỉ đối phó với con người, mà phải đương đầu với sức mạnh tổng hợp giữa đất, nước, cỏ cây... và con người đã hòa quyện vào nhau chặt chẽ không gì cách ly được. Chiến đấu với kẻ thù có ưu thế về binh khí, kỹ thuật, nhân dân vùng Đồng Tháp Mười và cả Nam Kỳ dù chưa quét sạch được chúng ra khỏi bờ cõi trong giai đoạn này và phải chịu nhiều hy sinh gian khổ, nhưng đã để lại cho thế hệ sau nhiều kinh nghiệm quý báu. Tên sông, tên đất, tên người là

chứng tích ghi lại sự hy sinh hào hùng đó, đã động viên, cổ vũ họ, thêm cho họ sức mạnh, quyết tâm chống giặc trong các giai đoạn tiếp sau.

2. Tổ chức cai trị của thực dân Pháp trên đất Đồng Tháp và vùng Phong Thạnh Thượng

Để thực hiện ý đồ thống trị và khai thác thuộc địa, công cuộc cai trị của thực dân Pháp ở Nam Kỳ diễn ra qua hai giai đoạn:

- Giai đoạn quân quản (chế độ các đô đốc: 1861 - 1879).
- Giai đoạn hành chánh dân sự (từ 1879 - 1945).

Tháng 5/1879, Le Myre de Vilers (Lơ Mia đờ Vi-le) được cử làm thống đốc dân sự Nam Kỳ đầu tiên. Đến năm 1882, chúng chia Nam Kỳ ra thành 20 khu hành chánh, thường được gọi là hạt.

Năm 1890, hạt Sađéc có 88 làng gồm 9 tổng: An Hội, An Mỹ, An Phong, An Thới, An Tịnh, An Trung, An Thành, Phong Nấm, Phong Thạnh. Từ năm 1900, khu (hạt) đổi thành tỉnh. Toàn Nam Kỳ có 20 tỉnh và Cap Saint - Jacques (Vũng Tàu). Lúc bấy giờ, tỉnh Sađéc cũng gồm 9 tổng. Riêng tổng Phong Thạnh, từ năm 1890 chúng tách sáu làng (Tân Thạnh, Tân Phú, Bình Thành, An Thành, An Phú, An Phong) ở phía thượng nguồn ra thành lập tổng Phong Thạnh Thượng, thuộc quận Chợ Mới, tỉnh Long Xuyên.

Về quyền hạn của các chức danh, chúng quy định:

1. Tỉnh Trưởng (chánh tham biện, chủ tỉnh) quyền hành rất lớn, bao gồm các lãnh vực: hành chánh, thuế vụ, tư pháp, quân sự.

2. Quận Trưởng (chủ quận): do Nghị định ngày 15/2/1898 và kế tiếp quy định, mỗi quận giao phó cho một viên quan hành chánh, có nhiệm vụ:

- Đảm trách công việc an ninh trật tự trong quận.
- Quản lý việc hành chánh của tổng và làng.
- Phụ trách công việc bổ nhiệm các chức danh trong hội đồng hương chính.
- Kiểm soát việc lập và thi hành ngân sách các làng.
- Kiểm soát việc lập bộ thuế và đốc thúc việc thu thuế.
- Thanh tra các trường học.
- Trừng trị các việc mạo hóa.
- Đảm trách công việc tư pháp, phụ tá biện lý đối với người Việt.

3. Chánh, Phó tổng, do Nghị định ngày 16/9/1920 và kế tiếp quy định:

- Hưởng lương như một công chức.
- Phụ tá quận trưởng quản lý các làng trong tổng.

4. Ban Hội tề ở làng.

Cho đến năm 1904, thực dân Pháp vẫn duy trì cơ cấu tổ chức xã thôn tự trị của người Việt Nam, Nghị định ngày 27/8/1904, còn gọi là "Nghị định Cải lương hương chính", theo đó Hội đồng Hương chính (Ban hội tề) gồm 11 chức danh.

- Hương Cả: người đứng đầu Ban hội tề, chủ tọa các phiên họp, giữ văn thư, công nho.

- Hương Chủ: phụ tá Hương Cả, thay thế khi Hương Cả vắng mặt, phụ trách kiểm soát mọi việc làng và tường trình cho Xã Trưởng (Thôn Trưởng).

- Hương Sư: cố vấn và giải thích luật lệ cho dân làng.

- Hương Trưởng: cùng Hương Cả, Hương Chủ giám sát mọi hoạt động của hương chức khác, giữ ngân sách, trợ giúp các nhân viên giáo huấn của làng.

- Hương Chánh: hòa giải các vụ tranh chấp trong làng.

- Hương Giáo: thơ ký của hội đồng.

- Hương Quản: phụ trách cảnh sát hành chánh và tư pháp, giao thông.

- Hương Bộ: giữ sổ sách kế toán, quản lý công ốc, vật tư.

- Hương Thân: người đứng đầu trong ba viên chức thừa hành, giữ vai trò trung gian giữa hội đồng và bộ phận tư pháp.

- Xã Trưởng (Thôn Trưởng): giữ vị trí trung gian giữa chánh quyền cấp trên và làng giữ con dấu, thu thuế, giữ các tờ trát.

- Hương Hào: viên chức thừa hành cuối cùng, phụ tá cho Hương Quản.

- Chánh lục bộ: giữ sổ bộ đời (khai sanh, khai tử, hôn thú). Đến Nghị định năm 1927, chức danh này mới được xếp vào Hội đồng.

Nghị định năm 1904 nhằm hạn chế quyền tự trị của xã thôn, biến chánh quyền cơ sở thành công cụ thống trị của chúng. Song,

thực dân Pháp không đạt được kết quả như mong muốn; nên chúng tiến hành một lần cải cách nữa bằng Nghị định ngày 30/10/1927. So với Nghị định năm 1904, Nghị định này bổ sung một số điểm liên quan đến thành phần được tuyển chọn vào hội đồng, chỉ có những ai có thành phần giai cấp gắn bó với chế độ thuộc địa mới đủ tiêu chuẩn được chọn vào hội đồng và chỉ có Tham biện chủ tỉnh mới có quyền giải tán hội đồng, khi đa số thành viên trong hội đồng mắc sai phạm nghiêm trọng hoặc có thái độ chống đối.

3. Tình hình kinh tế - xã hội vùng Phong Thạnh Thượng dưới thời Pháp thuộc

Dưới chế độ Pháp thuộc, nhân dân mà nhứt là nông dân là đối tượng bị thực dân bóc lột nặng nề hơn dưới triều đại nhà Nguyễn qua các sắc thuế. Ở Nam Kỳ cũng như cả nước trước đây, thuế đinh và thuế điền là hai nguồn thu chính của ngân sách.

*** Chánh sách thuế:**

- Thuế điền:

Năm 1864, chúng ấn định nông dân phải đóng 5F/mẫu ta (F: Phờ-răng, đơn vị tiền tệ Pháp), mười năm sau (1873) tăng lên 10F/mẫu ta. Để tăng thuế lên một lần nữa, vào năm 1897 chúng quy định lại diện tích của mẫu ta; một mẫu ta trước đây là 4.970m^2 nay rút xuống còn 3.680m^2 , sau lại rút nữa còn 3600m^2 . Như vậy nông dân Phong Thạnh Thượng và cả tỉnh bị tăng thuế ở cả hai chiều.

- Thuế thân:

Chúng vẫn duy trì thuế đinh (dưới thời Nhà Nguyễn, thuế đinh là sắc thuế đánh vào tráng đinh đàn ông từ 18 - 45 tuổi; đến năm 1867, thêm vào đó một số suất thuế lính là 10F (bằng 1,50 đồng); gộp chung gọi là thuế thân. Năm 1938, lại quy định:

+ Người vô hằng sản phải đóng 4,50đ/năm;

+ Người hằng sản phải đóng 5,50đ/năm (trong khi giá lúa ở Nam Kỳ lúc ấy dao động từ 0,25đ đến 0,30 đ/gia). Người hằng sản ắt phải có trâu để cày bừa, thì mỗi con trâu phải có đóng thuế *chỉ bài trâu* 5đ/năm/con. Như vậy một người nghèo (vô hằng sản) phải nộp thuế thân gần 20 gia lúa; còn người nông dân có ruộng và một đôi trâu, thì chỉ nộp thuế thân và thuế *chỉ bài trâu* thôi một năm phải nộp tới 15 đồng tức là tương đương với gần 60 gia lúa.

- Các sắc thuế khác:

Ngoài các sắc thuế trực thu trên, nhân dân Phong Thạnh Thượng và cả tỉnh còn phải đóng thêm một số thuế gián thu khác, nặng nhất là thuế rượu, thuế muối và nha phiến.

Trước năm 1902, việc nấu và bán rượu ở Nam Kỳ còn thả nổi và chỉ thu một số thuế nhỏ. Năm 1902, thấy đây là nguồn thu lớn, nên chúng độc quyền nấu và bán rượu, đồng thời buộc các viên chức địa phương phải thúc ép dân chúng mua rượu. Ở Đồng Tháp chúng lập ra hai cơ sở nấu rượu ở Sadéc và Cao Lãnh. Tại các chợ và trung tâm dân cư trong tỉnh, chúng đều lập các điểm, tiệm bán rượu và thuốc phiện công khai dưới hình thức công quán. Nơi

bán rượu thì treo cờ mang chữ "R.A" (tức Régie l'Alcool); tiệm hút treo cờ "R.O" (tức Régie l' Opium).

Giành độc quyền nấu, bán rượu và thuốc phiện, ngoài mục đích vơ vét tiền của nhân dân ta, chúng còn nhằm thực hiện âm mưu làm cho bộ phận nhân dân bạc nhược vì nghiện rượu và thuốc phiện để thống trị lâu dài.

Thuế muối lại càng vô nhân đạo hơn, vì nhà nào hàng ngày đều cũng cần muối. Năm 1897, mỗi 100kg muối làm ra nộp 0,50đ thuế. Đầu năm 1907, tăng lên 2,50đ; đồng thời tất cả muối làm ra đều phải giao cho chánh quyền bán ra với giá 10 lần hơn. Tại Sadéc và Cao Lãnh, mỗi nơi có một kho muối do chánh quyền địa phương quản lý vào độc quyền mua bán.

*** Một số đặc điểm xã hội:**

- Tình hình tập trung ruộng đất:

Song song với việc cải sửa chế độ thuế, thực dân Pháp tiến hành khai thác thuộc địa với chính sách ưu đãi cho bọn thực dân ở thuộc địa (colon) trong việc khai thác đất đai, nên phần lớn đất khai khẩn được đều nằm trong tay bọn này và tay sai.

Đến năm 1930, diện tích ruộng đất ở Nam Kỳ là 2.303.000ha, nằm trong tay 255.000 điền chủ trên một dân số 4 triệu. Riêng địa bàn Đồng Tháp ngày nay có diện tích canh tác là 132.000 ha với 219.000 dân; trong đó có 22.517 điền chủ. Tình hình phân bố ruộng đất thể hiện như sau:

<i>Diện tích chiếm hữu</i>	<i>Dưới 1 ha</i>	<i>Từ 1 - 5 ha</i>	<i>Từ 5 - 10 ha</i>	<i>Từ 10 - 15 ha</i>	<i>Từ 15 - 100 ha</i>	<i>Trên 100 ha</i>
<i>Số điền chủ</i>	8.480 người	8.914 người	2.920 người	1.875 người	245 người	98 người
<i>Chiếm tỷ lệ</i>	79,7%		19%		1,3%	

Dù chỉ có 1,3% số điền chủ sở hữu từ 50 ha trở lên, nhưng họ chiếm đến 50% diện tích canh tác. Để hình dung cụ thể hơn về tình hình tập trung, cũng như giá cả ruộng đất ở vùng Đồng Tháp Mười, ta lấy hai tổng, một thuộc tỉnh Sadéc và một thuộc tỉnh Long Xuyên, theo tài liệu của Yves Henry công bố *Économie Agricole l'Indochine* (Kinh tế nông nghiệp Đông Dương) ⁽¹⁾, để khảo sát:

Tổng Phong Thạnh Thượng (quận Chợ Mới, Long Xuyên):

Dân số 13.559 người (gồm luôn 1273 người của An Long, thuộc Tổng An Phước, quận Hồng Ngự, tỉnh Châu Đốc): có 25.000 ha ruộng đất với 2.244 điền chủ:

Có từ 0 đến 1 ha ruộng: 507 chủ, tức 22,6% sở hữu chủ.

Có từ 1 đến 5 ha ruộng: 659 chủ, tức 29,4% sở hữu chủ.

Có từ 5 đến 10 ha ruộng: 518 chủ, tức 23,1% sở hữu chủ.

Có từ 10 đến 50 ha ruộng: 418 chủ, tức 20,0% sở hữu chủ.

⁽¹⁾ Yves Henry: *Économie Agricole de l'Indochine Publication du Gouvernement générale de l'Indochine, Hà Nội, 1930, tr.157-173*

Có từ 50 đến 100 ha ruộng: 75 chủ, tức 3,3% sở hữu chủ.

Có từ 100 đến 500 ha ruộng: 30 chủ, tức 0,6% sở hữu chủ.

Không ai có trên 500 ha ruộng đất. Giá ruộng lúa nổi 90 đồng/ha, giá đất trồng các loại cây khác 150 đồng/ ha.

Tổng Phong Năm (Quận Cao Lãnh):

Diện tích ruộng đất: 20.200 ha; Số điền chủ: 2.753 người;
Dân số: 5.158 người.

Có từ 0 đến 1 ha ruộng: 944 chủ, tức 34,3% sở hữu chủ.

Có từ 1 đến 5 ha ruộng: 1.252 chủ, tức 45,5% sở hữu chủ.

Có từ 5 đến 10 ha ruộng: 359 chủ, tức 13,0% sở hữu chủ.

Có từ 10 đến 50 ha ruộng: 156 chủ, tức 5,6% sở hữu chủ.

Có từ 50 đến 100 ha ruộng: 24 chủ, tức 0,9% sở hữu chủ.

Có từ 100 đến 500 ha ruộng: 13 chủ, tức 0,5% sở hữu chủ.

Có từ 500 ha ruộng trở lên: 5 chủ, tức 0,2% sở hữu chủ.

Giá ruộng trồng lúa hai vụ 520đồng/ha. Giá ruộng cấy lúa một vụ 470 đồng/ha. Giá ruộng trồng lúa nổi 220 đồng/ ha. Giá đất vườn 555 đồng/ ha.

Qua đối chiếu, ta thấy cùng trong vùng Đồng Tháp Mười, song tổng Phong Năm ở phía hạ lưu sông Tiền, đất đai phì nhiêu hơn, được khai thác sớm hơn, lại trải dài theo ven sông; còn tổng Phong Thạnh Thượng, đa phần sâu trong nội đồng, nhiều phèn, lại khai thác muộn hơn... nên mức độ tập trung ruộng đất cũng như giá cả thấp hơn so với tổng Phong Năm. Đáng lưu ý là ở Phong Thạnh Thượng không có điền chủ nào có trên 500 ha, còn ở tổng Phong Năm có tới 5 điền chủ sở hữu trên 1.000ha.

Tình trạng tập trung ruộng đất cao độ là nguyên nhân chính hình thành cơ chế khai thác ruộng đất và bóc lột nông dân qua phương thức phát canh thu tô có từ bao đời. Ở vùng Đồng Tháp, các điền chủ sở hữu trên 300 ha đều không trực tiếp canh tác, mà giao lại cho viên quản lý, kiểm điền, bao tá (quá điền). Bọn trung gian này bóc lột nông dân bằng cách ăn chênh lệch địa tô. Ruộng đất được đào kinh theo kiểu "trăm ngang ngàn dọc" vừa có tác dụng tháo chua xổ phèn, vận chuyển lúa, đi lại; vừa nhằm mục đích ngăn chặn nông dân tẩu tán lúa sau thu hoạch.

Người nông dân bị ràng buộc bởi địa tô và nợ vay nặng lãi. Đó là nguyên nhân đưa đến sự tồn tại lâu đời kỹ thuật canh tác lạc hậu. Cả nông dân lẫn điền chủ đều không muốn đầu tư thêm để cải tạo đất và cải tiến kỹ thuật, vì không có lợi đối với họ. Do đó trên địa bàn Đồng Tháp, cả một thời gian dài dưới thời Pháp thuộc, năng suất lúa không quá 1,6 tấn/ha. Đời sống nông dân nói chung hầu như bế tắc, tối tăm.

Suốt mấy trăm năm khai phá, xây dựng cuộc sống trên vùng đất mới, nhân dân Phong Thạnh Thượng đã thừa kế và phát huy truyền thống cần cù sáng tạo trong lao động, kiên cường bất khuất trong đấu tranh chống ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc của dân tộc.

Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, truyền thống yêu nước ngày càng được nâng cao. Nhân dân Phong Thạnh Thượng tích cực hưởng ứng các phong trào yêu nước, từ phong trào này đến phong trào khác. Nhưng do tình hình chung cả nước, mọi hoạt động cứu nước đều bị thực dân Pháp đàn áp, dập tắt. Phải đến cuối thập kỷ 20 của thế kỷ trước, khi Nguyễn Tất Thành-Nguyễn Ái Quốc tìm được con đường giải phóng dân tộc theo chủ nghĩa

Mác-Lênin, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử: "Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội", thì phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân ta mới bước ra khỏi tình trạng khủng hoảng về giai cấp lãnh đạo, đường lối chính trị và đi đến thắng lợi cuối cùng.

Chương hai

**Nhân dân trên vùng đất Tam Nông (*)
tổng Phong Thạnh Thượng, dưới sự lãnh đạo của Đảng
đứng lên đấu tranh chống đế quốc và phong kiến giành
độc lập dân tộc và kháng chiến chống thực dân Pháp
(1930 - 1954)**

I.- HOÀN CẢNH KINH TẾ - XÃ HỘI Ở TAM NÔNG VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA CÁC CHI BỘ ĐẢNG

Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918), thực dân Pháp tiến hành khai thác thuộc địa ở Đông Dương lần thứ hai để bù đắp các khoảng thiếu hụt do chiến tranh gây ra. Bên cạnh việc vơ vét tài nguyên về cung phụng cho "mẫu quốc", thuế khóa nặng nề, chúng còn bòn rút tiền của nhân dân bằng nhiều cách

^(*) Đến giữa năm 1969, huyện Tam Nông mới chính thức thành lập trên địa bàn các xã vùng sâu của huyện Thanh Bình (nguyên là tổng Phong Thạnh Thượng) và xã An Long (thuộc Hồng Ngự). Từ thời điểm này trở về trước, mọi biến động lịch sử diễn ra trên địa bàn huyện Tam Nông, đều nằm trong lòng của huyện Thanh Bình và mọi hoạt động cách mạng đều do Tổng ủy tổng Phong Thạnh Thượng kế đến là Huyện ủy Thanh Bình chỉ đạo. Nên trong quá trình biên soạn chương Hai (1930-1954) và chương Ba (1954-1968), chúng tôi có sử dụng tư liệu được biên soạn trong quyển Lịch sử Truyền thống Cách mạng huyện Thanh Bình (sơ thảo) tập I và tập II.

khác nữa. Nông dân nói chung làm lụng quần quật quanh năm cũng không đủ tiền đóng thuế, mà còn phải đi xâu, đi phu đào kinh, đắp đường không công cho chúng... Trong những năm 1920 - 1925, nhân dân các làng trong quận Hồng Ngự (Châu Đốc), tổng Phong Thạnh Thượng, Long Xuyên phải đi sang tận Campuchia để làm đường, nhiều người vì thiếu ăn, bệnh hoạn... phải bỏ xác ở xứ người. Đó là chưa kể đến phải nộp địa tô, phục dịch cho bọn đại điền chủ, hương chức trong làng.

Nông dân vô cùng khốn khổ, muốn tiếp tục canh tác chỉ còn cách phải đi vay nợ nặng lãi.

Bọn thực dân cũng có vài động thái gọi là "*quan tâm đến việc cải cách đời sống nông dân*" như thành lập "Hội Nông dân hỗ tương bản xứ" (Sociétés Indigènes de Agricoles mutual = S.I.C.A.M.) để cho nông dân vay tiền mà hội viên là người bản xứ, đặt dưới quyền kiểm soát của chánh quyền thực dân. Nhưng thực tế tổ chức này không giúp gì cho nông dân và điền chủ nhỏ, vì đa số hội viên đều là đại điền chủ. Chúng vay với lãi suất thấp, rồi cho nông dân vay lại với lãi suất cao hơn. Thực dân lập ra tổ chức tín dụng này với "hảo ý" bài trừ nạn cho vay nặng lãi, nhưng vô tình tiếp tay với bọn đại điền chủ bóc lột nông dân một cách công khai hơn.

Ở Đồng Tháp nói chung, Phong Thạnh Thượng nói riêng, mùa nước hàng năm kéo dài ba bốn tháng; đó là thời gian mà đời sống nông dân, cụ thể là giới điền chủ nhỏ và tá điền là khổ sở nhất. Nước lên là lúc mùa màng chưa thu hoạch, ngoại trừ một số ít gia đình còn có lúa gạo dự trữ để ăn, đại bộ phận còn lại phải đi giăng câu, thả lưới, đặt lờ lộp... kiếm sống qua ngày chờ đến ngày thu hoạch. Nhưng các sông rạch có nhiều cá đã bị chánh quyền

địa phương bán đấu giá hết. Theo qui định, người được thầu chỉ có quyền khai thác khỏi bờ sông về hai bên 50 mét, ngoài vùng đó là nơi đánh bắt tự do. Những bọn chủ thầu (đa số là đại điền chủ, hương chức...) cho thuộc hạ lùng bắt nông dân đánh bắt bất kể xa hay gần bờ đều phải nộp thuế từ 5 đến 20 đồng tùy theo xuống đánh cá nhỏ hay lớn. Ai không đóng, thì tịch thu phương tiện.

Bên cạnh thủ đoạn bóc lột về kinh tế, thực dân Pháp còn cho bọn tay sai, mật thám rình rập, bắt bớ, tra tấn, tù đầy... những người yêu nước; ban hành nhiều qui định nhằm bóp chết các quyền tự do căn bản của con người. Mọi tổ chức hoạt động xã hội đều bị nghiêm cấm, ngay những nơi tôn nghiêm như đình, chùa, thánh thất... cũng bị xúc phạm, nếu chúng nghi ngờ có chứa chấp người yêu nước.

Sống trong không khí ngột ngạt, đầy áp bức, khủng bố... nhân dân địa phương cũng như nhân dân cả nước có cùng nguyện vọng muốn vùng lên đập đổ ách thống trị ngoại bang, muốn được tự do, độc lập, nên họ sẵn sàng tham gia bất cứ tổ chức nào chủ trương đánh đuổi thực dân cướp nước, giành độc lập, đem lại cho họ cuộc sống bình đẳng, ấm no, tự do, hạnh phúc.

Vào đầu thế kỷ XX, nhiều phong trào yêu nước nổ ra rầm rộ, lôi cuốn nhiều tầng lớp nhân dân tham gia, nhưng tất cả đều bị kẻ thù đàn áp và tan rã. Từ phong trào Minh Tân (Đông Du) của tầng lớp tư sản, điền chủ, đến các hoạt động yêu nước núp dưới hình thức tôn giáo mang tên Thiên Địa Hội của nông dân. Đây là một tổ chức yêu nước của nông dân ở Nam Bộ phỏng theo tổ chức Minh sư Phật Đường bên Trung Quốc của những người còn mến mộ nhà Minh bị nhà Thanh lật đổ với khẩu hiệu "*Bài Mãn*

phục Minh". Các tổ chức Thiên Địa Hội ở Nam Bộ biến khẩu hiệu này thành "*bài Pháp phục Nam*" và được biết cái tên phổ biến là "*Kèo Xanh, Kèo Vàng*" (kèo là cờ). Nông dân Nam Bộ tham gia rất đông, các đình chùa, miếu mạo thường là nơi tổ chức này nhóm họp. Nhưng mọi hoạt động yêu nước đều bị thực dân chìm trong biển máu, lao tù.

Giữa lúc mà con đường cứu nước gần như bế tắc, thì có phái viên của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (VNCMTN) ⁽¹⁾, do Nguyễn Ái Quốc tổ chức, về nước năm 1927; ở Sadéc và Châu Đốc có 8 thanh niên, được lựa chọn đưa sang Quảng Châu thụ huấn rồi về nước, về địa phương hoạt động ngay sau đó.

Đường lối cách mạng do các hội viên này đưa về là luồng gió mới mang lại cho phong trào yêu nước ở địa phương một ánh sáng mới, một sức mạnh mới. Nội dung quyển "*Đường Kách mệnh*" vạch ra con đường, lối đánh đổ thực dân phong kiến, giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do, xây dựng cuộc sống mới; công cuộc kách mệnh đó do chính những người tiên phong của giai cấp công nhân lãnh đạo. Đây là những điều hoàn toàn mới mẻ so với các nội dung hoạt động yêu nước trước đây, nên khi được phổ biến, nhiều thanh niên, nông dân, trí thức, thợ thủ công yêu nước lập tức hưởng ứng.

Trong thời kỳ này, vùng Phong Thạnh Thượng được tiếp xúc với tổ chức VNCMTN qua hai hướng. Một từ Chợ Mới đến, hướng vào các cù lao Long Thuận, Phú Thuận, Cù Lao Tây. Hai là từ Cao Lãnh lên đến các xã Thường Lạc, Thường Phước ⁽²⁾.

⁽¹⁾ Còn gọi là: Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội

⁽²⁾ *Lịch sử Truyền thống và Cách mạng huyện Thanh Bình*, tr. 16-17

Trong những năm 1925 - 1926, vùng Phong Thạnh Thượng chịu ảnh hưởng của phong trào đấu tranh dân chủ đang sôi sục dâng lên khắp Nam Kỳ, gần nhất là phong trào truy điệu cụ Phan Châu Trinh và đòi ân xá cụ Phan Bội Châu diễn ra rầm rộ ở Cao Lãnh và Chợ Mới. Đây là phong trào dân chủ công khai, có ảnh hưởng sâu rộng trong mọi tầng lớp dân chúng. Lúc bấy giờ vùng sâu của Phong Thạnh Thượng vẫn còn hoang địa, dân cư thưa thớt. Phần lớn dân cư chỉ tập trung sống ở vùng ven sông Tiền như các xã Bình Thành, Tân Phú, Tân Thạnh, An Long... Vì vậy, khi nói đến phong trào cách mạng ở Phong Thạnh Thượng trong buổi đầu là nói tới phong trào quần chúng ở tất cả các làng xã ven bờ sông Tiền.

Tháng 3/1927, tại Long Điền - Chợ Mới một Chi hội VNCMTN ra đời, là chi hội đầu tiên của tỉnh Long Xuyên, do đồng chí Châu Văn Liêm lãnh đạo. Chi hội như hạt giống đầu tiên nảy mầm cho phong trào cách mạng ở Chợ Mới (Long Xuyên). Từ Long Điền, chi hội được nảy nở thêm nhanh chóng ở khắp các xã trong quận Chợ Mới, cũng là điều kiện tốt cho chi hội tổng Phong Thạnh Thượng hình thành sau này.

Tháng 5/1928, đồng chí Phan Văn Túy (Mười Giái), thợ bạc ở Bình Thành (Phong Thạnh Thượng) được kết nạp vào Chi hội VNCMTN Hòa An (quận Cao Lãnh); sau đó được bố trí về Bình Thành hoạt động. Đây là hạt giống cách mạng đầu tiên ở Phong Thạnh Thượng, mảnh đất giàu truyền thống yêu nước. Từ hạt giống này, tổ chức và phong trào đã nhanh chóng phát triển.

Cuối năm 1928, Chi hội VNCMTN xã Bình Thành ra đời do đồng chí Phan Văn Túy lãnh đạo.

Giữa năm 1929, đồng chí Lưu Kim Phong (Bảy Quối), hội viên của Cao Lãnh, từng được đào tạo ở Quảng Châu và sau đó là đồng chí Đền thuộc cơ sở của Chợ Mới được phân công về Tân Phú, Tân Thạnh hoạt động. Sau một thời gian, đồng chí Bảy Quối và đồng chí Đền đã móc nối tuyên truyền giác ngộ được nhiều thanh niên, nông dân yêu nước và kết nạp vào hội bốn người tích cực nhất. Đến tháng 7 năm 1929, Chi hội VNCOMTN Tân Phú - Tân Thạnh ra đời.

Như vậy, dưới sự tác động tích cực của các Chi hội VNCOMTN ở Cao Lãnh và Chợ Mới, đến năm 1929, ở Phong Thạnh Thượng hình thành được hai chi hội. Các chi hội tổ chức và phân hội viên thành các tổ tam tam, thâm nhập vào quần chúng gây cơ sở, tuyên truyền, giáo dục, khơi dậy tinh thần yêu nước theo tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc; tiếp tục bồi dưỡng, chọn lựa những hội viên tích cực, những cá nhân nổi bật nhất của phong trào kết nạp vào tổ chức. Hoạt động của chi hội phần lớn thông qua những tổ chức công khai, hợp pháp với nhiều hình thức chẳng hạn như: "Ân công tương tế", "Ban cứu tế", "Hội cạo gió"... nhằm mục đích giáo dục mọi người thực hiện tương thân tương ái, tinh thần đoàn kết...

Các tổ chức "Nông hội", "Công hội" cũng được bí mật thành lập ở các xã để giúp đỡ, giáo dục quần chúng sự giác ngộ về quyền lợi, vận động chống thu tô, chống áp bức ... và tham gia đấu tranh. Từng bước, quần chúng nhận thức được ý nghĩa của cuộc sống, đó là niềm khích lệ tinh thần đấu tranh chống áp bức, chống nô dịch để giành lại cơm no, áo ấm và hạnh phúc gia đình.

Từ giữa năm đến cuối năm 1929, phong trào cách mạng phát triển mạnh, yêu cầu phải có một chính đảng mới đủ sức lãnh đạo;

nên ở cả ba miền đều lần lượt hình thành ba tổ chức cộng sản: Đông Dương Cộng sản Đảng (Bắc Kỳ), An Nam Cộng sản Đảng (Nam Kỳ) và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn (Trung Kỳ).

Tháng 11/1929 các chi bộ An Nam cộng sản Đảng lần lượt ra đời ở Lấp Vò, Cao Lãnh,... Đồng chí Phan Văn Túy, Chi hội trưởng Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội ở Bình Thành, được kết nạp vào chi bộ An Nam Cộng sản Đảng ở Cao Lãnh (tháng 11/1929), đây là yếu tố để tiến tới thành lập chi bộ Đảng ở Bình Thành.

Tình hình này đòi hỏi phải có sự thống nhất lãnh đạo của một chính đảng mới có thể thống nhất về đường lối và tổ chức, tập trung được sức mạnh của toàn dân đánh đuổi kẻ thù. Ngày 3/2/1930 tại Hương Cảng, Trung Quốc thay mặt Quốc tế Cộng sản, đồng chí Nguyễn Ái Quốc hợp nhất ba tổ chức cộng sản ở trong nước thành một đảng, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam là một lát yếu lịch sử. Nó đáp ứng yêu cầu lịch sử của dân tộc Việt Nam, một dân tộc bị mất nước, đã kiên trì đấu tranh liên tục suốt 70 năm qua, nhưng chưa tìm ra con đường cứu nước thích hợp.

Ngày 10 tháng 2 năm 1930, Chi bộ Đảng Cộng Sản xã Bình Thành được thành lập, có 4 đảng viên, do đồng chí Phan Văn Túy làm Bí thư, đây là chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên ở Phong Thạnh Thượng và cũng là một trong các chi bộ đầu tiên trên toàn tỉnh Long Xuyên.

Tiếp theo đó, tháng 3/1930 chi Bộ Đảng Cộng sản xã Tân Phú ra đời, do đồng chí Nguyễn Văn Sửu làm Bí thư. Cùng thời gian này chi bộ Đảng cộng sản xã Tân Thạnh do đồng chí

Nguyễn Ngọc Cam (Ba Cam) làm Bí thư. Cuối tháng 4/1930 chỉ bộ An Phong ra đời do đồng chí Nguyễn Hoàng Hỷ làm Bí thư.

Sự thành lập các Chi bộ Đảng ở tổng Phong Thạnh Thượng là kết quả của quá trình vận động, kết hợp nhuần nhuyễn giữa phong trào yêu nước với chủ nghĩa Mác - Lênin; đáp ứng yêu cầu bức thiết của nhân dân trong tổng.

Từ đây, nhân dân tổng Phong Thạnh Thượng đã có một chính đảng lãnh đạo, có đường lối cách mạng phù hợp với tâm lý nguyện vọng và khả năng của nhân dân và xu thế của thời đại.

II.- PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA NHÂN DÂN PHONG THẠNH THƯỢNG DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG (1930 - 1945)

1. Nhân dân vùng lên đấu tranh chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng (1930-1931)

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1931) đã ảnh hưởng lớn đến đời sống nhân dân Việt Nam. Năm 1930, Phong Thạnh Thượng bị mất mùa nghiêm trọng. Thực dân Pháp lại tăng cường áp bức bóc lột nặng nề hơn, nông dân đói khổ, thợ thủ công, người làm thuê thất nghiệp tràn lan, các khám chận ních người thiếu tô, thiếu thuế... Nỗi khổn khổ, bất mãn chồng chất, lòng căm thù phát sinh mạnh mẽ trong nhân dân và chỉ chờ dịp đứng lên.

Hòa nhập vào khí thế đấu tranh vang dội trong cả nước nhân ngày Quốc tế Lao động 1/5/1930, ở tổng Phong Thạnh Thượng chỉ bộ Bình Thành phối hợp với chỉ bộ Cao Lãnh, lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Sau khi đánh giá tình hình của địch và lòng căm thù của nhân dân ta ở địa phương, Chi bộ Cao Lãnh và Chi bộ

Bình Thành quyết định tổ chức một cuộc đấu tranh chánh trị vào ngày 1/5/1930 để làm thí điểm rút kinh nghiệm. Chỉ huy chung là đồng chí Nguyễn Văn Tây - Tư Hải (Bí thư chi bộ đặc biệt Cao Lãnh), lực lượng đấu tranh gồm nhân dân các xã Bình Thành, Tân Phú, Tân Thạnh, An Phong.

Rạng sáng ngày 1/5/1930, quần chúng các xã, khoảng 700 người tập trung kéo ra chợ Bình Thành mít-tinh vạch trần tội ác của bọn địa chủ ác ôn và nói lên nỗi khốn khổ của nông dân. Sau đó, đoàn biểu tình giương cao băng cờ, kéo đến nhà Cai tổng Cần (Tân Phú) yêu cầu hoãn thuế thân, đòi trả những người thiếu thuế bị bắt, đòi cấp gạo, trả tiền công cho những người đi làm xâu, bỏ phạt vạ vô cớ. Đoàn biểu tình kéo đến đâu cũng có pháo nổ, có trống đánh liên hồi, thúc giục mạnh mẽ cuộc đấu tranh trực diện với quân thù. Cai tổng Cần và bọn tề xã dù có vũ khí trong tay vẫn phải hoảng sợ, chấp nhận yêu sách và hứa hẹn kiến nghị lên cấp trên của chúng. Đạt được yêu cầu, đoàn biểu tình giải tán.

Lần đầu tiên dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Phong Thạnh Thượng đấu tranh thắng lợi, gây được tiếng vang lớn, làm cho bọn cai tổng, tề xã hoảng hốt, dao động, nhưng lại là niềm cổ vũ vô cùng to lớn cho nhân dân 4 xã.

Ngày 3/5/1930 nhân dân các xã Bình Thành, Tân Thạnh, Tân Phú, Mỹ Luông, Tấn Đức, Cái Tàu Thượng cùng với nhân dân Cao Lãnh, lực lượng khoảng 4.000 người kéo đến dinh quận Cao Lãnh, hô vang khẩu hiệu đấu tranh: "Hoãn thu thuế thân", "thả những người không đi làm xâu bị bắt, bỏ phạt vạ vô cớ...". Trước khí thế đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng, tên Quận trưởng Lê Quang Tường buộc phải nhượng bộ, chấp nhận yêu sách.

Chỉ trong vài ngày, dưới sự lãnh đạo của Đảng, một lần nữa quần chúng đấu tranh giành thắng lợi, đã khẳng định đường lối của Đảng là đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân.

Ngày 9/5/1930, theo mệnh lệnh của cấp ủy Đảng Chợ Mới, các chi bộ Đảng trong tổng Phong Thạnh Thượng lãnh đạo hơn 1.000 người kéo qua phối hợp với nhân dân Chợ Mới thành một lực lượng hơn 4.000 người kéo đi hướng dinh quận; hai bên đường quần chúng đổ xô ra ủng hộ và tung hô cổ vũ đầy khí thế. Đoàn biểu tình đấu tranh đòi: "Hoãn thu thuế thân - chống sưu cao thuế nặng, chống cường hào ác bá ức hiếp nhân dân, thả hết những người bị bắt ở Bình Thành". Trước tình hình đó Quận trưởng Văn Thế Lộc buộc phải chấp nhận yêu sách của dân chúng và hứa trình cấp trên. Cuộc biểu tình ở Chợ Cao Lãnh và Chợ Mới là những đòn tấn công tác động mạnh đến tình hình cả Nam Kỳ, khiến Congac (Cô-Nhắc), Thống đốc Nam Kỳ phải ký sắc lệnh hoãn thu thuế thân hai tháng trên toàn Nam Kỳ.

Lần đầu tiên nhân dân Chợ Mới dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đấu tranh giành thắng lợi, cũng là lần thứ ba đồng bào tổng Phong Thạnh Thượng do các chi bộ xã lãnh đạo thành công; biến khí thế các cuộc biểu tình như là những cuộc biểu dương lực lượng to lớn, hùng hậu.

Sau các lần biểu tình thắng lợi, ai ai cũng phấn khởi nô nức, khí thế đấu tranh thêm mạnh mẽ diễn ra khắp các xã trong tổng, tổ chức cơ sở được phát triển rộng, quần chúng trung kiên lần lượt được kết nạp vào Đảng.

Ngày 28/5/1930, Chợ Mới phát động cuộc biểu tình lần thứ hai. Đồng bào Phong Thạnh Thượng kéo sang tập trung ở Cột

dây thép xã Long Điền - quận Chợ Mới, phối hợp với nhân dân Chợ Mới kéo đến dinh quận, đoàn người càng lúc càng đông, con số lên khoảng 7.000 người, dài hơn 4 cây số với băng, cờ, trống giục, vừa đi, vừa hát, vừa hô khẩu hiệu: "Giảm thuế thân, bãi bỏ các thứ thuế vô lý, tăng lương cho công nhân và binh sĩ, thả 9 người bị bắt ở Bình Thành". Đoàn người đấu tranh rầm rộ, bọn hội tề, hương chủ, hương cả phải lẩn trốn.

Bọn lính Lê dương đi 4 xe lính từ Sadéc lên, do tên mật thám Nadaut (Na - đô) chỉ huy đàn áp đoàn biểu tình, bà con nhỏ nọc trâu, nhỏ trụ hàng rào chống đỡ quyết liệt, chúng điên cuồng nổ súng vào đoàn biểu tình. Trước tình hình đó Ban lãnh đạo quyết định giải tán để tránh thiệt hại nhiều hơn. Kết quả ta phá hư 1 xe của chúng, ta có 4 người chết, 25 người bị thương.

Sau cuộc đấu tranh ở Chợ Mới, bị địch dã man đàn áp, khủng bố, thêm một số người chết, bị thương, nhiều đồng chí bị bắt, bị tù đầy, phong trào đấu tranh trực diện tạm lắng xuống. Tuy nhiên, lòng căm thù vẫn nung nấu sôi sục trong lòng mỗi người dân yêu nước, ngọn lửa cách mạng vẫn tiếp tục cháy, hành động đấu tranh nổi lên đây đó trong tổng Phong Thạnh Thượng như rải truyền đơn, đốt pháo, treo cờ Đảng... vẫn diễn ra.

Nhân dân tổng Phong Thạnh Thượng dưới sự lãnh đạo của Đảng trận đầu ra quân thắng lợi, tinh thần hồ hởi, khí thế ngày càng cao làm cho địch choáng váng, hoảng sợ, dao động, tập trung lực lượng tìm cách đối phó, tung mật thám khắp nơi để dò la, hăm dọa và khủng bố, đàn áp.

Càng hoảng sợ khí thế cách mạng, địch càng khủng bố dã man. Chúng dùng bọn mật thám lùng sục, đánh hơi, đánh phá cơ sở Đảng; bắt bớ, giam cầm hàng trăm quần chúng cốt cán hồng dật tắt phong trào cách mạng. Chúng còn dùng nhiều thủ đoạn

tuyên truyền xuyên tạc, gây tâm lý hoang mang chia rẽ trong quần chúng; một mặt chúng xoa dịu phong trào đấu tranh, hứa sẽ giải quyết những yêu sách của nhân dân, mặt khác lại tổ chức bộ máy đàn áp dữ dội hơn. Chúng đưa tên Guidi về làm quận trưởng Chợ Mới thay cho Văn Thế Lộc, tên xếp Hiến ác ôn và đồng bọn cũng được tổ chức thành bộ máy đàn áp.

Tháng 10/1931, chúng mở chiến dịch khủng bố ác liệt, cơ sở cách mạng ở tổng Phong Thạnh Thượng liên tiếp bị đánh phá, nhiều đồng chí lãnh đạo phong trào bị bắt, một số chi bộ bị tan rã như Bình Thành, Tân Phú. Một số đảng viên còn lại tạm thời lánh vào vùng sâu, hoặc xuống Cao Lãnh, lên Hồng Ngự. Đồng chí nào bị lộ thì chuyển vùng công tác, người ở lại thì vẫn luôn lách bám vào dân để ổn định tư tưởng quần chúng, gây dựng lại cơ sở cách mạng. Các đồng chí bị bắt, bị tù đầy thì giữ vững khí tiết. Truyền đơn của Đặc ủy Long-Châu Rạch-Hà đã vạch rõ: *"Đầu thú là một điều nguy nhất cho anh em chúng ta, nhục nhã cho chúng ta, đau đớn cho chúng ta, sống cũng như chết"*. Nhờ được giáo dục, tuyên truyền sâu rộng, lực lượng cách mạng giữ vững lập trường nên đã làm thất bại âm mưu của kẻ thù, đảng viên và quần chúng không một ai ra đầu thú.

Nhờ kịp thời củng cố tư tưởng và tổ chức ⁽¹⁾, mà phong trào cách mạng ở một số xã sớm khôi phục. Riêng Tân Phú, đến năm 1933, chi bộ được củng cố với 17 đảng viên. Trong thời gian này, hai đồng chí lãnh đạo của trên là Ung Văn Khiêm và Lê Văn Nhung bị địch truy lùng ráo riết, lánh về đây hoạt động, được

⁽¹⁾ Tháng 7/1931, Quận ủy Chợ Mới quyết định thành lập Tổng ủy tổng Phong Thạnh Thượng nhằm thống nhất lãnh đạo các chi bộ xã trên toàn tổng. Khi dịch khủng bố ác liệt, Tổng ủy tan vỡ.

quần chúng che chở và bảo vệ. Hai đồng chí cùng các đảng viên tại chỗ trực tiếp lãnh đạo, đi vào quần chúng gây dựng lại phong trào. Đó là một lợi thế của Phong Thạnh Thượng trong giai đoạn thoái trào.

Một số đồng chí mãn hạn, lần lượt ra tù đã móc nối với các đồng chí đảng viên còn lại, xây dựng lại tổ chức đảng, cơ sở quần chúng ở các xã được khôi phục, củng cố, đoàn thể quần chúng được gây dựng lại; chi bộ và các đảng viên tiếp tục phát động q/c hợp mit-tinh, rải truyền đơn, treo cờ, đốt pháo, đào phá đường ngăn chặn giao thông... Vận động dân làm đơn tố cáo tên hương quản Tồn (Tân Phú), vạch trần bộ mặt bán nước, làm tiền, gian ác, ức hiếp nhân dân, làm cho tên này bị cách chức một thời gian.

Cuối tháng 7/1934, quận ủy Chợ Mới quyết định khôi phục Tổng ủy Phong Thạnh Thượng, phân công ủy viên về trực tiếp phụ trách các xã An Phong, Tân Phú, Tân Thạnh, Bình Thành.... Chi bộ các xã bước đầu được củng cố. Phong trào cách mạng phát triển đều khắp tổng Phong Thạnh Thượng vào năm 1935.

2. Đấu tranh công khai, hợp pháp đòi dân chủ (1936-1939)

Sau cuộc vận động tranh cử thắng lợi, tháng 6/1936 Chánh phủ phái tả ở Pháp lên cầm quyền (còn được gọi là Chánh phủ Mặt trận Bình Dân). Do áp lực của Đảng Cộng sản Pháp và cao trào nhân dân chống Phát xít, Chánh phủ Pháp phải ban bố sắc lệnh thả tù chính trị, cải cách chính sách lao động, xã hội, cho điều tra lại tình hình các nước thuộc địa, đặc biệt là Đông Dương và Bắc Phi.

Tình hình chính trị ở Pháp ảnh hưởng trực tiếp đến Đông Dương và yêu cầu cấp thiết trước mắt của nhân dân ta hiện thời

là tự do, dân chủ, cải thiện dân sinh. Đảng nhanh chóng chớp lấy thời cơ, lợi dụng hình thức đấu tranh công khai hợp pháp kết hợp vận động bí mật, phát động phong trào vận động dân chủ công khai, mở đầu bằng việc thành lập "Ủy ban hành động" ở các cấp với khẩu hiệu: *"Chống phát xít, chống chiến tranh, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do dân chủ, cơm áo và hòa bình, ủng hộ Mặt trận Nhân dân Pháp"*.

Tháng 8/1936, "Ủy ban hành động" quận Chợ Mới được thành lập và tổ chức mít-tinh ra mắt hàng trăm người tại quận lỵ. Tiếp sau đó Quận ủy Chợ Mới chỉ đạo các xã khẩn trương tổ chức thành lập và cho ra mắt "Ủy ban hành động". Trong thời gian này Ủy ban hành động các xã Tân Phú, Tân Thạnh, Bình Thành... lần lượt ra đời, đồng chí Ung Văn Khiêm được cử về đây hoạt động. Tại Tân Phú, trong một cuộc mít-tinh công khai ra mắt Ủy ban hành động, có đến gần 1.000 người tham dự, do đồng chí Ung Văn Khiêm chủ trì. Phía tề xã có Xã trưởng Toàn, Hương quản Tồn, Hương hào Tốt. Sau phần nghi thức ra mắt, đại diện Ủy ban hành động phát biểu là phần diễn thuyết của đồng chí Ung Văn Khiêm. Quần chúng nhiệt liệt tán thành và ủng hộ bài diễn thuyết đồng chí Ung Văn Khiêm và chương trình hành động của Ủy ban. Sau buổi lễ ra mắt ở Tân Phú, phong trào vận động dân chủ công khai diễn ra khắp nơi trong tổng.

Tháng 9/1936, hầu hết các xã của tổng Phong Thạnh Thượng đều thành lập được "Ủy ban hành động". Các đồng chí lãnh đạo đại diện nhân dân đi tiếp xúc và nêu thỉnh nguyện với chánh quyền. Các đồng chí cũng tổ chức diễn thuyết kêu gọi chống áp bức bóc lột, chống địa chủ cường hào cướp đoạt ruộng đất nhân dân.

Phong trào đọc báo công khai, bàn luận thời sự ở các nơi tụ tập đông người, chợ búa, quán ăn, tiệm cà phê, tiệm hớt tóc ... Các tờ báo được ưa thích như: "Dân Chúng" (Le peuple), "Trung Lập", "Đuốc Nhà Nam",... đặc biệt báo "Dân Chúng" là cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng, được thanh niên, trí thức, học sinh tiến bộ đi phổ biến trong các xã Tân Phú, Bình Thành... Báo chí được sử dụng làm vũ khí đấu tranh công khai cho lực lượng cách mạng.

Các tổ chức khác như: Hội cứu tế đỏ, Hội bóng đá, Hội nhà vàng, Hội ái hữu... được ra đời ở Tân Phú, Bình Thành.

Nhờ các hình thức hoạt động phong phú, dần dần Đảng giúp quần chúng hiểu biết về cách mạng và họ mạnh dạn gia nhập tổ chức. Phong trào bình dân học vụ, xóa bỏ mê tín dị đoan, đàn ông cắt tóc ngắn, tổ chức cưới hỏi theo nếp sống mới, chống hủ tục phong kiến, quyền bình đẳng cho phụ nữ ... được phổ biến rộng.

Ủy ban hành động được sự tín nhiệm của nhân dân. Các lá thư "Dân nguyện" gửi về Ủy ban ngày càng nhiều nhằm tố cáo bọn quan làng, địa chủ áp bức bóc lột. Quần chúng xem đó như là cơ quan chánh quyền của nhân dân. Phong trào đòi dân sinh, dân chủ đã phát triển mạnh mẽ. Các cuộc đấu tranh đòi quyền dân chủ, cải thiện đời sống của nông dân và các thành phần giai cấp khác diễn ra liên tục.

Đặc biệt, phong trào "Đông Dương Đại hội" là phong trào đón tiếp phái đoàn Goda (1937) sang điều tra tình hình Đông Dương, Honel (đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, một thành viên của đoàn) đi trong phái đoàn này đến Mỹ Luông-Chợ Mới. Tổng Phong Thạnh Thượng cử một đoàn đại biểu gồm một số đảng

viên và quần chúng tích cực đến tham gia cùng 3.000 đồng bào ở Chợ Mới đưa các bản "dân nguyện" đòi ân xá tù chính trị, đòi bỏ thuế thân, bảo đảm các quyền tự do dân chủ. Đồng chí Honel nhận và hứa sẽ phản ánh với Chánh phủ Pháp, quần chúng hoan hô nhiệt liệt.

Những cuộc mít-tinh, rải truyền đơn, treo cờ Đảng... diễn ra khắp nơi ở các xã An Phong, Bình Thành, Tân Phú, Tân Huê... Đặc biệt, tại An Phong, chi bộ Đảng đã tập hợp được khoảng 300 người ở tổng Phong Thạnh Thượng, có cả binh sĩ, đấu tranh đòi cơm ăn, áo mặc, đòi quyền dân chủ, chống thu thuế, chống đi lính cho Pháp.

Phong trào nông dân đấu tranh chống địa chủ, cường hào ác bá cũng diễn ra sôi nổi ở Tân Phú, chi bộ Đảng hướng dẫn nhân dân kéo đến nhà Cai tổng Cần, Ban biện Hy... đòi bỏ thuế, đòi trả đất cho nông dân, đòi cách chức Hương quản Tồn... Khí thế đấu tranh làm kẻ thù sợ hãi, bớt hống hách dọa nạt quần chúng, hứa hẹn sẽ giải quyết yêu sách lên cấp trên giải quyết. Có địa chủ kêu nông dân đến trả lại ruộng đất mà trước đây họ đã chiếm đoạt của nông dân, như thầy Ba Dĩ.

Cuộc vận động dân chủ ở tổng Phong Thạnh Thượng phát triển mạnh mẽ, phong trào đấu tranh trong thời kỳ công khai đã lôi cuốn được một số hương chức, binh sĩ trong làng tham gia như Cai Quế, Cai Tuấn ở An Phong, hương hào Tốt ở Tân Phú...

Cao trào cách mạng 1936 - 1939 đã giúp phong trào cách mạng khôi phục nhanh chóng về số lượng và chất lượng; các tổ Đảng và quần chúng sớm củng cố, mở rộng. Tuy các Ủy ban hành động chỉ tồn tại trong thời gian ngắn, nhưng nhờ các chi bộ

đảng linh động chuyển hướng kịp thời nên khi Chánh phủ Bình dân Pháp bị lật đổ, chánh phủ mới lên thay, thực hiện chánh sách đàn áp, khủng bố như trước, nhưng phong trào vẫn được duy trì, cơ sở cách mạng được mở rộng, các cuộc đấu tranh vẫn liên tục nổ ra dưới nhiều hình thức. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được nâng lên. Nhiều thành phần tích cực xuất hiện. Số lượng đảng viên phát triển.

3. Giai đoạn 1939 - 1945 và Cách mạng Tháng Tám

Ngày 1/9/1939, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Tháng 6 năm 1940, phát xít Đức đánh chiếm nước Pháp. Ở Đông Dương, phát xít Nhật xúi giục Thái Lan gây chiến với thực dân Pháp.

Chớp lấy thời cơ, ngày 21, 22 và 23/9/1940, Xứ ủy Nam Kỳ họp để chuẩn bị phát động cuộc khởi nghĩa nhằm "đổi chiến tranh Pháp - Thái thành nội chiến cách mạng". Tháng 10/1940, Thái Lan đánh chiếm Campuchia. Thực hiện chủ trương khởi nghĩa của Xứ ủy, các tỉnh Nam Bộ tích cực chuẩn bị lực lượng.

Tháng 9/1940, đồng chí Lương Văn Cù, Bí thư Liên Tỉnh ủy, triệu tập hội nghị bất thường ở Kiến An (Chợ Mới), phân tích tình hình, bàn kế hoạch xây dựng lực lượng vũ trang và thành lập Ủy ban khởi nghĩa. Theo lệnh của Tỉnh ủy và Quận ủy, Ủy ban khởi nghĩa tổng Phong Thạnh Thượng được thành lập. Không khí chuẩn bị khẩn trương, từ tổ chức quần chúng đến các ban tiếp tế, cứu thương, liên lạc,... nhanh chóng được thành lập và luyện tập.

Song, tình hình chung của tỉnh và tổng Phong Thạnh Thượng gặp nhiều khó khăn: Tổ chức quần chúng có mở rộng, đông đảo, song còn yếu và thường xuyên bị mật thám, tề xã theo dõi khủng

bố... Trong khi đó, lực lượng Quốc dân Đảng đứng đầu là Hồ Nhựt Tân (ở Tân Thạnh), Quế Côn (ở An Phong)... đang hoạt động mạnh, chủ trương đấu tranh thỏa hiệp, mang tính cải lương... cũng gây khó khăn cho ta không ít.

Toàn quyền Catroux trở mặt, ra lệnh động viên và tiến hành đàn áp cách mạng, chúng giải tán các tổ chức công khai của ta, nhiều đảng viên hoạt động công khai lộ mặt, bị bắt. Chúng thủ tiêu mọi quyền dân sinh, dân chủ tối thiểu mà nhân dân ta giành được trong phong trào Mặt trận Dân chủ (1936 - 1939), chúng vơ vét bằng cách bắt làm sưu, tăng thuế, chiếm độc quyền kinh tế, đẩy nhân dân trở lại cảnh cùng cực hơn trước.

Dù khó khăn thách thức mới luôn diễn ra, nhưng thuận lợi của ta có nhiều, nhân dân tổng Phong Thạnh Thượng có sẵn lòng yêu nước và căm thù giặc, đã trải qua kinh nghiệm đấu tranh dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, cho nên vẫn quyết tâm đoàn kết đứng lên giành độc lập.

Các chi bộ tổng Phong Thạnh Thượng thành lập Ủy ban khởi nghĩa, tổ chức các đội du kích như: Đội "Xích vệ" ở xã An Phong (gồm 4 tiểu đội), Đội "Thanh niên đỏ" gồm 3 nhóm, mỗi nhóm 10 người rải đều các xã. Các đoàn thể như: Phụ nữ phản đế, Nông hội đỏ, được củng cố, chuẩn bị giáo mác, gậy gộc, may cờ búa liềm... Các ban tiếp tế, ban cứu thương cũng được chuẩn bị sẵn sàng. Các lò rèn rèn vũ khí được ra đời ở Tân Huê để cung cấp vũ khí thô sơ cho lực lượng cách mạng. Phong trào phá lộ, chặt cây làm chướng ngại, treo cờ, rải truyền đơn nổi lên khắp các xã: Bình Thành, Tân Phú, Tân Huê, Tân Long, Tân Thạnh.

Theo lệnh của Xứ ủy, cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ "Các nơi phải nổi dậy vào đêm 22 rạng 23/11/1940" (tức ngày 23/10 âm lịch). Nhưng tối ngày 28/11, Ban khởi nghĩa tỉnh Long Xuyên mới nhận được lệnh do Nguyễn Văn Cự (tự Chà), Bí thư Tỉnh ủy nhận được, nhưng y không phổ biến ngay, mà báo cho địch biết trước ⁽¹⁾. Biết đã trễ 7 ngày, nhưng khi được lệnh, Liên Tỉnh ủy vẫn cấp tốc triệu tập cuộc họp vào hai ngày 28, 29/11 tại Long Điền (Chợ Mới), do đồng chí Lương Văn Cù, Bí thư Liên Tỉnh ủy, chủ trì. Trong cuộc họp có nhiều ý kiến khác nhau, kể cả ý kiến đình hoãn khởi nghĩa. Cuối cùng cuộc họp quyết định khởi nghĩa, thời gian thống nhất là 0 giờ ngày 3/12/1940.

Thực hiện chủ trương của trên, Tổng ủy Phong Thạnh Thượng lập Ban khởi nghĩa của tổng gồm các đồng chí Nguyễn Văn Sửu, Trần Văn Tráng (Tân Phú), Phan Văn Mậu (An Phong), Nguyễn Ngọc Cam (Tân Thạnh). Các xã đều thành lập Ban khởi nghĩa.

Đúng giờ quy định các xã trong tổng đồng loạt nổi dậy.

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng, lực lượng quần chúng xã An Phong phối hợp với Đội Xích vệ kéo vô chợ đốt pháo thị uy, bao vây trụ sở bọn hội tề, thiêu hủy toàn bộ giấy tờ, tài liệu, đốt công sở, chiếm đồn An Phong, thu một súng trường và 100 viên đạn. Sau đó, lực lượng khởi nghĩa đi vây bắt những tên ác ôn và biểu tình thị uy đến vàm Ba Răng, làm chủ xã An Phong được 5 ngày. Phát huy thắng lợi, lực lượng khởi nghĩa chia làm hai mũi:

⁽¹⁾ Nguyễn Văn Cự tự Chà là lính kín, địch cài vào tổ chức của ta, nhưng ta chưa phát hiện được

một mũi đi hỗ trợ cho các xã Tân Thạnh, Tân Phú, một mũi sang sông, sáng hôm sau phối hợp với nhân dân toàn quận Chợ Mới bao vây bưu điện và dinh quận trưởng. Nhưng do bọn địch ở Chợ Mới biết trước, nên đề phòng, kế hoạch không thành.

Ở Tân Phú, sau cuộc hội nghị ở Long Điền, đồng chí Nguyễn Văn Xây (Ba Xây) mang tài liệu, truyền đơn về xã, bị địch theo dõi, đồng chí nhận chìm xuống thủ tiêu tài liệu; đồng chí truyền đạt miệng cho các đồng chí ở xã. Cuộc khởi nghĩa ở đây có đến hàng trăm người tham dự, bao vây đốt nhà, lấy súng của bọn tề, vận động lính ở đồn Tây Xếp lấy thêm ba khẩu nữa.

Ở Tân Thạnh, đồng chí Nguyễn Ngọc Cam cùng các đảng viên trong xã lãnh đạo nhân dân phối hợp khởi nghĩa với An Phong, sau đó kéo qua Long Điền nhưng bị địch chặn lại. Song, ông Phạm Văn Ba (Ba Điếu) treo được lá cờ búa liềm trên đọt sao ở ấp Nam, làm cho bọn địch hoang mang, còn quần chúng rất phấn khởi.

Cùng lúc ấy, ở An Long, dù chưa có chi bộ độc lập, một mình đồng chí Lê Dùng cùng vài thanh niên phản đế và 20 hội viên Nông hội với gần 60 quần chúng ⁽¹⁾, xuất phát từ ranh xã An Phong, phất cờ đánh trống, đốt pháo tre kéo dài lên An Long, rải truyền đơn, hô khẩu hiệu...

Cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ ở Phong Thạnh Thượng, nổi bật là An Phong kéo dài không lâu nhưng gây được tiếng vang lớn, thức tỉnh tinh thần cách mạng của quần chúng, biểu thị lòng trung thành với Đảng và tư tưởng tiến công của cán bộ đảng viên, là

⁽¹⁾ Lúc bấy giờ có chi bộ ghép ba xã An Long, Tân Thạnh và An Phong, vì ở An Long chỉ có một đảng viên là ông Lê Dùng (Bảy Dùng)

bài học lớn về khởi nghĩa vũ trang và lãnh đạo nhân dân nổi dậy giành chính quyền.

Sau cuộc khởi nghĩa vài ngày, địch huy động lính từ Nam Vang (thủ đô Campuchia) xuống kết hợp với bọn phản động ở địa phương khủng bố, đàn áp dã man. Chúng ra lệnh giới nghiêm, bao vây, lùng bắt, đốt nhà, cướp của những người bị tình nghi ở An Phong, Bình Thành và 3 xã cù lao. Nhiều cán bộ, đảng viên và quần chúng trung kiên bị bắt, bị đày đi Côn Đảo, Bà Rá, có đồng chí bị chúng tử hình. Các chi bộ An Phong, Tân Thạnh, Tân Phú, Bình Thành, Tân Huê bị tan rã. Nhiều đảng viên trong diện địch truy nã, phải chuyển vùng khác hoạt động. Một số đảng viên, quần chúng tích cực bị bọn tề xã quản thúc chặt, phải trình diện thường kỳ cho chúng kiểm tra. Bọn tay sai lợi dụng cơ hội ngóc đầu dậy trả thù, trả oán, bắt bớ, giam cầm không cần chứng cứ để làm tiền, vơ vét cướp bóc tài sản nhân dân.

Cả Nam Kỳ sống trong không khí khủng bố ngột ngạt. Thêm vào đó là thiên tai, mất mùa làm cho đời sống nhân dân, nhất là nông dân vô cùng khốn đốn. Trong hoàn cảnh xã hội đó, Phật giáo Hòa Hảo (PGHH) ra đời từ tháng 5/1939 tại làng Hòa Hảo (quận Tân Châu, Châu Đốc), với tư cách là "một tôn giáo cứu thế" có điều kiện thuận lợi để phát triển nhanh chóng. Với giáo lý bình dân, giản dị, dễ hiểu, PGHH đáp ứng được nguyện vọng của một bộ phận lớn nông dân Đồng bằng sông Cửu Long đang bị hoang mang, dao động dễ đi đến tiêu cực yếm thế trước thời cuộc, muốn tìm một môi đạo tu hành cầu được yên thân.

Mặt khác, bọn mật thám, bọn phản động chui vào hàng ngũ tôn giáo thực hiện âm mưu ly gián, xuyên tạc, gây thù địch với cách mạng, chịu ảnh hưởng nặng nề nhất là đạo PGHH.

Để khôi phục phong trào, số đảng viên còn lại chưa bị lộ, bám trụ ở địa phương, liên hệ nhau, xây dựng lại chi bộ, từng bước ổn định, củng cố lại tinh thần của quần chúng. Sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, hoạt động cách mạng trong tổng tập trung vào việc chống bắt sưu đi làm lộ 30 (từ An Hữu đến Hồng Ngự) và đòi cấp gạo, muối khi đi làm sưu, đòi giảm thuế...

Tháng 5/1941, Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tại Pắc Bó (Cao Bằng). Hội nghị thành lập "Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh" gọi tắt là "Mặt trận Việt Minh". Thành phần Mặt trận bao gồm các tầng lớp nhân dân được tổ chức trong các hội cứu quốc: Công nhân cứu quốc, Nông dân cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Phụ lão cứu quốc... Hội nghị phát động phong trào đánh Pháp đuổi Nhật chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền.

Tại tổng Phong Thạnh Thượng, Mặt trận Việt Minh lần lượt ra đời ở các xã. Mặt trận tập hợp các giai cấp, các tôn giáo trong xã hội để những người yêu nước đoàn kết thành một khối. Đến cuối năm 1942, cơ sở cách mạng ở tổng Phong Thạnh Thượng được phục hồi.

Cương lĩnh của Mặt trận Việt Minh và lời kêu gọi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã truyền thêm sức mạnh và thúc giục hành động cách mạng. Ở tổng Phong Thạnh Thượng, đảng viên cùng quần chúng tại chỗ tổ chức diệt trừ bọn gian ác: Hương quản Tiên xã Tân Thạnh bị giết; tên Thanh, Hương quản xã An Phong bị cảnh cáo; tên Ninh, Hòa, Hương quản và xã trưởng Bình Thành bị tấn công trọng thương. Còn ở An Long, trong một cuộc lùng sục, bọn lính khố xanh bắt trên 30 nông dân mà chúng nghi đã

tham gia khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940. Ta đấu tranh, chúng thả tại chỗ vài ba người còn lại 28 người, chúng giải về Châu Đốc. Ta tiếp tục đấu tranh với tình cảm và lời lẽ hợp lý. Cuối cùng chúng phải thả hết những người bị bắt.

Ngày 9/3/1945, Phát xít Nhật đảo chính Pháp, cướp chính quyền trên toàn Đông Dương. Bọn tai sai thân Pháp hoang mang lo sợ. Tên Arquier, Chủ quận Chợ Mới bỏ trốn. Để lừa mị nhân dân, Nhật tuyên bố cho Việt Nam độc lập, tuyên truyền thuyết "Đại Đông Á" nhằm lôi kéo một số người nhẹ dạ làm tay sai cho chúng. Một số nhỏ chức sắc phản động núp bóng đạo Cao Đài và PGHH có mặt trong đám tay sai này. Bọn tay sai đeo chân Nhật hống hách tranh giành địa vị. Tên Nguyễn Văn Thi được chúng đưa lên làm quận trưởng Chợ Mới thay cho Arquier. Ngày 20/3/1945 chúng phát động tuần lễ "ơn đền oán trả" ở Cao Lãnh. Cảnh trả thù, trả oán lại diễn ra khắp nơi lan rộng đến Bình Thành, Tân Phú... Bọn phản động cầm đầu giáo phái Cao Đài đứng ra kêu gọi ủng hộ Nhật, nêu chiêu bài độc lập để tranh giành ảnh hưởng. Nhật lấy đất của địa chủ chia cho tín đồ PGHH (tháng 4/1945). Tình hình chánh trị ở địa phương trở nên vô cùng phức tạp.

Nhưng khi đã dẹp yên bọn Pháp, tên Phó Thống đốc Nhật Sato đến Long Xuyên tổ chức lại bộ máy cai trị và tuyên bố: "*Nơi đây là thuộc địa của Nhật cũng như thuộc địa hồi trước của Pháp vậy*". Lời tuyên bố ấy đã để lộ nguyên hình bộ mặt cướp nước của Nhật, làm thức tỉnh những người lầm lạc. Đồng bào yêu nước thấy rõ bộ mặt thật của phát xít Nhật hơn, càng tin tưởng vào cách mạng, vào Đảng. Từ đó, chi bộ các xã trong tổng, từng bước

khôi phục, làm cơ sở cho quận ủy Chợ Mới được thành lập trở lại và quận Chợ Mới là nơi chỉ đạo điểm của tỉnh Long Xuyên.

Tháng 4/1945, các chi bộ của tổng Phong Thạnh Thượng nhận được Chỉ thị của Thường vụ Trung ương Đảng: "*Nhứt Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*". Chỉ thị này chẳng những kịp thời mà còn phù hợp với tình hình địa phương; do đó các chi bộ khẩn trương chuẩn bị lực lượng, chủ yếu là lực lượng vũ trang để chờ lệnh hành động. Các đồng chí bị tù, tổ chức vượt ngục trở về móc nối liên lạc với các đồng chí bám trụ trong xã phát triển cơ sở Đảng, củng cố đoàn thể quần chúng.

Sau cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ (tháng 11/1940) thực dân Pháp khủng bố ác liệt, nhiều cơ sở, nhiều tổ chức đảng ở Nam Kỳ tan vỡ, trong đó có cả Xứ ủy. Nên trong giai đoạn "tiền khởi nghĩa" (Cách mạng Tháng 8/1945), để đáp ứng tình hình chuyển biến và thời cơ đến quá nhanh do chiến tranh thế giới 1939-1945 tạo ra, một số đồng chí lãnh đạo vượt ngục ra liên hệ nhau, tổ chức Xứ ủy Nam Kỳ mới vào tháng 10 năm 1943, do Trần Văn Giàu (Sáu Giàu) làm bí thư ⁽¹⁾. Trong khi đó, một số đồng chí lãnh đạo Xứ ủy cũ không bị địch bắt, vẫn còn hoạt động, như Nguyễn Thị Thập (Mười Thập) Trần Văn Di (Sáu Di)... Như vậy, trên thực tế lúc này Nam Kỳ có hai Xứ ủy, mà quần chúng hiện thời còn gọi là Việt Minh cũ, Việt Minh mới.

- Việt Minh cũ, tổ chức theo chỉ đạo của "Xứ ủy cũ"; các tổ chức quần chúng mang tên Thanh niên Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc và có tờ báo mang tên Giải Phóng nên còn được gọi là nhóm Giải phóng.

⁽¹⁾ Trần Văn Giàu: *Một khoảng đời, hồi ký, bản đánh máy*.

- Việt Minh mới, tổ chức theo chủ trương của "Xứ ủy mới", lập một tổ chức quần chúng mang tên Tiền phong ⁽¹⁾: Thanh niên Tiền phong, có tờ báo mang tên Tiền Phong, nên được gọi là nhóm Tiền phong.

Có nhiều địa phương chịu sự lãnh đạo của cả hai hệ thống; ở Phong Thạnh Thượng, các xã Tân Huê, Tân Long, Tân Thạnh, An Long theo sự chỉ đạo của nhóm Giải phóng. Nhưng tổ chức Thanh niên Tiền phong ở đây phát triển rất mạnh, thu hút nhiều thanh niên yêu nước ở địa phương. Hàng ngày mặc đồng phục, luyện tập quân sự, tổ chức canh gác... tạo ảnh hưởng tốt trong quần chúng. Lợi dụng thiếu sự lãnh đạo của Đảng thuộc hệ thống Tiền Phong, các chi bộ địa phương ở đây (thuộc hệ thống Giải phóng) song song với việc củng cố tổ chức, còn cài người vào bộ máy chánh quyền xã, đưa đảng viên hoặc cán bộ nông cốt vào lãnh đạo lực lượng Thanh niên Tiền Phong và lôi lái họ theo hướng hoạt động của Thanh niên Cứu quốc.

Tình trạng này tồn tại không lâu, sau đó, đại diện hai xứ ủy đã họp bàn việc thống nhất và chỉ đạo cho các cấp đảng tiến tới thống nhất ⁽²⁾.

Ngày 14/8/1945, Nhật Hoàng đầu hàng vô điều kiện Liên Xô và Đồng minh, quân Nhật ở Đông Dương như rắn mất đầu. Chánh phủ bù nhìn Trần Trọng Kim hoang mang cực độ. Ở Long Xuyên, bọn Nhật qui tụ về nhà thờ Cù Lao Gieng. Bộ máy tay sai ở địa phương bị tê liệt. Tên quận trưởng Chợ Mới, Trần Văn Thi lo thu dọn gia đình dự định bỏ trốn. Thời cơ cách mạng đã đến.

⁽¹⁾ Tổ chức Thanh niên Tiền phong do Nhật lập ra, ta bí mật đưa người vô năm, "lèo lái" họ hoạt động có lợi cho dân.

⁽²⁾ Nguyễn Thị Thập: Từ đất Tiền Giang, Hồi ký, Nxb Văn học, H.1986, tr.259-269

Nhận được chỉ thị của Xứ ủy, Long Xuyên được chỉ đạo khởi nghĩa giành chính quyền vào ngày 25/8/1945. Nhưng do thực tế có điều kiện thuận lợi, ở Chợ Mới nói chung, tổng Phong Thạnh Thượng nói riêng, các chi bộ vận động quần chúng chuẩn bị khẩn trương, để thúc đẩy cuộc khởi nghĩa nổ ra sớm hơn. Xã Tân Thạnh thành lập một trung đội du kích trẻ trung, khỏe mạnh. Một số xã khác như Tân Phú, các xã ở Cù Lao Tây, quần chúng với tâm vông, giáo mác kéo biểu tình, địch hoảng loạn, lẩn trốn; ta hoạt động gần như công khai. Chớp lấy thời cơ, chi bộ các xã chấp hành chỉ thị của Quận ủy Chợ Mới, lãnh đạo quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền.

Cùng với cả nước, hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *"Giờ quyết định cho dân tộc đã đến. Toàn quốc, đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà giải phóng cho ta"*. Nhiều nơi trong cả nước đã nổi dậy giành chính quyền. Hà Nội tổng khởi nghĩa thắng lợi ngày 19/8/1945 như tiếp thêm sức mạnh cho các địa phương. Nhân dân Phong Thạnh Thượng dưới sự lãnh đạo của Tổng ủy đã lần lượt nổi dậy.

Ngày 19/8/1945 ở Bình Thành, nhân dân cùng Thanh niên Tiền Phong và Thanh niên Cứu quốc trang bị gậy gộc, giáo mác rầm rộ kéo đến bao vây nhà Cả Cung. Địch bị tê liệt, tan rã hoàn toàn, chính quyền về tay nhân dân. Cùng ngày ấy, nhân dân Tân Thạnh dưới sự lãnh đạo của Chi bộ xã cũng đã đứng lên giành được chính quyền. Hòa cùng khí thế thắng lợi dồn dập, nhân dân Tân Thạnh, Tân Phú biểu tình kéo đến nhà Hương quản Tôn, Hương cả Hạp, vừa đi vừa hô khẩu hiệu: *"Đả đảo bọn quan lại ác ôn"*. Bọn tề xã hoảng chạy, nhân dân giành quyền làm chủ.

Ngày 20/8/1945, Chi bộ xã Tân Huê huy động trên 700 đồng bào, đội ngũ chính tề trang bị vũ khí thô sơ kéo đến đồn Tân Huê chiếm đồn và lần lượt tuần hành khắp các xã trên cù lao vừa đi vừa hô vang khẩu hiệu: "*Chánh quyền về tay Việt Minh, Việt Nam độc lập muôn năm*". Trên đường đi, quần chúng gia nhập đoàn biểu tình lên khoảng 2.000 người, đa số là đồng bào tín đồ PGHH.

Ngày 22/8/1945, nhân dân An Phong, dưới sự lãnh đạo của chi bộ địa phương tổ chức mít tinh, khởi nghĩa, bọn hội tề bỏ chạy, ta nắm chánh quyền. Ngày 23/8, hàng trăm người dân An Long biểu tình, vây bắt bọn tề gian ác, tịch thu hồ sơ, giấy tờ... và hai khẩu súng (1 calip C và Calip Y của cai tổng Xuân và xã Há). Trong đoàn biểu tình có cả linh mục Lương Minh Ký (nhà thờ Bãi Chàm) và một số viên chức tề có cảm tình với cách mạng.

Cuộc nổi dậy giành chánh quyền trong toàn tổng Phong Thạnh Thượng kể từ ngày 19/8/1945 đến 22/8/1945, giành thắng lợi, nhân dân làm chủ hoàn toàn, cuộc khởi nghĩa diễn ra nhanh gọn, không đổ máu. Sau đó, các xã phối hợp với nhân dân Chợ Mới để hỗ trợ giành chánh quyền cấp tỉnh ở Long Xuyên ngày 25/8/1945.

Cách mạng Tháng Tám thắng lợi ở tổng Phong Thạnh Thượng là kết quả của cuộc đấu tranh đầy hy sinh, gian khổ suốt 15 năm của nhân dân địa phương dưới sự lãnh đạo của Đảng; truyền thống yêu nước, căm thù giặc của nhân dân địa phương được khơi dậy, dâng cao. Những đảng viên Cộng sản trong tổng Phong Thạnh Thượng dù còn trẻ, nhưng đã thể hiện ý chí sắt đá, tinh thần vững vàng và ý thức trách nhiệm cao trước vận mệnh của cách mạng, đã vận dụng và phát huy sức mạnh truyền thống

yêu nước của nhân dân, đã biết phát động nhân dân *"đem sức ta mà giải phóng cho ta"*; biết lèo lái, đón thời cơ và chớp thời cơ để phát động khởi nghĩa từng phần, đúng thời điểm, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã chấm dứt thời kỳ đen tối trong lịch sử dân tộc, mở ra một kỷ nguyên mới cho nhân dân Việt Nam, kỷ nguyên *độc lập tự do, hạnh phúc*. Ngày 2/9/1945, tại Hà Nội, Hồ Chủ Tịch đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố khai sinh nước *Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*, nhà nước Công Nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Đây là một sự kiện lịch sử quan trọng, đánh dấu sự chuyển biến sâu sắc, đưa nhân dân cả nước từ nô lệ vươn lên địa vị làm chủ đất nước. Nhân dân Phong Thạnh Thượng có quyền tự hào, là đã góp phần mình vào thành quả to lớn đó.

III.- NHÂN DÂN TRÊN VÙNG ĐẤT TAM NÔNG CÙNG CẢ NƯỚC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 - 1954)

1. Xây dựng, củng cố chánh quyền cách mạng, chuẩn bị kháng chiến lâu dài (1945 - 1946)

Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Dân tộc Việt Nam đã thật sự làm chủ vận mệnh của mình, mọi người dân hân hoan chào mừng cuộc sống độc lập, tự do và cùng nhau bắt tay xây dựng chánh quyền, xây dựng xã hội mới. Nhưng, bên cạnh đó cách mạng Việt Nam lại đang đứng trước nhiều khó khăn thử thách. Chánh quyền cách mạng còn non trẻ, cuộc sống người dân còn nghèo khổ, cơ sở vật chất thiếu thốn. Giặc Pháp đang lăm le xâm chiếm nước ta lần nữa... Nhân

dân Phong Thạnh Thượng lại phải lo đối phó với âm mưu chống phá cách mạng của bọn phản động đội lốt tôn giáo. Thừa cơ hội, từng nơi từng chỗ bọn trộm cướp nổi lên phá phách, nhất là ở Bình Thành.

Cuộc sống hòa bình và xây dựng của nhân dân ta đang khẩn trương lèo lách vượt qua muôn ngàn khó khăn; chưa ổn định, thì tiếng súng tái xâm lược của thực dân Pháp lại nổ ra tại Sài Gòn ngày 23/9/1945, rồi lan ra khắp các tỉnh Nam Kỳ.

Trước tình thế nguy ngập, Trung ương kêu gọi: *"Kháng chiến kiến quốc"*. Chỉ thị ngày 25/11/1945 của Trung ương cũng đã vạch ra: *"Kẻ thù ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân"*. Theo tinh thần đó, Tỉnh ủy Long Xuyên chỉ thị phải bảo vệ thành quả cách mạng, ổn định tình hình xã hội và vận động tham gia cách mạng.

Đồng chí Phan Thành Long, Bí thư Quận ủy Chợ Mới chỉ đạo củng cố chánh quyền các cấp, đại biểu phải gồm nhiều thành phần: Việt Minh, đại diện các tôn giáo, đại diện các đoàn thể quần chúng.... Lấy cấp xã làm cấp cơ sở chánh quyền cách mạng, thể hiện được một chánh quyền của nhân dân, nhằm tập trung khối đoàn kết toàn dân. Quận ủy cũng thực hiện chủ trương thống nhất hai khuynh hướng lãnh đạo của Tiền phong và Giải phóng, vận động nhân dân tham gia Mặt trận Việt Minh; các đoàn thể, các thành phần tôn giáo được tổ chức thành các lực lượng cứu quốc rộng rãi.

Ngày 6/1/1946 nhân dân tổng Phong Thạnh Thượng cùng với nhân dân cả nước lần đầu tiên nô nức đi bỏ phiếu, thể hiện quyền làm chủ của người công dân một quốc gia độc lập, trong cuộc bầu

cử Quốc hội Khóa I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ông Nguyễn Hữu Nghi (thầy Ba Dĩ), một đại diện chủ tiến bộ ở Bình Thành (Phong Thạnh Thượng) đắc cử đại biểu Quốc hội, cùng với ba đại biểu khác của tỉnh Long Xuyên là Dương Văn Ân ⁽¹⁾, Ung Văn Khiêm và Nguyễn Văn Hưởng.

Vừa xây dựng, vừa bảo vệ chánh quyền non trẻ, nhân dân Phong Thạnh Thượng hưởng ứng "Tuần lễ vàng". Với lòng yêu nước chân thành, nhân dân các xã đóng góp nhiều công của cho cách mạng, không chỉ hỗ trợ cho công quỹ bằng tiền, vàng mà còn đóng góp cả nồi đồng, lư đồng, mâm thau... để chuẩn bị đúc rền vũ khí cho kháng chiến. Việc làm này nói lên được tấm lòng người dân đối với Tổ quốc, với Đảng thật vô cùng quý giá.

Bên cạnh đó, chánh quyền cách mạng cũng vận động nhân dân cứu giúp đến tận gia đình người nghèo, thiếu đói, với tinh thần "*Một miếng khi đói bằng một gói khi no*", "*của ít lòng nhiều*"; quần chúng hưởng ứng phong trào "*Hũ gạo cứu đói*", lòng tương thân tương ái ấy đã giúp cho người dân gắn bó, đoàn kết bên nhau hơn. Phong trào tăng gia sản xuất với khẩu hiệu "*Tắc đất tắc vàng*", khuyến khích khai hoang, không hạn chế. Việc sản xuất nông nghiệp không chỉ riêng của nông dân, mà mọi người đều tham gia. Chánh quyền cách mạng vận động một số địa chủ tiến bộ hiến đất, giảm tô, xóa nợ cho nông dân. Ở An Phong, Tân Phú, Bình Thành có huyện Ngãi, Nguyễn Hữu Nghi (thầy Ba Dĩ), Cả Cung... Đặc biệt, có nông dân tự nguyện hiến một phần đất của mình cho cách mạng, như bà Hai Liên, Hội phụ nữ cứu quốc xã Tân Phú hiến 100 công...

⁽¹⁾ Đã bị truất quyền Đại biểu Quốc hội

Ngoài ra, hậu quả chánh sách ngu dân của thực dân Pháp để lại, nhiều người mù chữ, cần phải giải quyết. Phong trào toàn dân chống nạn mù chữ được phát động, các lớp bình dân học vụ được tổ chức ban đêm, kể cả ban ngày ở khắp nơi trong các xã. Trong gia đình, người biết chữ dạy người chưa biết. Đoàn thể phụ nữ và Thanh niên Tiền phong đóng vai trò nòng cốt trong công tác tuyên truyền vận động người mù chữ đi học. Công tác xóa dốt trở thành phong trào quần chúng. Nhờ vậy, trong thời gian ngắn, đã xóa được nạn mù chữ cho cán bộ, nhất là lớp trẻ. Hệ thống giáo dục phổ thông cũng được phát triển, tiếng Việt là tiếng chủ yếu sử dụng giảng dạy trong nhà trường cũng như sử dụng trong các văn bản của Nhà nước.

Việc giữ gìn an ninh trật tự do lực lượng vũ trang đảm trách là hết sức cần thiết trong lúc này. Ngay từ đầu năm 1946, mỗi xã đều có một đội tự vệ, tổ chức "*dân quân 3 tháng 4*" và tiến hành quân sự hóa toàn dân, lấy lực lượng thanh niên cứu quốc làm nòng cốt. Các lực lượng này sẵn sàng trấn áp những hành động phá rối và âm mưu ngóc đầu dậy của bọn phản động.

Ngày 9/1/1946, Pháp nổ súng tái chiếm tỉnh lỵ Long Xuyên, ngày 25/1, chúng chiếm Sa Đéc, đến giữa tháng 2 chiếm Chợ Mới và một số địa phương khác. Tỉnh ủy quyết định tạm rời khỏi các đô thị, thị trấn để tránh tiêu hao lực lượng, củng cố tổ chức, chuẩn bị kháng chiến lâu dài. Trong khi chánh quyền và nhân dân đang chuẩn bị chống giặc Pháp trong điều kiện khó khăn mới, thì lại phải đối phó ngay với bọn phản động đội lốt tôn giáo và bọn "*Đệ tam sư đoàn*" của Nguyễn Hòa Hiệp âm mưu lật đổ chánh quyền cách mạng.

Ở Phong Thạnh Thượng, bọn mật thám, bọn địa chủ phản động lợi dụng tôn giáo PGHH giương lá cờ đỏ 3 sao vàng làm chiêu bài lừa bịp, phổ biến sấm giảng mị dân. Chúng tập hợp lực lượng, công khai luyện tập võ nghệ, trui rèn gươm giáo chờ thời cơ. Lực lượng võ trang của PGHH được Pháp trả lương và trang bị súng đạn, chúng rình rập bắt bớ cán bộ, đảng viên và đàn áp những người tham gia cách mạng.

Tàu Pháp chạy lên xuống, bắn phá bờ bãi hai bên bờ sông Tiền, tạo ra không khí chiến tranh chết chóc. Ngày 3/2/1946 (nhằm ngày mồng 2 Tết Nguyên đán), Pháp bắn chìm chiếc tàu của Ủy ban hành chánh quận làm chết một tài công và đổ bộ đánh chiếm quận lỵ; Ủy ban hành chánh ra lệnh cho các cơ quan quận rút khỏi địa bàn. Quân Pháp tiếp tục đánh chiếm các xã khác. Cuối cùng tổng Phong Thạnh Thượng cũng bị chúng tái chiếm.

Chiếm đến đâu, chúng lập đồn bót và tổ chức bộ máy tay sai đến đó. Chúng sử dụng bọn tề điệp, phản động cũ và nhóm tay sai phản động trong chức sắc PGHH, kích động gây chia rẽ, thù hằn giữa PGHH và kháng chiến.

Bọn Trần Kiều, Trần Hoài Ân là mật thám của Pháp chui vào PGHH, chúng kích động, xúi giục tạo ra cảnh trả thù, trả oán, bắt bớ, giết thủ tiêu cán bộ, đảng viên, hăm dọa, khủng bố tinh thần người không theo đạo. Gia đình có người tham gia kháng chiến đều phải rời bỏ nhà cửa, ruộng vườn tìm nơi lánh nạn. Lực lượng phản động trong PGHH được Pháp sử dụng làm tay sai đắc lực trong bộ máy đàn áp.

Đứng trước sự thử thách mất còn, Quận ủy chủ trương bảo toàn lực lượng, kháng chiến lâu dài. Các cơ quan đầu não của tỉnh, quận đã kịp thời rút vào vùng sâu của Đồng Tháp Mười. Riêng lực lượng võ trang, du kích thì vào xây dựng căn cứ ở hậu bồi tổng Phong Thạnh Thượng, tập trung ở các xã Tân Phú, Bình Thành, An Phong.... Trước mắt, chánh quyền của một số xã được chỉ đạo rút vào vùng sâu, sau thời gian ngắn trở về địa bàn xã bám xây dựng lại cơ sở chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Dựa vào căn cứ mới, ta tổ chức và củng cố lại lực lượng, chuẩn bị phản công địch. Ủy ban Hành chánh quận Chợ Mới được đổi thành Ủy ban kháng chiến, do đồng chí Bùi Trung Phẩm làm Chủ tịch, đồng chí Nguyễn Văn Hình (Bảy Hình) giữ chức Bí thư Quận ủy.

Lực lượng Cộng hòa vệ binh tỉnh Long Xuyên do đồng chí Đinh Trường Sanh chỉ huy chuyển thành Vệ quốc đoàn, sau thời gian tạm lánh xuống miền Tây, trở về tỉnh nhà hoạt động. Đây là lực lượng cơ động của tỉnh hỗ trợ cho du kích quân và địa phương quân. Quận xây dựng được một đại đội địa phương quân. Mỗi xã thành lập được một trung đội du kích. Khu cũng điều hai phân đội 19 và 22 do đồng chí Bùi Văn Danh chỉ huy về hỗ trợ cho Chợ Mới.

Thực hiện nhiệm vụ giành dân, giữ đất, diệt ác trừ gian, củng cố và phát triển lực lượng; cùng với việc phát động phong trào du kích chiến tranh, Quận ủy cho lập Ban trừ gian, kêu gọi mọi người Việt Nam không được tiếp tay cho giặc. Ai đứng vào hàng ngũ giặc Pháp bị coi là Việt gian, sẽ bị trừng trị. Ban Trừ gian đã trừng trị nhiều tên, trong đó có tên chỉ điểm Nguyễn Văn Cư và tên Linh ở An Phong.

Lực lượng võ trang tổng Phong Thạnh Thượng không ngừng đẩy địch vào thế bị động, du kích Bình Thành phục kích vào tháng 1/1946 diệt một tên Pháp, làm bị thương một tên, thu được 2 súng. Ở Tân Phú, du kích bất ngờ đánh địch ở dãy phố Chú Vồn, tại chợ Tân Phú (tháng 6/1946), giết được 3 tên lính Pháp, làm bị thương 1 tên, thu 3 súng. Tháng 10/1946, du kích Bình Thành phục kích đâm lính Partidan tại chợ, làm 1 tên lính Pháp bị thương thu súng đạn. Cùng thời gian này, Bình Thành làm công tác binh địch vận thu được 7 súng.

Các cuộc phục kích bất ngờ, táo bạo làm cho quân Pháp và lực lượng phản động "thun đầu", hoang mang; giặc Pháp và tay sai chưa đủ quân trấn giữ ở vùng sâu hiểm trở, nên lực lượng cách mạng sau khi tổ chức phục kích bất ngờ, đánh nhanh rút gọn về căn cứ an toàn.

Trên bộ thực dân Pháp gặp khó khăn trong việc đối phó với lực lượng du kích, chúng đổi chiến thuật, dùng tàu để tuần tra, theo dõi đánh phá ta. Quận ủy Chợ Mới chỉ đạo chi bộ các xã tổ chức cho du kích đánh trả, bằng cách dựa vào địa hình hiểm trở chọn khúc sông hẹp để làm cản, gài thủy lôi, tấn công bằng lựu đạn... Tân Phú có mạng lưới sông rạch khá phức tạp, nên được chọn làm thí điểm tổ chức đánh tàu.

Giữa tháng 7/1946, "Bộ đội anh Danh" phục kích đánh tàu chở sĩ quan Pháp trên sông Tiền ở Cột dây thép- Long Điền (Chợ Mới), lực lượng ta tấn công bất ngờ, giặc không kịp trở tay, tàu bốc cháy, một số hoảng hốt nhảy xuống sông bơi vào bờ, bị nhân dân và du kích tiêu diệt gồm 18 sĩ quan Pháp, 1 lính Miên, 1 Việt gian, trong đó có 1 sĩ quan Pháp trưởng đồn Tân Phú.

Lực lượng võ trang của ta hoạt động mạnh, nhiều hình thức phong phú, bất ngờ gây tổn thất cho giặc nhiều nơi. Trong khi đó, tại các xã Cù Lao Tây nhân dân biểu tình ủng hộ các điều khoản của Hiệp ước sơ bộ (6/3), Tạm ước (14/9). Ngày 20/9/1946, khoảng 300 đồng bào ở các xã Cù Lao Tây với băng, cờ, mít-tinh tuần hành từ chợ Mương Khai (Tân Long) vòng qua Tân Huê đòi Pháp thực hiện đúng nội dung hiệp ước đã ký. Riêng ở An Long, nhân dân tham gia biểu tình lên đến hàng ngàn người.

Như vậy, chỉ trong một thời gian ngắn từ khi Pháp tái chiếm lại vùng đất Phong Thạnh Thượng, chúng liên tục bị động chống đỡ trước sức đấu tranh của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của các chi bộ địa phương với nhiều hình thức, từ võ trang, đến chánh trị, mít tinh, biểu tình, tiêu thổ kháng chiến... diễn ra liên tục, táo bạo, bất ngờ làm cho chúng đối phó lúng túng. Thêm vào đó, Tạm ước (14/9) buộc Pháp rút quân khỏi một số nơi chiếm đóng, nhờ vậy, mà nhân dân và lực lượng kháng chiến ở Phong Thạnh Thượng có thời gian vận chuyển khí tài, phương tiện phục vụ kháng chiến vào vùng nông thôn sâu, xây dựng căn cứ, xây dựng chánh quyền, dân quân, du kích, bộ đội... nhân dân quen dần với cảnh vừa sản xuất vừa nuôi sống gia đình vừa ủng hộ cho kháng chiến.

Chánh quyền cách mạng và lực lượng kháng chiến dù còn non trẻ, nhiều khó khăn, thiếu thốn, song đã triển khai thắng lợi đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ của Đảng. Nó thể hiện tinh thần quyết tâm chiến đấu của một dân tộc kháng chiến vì chính nghĩa. Cán bộ, đảng viên trong lúc khó khăn nhất cũng vẫn linh hoạt bám trụ, xây dựng cơ sở, lãnh đạo nhân dân

sản xuất, chiến đấu, xây dựng vùng nông thôn căn cứ. Tình cảm giữa nhân dân với cán bộ, du kích, chiến sĩ luôn được gắn chặt, đã đưa phong trào cách mạng địa phương vượt qua được thời kỳ đầy gay go, thử thách.

2. Cùng cả nước tiến hành kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược (1947 - 1954)

Thực dân Pháp "trở mặt" không thực hiện theo tinh thần những Hiệp ước đã ký với ta. Trước sức kháng cự của nhân dân ta, chúng tìm cách đối phó, củng cố và mở rộng bộ máy đàn áp, tạo ra một không khí căng thẳng.

Hai ngày 18 và 19/12/1946 Ban thường vụ Trung ương họp hội nghị mở rộng, khẳng định: *"Cuộc kháng chiến của ta là trường kỳ, gian khổ nhưng nhất định thắng lợi"*. Ngày 19/12/1946 Hồ Chủ tịch kêu gọi *"Toàn quốc kháng chiến"*. Đường lối chung là toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh. Cùng với cả nước, nhân dân Long Xuyên nói chung, nhân dân Phong Thạnh Thượng nói riêng đứng lên với quyết tâm theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *"Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"*. Giai đoạn mới của cuộc kháng chiến bắt đầu.

Sau Tạm ước 14/9, thực dân Pháp điều động một số quân chánh qui từ Nam Bộ đưa ra chiến trường miền Bắc. Để lấp vào chỗ trống, chúng củng cố, mở rộng hệ thống tay sai và bộ máy kềm kẹp. Ở Long Xuyên, chúng thiết lập bộ máy thống trị từ tỉnh xuống tận xã ấp. Chúng tăng cường đàn áp, khủng bố nhân dân, kích động, gây thù hằn, chia rẽ, phá hoại tinh thần đoàn kết của nhân dân ta.

Riêng tại Chợ Mới, tên quận trưởng Hugel lôi kéo Nguyễn Giác Ngộ, Lê Văn Nhật làm tay sai, phát triển quân đội Hòa Hảo, chúng thành lập 3 tiểu đoàn khinh binh, đặt sở chỉ huy tại thị trấn Chợ Mới. Chúng tổ chức Ban mật vụ mà nhân dân địa phương gọi là "Ban tối trời" chuyên gây tội ác vào ban đêm, chúng bắt cóc, hãm hại người tham gia cách mạng và tổng tiền quân chúng. Với khẩu hiệu: "*Đốn Cao (Cao Đài), trừ Việt (Việt Minh), tiệt Thiên Lâm (Phật Giáo), đâm Thiên Chúa*", có nghĩa chúng thanh toán tất cả những ai chống đối chúng. Tháng 4/1947, do xúi giục và hỗ trợ của thực dân Pháp, một số tín đồ Phật giáo Hòa Hảo quá khích đồng loạt nổi dậy, bắt thủ tiêu cán bộ, đảng viên, đàn áp, khủng bố gia đình theo cách mạng. Bọn phản động đội lốt tôn giáo tăng cường tuyên truyền, kích động khoét sâu hận thù, gây mâu thuẫn giữa đạo Hòa Hảo với cách mạng, tạo cảnh "nổi da xáo thịt", không khí khủng bố, chết chóc tràn lan khắp nơi. Thời điểm này, trên sông Tiền, sông Ông Chưởng... ngày nào cũng có xác người bị đâm, bị trối... thả trôi sông, gây xúc động, hoang mang, sợ sệt... trong quần chúng.

Pháp giao cho lực lượng Hòa Hảo phản động chiếm đóng hai tổng Định Hòa và An Bình của quận Chợ Mới, đẩy lực lượng cách mạng qua tả ngạn sông Tiền (tổng Phong Thạnh Thượng). Từ nay, quận Chợ Mới bị chia cắt hai vùng: Vùng ngoài bị địch tạm chiếm, vùng trong gồm các xã Tân Phú, Tân Thạnh, An Phong, Bình Thành và An Long là vùng tự do của ta. Như vậy, ở Chợ Mới ta còn giữ lại được vùng sâu của tổng Phong Thạnh Thượng, tức là phần lớn của huyện Tam Nông ngày nay. Đây là vùng sâu trong Đồng Tháp Mười, còn sinh lầy, hoang hóa, thưa dân. Ta lấy nơi này làm căn cứ, để xây dựng lực lượng cách mạng, đặt một số cơ quan, kể cả cơ quan hành chánh kháng chiến của quận Chợ Mới.

Thời kỳ này, vùng đất Phong Thạnh Thượng không chỉ là nơi dùng cho cơ sở hành chánh kháng chiến xây dựng lực lượng cách mạng cấp quận mà còn là nơi tiếp đón những người dân mới đến, họ bồng bế nhau từ vùng bị địch lấn chiếm chạy đến lánh nạn. Ở đây, là vùng sâu thiếu thôn trăm bề, các đồng chí lãnh đạo phải khẩn trương lo ổn định nơi ăn chốn ở cho các cơ quan và nhân dân. Người đến trước giúp đỡ người đến sau, người có điều kiện thì san sẻ với người thiếu thốn. Bằng tấm lòng thương yêu đùm bọc lẫn nhau, người dân dần dần ổn định đời sống, một lòng đoàn kết đi theo kháng chiến.

Việc trước mắt phải lo toan, việc chuẩn bị lâu dài cũng được chánh quyền gấp rút thực hiện.

- **Về chánh trị:** Theo chủ trương của tỉnh, ta lập Hội liên Việt tỉnh, quận và xã, chọn người đưa đi học ở các lớp chánh trị, quân sự, đoàn thể, vận động và giải thích để nâng cao nhận thức của nhân dân về chánh sách đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, chỉ rõ âm mưu chia rẽ của kẻ thù, làm sáng tỏ đường lối kháng chiến của Đảng, của Việt Minh. Tích cực mở rộng các tổ chức quần chúng, lập Ban tôn giáo vận... Tổ chức phong trào thi đua yêu nước, tuyên truyền giáo dục lòng căm thù giặc, tinh thần đoàn kết tương thân tương trợ trong nhân dân, tiến hành trừ gian, diệt tề, lập tòa án cách mạng.

- **Về quân sự:** Xây dựng, củng cố các lực lượng võ trang quận, xã. Mỗi xã thành lập một trung đội du kích thoát ly và một đại đội dân quân tại chỗ. Quận Chợ Mới thành lập một đại đội địa phương lưu động. Mở trường huấn luyện quân sự, thành lập một phân xưởng sửa chữa, chế tạo vũ khí thô sơ. Xây dựng tuyến phòng ngự dọc tả ngạn sông Tiền, tổ chức võ trang tuyên truyền ở vùng địch chiếm đóng, canh phòng chặt chẽ, nâng cao ý thức

phòng gian bảo mật trong vùng tự do; động viên, tổ chức nhân dân đắp đập, làm cản ngăn tàu giặc ở các cửa sông, vàm rạch; đào hầm trú ẩn tránh bom đạn; phát động trong quần chúng lập hũ gạo nuôi quân, lập Hội Mẹ chiến sĩ...

- Về kinh tế, đời sống, văn hóa xã hội: Ta lấy đất đồn điền, đất địa chủ và ruộng hiến tạm chia cấp cho dân, tổ chức đắp đường, đào vét kinh để thuận lợi cho việc đi lại và sản xuất nông nghiệp, phát triển chăn nuôi, thực hiện tiết kiệm. Đối với địch, ta thực hành bao vây, cô lập kinh tế địch, cấm nhân dân mua bán quan hệ mậu dịch với chúng. Tiếp tục mở các lớp bình dân học vụ, không ngừng hoạt động xóa nạn mù chữ. Nhà hộ sinh, trạm y tế lần lượt được thành lập ở các xã, tuyên truyền trong nhân dân ăn sạch, uống sạch, giữ gìn vệ sinh... Phổ biến các bài ca, bài hát, diễn kịch yêu nước; tổ chức đám tang, cưới hỏi theo nếp sống mới, bài trừ mê tín dị đoan, tập quán lạc hậu...

Trong những năm đầu trong vùng kháng chiến, vật chất thiếu thốn nhất là nhu yếu phẩm, đời sống vô cùng khó khăn, không đủ gạo nấu phải đập lúa trời để ăn, có lúc phải dùng rau thay cơm, lấy nước tro thay xà bông, lấy dầu cá thay dầu lửa... Chấp hành chủ trương của tỉnh, đảng viên, cán bộ và nhân dân địa phương sẵn sàng vượt qua gian khổ, chia sẻ niềm vui nỗi buồn, sống chết có nhau, cùng nhau đoàn kết chiến đấu vì nền độc lập, tự do của Tổ quốc. Quận ủy và Ủy ban Kháng chiến Chợ Mới đã đề ra một số biện pháp cụ thể để lãnh đạo nhân dân chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn của địch.

Trong vùng kháng chiến, phong trào phụ nữ thay nam giới được phát động, các Hội Mẹ, Hội Chị chiến sĩ được hình thành và hoạt động có tác dụng thiết thực trong việc động viên, chăm sóc

chiến sĩ. Nhiều hình thức ủng hộ kháng chiến xuất hiện: "hũ gạo nuôi quân", "con gà kháng chiến", "cây chuối kháng chiến", góp đồng đúc đạn.... các tầng lớp nhân dân, trẻ già... đều tích cực hưởng ứng mọi chủ trương của chánh quyền kháng chiến, từ tăng gia sản xuất, diệt giặc dốt đến việc tuần tra canh gác bảo vệ xóm làng...

Trong vùng tạm chiến, mặc dù thực dân Pháp tổ chức bộ máy khủng bố đàn áp ngày càng rộng lớn, tàn bạo hơn và ráo riết xiết chặt kinh tế không cho hàng hóa thiết yếu vô vùng ta (phong tỏa kinh tế), nhưng quần chúng vẫn một lòng theo Đảng theo kháng chiến, không ngại hy sinh gian khổ, vượt qua mọi hiểm nguy, đùm bọc, che chở cán bộ, du kích. Để bồi dưỡng sức dân và tăng cường công tác cách mạng, chánh quyền kháng chiến phát động phong trào tăng gia sản xuất, khuyến khích dân khai hoang phục hóa. Ba năm đầu không thu thuế, cho dân mượn lúa giống, cấp trâu bò cho những hộ nghèo. Phát động phong trào đào kinh tháo phèn, rửa chua như kinh Me Nước, Đường Thét, Miếu Bà, Cả Tre... Tiếp tục vận động địa chủ hiến đất cho dân nghèo. Ở Bình Thành có Hội đồng Đối, Cả Cung tham gia hiến đất cho dân, riêng Thầy Ba Dĩ đã hiến 2/3 đất của mình cho cách mạng. Ở Tân Phú có Nhất Phưởng, ở An Phong có Huyện Hy, Phủ Ngãi cũng nhiệt tình hiến đất ủng hộ cách mạng. Ngoài ra, ta xây dựng được các cơ sở dệt vải ở Cả Tre, Láng Tượng (Tân Phú) chủ yếu sản xuất vải thô để đáp ứng yêu cầu may mặc cho bộ đội và nhân dân.

Trường Tiểu học bán trú Nguyễn Hữu Nghi được thành lập ở Tân Phú, các lớp học bổ túc văn hóa, bình dân học vụ cho cán bộ và nhân dân hầu như xã nào cũng có.

Các hoạt động văn hóa xã hội và đời sống ở vùng kháng chiến Phong Thạnh Thượng đã trở thành phong trào quần chúng. Mọi người được sinh hoạt tinh thần thoải mái, đầy nhiệt huyết kháng chiến. Đời sống vật chất còn thiếu thốn, kham khổ nhưng về mặt tinh thần luôn được phấn khích, giá trị đạo đức được nâng cao, an ninh trật tự được đảm bảo, đêm ngủ, nhà không cần đóng cửa, không ai lấy cắp của ai, sẵn sàng giúp nhau khi hoạn nạn, xã hội thắm đậm tình người. Nhờ vậy, cuộc sống người dân trong vùng kháng chiến đỡ khổ hơn trước. Chủ trương "phong tỏa kinh tế" của kẻ thù không hiệu quả.

Trong khi đó, ở vùng tạm chiếm của địch, thảm cảnh "nồi da xáo thịt", chết chóc vẫn xảy ra hàng ngày. Bọn phản động đội lốt tôn giáo Hòa Hảo càng lúc càng phơi bày bộ mặt tay sai đắc lực cho thực dân Pháp, chúng không ngừng đàn áp, khủng bố giết dã man những người tham gia cách mạng và người dân lương thiện. Hành động dã man này cần phải được ngăn chặn.

Tháng 6/1947, Ban Hòa Hảo vận được thành lập, ta đưa cán bộ và quần chúng cốt cán bám vào tín đồ, vận động kêu gọi lòng yêu nước để họ hiểu được âm mưu đen tối của địch, để tín đồ không lẫn lộn, sai lầm giữa bạn và thù, nhằm mục đích lôi kéo họ đi theo đường ngay nẻo chánh của Mặt trận Việt Minh. Các tổ chức tôn giáo vận được ra đời như "Cao đài cứu quốc", "Công giáo kháng chiến"... tập hợp đồng bào có đạo tham gia vào tổ chức quần chúng yêu nước.

Trong thời gian này, ở vùng kháng chiến Phong Thạnh Thượng, với phương châm "tay súng tay cày", lực lượng võ trang, dân quân du kích vừa sản xuất, vừa chiến đấu trên tinh thần "tự túc, tự cấp"; đồng thời hỗ trợ đời sống cho nhân dân vùng căn cứ.

Các tổ sửa chữa và chế tạo vũ khí được xây dựng ở một số xã, ở Tân Phú do đồng chí Khẩu phụ trách, chế tạo được lựu đạn, đạn lôi. Ở khu căn cứ địa của cách mạng, từ Láng Tượng đến Láng Chim (Tân Phú), ngoài các lực lượng của xã, còn có các cơ quan đơn vị của quận, tỉnh như Đại đội 947, 948, Trung đoàn 115 cùng với cơ quan của Nam Bộ cũng về đóng tại đây. Người ta gọi "Việt Minh là Láng Tượng và Láng Tượng là Việt Minh".

Do vậy, tổng Phong Thạnh Thượng là điểm ngắm của thực dân Pháp, chúng phối hợp với lực lượng vũ trang Hòa Hảo, thường xuyên mở những cuộc càn quét vào vùng căn cứ Phong Thạnh Thượng, ý đồ đánh phá tiêu diệt lực lượng ta. Nhiệm vụ bảo vệ vùng căn cứ đặc lực lượng vũ trang của ta vào vị trí chiến đấu hết sức khẩn trương, quyết liệt.

Tháng 3/1947, đồng chí Cừ và đồng chí Tâm chỉ huy lực lượng ta chặn đánh địch tại đầu lộ mới xã Tân Phú. Sau hai ngày chiến đấu, ta diệt 2 trung đội lính Pháp thu toàn bộ vũ khí. Đây là trận đánh đầu tiên thắng lực lượng địch quân số lớn hơn ta nhiều. Với tinh thần quả cảm, quân dân Phong Thạnh Thượng làm chúng phải chùn bước, đổi chiến thuật, dùng phi cơ hỗ trợ cho tàu chiến đổ quân càn quét thay vì dùng bộ binh hành quân như trước đây. Với chiến thuật này, khi chúng mở trận càn vào "Vịnh Vàm" vào giữa năm 1947 cũng bị ta đánh tan.

Cũng thời gian này, đồng chí Trần Văn Nguyên vận động được 7 binh lính ở đồn Thầy Ba Dĩ (đồn đóng trên nền nhà của Thầy Ba Dĩ), giao nộp cho cách mạng 7 súng, 700 viên đạn, 14 lựu đạn. Du kích xã Bình Thành do đồng chí Tư Thân và Trần Văn Nguyên chỉ huy phục kích, giết chết một tên lính Pháp tại

chợ. Định rút khỏi đồn Thầy Ba Dĩ chạy về Tân Phú co thủ, du kích xã Bình Thành và Tân Phú phối hợp vây đồn Tân Phú một tuần lễ, chịu không nổi địch phải bỏ đồn rút chạy.

Thực hiện chủ trương "tiêu thổ kháng chiến", năm 1948, ta chủ trương dỡ phá những ngôi nhà tường kiên cố như nhà Huyện Hy, Hào Khoa, Cả Cũ... để Pháp không có chỗ đóng quân, làm chiến lũy đánh phá ta. Phong trào trừ gian diệt ác tiếp tục trừ khử những tên có nhiều nợ máu với dân. Hương chức, hội tề trong làng lo sợ. Nhiều nơi, hương chức, hội tề bí mật liên hệ, giúp việc cho cách mạng.

Tại Phong Thạnh Thượng, giặc lập thêm đồn bót, dựng trụ sở Ban trị sự PGHH. Thực dân Pháp cùng bọn tay sai đội lốt tôn giáo thường đi ruồng bố vào vùng tự do đốt nhà, cướp của, bắt heo, gà vịt, phá hoại mùa màng... nhằm làm suy kiệt nền kinh tế của ta.

Trước âm mưu thâm độc của địch, lực lượng dân quân du kích các xã trong tổng Phong Thạnh Thượng luôn trong tư thế cảnh giác, sẵn sàng chuẩn bị đánh trả. Đồng thời, ta cũng phân hóa trường trị những tên đầu sỏ ác ôn, tranh thủ lôi kéo những người lầm đường trong hàng ngũ địch quay về cách mạng.

Tháng 4/1948, ở xã Bình Thành, quân Pháp phối hợp với 100 lính Hoà Hảo chia làm 2 cánh, một cánh từ chợ Bình Thành đổ vào vùng Ngã Ba, cánh thứ hai tiến sâu vào vùng Cả Cái, ý đồ xiết chặt ta vào giữa để tiêu diệt. Biết trước ý định của giặc, đồng chí Huỳnh chỉ huy lực lượng địa phương quân và dân quân du kích xã Bình Thành triển khai đội hình phục kích, bất ngờ nổ súng, địch trở tay không kịp, ta tiêu diệt được 50 tên, số sống sót bỏ chạy.

Cũng trong thời gian này, quân Pháp tổ chức càn quét vô Doi Đình, tiến sâu vô Cả Nga (Láng Tượng), bị dân quân du kích phối hợp với bộ đội địa phương, do đồng chí Cừ chỉ huy chặn đánh, địch bị thiệt hại nặng, chúng chuyển sang cách đánh bọc hậu, ta chiến đấu quyết liệt, sau 2 ngày địch bị tiêu diệt 50 tên; đồng chí Cừ hy sinh anh dũng.

Tháng 12/1948, lực lượng Hoà Hảo của Nguyễn Giác Ngộ càn quét sâu vào hậu cứ của ta, chúng bị dân quân du kích đánh, đẩy lùi tại Tân Phú.

Cuối năm 1948, Dân quân Du kích xã An Phong vây đồn ấp Nhứt, phục kích tấn công và tiêu diệt lực lượng Hòa Hảo (mệnh danh là "Bộ đội Mao Toại"), gây thiệt hại nặng nề cho chúng.

Thực dân Pháp và tay sai liên tiếp bị thất bại, nhưng chúng vẫn ngoan cố, tiếp tục kích động hận thù giữa tín đồ Phật giáo Hòa Hảo với Cách mạng nhằm tập trung sức đánh phá ta. Chúng hà hơi, tiếp sức cho quân đội giáo phái Hòa Hảo của Nguyễn Giác Ngộ dựng thêm đồn bót, lập Ban trị sự ở vùng chúng chiếm đóng. Pháp tạo điều kiện cho quân của Nguyễn Giác Ngộ thường xuyên mở những cuộc càn quét, ruồng bố sâu vào vùng tự do, hậu cứ cách mạng, vơ vét của cải, bắt ép thanh niên bổ sung quân số.

Trong khi đó, tại các xã ở vùng tạm chiếm, lực lượng Hòa Hảo của Ngộ dựa vào thế lực Pháp ngày càng bành trướng về qui mô bộ máy đàn áp, khủng bố, kềm kẹp gắt gao những gia đình có dính líu đến cách mạng. Chúng cho tay chân thuộc hạ của chúng trà trộn trong dân để theo dõi, bắt bớ cán bộ, ta gặp nhiều khó khăn trong việc bám dân để hoạt động. Thêm một lần nữa, tổ

chức của ta vừa mới được nhen nhóm trong vùng địch lại bị đánh dạt về vùng kháng chiến. Các cơ quan của quận Chợ Mới rút vào đóng ở ngọn rạch Tân Phú (xã Tân Phú), sau dời xuống ngọn rạch Bình Thành - Bắc Dầu, Quán tre.

Đầu năm 1949, quân dân Phong Thạnh Thượng liên tiếp phục kích tấn công bề gãy các cuộc càn quét lớn nhỏ, phá vỡ kế hoạch bình định của địch, bảo vệ vững chắc vùng kháng chiến, căn cứ đầu não của ta.

Ở Bình Thành, quân dân ta chặn đánh tan một tiểu đoàn lính Pháp và gần 100 lính Hòa Hảo tại ngã ba Cây Gáo và ngã ba Cả Cái, gây nhiều thiệt hại cho chúng, ta diệt được 20 tên.

Đặc biệt, ở Bình Thành, được nhân dân theo dõi và báo cáo về quy luật hoạt động của tàu địch D.28, ngày 20/6/1949 du kích Bình Thành phối hợp với cánh quân của Trung đoàn 115 (bộ đội Dương Hồng Tăng) đánh chìm tàu địch bằng thủy lôi, diệt nhiều tên trên đoạn sông Cái Chanh-Cái Lách (Bình Thành)

Sau nhiều lần thất bại, quân Pháp tăng cường sử dụng cơ giới để đánh phá và hỗ trợ cho bộ binh trong chiến lược bình định. Tháng 7/1949, địch huy động hơn 30 xe tăng, 1 máy bay thám sát, 2 máy bay khu trục chiến đấu hộ tống cho bộ binh. Chúng chia 2 cánh quân tấn công, một cánh từ Bình Thành tràn lên, một cánh từ Tân Phú đổ vào tạo thế gọng kềm, kẹp lực lượng ta vào giữa, càn đến đâu chúng đốt nhà, bắn giết đến đó. Lực lượng địch đông mạnh, lực lượng ta gồm dân quân du kích và Quốc vệ đội (bảo vệ Tỉnh ủy), vừa đánh trả vừa rút lui để bảo toàn lực lượng và tính mạng nhân dân, vừa tránh tiêu hao lực lượng. Trận này, ta bắn rơi 1 máy bay khu trục tại Láng Chim Tròn (Tân Phú).

Tháng 8/1949, địch cho 13 xe thiết giáp từ hướng An Phong tràn xuống Bắc Dầu (Bình Thành), thọc sâu vào vùng hậu cứ. Dân quân Bình Thành thiếu vũ khí và chưa có kinh nghiệm chống tăng nên lần này ta bị tổn thất nặng, 23 người thiệt mạng nhiều ruộng vườn, công sự bị xe cán sập nát, để lại trong lòng người dân nhiều cảm phẫn.

Sau đó, Pháp giao cho lực lượng Hòa Hảo lấn chiếm, tái đóng đồn tại nhà Thầy Ba Dĩ, đồn Cái Lách, Cái Tre, Cái Nổ, Ngã Ba Bình Thành. Chúng lập chánh quyền địa phương giao cho lực lượng Hòa Hảo điều hành. Có được chỗ dựa, chúng không ngừng mở các cuộc càn quét, ruồng bố, bắt bớ người tình nghi dính líu với cách mạng, đàn áp khủng bố nhân dân.

Để tránh thiệt hại, lực lượng ta ở Phong Thạnh Thượng rút sâu vào vùng căn cứ, thực hiện du kích chiến, phá cầu, cản đường, bắn tỉa, gây bất ngờ và khó khăn cho địch. Ta củng cố, xây dựng lại cơ sở, tiến hành công tác binh địch vận.

Muốn lôi kéo Nguyễn Giác Ngộ giữ thế trung lập, ngừng chống phá ta, Ban Hòa Hảo vận, đồng chí Bảy Tân, Sáu Sơn nhờ em của Ngộ là Út Hà hẹn gặp hấn. Ngộ đồng ý, nhưng bị phe cánh của chúng là bọn Trần Kiều, Trần Hoài Ân kèm chặt nên hấn từ chối. Trong khi đó, ta phân hóa được Đại đội trưởng Hòa Hảo Ngô Đăng Phương ly khai với Ngộ, đem quân về đóng ở nhà hội đồng Khẩu, xã Tân Huê, (Cù Lao Tây). Ta gặp Phương và Sanh (Đại đội phó) cả hai đều đồng ý giữ trung lập. Nhưng sau đó Phương bị Ngộ ám sát, việc không thành.

Tháng 10/1949, để đáp ứng yêu cầu thống nhất chỉ đạo, tạo thế liên hoàn tác chiến, Tỉnh ủy Long Châu Tiền quyết định sáp nhập một phần của huyện Chợ Mới vào huyện Hồng Ngự để

thành lập huyện Tân Hồng. Như vậy, toàn tổng Phong Thạnh Thượng nằm trong huyện Tân Hồng và xã Tân Phú chia ra thành Tân Phú A và Tân Phú B.

Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị lần thứ III, ngày 21/1/1950 chủ trương: "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng". Nhân dân Phong Thạnh Thượng hưởng ứng phong trào chung của huyện Tân Hồng, tích cực đóng góp lúa gạo và vật dụng cần thiết khác cho kháng chiến. Có người sẵn sàng hiến cả ruộng đất cho cách mạng, như ở An Phong có ông Phan Văn Cứ đã hiến 100 ha ruộng đất ở Giồng Găng... Các Hội Mẹ, Hội Chi chiến sĩ, Hội Phụ nữ cứu quốc... đã trở thành ngọn cờ đầu của phong trào thi đua "Tất cả cho tiền tuyến", tích cực phát huy vai trò hậu phương hỗ trợ chiến sĩ về vật chất lẫn tinh thần; được toàn thể phụ nữ hưởng ứng.

Trong vùng địch chiếm đóng, nhân dân Phong Thạnh Thượng kiên trì bám trụ, sống trong lòng địch vẫn can đảm vượt qua khó khăn thử thách, bí mật đào hầm nuôi giấu cán bộ cách mạng. Tiêu biểu là bà Nguyễn Thị Kỳ ở An Phong đã đào hầm bí mật nuôi giấu ba cán bộ trong một thời gian dài. Có những thiếu niên cũng biểu hiện rõ lòng yêu nước, căm thù giặc trước mũi súng hung hăng của quân thù, dù biết hy sinh tính mạng nhưng vẫn không khuất phục. Tiêu biểu nhất là tấm gương của em Lường, một đội viên Thiếu niên cứu quốc xã An Phong (Phong Thạnh Thượng).

Tháng 10/1950, tại An Phong, Trung đoàn 115 do đồng chí Xuyên chỉ huy được sự hỗ trợ của dân quân du kích địa phương, phục kích tấn công đoàn tàu (công-voa) trên sông Tiền, đánh

chìm 10 ghe chở hàng, thu toàn bộ vũ khí, giết 1 tên Pháp, bắt sống 1 tên, thu 3 tàu lớn: Thanh Hưng, Long Châu, Thuận Hòa.

Tháng 12/1950, Pháp tổ chức cho bọn lính Lê dương và Hòa Hảo càn quét để dọn đường cho lực lượng Hòa Hảo của Nguyễn Giác Ngộ chiếm đóng, bị quân dân ta chặn đánh dữ dội gây cho chúng nhiều thiệt hại. Đến đầu năm 1951, quân Pháp viện binh yểm trợ cho đại đội Hòa Hảo đem quân đóng đồn ở đình Tân Phú, xong đem quân chi viện đóng thêm đồn Cả Nga, Cả Tre. Dân quân ta do đồng chí Nhẫn chỉ huy phục kích đánh quân chi viện của địch tại Mương Lớn, diệt và làm bị thương 30 tên. Sau khi đóng đồn, chúng thành lập "*Quận đạo*" và chánh quyền tay sai, do quân đội Hòa Hảo cầm đầu, chỉ huy; quân Nguyễn Giác Ngộ đóng ở đình Tân Phú một đại đội, đồn Cả Nga và Cả Tre mỗi đồn có một trung đội. Ban trị sự từ xã xuống ấp được thành lập. Chúng đánh mìn phá cản chợ và mở những cuộc càn quét khủng bố, cướp bóc gây ta thán trong nhân dân. Thời gian này, đồng chí Hiến và một số dân quân du kích xã Tân Phú nổ súng bắn tên Nhạ, Trung đội trưởng đồn Cả Nga, một số lính Hòa Hảo đi theo hắn, tuy chưa trúng đạn nhưng chúng hoảng sợ, tinh thần hoang mang.

Cũng trong năm 1951, lực lượng Hòa Hảo đóng đồn An Phong, đem quân bao vây và tấn công trụ sở Ủy ban Kháng chiến Hành chánh xã An Phong ở ấp Nhì. Quân dân địa phương phối hợp với Đại đội 917 của Tiểu đoàn 331, do đồng chí Nhẫn chỉ huy phản công đẩy lùi, tiêu diệt 40 tên; Ủy ban Kháng chiến Hành chánh rút vào vùng căn cứ ở Me Nước an toàn.

Lúc bấy giờ, trên chiến trường chính Bắc Bộ, các chiến dịch Biên giới (1950), Hòa Bình (1951) và nhiều nơi khác, địch bị thất

bại nặng và rơi vào tình thế phòng ngự, bị động. Mỹ can thiệp vào cuộc chiến tranh xâm lược, mở đầu là viện trợ để cứu vãn tình hình nguy ngập của Pháp. Bọn chúng tập trung lo đối phó ở chiến trường lớn. Hầu hết ở các địa phương, địch bị cô lập, tinh thần sa sút, lâm vào tình trạng suy yếu, co thủ. Đây là điều kiện thuận lợi cho ta chuyển từ du kích chiến sang vận động chiến, chủ động mở những trận tấn công bao vây và tiêu diệt các đồn bót của địch, đồng thời đẩy mạnh hoạt động trong vùng địch chiếm đóng, vận động địch rẽ ngũ và làm nội ứng cho ta.

Tháng 11/1952, Đại đội 947 và Đại đội 948 của Tiểu đoàn 311 do đồng chí Phạm Công Ty (Đại đội trưởng 948) chỉ huy, kết hợp với nhân dân và du kích xã Tân Phú, tổ chức vây tấn công đồn Tân Phú, do đại đội Mười Phải (giáo phái Hòa Hảo) trấn đóng, quân số khoảng 70 tên. Với thế trận áp đảo, ta tấn công dữ dội từ bên ngoài, nội công phá từ bên trong. Sau 3 tiếng đồng hồ, ta chiếm đồn, địch bị tiêu diệt 40 tên, bị bắt sống 10 tên số còn lại bỏ chạy, thu được 2 đại liên, 3 súng cối, 70 súng trường. Ta chiếm được đồn trong đêm; đến mờ sáng, ta đem quân tiến vào vây chặt đồn Cả Nga, kêu gọi chúng đầu hàng. Địch kháng cự yếu ớt, trì hoãn chờ tiếp viện. Đến giữa trưa, Trần Kiều, Tham mưu trưởng của Nguyễn Giác Ngộ, kéo 1.000 binh lính đến giải vây, ta chặn đánh quyết liệt, bọn tiếp viện tan rã, chúng bị nhiều thiệt hại, nhưng ta cũng tổn thất khá nhiều.

Tháng 12/1952, đồng chí Nguyễn Hồng Phước chỉ huy lực lượng cơ động huyện cùng với nhân dân du kích xã An Phong bao vây, tấn công bất ngờ đồn Chủ Táng (An Phong), do một đại đội Hòa Hảo đóng trú, ta chiếm đồn tiêu diệt 30 tên, thu 1 đại liên, 1 súng ngắn, 1 tiểu liên, 15 súng trường. Trong khi đó ở An Long,

do ta kết hợp bao vây đồn với binh địch vận, đã giáng ngộ được một binh sĩ (anh Dục) có cảm tình với cách mạng, ta phát triển anh Dục thành cơ sở binh biến. Anh Dục tiêu diệt được 9 tên trong đồn, còn một người lính cùng anh mang hết súng về với kháng chiến.

Năm 1952, quân dân Phong Thạnh Thượng còn có nhiều trận đánh vào đồn bót địch, hoặc tập kích bọn đóng dã ngoại làm thất bại kế hoạch bình định của chúng. Thêm vào đó, những mâu thuẫn, tranh giành quyền lợi giữa Nguyễn Giác Ngộ và Trần Văn Soái (Năm Lửa) làm nội bộ các lực lượng võ trang giáo phái Hòa Hảo lục đục, bộc lộ bản chất phi nghĩa, đã làm cho tín đồ Phật giáo Hòa Hảo ngao ngán, thất vọng về những lời hứa bịp của chúng bấy lâu.

Để đối phó lại tình hình ngày một suy sụp, địch cố gượng sức chống đỡ. Năm 1953, chúng cho tiến hành "cải tổ" cấp chánh quyền xã ⁽¹⁾ gọi là Hội đồng hương chánh (thay cho Hội tề xã). Hội đồng gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Chánh thơ ký. Chúng làm ra vẻ dân chủ, tổ chức cho dân làng được bầu cử theo lối "phổ thông đầu phiếu"?. Rõ ràng là một động thái lừa bịp của chúng, làm cho dân cảm thấy được rộng quyền tự do dân chủ như Ủy ban Hành chánh của ta ⁽²⁾. Nhưng trong thực tế, cuộc cải cách này chúng cũng không làm thay đổi được tình thế trong khi lực lượng ta đã lớn mạnh, hầu như làm chủ tình hình và chiến trường.

⁽¹⁾ Sắc lệnh số 34-VN, ngày 19/3/1953, trong Công báo VNCH, VI, số 14, 1953, tr.429-431

⁽²⁾ Nguyễn Xuân Đào: Tổ chức hành chánh cấp xã tại Việt Nam, Bản dịch Nguyễn Văn Thuận, Phái đoàn Cố vấn Đại học đường Michigan, Sài Gòn, 1958, tr.30-31.

Ngày 6/12/1953, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ, tạo nên khí thế sôi nổi, khẩn trương trong cả nước, quyết tâm đánh thắng quân Pháp xâm lược. Đầu năm 1954, Huyện ủy Tân Hồng chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động vũ trang kêu gọi binh lính địch đào ngũ, rã ngũ. Dân quân du kích Phong Thạnh Thượng phối hợp với lực lượng địa phương huyện, các lực lượng cơ động tỉnh hợp đồng chặt chẽ, chuẩn bị mở trận quyết định để giành thắng lợi hoàn toàn.

Từ đầu năm 1954 đến tháng 5/1954, ta tiến hành bao vây nhiều đồn bót và tổ chức đánh tiêu diệt viện binh khắp nơi trên chiến trường Phong Thạnh Thượng. Ở Tân Phú, quân dân ta bao vây công kích mạnh đồn Cả Nga và đồn Lộ Mới, của lực lượng Hòa Hảo, do Trần Kiều chỉ huy, quân địch rối loạn hàng ngũ, nhiều tên bỏ đơn vị chạy về gia đình. Cuộc vây hãm của ta đang quyết liệt giành thắng lợi, thì chiều ngày 7/5/1954 chiến dịch Điện Biên Phủ đại thắng, tướng Đờ Cát-tơ-ri (De Castrie) đầu hàng. Ngày 20/7/1954 buộc Pháp ký kết Hiệp định Giơnevơ, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương, công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Hiệp định qui định vĩ tuyến 17 (sông Bến Hải) là ranh giới tạm thời hai miền, quân đội ta tập kết ra miền Bắc, quân đội và nhân viên Liên Hiệp Pháp tập kết vào miền Nam; hai năm sau (1956) hai miền tổ chức tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp suốt 9 năm (1945 - 1954) trường kỳ gian khổ, Đảng bộ, quân và dân Phong Thạnh Thượng (có Tam Nông ngày nay), phải liên tục đương đầu với lực lượng to lớn của thực dân Pháp và tay sai, có đầy đủ vũ khí

hiện đại. Nguy hiểm nhất là ta phải luôn đối phó với bọn phản động trong PGHH, một tay sai đầy cuồng vọng, hiếu chiến. Dù phải chịu nhiều đau thương, hy sinh xương máu, nhưng với niềm tin vững chắc vào cách mạng, với truyền thống yêu nước, với tinh thần bất khuất kiên cường, nhân dân Phong Thạnh Thượng, trong đó có một bộ phận sau này là Tam Nông, quyết tâm đoàn kết chung quanh Đảng, từng bước vượt mọi khó khăn, vận dụng linh hoạt lối đánh du kích, đẩy mạnh chiến tranh nhân dân, chiến đấu giữ vững vùng kháng chiến, xây dựng lực lượng lớn mạnh góp phần cùng cả nước giành thắng lợi hoàn toàn.

Chương ba

Nhân dân trên vùng đất Tam Nông cùng nhân dân huyện Thanh Bình kháng chiến chống mỹ, cứu nước - trước ngày huyện Tam Nông chánh thức thành lập (1954 -1968)

I.- ĐẤU TRANH CHÁNH TRỊ, BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG, TIẾN TỚI KHỞI NGHĨA VÕ TRANG (1954 - 1960)

1. Âm mưu thủ đoạn của địch

Với âm mưu biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới, đế quốc Mỹ hất chân Pháp, đưa Ngô Đình Diệm từ Mỹ về Sài Gòn để thay thế, rồi truất phế Bảo Đại, tiến hành nhiều thủ đoạn tô son trét phấn Ngô Đình Diệm thành một "chí sĩ, lãnh tụ ái quốc", tập trung tay sai để xây dựng cái gọi là "Việt Nam Cộng hòa", phủ nhận Hiệp định Giơnevơ (20/7/1954), đàn áp, tiêu diệt

người kháng chiến cũ, o ép các lực lượng giáo phái... đưa miền Nam vào quỹ đạo của đế quốc Mỹ.

Lúc đầu Diệm là "thủ tướng" của "*Quốc trưởng Bảo Đại*". Diệm ra tay củng cố thể lực, sắp xếp lại mạng lưới kèm kẹp, chúng sử dụng bốn phản động thân Pháp (cũ), qui tụ các chức sắc trong các tôn giáo học tập chủ trương chống phá cách mạng. Đồng thời, chúng lén lút gài mật thám, gián điệp vào nội bộ ta để theo dõi nhằm có kế hoạch đàn áp. Địch vẫn tiếp tục lấy "Ban trị sự Hòa Hảo" làm "Ban đại diện xã". Lực lượng võ trang giáo phái Hòa Hảo (Ngô, Cụt, Lửa...) chiếm đóng khắp nơi.

Song song với việc quốc gia hóa các lực lượng của giáo phái, Diệm cho tiến hành thiết lập bộ máy chánh quyền từ tỉnh xuống tận ấp. Tháng 2/1956, chúng thành lập tỉnh Phong Thạnh, rồi đổi thành Kiến Phong. Các xã An Phong, Tân Thạnh, Tân Phú, Bình Thành trước thuộc tổng Phong Thạnh Thượng, quận Chợ Mới, tỉnh Long Xuyên, đến cuối năm 1957 trực thuộc quận Thanh Bình tỉnh Kiến Phong. Ở cấp xã "Hội đồng hương chánh" trước đây được thay bằng "Ủy ban hành chánh" ⁽¹⁾, sau đó đổi thành "Hội đồng xã" ⁽²⁾. Hội đồng gồm có: chủ tịch, phó chủ tịch phụ trách các việc cảnh sát; ở các xã lớn thì có thêm hai phụ tá về hành chánh và tài chánh. Lực lượng dân vệ xã do ủy viên cảnh sát làm trưởng đồn. Các tổ chức đoàn thể chánh trị phản động cũng được thành lập; bên cạnh còn có đoàn "công dân vụ", một tổ chức khoác bên ngoài chiếc áo hoa mỹ như dạy bình dân học vụ, xóa mù chữ... nhưng thực chất đó là bộ máy mật thám của địch.

⁽¹⁾ Thông tư ngày 28/6/1956 của Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống (Sài Gòn)

⁽²⁾ Thông tư ngày 24/10/1956 của Bộ Nội vụ (Sài Gòn).

Trong xã chia ra nhiều ấp, mỗi ấp chia thành nhiều "ngũ gia liên bảo" (5 nhà vào 1 tổ) để kiểm soát, kèm kẹp lẫn nhau. Các gia đình được chúng phân loại: gia đình A là gia đình quốc gia, B là gia đình lừng chừng, C là gia đình kháng chiến, gia đình có người đi tập kết thì treo bảng đen trước cửa nhà.

Tháng giêng năm 1955, Ngô Đình Diệm thu phục được Nguyễn Giác Ngộ, phong cho Ngộ chức Thiếu tướng, đội quân Nguyễn Trung Trực của Ngộ bị Diệm quốc gia hoá. Sau đó, tấn công vào lực lượng Hòa Hảo của Trần Văn Soái (Năm Lửa) ở Cái Vồn (Vĩnh Long). Ngày 5/6/1955 Năm Lửa kéo quân vào Đồng Tháp Mười tổ chức chống Diệm.

Được hậu thuẫn của Mỹ, chánh quyền Diệm tuyên bố không thi hành Hiệp định Giơnevơ, không chấp nhận mở hiệp thương để lập lại quan hệ bình thường hai miền Nam-Bắc, tiến tới tuyển cử thống nhất đất nước...

Ngày 23/10/1955, "chiến dịch tố cộng" mở đầu cuộc vận động thúc ép nhân dân bầu cử hợp thức hóa vai trò cầm quyền của Diệm ở miền Nam.

Ngày 26/10/1955, Mỹ-Diệm tổ chức "trưng cầu dân ý" truất phế Bảo Đại, suy tôn Ngô Đình Diệm lên ghế Tổng thống. Ta lấy danh nghĩa các lực lượng giáo phái tổ chức ngăn chặn, vận động quần chúng không tham gia, tẩy chay trò hề bầu cử bịp bợm. Số người buộc phải đi bỏ phiếu thì phá bằng nhiều hình thức, hoặc xé phiếu hoặc bôi xóa, hoặc bấm thủng hình Ngô Đình Diệm... Trò hề bầu cử của Diệm bị lật tẩy.

Ngày 15/11/1955, "chiến dịch tố cộng" đợt 2 và các đợt kế tiếp sau đó nhằm thúc ép dân, chuẩn bị cho cuộc bầu cử Quốc hội

của chúng vào đầu năm 1956, buộc mỗi công chức phải là một cán bộ tuyên truyền vận động cho Chính phủ quốc gia của chúng.

Ý đồ sâu xa thâm độc của chúng là qua các cuộc bầu cử trên, ngoài việc hợp thức hoá địa vị của mình, là kiểm tra, theo dõi, gạn lọc để phát hiện ra người kháng chiến cũ. Sau mỗi cuộc bầu cử, người dân ra đường phải mang theo giấy căn cước và thẻ cử tri có đóng dấu đã bầu cử, để xuất trình khi bị xét hỏi. Có nhiều cán bộ ta bị phát hiện và bị bắt qua cách kiểm tra này.

Lợi dụng thời gian thi hành Hiệp định Giơnevơ, Mỹ giúp Ngô Đình Diệm thúc ép giáo dân đạo Thiên chúa ở Bùi Chu-Phát Diệm (miền Bắc) di cư vào Nam; trong đó có một số bố trí định cư ở An Long và Tân Công Sính. Tháng 3/1958, đích thân Ngô Đình Diệm đến thăm nhóm dân di cư này và chỉ đạo thiết kế đào kinh Đồng Tiến với ý đồ tiến sâu vào vùng Đồng Tháp Mười, nơi được mệnh danh là Việt Bắc của Nam Bộ trong 9 năm kháng Pháp, đánh phá tiêu diệt cơ sở cách mạng trong vùng căn cứ kháng chiến cũ.

Dự án kinh An Long - Gãy Cờ Đen (bắt đầu khởi đào giữa năm 1959 và hoàn tất khánh thành tháng 9 năm 1960) cắt Đồng Tháp Mười thành hai mảnh, tạo điều kiện thuận lợi để chúng đánh phá lực lượng kháng chiến và nhân dân trong vùng. Song song với việc đào kinh, chúng tiến hành lập quận Đồng Tiến trong vùng sâu Đồng Tháp Mười, lấy xã Phú Yên làm trung tâm quận lỵ và lập khu trù mật Tràm Chim. Nhưng lúc đầu chưa đủ lực lượng, chúng chỉ đưa một phái đoàn hành chánh trực thuộc quận Thanh Bình, do một tên thiếu tá cầm đầu, bắt đầu thực hiện ý đồ trên.

2. Phong trào đấu tranh của nhân dân trên vùng đất Tam Nông từ sau Hiệp định Giơnevơ đến Đồng khởi (1954 - 1960)

Hiệp định Giơnevơ ký kết ngày 20/7/1954 quy định vĩ tuyến 17 chỉ là giới tuyến quân sự tạm thời để lực lượng hai bên tập kết.

Lệnh ngừng bắn ở miền Nam có hiệu lực từ 8 giờ ngày 11/8/1954. Lực lượng hai bên tới địa điểm tập kết (quận lỵ Cao Lãnh) không quá 15 ngày. Cán bộ, bộ đội ở Phong Thạnh Thượng tập trung về điểm tập kết ngày 20/8/1954. Ngoài ra, còn thêm một số con em gia đình cách mạng được gửi ra miền Bắc học tập. Hàng vạn người dân đến Cao Lãnh tiễn đưa.

Người ở lại, có những cán bộ lãnh đạo, cán bộ tuyên huấn, tổ chức, binh vận, phụ nữ, y tế có điều kiện sống trong dân hoạt động, được ta bí mật sắp xếp, tổ chức gài vào hoạt động trong lòng địch. Huyện ủy Chợ Mới mở 4 lớp học chánh trị tại xã Tân Phú cho cán bộ huyện, xã học Nghị quyết của tỉnh về phương hướng và nhiệm vụ hoạt động trong tình hình mới. Chủ trương của Huyện ủy là mở rộng phong trào binh địch vận, tổ chức phong trào đấu tranh chánh trị đòi dân sinh dân chủ, đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước theo Hiệp định Giơnevơ.

Ngày 10/8/1954, đồng chí Hiến, nguyên trước đây là Xã đội trưởng Tân Phú, bị địch ngang nhiên đón bắt đem về ấp Tân Hòa. Hành động ngỗ ngược, ngang tàn này của chúng gây dư luận bất bình cho mọi người. Quần chúng phần nộ tập hợp khoảng 50 người kéo đến phản đối hành động khủng bố đối với người kháng chiến cũ, tráo trở không thi hành Hiệp định Giơnevơ, yêu cầu

chúng phải thả ngay đồng chí Hiến. Trước áp lực mạnh mẽ của quần chúng, đồng chí Hiến được thả ra.

Ngày 11/11/1954, nhà ông Năm Kiết, một nông dân ở ấp Bình Trung xã Bình Thành bị bọn lính đồn đóng tại nền nhà thầy Ba Dĩ (của bọn Nguyễn Giác Ngộ) kéo vô cướp tiền, vàng và đánh trọng thương nhiều người. Được báo động, bà con xung quanh kẻ dao mác, người gậy gộc chạy đến tiếp cứu. Bị vây áp đảo chúng bỏ chạy về đồn. Cuộc bắt cướp của bà con trở thành cuộc biểu tình, qui tụ nhân dân càng lúc càng đông kéo đến đấu tranh trực diện với tên đồn trưởng, đòi phải thừa nhận hành vi cướp. Tên đồn trưởng ngoan cố ra lệnh nổ súng đàn áp, làm 4 người chết và 9 người bị thương. Hành động ngang ngược dã man đó khiến nhân dân càng thêm phẫn nộ, kéo đến đông hơn, đấu tranh buộc địch phải đền mạng.

Nhân dân càng lúc càng phẫn uất, liên tục đấu tranh chống đàn áp một cách quyết liệt. Ngày 12/11/1954, chúng tăng cường thêm lực lượng của Tiểu đoàn 513 ngụy binh (thuộc lực lượng Liên hiệp Pháp) đến xã Bình Thành đàn áp, khủng bố, cướp của, bắt bớ, chúng giết chết thêm 3 người nữa. Chúng lừa bắt trên 600 dân, gạn lọc còn giữ lại 24 người. Chiều ngày 12/11/1954, chúng lén lút đưa đến đồn Cái Tre (nơi giáp ranh giữa Bình Thành và Tân Phú) và đem ra sông Cửu Long giết chết, thủ tiêu xác.

Chi bộ Bình Thành và Tân Phú bí mật phát động phong trào đấu tranh, đồng thời cử đồng chí Sáu Nhượng thu thập ý kiến nhân dân, viết đơn tố cáo tội ác của địch, đòi thả những người bị bắt, đòi bồi thường nhân mạng những người bị giết, buộc địch phải thi hành đúng Hiệp định Giơnevơ. Đơn từ và kiến nghị được gửi đến Ủy hội Quốc tế đóng ở Tân Châu.

Hành động đàn áp giết người dã man của địch tạo nên làn sóng đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân Bình Thành, nhanh chóng lan rộng đến những vùng lân cận. Ủy hội quốc tế buộc phải đến điều tra sự việc. Địch dùng mọi cách để ngăn chặn nhân dân tiếp xúc với Ủy hội Quốc tế khi phái đoàn đến điều tra, nhưng nhân dân Bình Thành vẫn tìm cách gặp và tố cáo hành động tội ác của chúng với Ủy hội Quốc tế. Địch phải thả số người bị bắt. Nhân dân vùng Phong Thạnh Thượng trong đó có nhân dân Tam Nông tuy đấu tranh có đổ máu và hy sinh tính mạng nhưng là cuộc đấu tranh lớn nhất của tỉnh giành ưu thế về mặt chính trị trong tình thần tôn trọng Hiệp định Giơnevơ.

Trong khi đó, đường lối chung của Trung ương trong giai đoạn này ta dùng chính trị và binh vận để đấu tranh với địch. Tỉnh ủy chủ trương đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị, đòi quyền dân sinh, dân chủ, đòi hiệp thương Nam-Bắc và tổng tuyển cử.

Hưởng ứng phong trào chung, nhân dân khắp các xã của Phong Thạnh Thượng sôi sục đấu tranh bằng nhiều hình thức như: treo băng, cờ, biểu ngữ, dán bích chương, rải truyền đơn, hoặc viết thơ tố cáo đến Ủy hội quốc tế ở Tân Châu. Nội dung thể hiện nguyện vọng của nhân dân muốn được sống trong hòa bình, thống nhất, đòi mở hiệp thương với miền Bắc, vạch trần bộ mặt trắng trợn phản bội, phá hoại Hiệp định Giơnevơ của địch, đả đảo đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm....

Công tác binh địch vận được bộc phát sớm nhất ở An Long, vì nơi đây có cơ sở đảng mạnh, lại thêm đông dân, nhiều thành phần tôn giáo khác nhau, lực lượng tế ngụy phức tạp.

Cán bộ binh dịch vận công khai hợp pháp của ta tiêu biểu có: Sáu Trụ, Út A, Tư Đại, chị Phỉ, chị Ri, chị Ba Te, vợ Bảy Đình, anh Ba Xích (tín đồ PGHH). Cán bộ bất hợp pháp hoạt động bí mật gồm có các đồng chí: Sáu Minh, Lê Dũng, Lê Duy Tân, Huỳnh Tư, Tám Ty, Lê Minh Sang...

Mở đầu, vào tháng 3/1955, bà Bảy Chót (mẹ xã Tẻ) cùng 10 phụ nữ khác mang bằng đề nghị gồm 200 chữ ký đến Ủy hội quốc tế đóng ở Tân Châu yêu cầu tổng tuyển cử theo tinh thần Hiệp định Giơnevơ, phản đối hành động của cảnh sát và binh sĩ Diệm chụp mũ bắt bớ cán bộ kháng chiến cũ, hăm hiếp phụ nữ, đánh đập người vô tội.

Tiếp theo, anh Phạm Văn Quấn ở An Long, mật giao với Trung sĩ Bia, Trưởng đồn để nắm tình hình địch. Sau đó, bí mật đưa đồng chí Tám Ty vào đồn vận động, tuyên truyền cho binh sĩ về việc thi hành Hiệp định Giơnevơ. Đồng chí Thanh (Bảy Bo) bí mật liên hệ với Hạ sĩ Đơ, Đồn phó ở ấp Phú Ninh để được cung cấp tin tức.

Ngoài ra, cơ sở binh vận còn chỉ cho lính đồn bắt ồ cướp tổng tiền dân tại gò mả nhà ông Sáu Hào, ấp Phú Ninh để trừ tai họa cho nhân dân.

Mùa nước năm 1955, Diệm mở các chiến dịch Đình Tiên Hoàng, Nguyễn Huệ (ở miền Tây), Hoàng Diệu (Rừng Sác) tảo thanh thu gom các lực lượng giáo phái Hòa Hảo, Cao Đài, Bình Xuyên nhưng thực chất phía sau đó là âm mưu tiêu diệt lực lượng cách mạng. Ba Cụt, Năm Lửa không qui hàng Diệm, kéo quân vào vùng Đồng Tháp Mười, lập căn cứ "chống Diệm". Cơ hội này, ta đưa người vào làm cố vấn, thuyết phục họ hình thành "lực

lượng liên minh giáo phái vũ trang chống Diệm". Bộ chỉ huy của Năm Lửa đóng ở gò Mười Tả, thuộc xã Phú Cường ngày nay. Song ta không ngừng đề cao cảnh giác, tránh lộ bí mật, phòng nội phản.

Cuối 1955, một số cán bộ "Vệ quốc đoàn" của ta "cố vấn" cho lực lượng vũ trang Hòa Hảo của Năm Lửa (ly khai Diệm) bao vây, pháo kích, bức hàng đồn Cỏ Cày - Tân Thành (Hồng Ngự), uy hiếp đồn Thông Bình và Bình Phú, phục kích diệt tàu tiếp tế của Diệm khi chúng tiến hành chiến dịch truy quét lực lượng Hòa Hảo và khủng bố lực lượng cách mạng ở Đồng Tháp Mười.

Ngô Đình Diệm đẩy mạnh các chiến dịch tảo thanh, khủng bố liên tục, song song với cho mật thám gài vào nội bộ mua chuộc sĩ quan, binh lính Hòa Hảo. Thực chất, các lực lượng Hòa Hảo chống đối Diệm là do mâu thuẫn về quyền lợi cá nhân, "tra giá" với Mỹ - Diệm. Với bản chất vì ham danh lợi, không lý tưởng, không chịu đựng được gian khổ, hy sinh, nên ngày 5/2/1956, Năm Lửa kéo quân ra đầu hàng Diệm tại Láng Tượng xã Tân Phú.

Người của ta và một bộ phận lính Năm Lửa tình nguyện ở lại, liên kết thành lập lực lượng Hòa Hảo ly khai chống Diệm. Ngay sau đó, Tỉnh ủy Sa Đéc chủ trương lấy danh nghĩa giáo phái, thành lập Tiểu đoàn Đình Bộ Lĩnh (sau đổi thành Tiểu đoàn 5 Hòa Hảo). Tiểu đoàn do ông Chánh đạo Đờn (nguyên quận phó Hòa Hảo) làm Tiểu đoàn trưởng, Ba Trung (Hai Thầy Pháp) làm Tiểu đoàn phó, ông Hạnh (Hai Nghĩa) Chánh trị viên. Căn cứ đóng ở Bắc Dầu, ngọn rạch Bình Thành.

Để kịp thời lãnh chỉ đạo trong tình hình mới, Đảng ta chủ trương sắp xếp lại địa giới hành chính và cơ quan lãnh chỉ đạo của ta theo địa giới hành chính của địch. Tháng 2/1956, Ban cán sự Đảng huyện Thanh Bình⁽¹⁾ được thành lập, gồm 3 đồng chí, do đồng chí Phạm Kim Tôn (Bảy Tôn) làm Trưởng ban. Đến tháng 10/1956, thành lập Huyện uỷ gồm 5 đồng chí, đồng chí Lê Chí Hường (Năm Hường) làm Bí thư, đồng chí Lê Nhứt Nhon (Bảy Xi) làm Phó Bí thư, Ủy viên gồm các đồng chí Chín Lộc, Mười Thương, Nguyễn Thanh Khê (Sáu Cầm).

Huyện uỷ Thanh Bình ra đời đáp ứng kịp thời yêu cầu cấp bách lãnh đạo phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng đòi quyền dân sinh dân chủ, chống lại âm mưu xảo quyệt, phá hoại Hiệp định Giơnevơ của Diệm; Huyện uỷ đặc biệt quan tâm lãnh đạo công tác bảo vệ Đảng bảo vệ cán bộ và vai trò đòn bẩy của lực lượng vũ trang hỗ trợ đấu tranh chính trị.

Cùng thời gian này, chi bộ xã Tân Phú phát động nhân dân đấu tranh đòi tổng tuyển cử thống nhất hai miền, vạch trần bộ mặt phản bội của địch, kêu gọi binh lính trở về với gia đình. Cuộc biểu tình có gần 200 người tham gia, có dao mác, gậy gộc hỗ trợ, đặc biệt có cả gia đình binh sĩ địch tham gia, địch lúng túng đối phó.

⁽¹⁾ Tháng 2/1956, Diệm giải thể tỉnh Sa Đéc, lập tỉnh Phong Thạnh. Đến tháng 10/1956, đổi tên Phong Thạnh thành Kiến Phong, gồm quận Cao Lãnh (của tỉnh Sa Đéc), quận Hồng Ngự của tỉnh Châu Đốc) và quận Thanh Bình (tổng Phong Thạnh Thượng của tỉnh Long Xuyên) và quận Mỹ An (lập vào tháng 7/1957)

Ngày 4/3/1956, bất chấp sự phản đối quyết liệt của nhân dân, Diệm ngoan cố cho bầu cử riêng lẻ ở miền Nam, dựng lên Quốc hội bù nhìn. Đến ngày 26/10/1956 Diệm lại ngang nhiên tổ chức lễ "Quốc khánh", không được nhân dân hưởng ứng, địch phải cho lính đi ruồng bắt đồng bào đến đầu lộ 30 thuộc xã Tân Phú để dự lễ. Ta lấy danh nghĩa lực lượng vũ trang giáo phái, nổ súng làm rối loạn, buổi lễ giải tán.

Song song với phong trào đấu tranh chánh trị, các lực lượng vũ trang của ta dưới danh nghĩa giáo phái không ngừng đối phó với các chiến dịch tảo thanh càn quét của địch nhắm vào khủng bố lực lượng cách mạng. Thừa cơ hội, trung đoàn Lê Quang phái "Dân xã Đảng" thuộc lực lượng Ba Cụt (chưa chịu ra đầu hàng Diệm) tự xưng "lực lượng cách mạng". Vùng hoạt động của chúng ở Kho Bể, Lung Bông, Tân Thạnh, Bảy Thưa, vàm Ba Răng. Căn cứ chỉ huy đóng ở Giồng Đế. Ban đêm chúng tổ chức bắt cán bộ cách mạng, cướp bóc dân lành, hãm hiếp phụ nữ. Bản chất lưu manh bợ lộ, gây bất mãn trong quần chúng. Ta đưa người tranh thủ, chúng cũng không từ bỏ. Tháng 8/1956, một phân đội của ta phục kích tại Me Nước - Tân Thạnh đánh một trung đội Lê Quang. Ta tiếp tục vây ép, chúng bị nhân dân lên án cô lập, buộc chúng rút chạy về vùng Bảy Núi (An Giang), trừ được thảm họa cho dân.

Năm 1957, địch tổ chức bầu cử chánh quyền địa phương, ta vận động đưa người nông cốt gài vào bộ máy tế xã, như Giáo Cầm, xã Chiêu, xã Thế, Đỗ Hữu Long... đắc cử trong bộ máy chánh quyền Diệm ở cơ sở.

Đầu năm 1957, Diệm ban hành Dụ 57 về ruộng đất, chúng gọi là "cải cách điền địa". Gọi là "cải cách" nhưng thực chất là cho phép địa chủ chiếm đoạt lại ruộng đất mà chánh quyền cách mạng đã cấp cho nông dân trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Chúng muốn bắt nông dân trở thành tá điền như cũ. Một số địa chủ có thể lực rục rịch ngóc đầu dậy đòi đất. Nông dân lo lắng cho cảnh sống tồi tệ, vô cùng căm ghét bọn Mỹ-Diệm và tay sai địa chủ.

Để đối phó với âm mưu thâm độc của địch và bảo vệ quyền lợi cho nông dân. Đảng ta chủ trương đấu tranh, kêu gọi nông dân kiên quyết bám đất, bám vườn, chống xáo canh, thu tô. Vận động nông dân không cho chúng đo đất, đồng thời dùng lực lượng vũ trang cảnh cáo một số địa chủ dựa thế lực đòi đất, giáo dục họ bỏ ý định lấy lại đất, không cho thu tô.

Tháng 4/1958, tên Lê, cảnh sát trưởng xã Bình Thành, dẫn một tiểu đội gồm "cán bộ canh nông" và dân vệ đi kiểm soát đồng, đo đất công điền ở Bắc Dầu. Chúng bị lực lượng tự vệ xã phục kích bắn chạy tán loạn. Ta bắt được tên Mum thư ký, thu hết sổ sách, cảnh cáo, giáo dục rồi cho về.

Sự phản đối mạnh mẽ chống xáo canh, thu tô của nông dân, nổi bật nhất là xã Tân Phú, Bình Thành làm cho kế hoạch "cải cách điền địa" của địch ở Thanh Bình thất bại.

Các chi bộ xã bí mật tổ chức lực lượng tự vệ xã, trang bị gây gộc, giáo mác và một ít súng đạn làm nhiệm vụ tự vệ, tuyên truyền bảo vệ tổ chức, cơ sở cách mạng. Đặc biệt, đội tự vệ tích cực hỗ trợ, làm hậu thuẫn cho quần chúng đấu tranh chánh trị, nắm bắt và liên tục cung cấp tin tức kịp thời để ta chuẩn bị đối

phó khi địch cần quét hay lùng sục. Các xã cũng cho gài người vào bộ máy chánh quyền, quân đội, dân vệ, thanh niên cộng hòa... của chúng để làm công tác binh địch vận và làm nội ứng.

Đầu năm 1958, đồng chí Nguyễn Thanh Khê thay đồng chí Năm Hường, làm Bí thư Huyện ủy Thanh Bình. Huyện ủy chủ trương tách chi bộ ở một số xã làm hai chi bộ A và B. Chi bộ A gồm những đồng chí hoạt động bất hợp pháp (đã bị lộ), bí mật lãnh chỉ đạo lực lượng võ trang, xây dựng và phát triển lực lượng du kích, dân quân tự vệ hoạt động võ trang tuyên truyền.

Chi bộ B gồm những đồng chí chưa bị lộ, hoạt động hợp pháp trong lòng địch, làm công tác binh vận, gây cơ sở nội tuyến trong hàng ngũ địch. Tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào đấu tranh của quần chúng.

Hai chi bộ A và B luôn phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng trong mọi công tác lãnh đạo. Nhờ vậy, quần chúng đấu tranh bằng nhiều hình thức phong phú, sáng tạo hơn, như tổ chức đánh mõ, thùng thiếc làm ám hiệu khi có địch cần, rải truyền đơn, cắm cờ trên bè chuối, nội dung lên án chánh sách khủng bố, đả đảo Mỹ-Diệm... Vận động và tổ chức lính ngụy đào ngũ. Tổ chức phá hoại những cuộc họp "tổ cộng" của địch, hoặc biến cuộc họp "tổ cộng" thành cuộc họp đòi quyền dân sinh, dân chủ, chống gom dân, qui khu lập ấp, lập khu trù mật của Diệm.

Tháng 6/1958, địch lấy đất của dân An Long cấp cho dân di cư của Diệm. Đồng chí Huỳnh Tư, cùng với chị Phỉ, chị Ba Te... vận động nhân dân và gia đình binh sĩ bị mất đất đấu tranh, làm đơn đưa nguyện vọng tới chánh quyền tỉnh (ở Cao Lãnh) yêu cầu trả lại đất, không được lấy đất của dân. Đồng thời tổ chức hàng

trăm người, có khoảng 30 gia đình binh sĩ tham gia, vây xua đuổi dọa đánh số dân di cư nhận đất, đêm đến đốt cháy máy cày địch.

Sau Hiệp định Giơnevơ, Đảng ta lãnh đạo nhân dân đấu tranh chánh trị từ năm 1954-1958, đây khó khăn thử thách trước nhiều thủ đoạn của chủ nghĩa thực dân mới. Bằng cuộc "chiến tranh một phía", địch sử dụng quân đội và vũ khí đánh phá đồng bào không có vũ khí trong tay. Chúng không ngừng càn quét, bắn phá gây cảm phần cho nhân dân. Đồng bào An Phong, Tân Thạnh kéo về quận đấu tranh mãnh liệt, lên án hành động bắn pháo bừa bãi vào nơi ở của dân, chống địch càn quét, đòi tự do đi lại làm ăn. Các chi bộ Đảng vẫn kiên trì bám trụ, sáng suốt vận dụng khẩu hiệu và phương châm mới vào tình hình địa phương một cách linh hoạt, lãnh đạo nhân dân đấu tranh, từng bước giành thắng lợi. Chánh sách mị dân, lừa bịp về chánh trị, lợi dụng tôn giáo chia rẽ sự đoàn kết trong nhân dân của Diệm bị lật tẩy. Cuộc "chiến tranh một phía" của chúng thất bại.

Tức nước vỡ bờ, quân thù càng khùng bố dã man thì nhân dân ta càng vùng lên đấu tranh mãnh liệt. Con đường khởi nghĩa vũ trang để giành chánh quyền là cần thiết. Giữa lúc đó, Nghị quyết của Trung ương cũng vạch rõ: *"Để giải phóng khỏi xích xiềng nô lệ của Mỹ - Diệm, nhân dân ta phải dùng bạo lực cách mạng và dựa vào lực lượng chánh trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang, nhiều hoặc ít tùy theo tình hình để đánh đổ đế quốc và phong kiến, dựng lên chánh quyền cách mạng của nhân dân"* ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Trần Văn Giàu: *Long An hai mươi mốt năm đánh Mỹ*, Nxb Long An, 1988, tr.30

Giữa năm 1959, Huyện ủy Thanh Bình đóng ở cồn Én (cồn Ông Cha), sau đó chuyển về căn cứ Bắc Dầu, hậu xã Bình Thành, chỉ đạo thực hiện phương châm đấu tranh chánh trị kết hợp với đấu tranh vũ trang từ thấp đến cao. Quần chúng hưởng ứng mạnh mẽ các cuộc đấu tranh, biểu tình chống qui khu lập ấp, chống chế độ độc tài phát xít, gia đình trị Ngô Đình Diệm, phản đối vụ thảm sát đồng bào đang bị giam giữ tại khám Phú Lợi. Những cuộc đấu tranh liên tiếp diễn ra khắp nơi càng vạch trần bản chất thối nát của chế độ Mỹ-Diệm.

Để đối phó trước sức mạnh ngày càng cao của phong trào quần chúng đấu tranh, ngày 6/5/1959 Mỹ-Diệm cho ban hành Luật 10/59, "đặt Cộng sản ra ngoài vòng pháp luật". Ai bị qui kết là Việt Cộng hoặc giúp đỡ, chứa chấp Việt Cộng đều bị xử tử. Không khí khủng bố căng thẳng, bao trùm. Các hình thức giết người dã man chưa từng có như chặt đầu bằng máy chém, đập đầu, mổ bụng.... Số còn lại cũng bị tra tấn đến tàn phế hoặc lưu đày biệt xứ.

Riêng tại vùng Đồng Tháp Mười, trên địa bàn tỉnh Kiến Phong chúng thành lập một quận mới, lấy tên là Đồng Tiến, tách ra từ quận Thanh Bình, gồm 8 xã: An Long, Phú Thành, Phú Thọ, Phú Cường, Phú Đức, Phú Hưng, Phú Hiệp và Phú Yên, với 21 ấp.

Ngày 19/6/1959, chúng đưa xáng múc con kinh từ An Long vào tận Gãy Cờ Đen ⁽¹⁾, dài 46,5km, rộng 31m, sâu từ 4 đến 6m. Sau đó, đào kinh Ngang từ Tràm Chim lên giống Sa-Rài, nhưng đào đến giống Thị Đam, thì bị ta đánh hư chiếc xáng, nên chúng bỏ dở kế hoạch.

⁽¹⁾ Kinh này do một hãng thầu Pháp trúng thầu, hoàn thành vào ngày 12/9/1960, thường được gọi là kinh Đồng Tiến, hoặc kinh xáng An Long.

Trước khi thành lập các xã, chúng chia thành 12 khu dinh điền, gom dân địa phương, đưa dân di cư từ nơi khác đến, trong đó có nhiều giáo dân đạo Thiên Chúa. Một số dân di cư bị rải ra các khu, một số tập trung ở Khu 4 (Tràm Chim), do linh mục Tô Đức Bạch đứng đầu, thực hiện âm mưu hình thành một giáo khu, như Bùi Chu - Phát Diệm ở ngoài Bắc để chống phá cách mạng. Lập quận Đồng Tiến với việc đào kinh xáng An Long, Mỹ-Diệm thực hiện âm mưu chia cắt địa bàn hoạt động của ta ở khu vực chiến lược Đồng Tháp Mười.

Từ năm 1957, Mỹ bỏ ra 11 triệu đô-la cho chánh quyền Ngô Đình Diệm thi hành "quốc sách dinh điền". Đây là một trong những cách chống Cộng của Ngô Đình Diệm, nhằm tăng cường chánh sách tố Cộng, diệt Cộng của chúng. Không thể nào diệt hết dân ủng hộ cách mạng được nên chúng phải tìm cách "búng dân", ép dân rời khỏi làng mạc, quê hương vào các khu dinh điền và "cây" người công giáo vào để dòm ngó, kiểm soát... đến khi cần thiết thì đánh phá. Với số tiền trên, Ngô Đình Diệm dự định thành lập ở Miền Nam 126 điểm dinh điền ⁽¹⁾. Trong đó ở Kiến Phong có 12 khu.

Địch di dân, gom dân vào các khu dinh điền, làm tình hình nông thôn ở địa phương xáo trộn. Tỉnh chỉ đạo huyện kịp thời bố trí cán bộ theo sát hướng dẫn nhân dân đấu tranh từng bước. Đối với dân địa phương, ta lãnh đạo đấu tranh không chịu vào khu hoặc tìm cách trì hoãn. Khi bị gom thì đấu tranh không chịu cất nhà, thà chịu cảnh màn trời chiếu đất, để tố cáo chúng và đòi vật

⁽¹⁾ Trần Văn Giàu: *Long An hai mươi một năm đánh Mỹ*, Nxb Long An, 1988, tr.61-62

liệu làm nhà, chia ruộng nương... Đối với dân di cư thì lãnh đạo đấu tranh, đòi trợ cấp khi mới đến. Đồng thời, ta rất chú trọng đến việc vận động bà con đoàn kết nương tựa giúp đỡ nhau trong đấu tranh, để khỏi rơi vào âm mưu chia rẽ, xúi giục dân tại chỗ và dân di cư chống đối nhau.

Cuộc đấu tranh có kết quả, cụ thể là trường hợp đồng chí Huỳnh Tư, chị Phỉ cùng một số đồng chí khác vận động đưa chị Rô và các gia đình binh sĩ đấu tranh trực diện với địch, chống đào kinh An Long và đòi bồi thường đất tham gia cuộc đấu tranh có 170 người và 38 gia đình binh sĩ, tề ngụy; địch nhượng bộ và chịu bồi thường. Ở Gãy Cờ Đen (Khu 7), dân di cư bỏ về gần hết, chúng không lập được khu này. Riêng đối với các khu có giáo dân, như là Khu 4, Tràm Chim, thì kết quả có mức độ, vì hầu hết là giáo dân từ miền Bắc di cư vào, không có nơi trở về và lại bị kềm kẹp rất chặt.

Tháng 9/1959, địch đưa về Trung đoàn 42 đặc nhiệm để tăng cường càn quét, khủng bố phong trào đấu tranh của nhân dân Hồng Ngự, Thanh Bình. Riêng Thanh Bình và Đồng Tiến có nhiều tiểu đoàn thường xuyên càn quét, bắn phá.

Cũng trong thời gian này, do yêu cầu của tình hình cách mạng địa phương, Tỉnh uỷ Kiến Phong thành lập Tiểu đoàn 502 vào ngày kỷ niệm Nam bộ kháng chiến (23/9/1959), tại gò Quản Cung (nay thuộc huyện Tam Nông), giữa mùa nước nổi. Ban chỉ huy tiểu đoàn gồm các đồng chí: Lê Văn Khuyên (Tám Dân) Tiểu đoàn trưởng; đồng chí Trương Văn Trung (Ba Trung) Tiểu đoàn phó; đồng chí Nguyễn Văn Phàn (Sáu Chung) Chánh trị viên; đồng chí Nguyễn Hữu Hạnh (Tư Sâm) Chánh trị viên phó. Các đại đội của tiểu đoàn được chỉ đạo phân tán bám vào dân, giữ vững căn cứ.

Chỉ ba ngày sau thành lập, thì ngày 26/9/1959 Tiểu đoàn 502 lập được chiến công lớn ở giồng Thị Đam, gò Quần Cung (xã Phú Hiệp). Trực tiếp đánh địch là Phân đội Bảy Phú do Đại đội trưởng Út Thu chỉ huy.

Vào 9 giờ sáng ngày 26/9/1959, một cánh quân địch từ hướng giồng Sa-Rài tiến xuống giồng Thị Đam, lọt vào trận địa phục kích của ta. Địch địch đến thật gần, còn cách khoảng 10m, trung liên của ta nổ thẳng vào xuống chỉ huy (có cây ăngten cao), ta đồng loạt nổ súng tấn công. Bị bất ngờ, đội hình địch rối loạn, chầm xuống, mất tinh thần, chúng quăng súng nhảy xuống nước. Ta xung phong diệt địch, ngoài số chết tại chỗ còn bắt sống 75 tên, toàn bộ Ban Chỉ huy Tiểu đoàn bị bắt, trong đó có tên Phán, Đại úy Tiểu đoàn phó chỉ huy cuộc hành quân.

Sau khi khai thác tên Đại úy Phán, ta nắm được toàn bộ kế hoạch hành quân của địch, chúng còn một cánh quân nữa đang tiến vào gò Quần Cung cách giồng Thị Đam hơn 4 cây số về hướng Đông - Nam. Bộ đội ta gấp rút hành quân, bố trí trận địa ở gò Quần Cung. Lúc này đã xế chiều, ta nhử địch, lọt vào ổ phục kích. Quân ta đồng loạt nổ súng tấn công, với hỏa lực áp đảo. Một số lớn quân địch chết ngay loạt đạn đầu. Số còn lại bị lật xuống lặn hụp dưới đồng nước. Ta diệt và bắt gọn cánh quân địch.

Trong một ngày, ta đánh thắng 2 trận giòn giã, kết quả ta bắt sống 105 tù binh, thu được 127 súng, 12 máy thông tin, 4 ống dòm, 2 địa bàn, nhiều đạn các loại và đồ dùng quân sự. Tù binh được ta giáo dục xong thả trong ngày.

Đây chẳng những là chiến thắng có tiếng vang lớn của huyện và tỉnh, mà còn là chiến thắng quân sự đầu tiên có ý nghĩa và tầm vóc chiến lược ở Nam Bộ lúc đó. Chiến thắng này đã khẳng định thế và lực của cách mạng Miền Nam, nó tạo thời cơ chuyển thế cho lực lượng vũ trang lớn nhanh. Sau trận này, lực lượng du kích các xã được tổ chức và trang bị ngày càng mạnh hơn, tạo điều kiện tiến tới "Đồng Khởi" năm 1960.

Ngay sau thất bại này, ngụy quyền Sài Gòn đã cấp tốc tổ chức một cuộc điều tra và tiến hành họp "Hội đồng quân kỷ" kiểm điểm kéo dài liên tiếp 4 ngày, từ ngày 7 đến ngày 10/10/1959, do Đại tướng Lê Văn Tỵ, Tổng tham mưu trưởng làm Chủ tịch Hội đồng quân kỷ, để tìm ra nguyên nhân thất bại, xử phạt và kỷ luật hàng loạt sĩ quan, binh sĩ.

Sau chiến thắng giồng Thị Đạm - gò Quản Cung, Tỉnh ủy Kiến Phong chỉ đạo mở nhiều đợt tấn công và nổi dậy toàn tỉnh, mở đầu cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Đồng Tháp Mười, giải phóng nhiều xã, vùng căn cứ cách mạng mở rộng, liên hoàn trong và ngoài tỉnh. Đặc biệt, đầu tháng 1/1960 một bộ phận đặc công của tỉnh đánh sập tháp mười tầng (do chánh quyền Diệm xây trên nền gò Tháp Mười cũ để quan sát, khống chế hoạt động cách mạng). Cùng lúc ấy, trên địa bàn quận Đồng Tiến (vùng sáu của Thanh Bình), ta tập kích yếu khu quân sự Hòa Bình, đánh pháo đài Mười Thịnh. Được tỉnh chi viện, bộ đội huyện tấn công đồn trên kinh Hồng Kỳ gây cho địch nhiều thiệt hại, ta có ba chiến sĩ hy sinh... báo hiệu cho phong trào đồng khởi ở địa phương sắp bắt đầu.

3. Phong trào Đồng khởi

Từ tháng 10/1959, Huyện ủy Thanh Bình di chuyển đến ấp Tân Long (còn ông Cha) xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới (Long Xuyên) học tập Nghị quyết của Trung ương để chuẩn bị "Đồng khởi". Huyện ủy phát động quần chúng đấu tranh chính trị trong và ngoài vùng địch kiểm soát, kết hợp với lực lượng vũ trang đứng lên phá thế kềm kẹp, mở rộng vùng giải phóng.

Cuối năm 1959, khi mùa nước rút, Huyện ủy chuyển trở về đóng ở Bắc Dầu, hậu bối của xã Bình Thành để lãnh đạo phong trào Đồng khởi.

Trong bước chuẩn bị, ta phát động diệt ác, trừ gian, những tên ác ôn được quần chúng phân loại và trừng trị bằng nhiều hình thức nhằm đánh phủ đầu bọn tề ngụy, tạo thế mạnh cho phong trào quần chúng nổi dậy đấu tranh. Băng, cờ, truyền đơn, biểu ngữ được chuẩn bị tại chỗ để tạo khí thế lớn cho phong trào đồng khởi. Xã Tân Phú được huyện chọn làm xã chỉ đạo điểm, một số cán bộ và lực lượng vũ trang huyện được phân công về đây hỗ trợ, vì Tân Phú là nơi đóng nhiều cơ quan đầu não quận Thanh Bình của địch.

Vào đêm trăng 15/1/1960 (nhằm ngày 17 tháng chạp năm Kỷ Hợi), quân dân Tân Phú đồng loạt nổi dậy diệt ác, phá kềm. Điểm xuất phát tại ấp Mỹ Tân, lực lượng vũ trang hỗ trợ cho quần chúng treo băng, cờ, tập hợp gần 400 người tham dự mít tinh, hô to các khẩu hiệu "đả đảo đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm"... Cuộc mít tinh biến thành cuộc tuần hành biểu dương lực lượng. Nhân dân trong vùng nhiệt liệt hưởng ứng, đánh trống, mõ, đốt hình Diệm, đốt cờ 3 que, xé tờ khai gia đình, phản đối chế độ độc tài, kêu gọi binh lính ngụy bỏ hàng ngũ. Đoàn

biểu tình kéo đến phá trụ sở ấp Tân Thuận. Cùng lúc đó ta phá "khu trù mật Tân Phú", bao vây triệt hạ đồn Cả Nga, xử tử 2 tên ác ôn ⁽¹⁾, bắt cảnh cáo một số tên tề ấp và địa chủ. Hệ thống kềm kẹp của địch tan rã, nhiều tên xin đầu thú và bỏ việc. Các tổ chức phản động như Thanh niên cộng hòa, Thanh nữ cộng hòa, các liên gia... đều giải tán. Một số tên khác hoảng sợ, chỉ làm việc ban ngày, còn ban đêm đi trốn không dám ngủ ở nhà. Ngụy quân chỉ co thủ trong dinh quận, bắn pháo bữa bãi chung quanh, không dám vô sâu càn quét như trước đây.

Trước sức mạnh nổi dậy của quần chúng và đòn tiến công của lực lượng vũ trang ta, các đồn bót ở Đường Thét, Cẩn Đất... địch bỏ chạy. Lực lượng chúng ở các khu Dinh Điền, Khu 3 (Phú Thành), Khu 4 (Tràm Chim), Tân Công Sính, Khu 5, Gò Mười Tả (Phú Cường) cũng lần lượt rút chạy. Quần chúng tháo gỡ được sự kềm kẹp của địch, bung ra ngoài làm ăn.

Phát huy thanh thế thắng lợi của Đồng khởi, các nơi khác trong huyện Thanh Bình đồng loạt hưởng ứng. Các đồng chí Huỳnh Tư, Ba Xích, chị Phỉ, chị Ba Te... vận động nhân dân xã An Long kéo đến Cao Lãnh, Hồng Ngự đấu tranh trực diện với quân thù chống bắt lính, chống gom dân lập ấp, đòi dân sinh, dân chủ... có hàng trăm người và hơn 20 gia đình binh sĩ tham gia.

Ở Bình Thành, đồng chí Chín Khè cùng đội du kích đánh trống mõ, treo cờ, rải truyền đơn kỷ niệm ngày thành lập Đảng 3/2, khí thế sôi nổi tại chợ Bình Thành. Ở Tân Long, Tân Huê nhân dân tổ chức mít-tinh, treo băng, cờ kỷ niệm ngày sinh Bác Hồ (19/5) lan rộng toàn vùng.

⁽¹⁾ Trước đây là người kháng chiến, nay phản bội: *Tên Kim Anh (Trưởng ấp Tân Mỹ), tên Dữ (Công an quận)*

Ngày 9/2/1960, một tiểu đoàn của Sư đoàn 21 ngụy từ xã Tân Phú, chia làm hai mũi tràn vào kinh Bắc Dầu (Bình Thành), một mũi đi qua trận địa phục kích của Trung đội 1 (Đại đội 271 Tiểu đoàn 502) khoảng 300m, ta không nổ súng, nên địch thọc sâu vào khu vực Đại đội bộ. Lực lượng tuy ít, nhưng Đại đội bộ 271 quyết tâm tiêu diệt địch, nổ súng tấn công. Trung đội 2 ở cách đó khoảng 500m, biết đại đội bộ không đủ sức, nên chủ động xuất kích, từ vị trí này, đánh xuyên hông địch. Bị đánh bất ngờ, địch rút dần về phía sau. Lúc này, Trung đội 1 cũng chạm súng với mũi thứ 2 của địch; bị ta kềm chân, chúng không tiến lên được. Khi địch rút chạy, ta truy kích theo khoảng 1 cây số, địch gặp địa hình thuận lợi, trụ lại chống cự với ta quyết liệt tại kinh Chó Sủa Cành Cạch. Lúc này, quân ta ở thế bất lợi, vì địch ở trong địa hình tốt, ta ở ngoài đồng trống, không tiến lên được, phải dừng lại chiến đấu tiếp tục. Lực lượng du kích Bình Thành do đồng chí Hai Thận, Hai Chiến chỉ huy cùng hai đội viên với hai khẩu súng trường (Oanh-tầm-sào), từ đầu kinh Tư tiến lên đầu trên bắn ra kinh Chó Sủa Cành Cạch chi viện cho Đại đội 271. Địch điều hai máy bay khu trục đến ném bom. Trong lúc khó khăn mới thấy lòng dân thương yêu bộ đội du kích đến độ nào. Bằng mưu trí của người nông dân quyết tâm đánh giặc, họ hô hào nhau ra đồng, gom rơm rạ, cỏ khô... cộng với phân trâu bò đốt lên, tạo thành khói bay mù trời. Máy bay địch lồng lộn bắn phá, nhưng không thấy mục tiêu, sợ bắn nhầm đồng bọn, nên phải bay về. Đến 18 giờ địch rút về Tân Phú, bỏ lại nhiều xác chết, hôm sau mới dám trở lại

lấy. Trong trận này, địch chết và bị thương trên 80 tên, ta có hai chiến sĩ hy sinh và năm bị thương, thu được 5 súng các loại ⁽¹⁾.

Tháng 3 năm 1960, hưởng ứng cuộc đấu tranh do huyện Hồng Ngự phát động, Ban binh vận xã An Long vận động 50 người, trong đó có 12 người thuộc gia đình binh sĩ tham gia.

Vào khoảng tháng 4 đến tháng 5/1960, lực lượng du kích Bình Thành, Tân Phú phối hợp phục kích đánh địch tại ngọn Cái Tre (Bình Thành) diệt một số tên, thu 1 trung liên, 1 súng trường. Sau thắng lợi này, Huyện ủy quyết định thành lập lực lượng địa phương huyện, do đồng chí Ba Phần (Bảy Đồ) chỉ huy ⁽²⁾.

Phong trào Đồng khởi của huyện được phát động từ cuối năm 1959 đến cuối tháng 5/1960, phạm vi hoạt động của ta mở rộng, giành quyền làm chủ được 2/3 số xã trong huyện, khí thế cách mạng càng lúc càng mạnh, quần chúng càng tin tưởng ủng hộ. Bọn tề ngụy, công an, chỉ điểm hoảng sợ, tinh thần sa sút. Tại Bình Thành, tên Hồ, Huỳnh, Nhâm và 2 tên khác đã chạy vào vùng căn cứ của ta thú tội, mang hết giấy tờ của tổ chức Thanh niên cộng hòa giao nộp cho ta, xin lập công chuộc tội.

Tháng 8/1960, chị Minh Hoa dẫn đầu đoàn biểu tình hơn 100 người ở Tân Phú kéo lên quận phản đối địch bắn pháo vào vùng dân cư chung quanh quận lỵ. Đoàn biểu tình đi vòng qua Tân

⁽¹⁾ *Lịch sử Lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Tháp (1954-1975)*, nxb QĐND, 2001, tr.64-65.

⁽²⁾ Theo tài liệu lịch sử xã Tân Phú, thì lực lượng này do đồng chí Nguyễn Văn Thương chỉ huy.

Thanh đến quận lỵ. Cuộc đấu tranh gây ảnh hưởng mạnh đến những gia đình binh sĩ nguy.

Vào cuối tháng 9/1960, Chi bộ Tân Phú do đồng chí Lê Văn Nghị, Huỳnh Dân lãnh đạo, tổ chức cuộc biểu tình dọc theo rạch Đốc Vàng (ấp Tân Mỹ, Tân Thạnh) nhằm biểu dương khí thế cách mạng, thu hút khoảng 500 người tham dự. Quần chúng tổ chức múa lân, rải truyền đơn, căng biểu ngữ tạo không khí náo nhiệt.

Ngày 25/10/1960, hơn 200 quần chúng xã Tân Phú đi xuống giương biểu ngữ kéo ra quận lỵ Thanh Bình, vừa đi vừa hô khẩu hiệu đòi được tự do đi lại làm ăn, không bắt lính, chống khủng bố, chống trò hề kỷ niệm ngày "Quốc khánh 26/10" của Diệm. Đến cầu sắt, địch chặn lại, cuộc đấu tranh giành co quyết liệt. Nhân dân trong vùng được tin kéo đến mỗi lúc một đông để tiếp ứng, lực lượng lên đến hàng ngàn người, địch xả súng đàn áp làm chết 2 người, bị thương 1, một số bị địch bắt. Sau đó, bà con tiếp tục đấu tranh đòi bồi thường nhân mạng và thả những người bị bắt.

Vào cuối tháng 10, các đồng chí Huỳnh Tư, Ba Xích, chị Phỉ, chị Ba Te... cùng 40 đồng bào xã An Long, trong đó có 10 thân nhân gia đình binh sĩ xuống Cao Lãnh đấu tranh trực diện hưởng ứng cuộc đấu tranh do tỉnh phát động...

Từ sau ngày Đồng Khởi, ta không ngừng xây dựng và củng cố vùng căn cứ, mỗi xã đều tổ chức lực lượng du kích, xã đội, trang bị vũ khí chủ yếu súng tự tạo như ngựa trời, súng kíp, lựu đạn, đập lỏi...

Sáu năm (1954 - 1960) đấu tranh gian khổ, không cân sức, nhân dân miền Nam không có tấc sắt trong tay, phải đương đầu với một quân đội nhà nghề, một hệ thống kềm kẹp, khủng bố phát xít, của chánh quyền độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ. Vượt qua những khó khăn đầy gian khổ hy sinh, nhân dân miền Nam trong đó có nhân dân Thanh Bình, nhân dân vùng đất Tam Nông từng bước đi từ đấu tranh chánh trị, vũ trang tuyên truyền, tiến lên thành lập lực lượng vũ trang. Chiến thắng giồng Thị Đam gò Quẩn Cung ngày 26/09/1959 (xã Phú Hiệp, huyện Tam Nông) đã đánh dấu sự lớn mạnh của phong trào cách mạng địa phương, mở ra một giai đoạn mới.

Ngày 20/12/1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (MTDTGPMNVN) ra đời, tập hợp rộng rãi các tầng lớp, giai cấp, đảng phái, tôn giáo, đoàn thể quần chúng và những người yêu nước, đứng dưới ngọn cờ hiệu triệu của Mặt trận, vững tin, đấu tranh cho đến thắng lợi hoàn toàn.

II.- GÓP PHẦN ĐẤU TRANH ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT" CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1961 - 1965)

Thắng lợi của phong trào Đồng khởi và sự ra đời của MTDTGPMNVN đánh dấu sự thất bại của âm mưu tiến hành cuộc "chiến tranh một phía" của Mỹ - Diệm. Để tiếp tục thống trị miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ phải chuyển sang chiến lược "chiến tranh đặc biệt", với công thức: nguy quân, nguy quyền cộng với sự trang bị vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại, đô la và sự chỉ huy của cố vấn Mỹ.

Trong giai đoạn một, chúng tiến hành kế hoạch Staley - Taylor, còn gọi là "Kế hoạch chống nổi dậy" bình định miền Nam trong 18 tháng, xương sống của kế hoạch là gom dân xây dựng hàng loạt các ấp chiến lược (ACL), ra sức dồn dân, bắt lính, tăng cường xây dựng ngụy quân, ngụy quyền; Mỹ cung cấp vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại cho Diệm, dùng trực thăng và thiết vận xa để hành quân tiêu diệt lực lượng ta, tách nhân dân với cách mạng như "tát nước bắt cá".

Riêng khu vực ĐTM, chúng đẩy mạnh các cuộc hành quân đánh phá dọc theo tuyến biên giới Hồng Ngự - Campuchia, nhằm thực hiện ý đồ kềm chân lực lượng vũ trang của ta, tạo điều kiện cho bọn địch phía sau gom dân lập ACL. Ở vùng căn cứ, chúng dùng phi cơ, phi pháo, kết hợp với càn quét lửa, gom dân ra vùng chúng kiểm soát.

Trên địa bàn quận Thanh Bình, địch tăng cường thêm Đại đội 327 do tên Dành ⁽¹⁾ và tên Thu chỉ huy về đóng ở Thanh Bình, chúng dùng trực thăng và thiết xa càn quét vào vùng giải phóng dồn dân về các ấp chiến lược. Hệ thống đồn bót địch được củng cố và chi viện nhau mạnh ở các xã. Bọn "bình định nông thôn" trà trộn vào dân, kiểm soát gắt gao các gia đình cách mạng và cơ sở ta. Với lối kềm kẹp đó cộng thêm nhiều thủ đoạn nham hiểm khác, địch hy vọng tiêu diệt lực lượng cách mạng trong một thời gian ngắn.

⁽¹⁾ Tên Dành nguyên là Thiếu tá lực lượng vũ trang giáo phái Hòa Hào. Sau năm 1954, bị Diệm khủng bố, Dành phải kéo quân vào Đồng Tháp Mười "chống Diệm. Đến 1956, quay ra hàng Diệm". Từ đó, Dành trở thành tay sai khét tiếng ác ôn ở Thanh Bình. Dành đã từng giết hại, mổ bụng, ăn gan... hàng chục cán bộ, chiến sĩ, nhân dân trong vùng.

Đầu năm 1961, tỉnh Kiến Phong xúc tiến việc thành lập Mặt trận các cấp. Tháng giêng 1961, Mặt trận Dân tộc giải phóng huyện Thanh Bình được thành lập, đồng chí Huỳnh Dân được cử làm Chủ tịch. Cuộc mít-tinh chào mừng có hơn một ngàn người tham dự với băng, cờ, biểu ngữ múa lân, đốt pháo... rất náo nhiệt ở ngọn rạch Tân Phú. Để phù hợp yêu cầu cách mạng trong tình hình mới, vào tháng 3/1961, Tỉnh uỷ quyết định ghép huyện Thanh Bình và Hồng Ngự thành huyện Thanh Hồng, do đồng chí Nguyễn Xuân Trường (Mười Nhẹ) làm Bí thư. Đến năm 1962, lại tách ra thành hai huyện như trước. Huyện Thanh Bình do đồng chí Nguyễn Xuân Trường làm Bí thư và chủ trương tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa hoạt động chánh trị, võ trang, đồng thời tăng cường xây dựng các lực lượng cách mạng.

Chấp hành chủ trương của tỉnh, kết hợp với tình hình địa phương, Huyện uỷ Thanh Bình đề ra nhiệm vụ trước mắt là nhanh chóng tăng cường cán bộ xuống cơ sở, tuyên truyền đường lối kháng chiến của Đảng, phát động quần chúng đấu tranh và trên cơ sở đó, xây dựng phát triển Đảng. Lực lượng võ trang tỉnh cũng thường xuyên kết hợp với bộ đội địa phương huyện, du kích xã hỗ trợ và cùng nhân dân nhiều lần phá ACL. Ban đêm ta cử cán bộ ra hoạt động, tuyên truyền giáo dục cho nhân dân thấy rõ âm mưu, thủ đoạn của địch, qua đó xây dựng cơ sở trong quần chúng, vận động thanh niên không đi lính cho địch và tổ chức đưa họ vào căn cứ tham gia cách mạng.

Ngày 5/3/1961, chị em phụ nữ Thanh Bình và Đồng Tiến tập hợp khoảng 1.500 người, tập trung ở cầu Kinh Cụt kéo vô nội ô thị xã Cao Lãnh phối hợp toàn tỉnh biểu tình. Đến Mỹ Ngãi, đoàn biểu tình bị địch chặn lại, chị em phản đối quyết liệt, địch đàn áp

đã man, chúng nổ súng bắn chết 1 người và gây thương tích cho 5 người khác. Chị em ta không chùn bước, quyết tâm kéo đến kết hợp với lực lượng các nơi để trực diện đấu tranh đòi địch bồi thường nhân mạng, chống càn quét bắn phá, giết hại dân thường.

Tại An Long, cuộc biểu tình của quần chúng đấu tranh chống gom dân vào ACL (Khu A, phi trường An Long, Khu 2 ở đình An Long). Bà con gởi thơ tay và rải hàng trăm truyền đơn vào chợ, vào đồn bót, cơ quan an ninh, quân sự, hành chánh địch... Ngoài ra còn hô khẩu hiệu, rải truyền đơn nội dung chống gom dân lập ấp, đòi giải tán ACL. Tham gia cuộc đấu tranh có trên 300 người và 70 gia đình binh sĩ.

Từ tháng 1 đến tháng 3/1961 thế và lực cách mạng Thanh Bình đã chuyển sang một qui mô và trình độ mới. Quần chúng nhân dân, chủ yếu là nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, với lòng căm thù địch và ý chí thừa thắng sau Đồng khởi, không những chống càn diệt địch bảo vệ được vùng căn cứ mà còn tiến công mạnh mẽ về chánh trị, quân sự, mở rộng quyền làm chủ ở vùng ven. Điều đó chứng tỏ chủ trương của Đảng tiến hành đánh địch bằng vũ trang kết hợp với đấu tranh chánh trị, tấn công địch 3 mặt quân sự, chánh trị và binh vận là đúng đắn. Từ đó, Huyện ủy Thanh Bình ra sức thâm nhập chủ trương chánh sách của Đảng vào quần chúng, thông qua các phong trào đấu tranh, phát triển thêm đảng viên mới và cơ sở Đảng, lực lượng vũ trang được tăng cường.

Tháng 4/1961, quần chúng xã Tân Thạnh cùng cơ sở nổi dậy truy bắt tên Điền, công an quận Thanh Bình, chuyên đi tổ chức mạng lưới gián điệp ở hai xã Tân Thạnh và An Phong, tại Ấp I xã An Phong, đưa về căn cứ khai thác, xử lý. Cũng trong thời gian

này, địa phương quân huyện phối hợp với du kích xã và lực lượng bảo vệ văn phòng Huyện ủy Thanh Bình, do đồng chí Tư Lọp chỉ huy, phục kích đánh địch đi càn tại ngọn Cái Tre, thu được một trung liên Mas.

Tháng 6/1961, du kích Tân Phú kết hợp với du kích Bình Thành và đội bảo vệ Huyện ủy, do đồng chí Ba Phấn chỉ huy tổ chức bao vây đánh đồn Cái Tre, kết hợp diệt ác phá kềm ở vùng ven thị trấn, bắn chết tên Quyện, công an chỉ điểm của địch, tên Phúc trưởng đồn Cái Tre, thu nhiều súng, có 1 FM.

Trong công tác diệt ác trừ gian, có quần chúng tiếp tay, hỗ trợ trong việc phân loại và trừ khử. Tháng 12/1961, du kích Tân Phú tổ chức giết chết 2 tên cảnh sát Hoàn và Hạnh có nhiều nợ máu với nhân dân.

Năm 1962, trên trục giao thông thủy An Long - Phước Xuyên, chúng cho bắc nhiều cầu sắt, đặt nhiều cồng, tăng cường pháo binh, tàu chiến bảo vệ các khu dinh điền dọc theo kinh Đồng Tiến. Ý đồ của chúng là *"tạo thành một nỗ lực mạnh mẽ chia cắt khu vực ĐTM làm hai phần rất ích lợi trong việc tác chiến chống cộng"* ⁽¹⁾. Trong lúc này lực lượng quân sự của địch được tăng cường rất mạnh, vả lại Thanh Bình là một chiến trường trống trải, không có địa hình che chở cả mùa nước lẫn mùa khô. Ta gặp nhiều khó khăn trước phương tiện chiến tranh hiện đại của địch. Vì vậy, Huyện ủy chủ trương "trồng cây gây rừng" tạo địa hình chiến đấu, xây dựng xã ấp chiến đấu, làm địa bàn căn cứ chuẩn bị tác chiến lâu dài. Chỉ trong thời gian ngắn ta đã trồng

⁽¹⁾ Hồ sơ Văn phòng Phủ Tổng thống VNCH-Sàigòn, về việc bắc cầu sắt và đặt cồng trên trục giao thông An Long - Phước Xuyên.

hàng trăm hécta tre, diên điển, trăm bầu, trăm, gạo... ở vùng nông thôn. Ta huy động quần chúng bứng hàng trăm bụi tre đưa xuống rạch Tân Phú (đoạn Láng Tượng) làm cản chặn tàu địch. Vùng sâu ta cũng bố trí những bãi chông, lựu đạn, cấm ngư⁽¹⁾, giăng dây chuối để nghi trang... tạo địa hình phức tạp gây cản ngại cho lực lượng càn quét của địch. Cùng với phong trào trồng cây gây rừng, cải tạo địa hình, ta còn động viên nhân dân địa phương cất lại trường học trên nền trường Nguyễn Hữu Nghi, có từ thời chống Pháp. Trường cất bằng tre lá, dạy từ lớp 1 đến lớp 3, có 40 đến 50 học sinh, do ba thầy giáo: Nhường, Hoàng và Nguyễn giảng dạy.

Tháng 3/1962, ở Tân Phú, địch dùng trực thăng đổ quân nhiều đợt, gồm 3 tiểu đoàn mở trận càn quét lớn vô vùng căn cứ. Du kích xã phối hợp với địa phương quân huyện và đại đội cơ động tỉnh tổ chức chống càn ở Bắc Dầu, trận đánh diễn ra từ sáng đến chiều, địch thun đầu rút lui, ta diệt được 20 tên, bên ta hy sinh 4 đồng chí. Sau trận này, lực lượng vũ trang ta tiến ra vùng ven hoạt động. Tháng 5, một tiểu đội địch đi bảo vệ máy cày (mở đất, qui khu, lập ấp...) bị du kích Tân Thạnh phục kích tại kinh Ông Nghé làm chết một, bị thương một, ta thu một súng trường Anh và hơn 100 viên đạn. Tháng 6, du kích Tân Thạnh đột nhập vào ấp Tây, diệt một trưởng ấp, thu một carbin và 60 viên đạn.

Đến giữa năm 1962, huyện đã có một trung đội địa phương quân, một tiểu đội đặc công vừa bảo vệ căn cứ vừa chủ động đánh địch hỗ trợ phong trào phá ấp chiến lược.

⁽¹⁾ Dùng cỏ hay lá chuối khô... quấn vào đầu một đoạn cây khoảng 2 mét, rồi cắm dọc theo đường đi, hoặc cắm thành cụm, giữa các cây ngù giăng tàu chuối khô. Ngù có tác dụng hù dọa địch hoặc ẩn nấp khi có máy bay.

Tháng 7/1962, một trung đội dân vệ nguy hành quân dã ngoại tại mường Đạo Hai (Tân Đông). Ta bí mật đưa đồng chí Mốt, trinh sát bắt liên lạc với đồng chí Phong làm nội ứng bên trong. Du kích Tân Phú và địa phương quân huyện do đồng chí Sáu Mao chỉ huy, bất ngờ vây đánh, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, bắt sống 1 tên, thu được 6 súng.

Nhìn chung từ năm 1961 đến 1962, mặc dù địch cố gắng tăng cường càn quét ráo riết hơn, trên địa bàn Thanh Bình, địch đóng thêm đồn Cả Gốc (Tân Thạnh), đồn Láng Tượng (Tân Phú), đẩy lùi hoạt động của ta ở một số nơi. Nhưng đến cuối năm 1962, kế hoạch Staley - Taylor bình định miền Nam trong vòng 18 tháng cơ bản bị thất bại, cách mạng miền Nam vẫn ở thế tấn công toàn diện.

Kế hoạch Johnson - Macnamara là sự chuyển hướng bình định có trọng điểm ở miền Nam trong 3 năm (1963 - 1965), bước đầu gây cho ta ít nhiều khó khăn.

Tháng 7/1963, tại điểm "Chó sủa càn cạch" (gò Ba Lập - Bắc Dầu), lực lượng địa phương quân huyện và dân quân du kích xã Tân Phú phối hợp tập kích đơn vị "Cọp đen" thuộc Sư đoàn 9 nguy (có máy bay ném bom hỗ trợ). Lực lượng ta chiến đấu dũng cảm, diệt tại trận 20 tên, trong đó có 1 tên cố vấn Mỹ, bên ta có 2 đồng chí hy sinh.

Trong đấu tranh chánh trị kết hợp với quân sự và binh vận, vào cuối năm 1963, phong trào chuyển lên một bước. Bộ đội tỉnh kết hợp với huyện đội bám vào các ấp vùng ven phát động quần chúng, tiểu trừ ác ôn. Ở các khu dinh điền, quần chúng đấu tranh chống bọn tề, chống bọn ác ôn, đòi trả lại ruộng đất, bồi thường địa, bầu bị chiếm... Lực lượng du kích kết hợp với huyện đội đột nhập vào các khu dinh điền, rải truyền đơn, phục kích, diệt được

30 tên dân vệ. Nổi bật là cuộc đấu tranh của 150 đồng bào tín đồ PGHH (trong đó có 03 chức sắc trong ban trị sự) và 30 gia đình binh sĩ, vạch trần thủ đoạn lừa mị của địch, không nhận đất do chúng cấp, đòi về quê cũ làm ăn. Địch buộc phải cho đồng bào dỡ nhà về quê, trả lại 9.000 héc ta cho dân địa phương. Hơn 30 gia đình chạy vô vùng giải phóng được cách mạng cấp đất làm ruộng...

Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ có nguy cơ bị phá sản, nội bộ địch phân hóa, mâu thuẫn sâu sắc. Trong tình hình đó buộc Mỹ phải "thay ngựa giữa dòng". Ngày 1/11/1963, chánh quyền độc tài gia đình trị của Ngô Đình Diệm bị lật đổ. Mỹ đưa Dương Văn Minh, rồi Nguyễn Khánh lên thay và đề ra Kế hoạch Johnson-Macnamara chuyển hướng bình định có trọng điểm ở miền Nam trong 3 năm 1963 - 1965 để cứu vãn tình thế. Từ đây nguy quyền Sài Gòn rơi vào tình trạng khủng hoảng triền miên.

Đầu năm 1964, phong trào cách mạng của huyện Thanh Bình gặp nhiều khó khăn mới, địch càn quét đánh bật lực lượng ta ra khỏi các ven cây. Vùng giải phóng xã An Phong, Tân Thạnh bị thu hẹp lùi về hậu Tân Phú, Bắc Dầu. Nhiều đảng viên, cán bộ hy sinh, lực lượng bị tiêu hao, du kích xã An Phong hầu như không còn. Riêng xã Tân Phú là trung tâm của chi khu Thanh Bình, tập trung nhiều cơ quan đầu não của địch trong quận, nên chúng tăng cường đánh phá để bảo vệ.

Địch tăng cường bộ binh, máy bay, liên tục ruồng bố. Chúng lập được nhiều ACL, phát triển phòng vệ dân sự (thanh niên chiến đấu), củng cố bộ máy kềm kẹp, tạo điều kiện mở rộng diện và địa bàn hoạt động cho bọn bình định nông thôn.

Trước tình thế khó khăn mới, Đảng bộ Thanh Bình đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động trong lòng địch, xây dựng cơ sở

trong quần chúng, đẩy mạnh công tác binh vận, củng cố lại lực lượng dân quân du kích.

Đầu năm 1964, bọn thám báo do tên Trung sĩ Hưởng cầm đầu, đi rà tìm cơ sở cách mạng. Du kích Tân Phú phối hợp với đội võ trang huyện, do đồng chí Sắc chỉ huy, phục kích tấn công diệt 1 tên, làm bị thương 2, địch bỏ chạy, ta thu 1 súng.

Tháng 4/1964, tại An Long, địch đi càn quét bắt chết 2 thường dân. Các đồng chí Huỳnh Tư, anh Ròng, anh A, chị Phỉ... tích cực vận động quần chúng đấu tranh trực diện với địch, đòi bồi thường nhân mạng, buộc xin lỗi gia đình nạn nhân và không được bắn phá bừa bãi. Tham gia cuộc đấu tranh có 270 người và 50 gia đình binh sĩ. Chúng phải nhượng bộ, chấp nhận yêu cầu.

Ở xã Phú Cường, chi bộ cử anh Tư Dân, một nông dân yêu nước có uy tín, hướng dẫn đoàn biểu tình gần 50 người, có 5 gia đình binh sĩ từ ấp B kéo lên ấp A, đấu tranh chống gom dân vào ấp chiến lược và phản đối hành động bắn phá bừa bãi vào dân.

Trong thời gian này địch càn quét liên tục, bằng đủ phương tiện chiến tranh hiện đại đánh phá ta dữ dội, tưởng chừng như lực lượng cách mạng không thể tồn tại. Nhiều cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, đồng bào đã hy sinh anh dũng, bị địch bắt khảo tra vẫn giữ vững khí tiết, không đầu hàng địch. Nhiều gương dũng cảm, cái chết kề bên vẫn mưu trí, ngoan cường diệt địch. Tiêu biểu như ở Tân Phú, vào cuối năm 1964, đồng chí Điêu, xã đội trưởng bị địch khui hầm bí mật, đồng chí tung nắp lên, quảng lựu đạn diệt 2 tên ác ôn, chạy thoát.

Phụ nữ Thanh Bình không những đóng vai trò chủ lực trong các cuộc biểu tình, đấu tranh chánh trị, mà còn tham gia chiến

đầu trong các lực lượng võ trang, trong phong trào nổi dậy diệt ác phá kềm. Chị Võ Thị Cà Tha, người phụ nữ tiêu biểu ở An Phong đã tích cực vận động nhiều chị em tham gia lực lượng võ trang, phá ấp chiến lược. Nhiều lúc, một mình chị với khẩu súng và chiếc xuồng ba lá luồn sâu trong lòng địch, bám trụ hoạt động diệt ác ôn... đã làm cho địch nhiều phen điêu đứng.

Trong chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", Mỹ - ngụy dùng nhiều thủ đoạn nham hiểm để lung lạc ý chí cách mạng, đặc biệt chúng sử dụng quân đội được trang bị vũ khí và phương tiện cơ giới hiện đại, càn quét liên tục vào vùng nông thôn sâu, chà đi, xát lại nhiều lần, âm mưu "đốt sạch, phá sạch, diệt sạch" nhằm tiêu diệt tận gốc lực lượng cách mạng, gây không ít khó khăn và thiệt hại cho ta. Nhưng nhờ dựa vào dân, lực lượng cách mạng vẫn không ngừng phát triển. Phong trào quần chúng tuy không rầm rộ nhưng vẫn sôi sục. Tình trạng bất ổn luôn diễn ra trong vùng kiểm soát của chúng, băng cờ, biểu ngữ, truyền đơn luôn xuất hiện. Trong hàng ngũ ngụy quân có sự phân hóa, một số binh sĩ ngụy được ta giáo dục có cảm tình ngã theo cách mạng hoặc bỏ ngũ về nhà làm ăn. Chi bộ xã không ngừng được củng cố và phát huy vai trò lãnh đạo, sử dụng bạo lực chánh trị của quần chúng kết hợp với xây dựng lực lượng vũ trang ngày càng vững mạnh tập hợp dưới ngọn cờ của Mặt trận dân tộc giải phóng, kiên quyết đấu tranh góp phần làm phá sản chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ.

III.- TAM NÔNG GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH CỤC BỘ" CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1965 - 1968)

Quốc sách "Ấp chiến lược" của Mỹ Diệm bị phá sản và chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ bị đánh bại. Từ giữa năm

1965, đế quốc Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược "Chiến tranh cục bộ", ồ ạt đổ quân viễn chinh vào miền Nam. Tính đến cuối năm 1966, đã có hơn 50 vạn quân Mỹ và chư hầu có mặt ở miền Nam Việt Nam với nhiều vũ khí hiện đại. Từ tháng 8 năm 1964, Mỹ phát động chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt Nam.

Ở tỉnh Kiến Phong, quân nguy vẫn đảm nhận nhiệm vụ chính là chiếm đóng và hành quân bình định, chúng tăng cường cố vấn Mỹ và Nam Triều Tiên. Đến cuối 1965, ở Kiến Phong có 94 tên cố vấn Mỹ và chư hầu, đến cuối năm 1966, con số này lên đến hàng trăm tên. Chúng xây dựng thêm một số căn cứ biệt kích ở Đôn Phục, Cà Vàng, Bản Đô, lập tuyến phòng thủ biên giới. Tại tỉnh lỵ Kiến Phong (Cao Lãnh), chúng đặt Bộ chỉ huy Biệt khu 44, cơ quan Mỹ USOM, căn cứ thuyền bay ... Nói chung là chúng tăng cường vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại, dùng bom, pháo và phi cơ rải chất độc hóa học huỷ diệt địa hình, tàn phá ruộng vườn, xóm làng, săn đuổi, xét hỏi xuống ghe đi lại...

Sự tham chiến trực tiếp của quân Mỹ và chư hầu, trước mắt gây cho ta một số khó khăn về tâm lý, sách lược đối phó cũng như kỹ thuật tác chiến...

Trên cơ sở quán triệt quyết tâm và chỉ thị của trên, Tỉnh ủy Kiến Phong chỉ đạo: "Tập trung phát động cán bộ, đảng viên, quần chúng thông suốt tư tưởng quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ; trước mắt là xây dựng, củng cố vùng giải phóng, phát triển cơ sở đảng, tổ chức quần chúng, các lực lượng vũ trang, đặc biệt chú trọng xây dựng cơ sở ở vùng yếu, tôn giáo, thị xã, thị trấn; kiên quyết đánh bại các cuộc càn quét lấn chiếm, bình định của địch, giữ vững vùng giải phóng; giữ thế 2 chân, ba mũi giáp công đánh địch, tiêu hao lực lượng quân sự Mỹ - nguy và chư hầu; đẩy

mạnh công tác vận động quần chúng, mở rộng mặt trận dân tộc đoàn kết dân tộc chống Mỹ cứu nước" ⁽¹⁾.

Ở Thanh Bình ngoài quân số tại chỗ, địch tăng cường nguy quân của Tiểu khu ở tỉnh và Vùng 4 chiến thuật thường xuyên mở các cuộc hành quân càn quét sâu vào vùng căn cứ của ta, với quy mô và mức độ ngày càng ác liệt. Trong vùng tạm chiến, ngoài lực lượng vũ trang, chúng triển khai lực lượng bình định bằng các đoàn xây dựng nông thôn, cán bộ Dân ý vụ, với mọi thủ đoạn tâm lý chiến, chương trình phát triển nông thôn lừa mị nhằm để phát hiện và tiêu diệt cơ sở cách mạng. Mặt khác, chúng phối hợp với lực lượng cảnh sát mở chiến dịch "Phượng hoàng", bắt bớ khai thác những gia đình tình nghi có dính líu với cách mạng; chúng ra sức bắt lính đôn quân gây ra mâu thuẫn gay gắt với quần chúng. Trong bộ máy chánh quyền quận, chúng lập thêm "Chi chiêu hồi", phụ trách công việc cài bọ tay chân tận xã ấp, tuyên truyền xuyên tạc cách mạng; các gia đình có con em theo cách mạng, chúng mua chuộc, dụ dỗ hoặc cưỡng bách, buộc người thân ra đầu thú, kết hợp với bọn "Phượng hoàng, Thiên nga" tổ chức cài người đánh phá cơ sở cách mạng.. Thâm độc hơn là trong giai đoạn này, chúng đưa về mỗi ấp, một cán bộ "Dân ý vụ" để làm công tác tình báo, theo dõi, chỉ điểm. Chúng chú ý nhiều hơn đến các biện pháp "tranh thủ trái tim của nhân dân" mà thực chất là giành lại dân, nhất là nông dân. Để thực hiện ý đồ đó, chúng đổi tên ACL thành "Áp tân sinh" (ATS), rồi "Áp kiểu mẫu"...

Về phía ta, từ tháng 8/1964, đồng chí Võ Văn Chứa (Bảy Tường) làm Bí thư Huyện ủy Thanh Bình thay cho đồng chí

⁽¹⁾ Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp, Tập III (1954-1975). Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Tháp, 1997, tr.131-132.

Nguyễn Xuân Trường được điều về tỉnh... Chủ trương của huyện là dựa vào sức mình là chính, bảo vệ giữ vững cơ sở, chủ động tiến công địch, chú ý thọc sâu vào căn cứ, đồn bót địch. Quân dân Thanh Bình tiếp tục thực hiện phương châm "2 chân 3 mũi" để đánh địch. Huyện hạ quyết tâm bẻ gãy kế hoạch "hai gọng kềm" của địch trong tình hình mới.

Cuối năm 1965, du kích Bình Thành phối hợp với địa phương quân huyện tổ chức bao vây, tấn công tiêu diệt và bắt sống gần hết đoàn cán bộ "bình định" của địch tại đình Cả Tre.

Vào mùa nước nổi ở Tân Phú, đêm 26/9/1966 du kích xã kết hợp với huyện đội, được sự hỗ trợ của Tiểu đoàn 502 cơ động tỉnh, tấn công đồn Láng Tượng. Lực lượng ta chắt bao trấu, chuối cây lên xuống làm công sự nổi, tập kích đồn, ta bao vây đánh úp chiếm đồn, diệt 3 tên, 5 tên bị thương, thu 8 súng và nhiều đồ dùng quân sự. Tên Ít trưởng đồn chạy thoát, sau đó bỏ ngũ. Tháng 10/1966, sau khi địch đem quân đóng lại đồn, quân dân ta tấn công đồn Láng Tượng lần thứ hai, ta diệt gọn đồn, diệt và bắt toàn bộ 1 trung đội địch, giết chết tên Lê, trưởng đồn, thu được 20 súng. Du kích còn gài bẫy lựu đạn trong 2 thùng đạn, để lại trước khi rút đi. Địch trở lại tái chiếm đóng đồn, chúng mở thùng, trái nổ tung làm chết và bị thương thêm 10 tên nữa.

Trong khi đó, ở An Long phong trào quần chúng nổi dậy mạnh mẽ phá thế kềm kẹp. Các đồng chí Ba Sum (Ba Hải), Huỳnh Tư, chị Phỉ ... vận động nhân dân phá cổng rào áp chiến lược để tự do cho dân đi làm ruộng, làm đìa, phải về tối vì đường xa, rải hơn 100 truyền đơn chống gom dân lập ấp. Tham gia cuộc đấu tranh có hơn 130 người dân và gia đình binh sĩ.

Lợi dụng mùa nước nổi, địch sử dụng thuyền bay kết hợp bộ binh, tàu chiến, có máy bay và pháo binh yểm trợ hòng tiêu diệt

lực lượng ta. Thực hiện mưu đồ đó, địch huy động một lực lượng gồm 200 lính tiểu khu, 3 tàu chiến, 5 máy bay chiến đấu, một máy bay trinh sát L.19 và một đại đội địa phương quận, càn quét vào căn cứ ta tại kinh Bà Hội. Lực lượng ta do đồng chí Bảy Tường (Bí thư Huyện ủy) trực tiếp chỉ huy trận đánh. Sau một tuần quyết chiến, ta đã loại khỏi vòng chiến trên 100 tên địch và một thuyền bay. Từ trận thắng này, quân dân Thanh Bình có nhiều kinh nghiệm về chiến thuật đánh địch trên đồng nước.

Cùng mùa nước nổi năm 1966, địch lại mở trận càn vào căn cứ của ta ở Tân Công Sính. Chúng phối hợp thuyền bay, phi cơ và lực lượng bộ binh. Lực lượng du kích chia làm hai mũi phục kích đánh trả, bẻ gãy trận càn của địch, diệt 6 tên, bắn bị thương 1 máy bay, 1 thuyền bay và 8 phương tiện khác.

Bọn Mỹ - ngụy không từ bỏ một hành động dã man nào để đàn áp nhân dân ta, gây nhiều căm phẫn trong quần chúng. Phong trào đấu tranh vẫn sôi sục khắp nơi. Nổi bật là cuộc đấu tranh của 33 đồng bào xã Tân Thạnh trong ngày 17/12/1966, khi bọn giang thuyền Mỹ, Pac-chung-hy (Đại Hàn) tuần tiểu trên sông, thấy bà con làm rẫy ở vùng Tân Thạnh (Thanh Bình), chúng cập tàu vào bờ bắt 35 người, đa số là phụ nữ, đều là tín đồ PGHH. Bọn chúng đưa xuống tàu thay phiên nhau hãm hiếp. Một số người chạy thoát, đến dinh quận tố cáo tội ác của giặc. Trước bằng chứng cụ thể, bọn Mỹ và tên quận trưởng Khải buộc phải nhìn nhận tội lỗi và ra lệnh thả những người bị bắt. Vụ này gây dư luận khắp nơi, quần chúng phần nộ vạch trần bộ mặt xấu xa của chúng.

Sau mấy năm hoạt động dưới sự chỉ đạo của quận Thanh Bình thông qua "phái đoàn hành chánh", đến năm 1967, quận

Đồng Tiến được nguy quyền Sài Gòn nâng cấp thành quận chánh thức, với đầy đủ bộ sậu như các quận khác:

- Quận Trưởng: Thiếu tá Trần Trọng Tải;
- Quận Phó: Nguyễn Văn Bạch
- Bộ máy hành chánh quận: gồm 12 tên.

- Chi khu gồm 6 ban: Ban 1: Quân sự, 12 tên; Ban 2: Tình báo an ninh điều tra, 10 tên; Ban 3: Hành quân, huấn luyện, 9 tên; Ban 4: quân trang, hậu cần, 6 tên; Ban 5: Tâm lý chiến, 10 tên; Ban 6: Truyền tin, 4 tên. Đại đội 992 dân vệ (4 trung đội, 144 tên), Đại đội 895, có hai trung đội đóng ở Hoà Bình và 2 trung đội đóng ở gò Cà Dăm (144 tên). Tổng cộng 353 tên.

Bộ máy ở các xã tùy theo điều kiện, mỗi xã có từ 50 đến hơn 200 tên ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ - Phú Yên (Tràm Chim): Hành chánh, 6 tên; Cuộc cảnh sát 5 tên; đồn Tổng dùi, 36 tên. Tổng cộng 47 tên.

- Phú Thành: Hành chánh, 9 tên; Cuộc cảnh sát, 5 tên; Xã đoàn bảo an, 40 tên; Năm đồn: Giồng Găng (36 tên), tại ấp Long An (30 tên); tại Chợ (36 tên); Cũ Sậy (36 tên); Cũ Gốc (36 tên). Tổng cộng: 228 tên.

- Phú Thọ: Hành chánh, 9 tên; Cuộc cảnh sát, 5 tên; Xã đoàn bảo an, 35 tên; Hai đồn: Me nước (36 tên), Phú Thọ (35 tên). Tổng cộng 120 tên.

- An Long: Hành chánh, 9 tên; Cuộc cảnh sát 5 tên; Xã đoàn bảo an, 65 tên; Bốn đồn: Phi trường, 36 tên; An Hòa, 36 tên, An Ninh 37 tên, đồn Đá 37 tên. Tổng cộng 225 tên.

- Phú Đức: Hành chánh 9 tên; Cuộc cảnh sát 4 tên; Xã đoàn bảo an 33 tên; Hai đồn: K.8, 37 tên, K.9 35 tên. Tổng cộng 118 tên.

- Phú Hiệp: Hành chánh 9 tên; Cuộc cảnh sát 4 tên; Xã đoàn bảo an 36 tên; Ba đồn: K.10, 37 tên, K.11, 34 tên, K.12, 36 tên. Tổng cộng 156 tên.

- Phú Cường: Hành chánh 9 tên; Cuộc cảnh sát 4 tên; Xã đoàn bảo an 33 tên; Bốn đồn: Kinh 15, 33 tên, ấp A 37 tên, Vàm Kinh 35 tên, Hồng Kỳ 36 tên. Tổng cộng 187 tên.

Với quân số và bộ máy kèm kẹp trên, từ đầu năm 1967, địch tập trung càn quét khốc liệt gây cho lực lượng vũ trang ta nhiều tổn thất. Trong tình thế khó khăn, Huyện ủy Thanh Bình chủ trương gấp rút xây dựng lực lượng quân báo, tăng cường củng cố cơ sở ở vùng địch tạm chiếm, đưa cán bộ vào bám cơ sở hoạt động, tổ chức quần chúng đấu tranh chính trị, tiếp tục phân loại những tên ác ôn, ngoan cố để cảnh cáo hoặc trừ khử. Tên Pháp ở Tân Phú, tên Thành ở Bình Thành bị ta xử tử. Đẩy mạnh phong trào quần chúng đấu tranh trong vùng địch bằng nhiều hình thức như chống bắt lính, phá ấp chiến lược, phá cầu, cản đường gây chướng ngại các cuộc càn quét của địch.

Trong vòng kèm kẹp của kẻ thù đầy nguy hiểm nhưng cách mạng vẫn có lực lượng quần chúng đông đảo. Những gia đình yêu nước càng tỏ ra trung thành dù bị địch khủng bố dã man, hàng ngày họ phải đối diện với cảnh bắt bớ, tù đầy, bị tra tấn đến tàn phế hoặc chết nhưng họ vẫn chăm lo cho cán bộ cách mạng. Bà Bảy Thương ở Tân Phú, xuôi ngược ra vô giữa vùng địch và căn cứ cách mạng với bao chuyến hàng tiếp tế cho cách mạng. Nhiều mẹ, nhiều chị sẵn sàng hy sinh tính mạng của mình để bảo vệ cán bộ hoạt động, giữ vững cơ sở. Tiêu biểu là bà Nguyễn Thị Dây ở An Phong, nuôi giấu 3 cán bộ dưới bồ lúa trong nhà, khi bị địch phát hiện, bà nhanh trí giằng lấy súng trong tay địch cho các đồng chí chạy thoát trong đó có đồng chí Nhật Vinh (huyện ủy viên), bà bị đạn địch xuyên thủng tay nhưng vẫn không nao núng. Bà Ba Mừng ở Bình Thành, đào hầm bí mật nuôi giấu 2 cán bộ, đồng chí Bảy Nhẫn (Trung) và đồng chí Bảy Tường (Bí thư huyện ủy). Địch phát hiện giết chết đồng chí Bảy Nhẫn,

trong khi hầm của đồng chí Bảy Tường gần đó, địch bắt bà Mừng tra tấn dã man nhưng nhất quyết bà không một lời khai báo.

Có những phụ nữ kiên trì khôn khéo trong công tác binh địch vận. Chị Phan Thị Dĩnh ở Bình Thành đã vận động tên đồn phó Cái Lách cung cấp cho ta 6.000 viên đạn và 50 trái lựu đạn. Có những gương trung dũng, giáp mặt đấu tranh với quân thù như chị Bảy Nưa ở Tân Phú, đoàn viên Thanh niên Giải phóng đã giành lại xác của bộ đội ta từ trong tay địch để chuyển về chôn ở Mỹ Hòa.

Tháng 5/1967, tại An Long, các đồng chí Ba Sum, Huỳnh Tư, chị Phi... trong Ban binh địch vận xã, vận động nhân dân đấu tranh chống địch lừa dân đi sửa lộ do bộ đội ta phá để làm cản ngại cuộc hành quân càn quét của chúng. Nhân dân phản đối không chịu sửa với lý do quân giải phóng phá lộ, tại sao lại bắt dân sửa? Cuộc đấu tranh này có 120 người tham gia cùng 25 gia đình binh sĩ.

Mùa nước năm 1967, địch tổ chức trận càn bằng thuyền bay vào xã Tân Công Sinh, âm mưu ngăn chặn và đánh phá đoàn vận tải của ta từ biên giới Campuchia xuống chiến trường Mỹ Tho. Ta tổ chức đánh trả, bắn chìm 1 thuyền bay, bắn bị thương 1 chiếc khác, diệt 3 tên, 1 sĩ quan Mỹ bị thương. Ta thu 1 đại liên, 1 súng M.79, 2 súng AR15 và nhiều đạn, bẻ gãy trận càn.

Cuối năm 1967, Huyện ủy Thanh Bình nhận được chủ trương tổng công kích, tổng khởi nghĩa toàn miền Nam của Trung ương và Tỉnh ủy. Huyện ủy khẩn trương triển khai kế hoạch và phổ biến bài thơ mừng Xuân của Hồ Chủ Tịch nhằm động viên tinh thần đấu tranh cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân.

Huyện ủy Thanh Bình chỉ đạo chi bộ các xã và các lực lượng vũ trang khẩn trương chuẩn bị mọi công tác cần thiết.

- Về chánh trị: tranh thủ tuyên truyền khơi dậy lòng yêu nước, căm thù giặc trong quần chúng, củng cố lại các tổ chức cơ sở, phân công cụ thể, sẵn sàng nổi dậy hưởng ứng cuộc tổng tiến công.

- Về quân sự: tăng cường quân số, trang bị, tổ chức... nâng cao khả năng chiến đấu. Phân loại mục tiêu tiến công và phân công cụ thể cho từng đơn vị, chú trọng các mục tiêu quan trọng. Du kích các xã phải kịp thời hỗ trợ lực lượng quần chúng nổi dậy tiến công địch tại xã ấp.

- Về binh vận: quan tâm nhiều hơn nữa công tác tuyên truyền, tác động, làm rệu rã tinh thần binh sĩ địch, vận động họ đào rã ngũ, làm binh biến khởi nghĩa hoặc nội ứng cho ta.

Theo phân công của Tỉnh ủy, Thanh Bình làm nhiệm vụ chặn đường giao thông, cắt đứt liên lạc, chi viện qua lại giữa Thanh Bình và Cao Lãnh của địch để bộ đội ta tập trung tấn công thị xã Cao Lãnh.

Trước nhiệm vụ to lớn và cấp bách, nhưng ta gặp phải khó khăn rất lớn là lực lượng vũ trang huyện lúc này chỉ còn lại 18 người, được trang bị bằng súng tiểu liên AK. Vì thế, ta phải tập trung phát triển nhanh chóng lực lượng. Đến ngày tổng công kích, lực lượng vũ trang huyện được nâng lên 3 trung đội độc lập và 2 tiểu đội đặc công.

Ngoài ra, còn có khó khăn cơ bản khác, là kinh An Long chia cắt địa bàn các xã vùng hậu Thanh Bình (thuộc quận Đồng Tiến của địch, sau này là huyện Tam Nông), địch thường xuyên tổ

chức tuần tra, gây rất nhiều khó khăn, trở ngại trong công tác chỉ đạo và hoạt động cách mạng.

Mở đầu, đêm 30 tết Mậu Thân (1968) lực lượng võ trang và dân quân du kích xã Bình Thành, do đồng chí Hai Thương và Tư Trương chỉ huy, phục kích sát lộ 30, đưa cơ sở móc nối với đại đội địch ở đồn Trà Bông (Bình Thành), đến 4 giờ sáng ngày mùng một Tết 1968, tên đồn trưởng buộc phải kêu gọi binh lính đầu hàng, đến 5 giờ sáng ta chiếm gọn đồn. Bọn địa phương quân kéo đến phản kích, ta rút về vùng căn cứ an toàn. Bộ đội huyện kết hợp với du kích các xã An Phong, Tân Thạnh, Tân Phú, An Long bao vây tấn công nhiều đồn bót, tháp canh, phá đường, đập mô, làm ụ chiến đấu... Hệ thống đồn bót ở ấp Nhứt, ấp Nhì (xã An Phong), hậu nhà thờ, hậu khu Năm rút chạy. Du kích An Phong, Tân Thạnh phục kích tại ấp Nhứt (An Phong) diệt 1 xe Mỹ, thu một điện đài, làm chủ trận địa một ngày. Chi bộ Tân Phú cùng với huyện tổ chức đêm văn nghệ mừng chiến thắng thu hút nhiều thanh niên nam nữ đến xem.

Sau các trận thắng này, thanh niên hăng hái tòng quân, nâng quân số của Địa phương huyện lên hơn 200 người. Địch thì hoang mang, lo sợ, riêng tên quận trưởng ban đêm không dám ngủ nhà.

Ở xã Phú Cường, ta cùng lúc tiến công công Sở tế xã và đồn trung tâm xã, diệt và bắt 9 tên tề, diệt đồn.

Phối hợp nhịp nhàng với mặt trận chính ở thị xã Cao Lãnh, lực lượng vũ trang ta vây ép, bắt rút 3 đồn Mương Lớn, đồn Cả Nga, đồn Chùa Phật ở Tân Phú. Trong khi đó các huyện Hồng Ngự, Kiến Văn, Mỹ An đồng loạt tấn công địch, nhiều đồn bót địch tháo chạy. Ta làm chủ lộ 30, cắt đứt đường giao thông từ Thị

xã Cao Lãnh đi Thanh Bình, Hồng Ngự và Kiến Văn. Nhưng sau đó địch phản kích quyết liệt, nên ta không duy trì được lâu ⁽¹⁾.

Tháng 2/1968, một tổ du kích xã phục kích đánh địch ở chùa Chư Vị (Láng Tượng, xã Tân Phú) giết 1 tên ác ôn, thu 2 súng. Du kích Bình Thành tấn công đồn Thầy Ba Dĩ, diệt tên Chỏn, ác ôn cùng một số tên khác.

Tháng 3/1968 du kích 2 xã An Phong, Tân Thạnh phối hợp với bộ đội huyện đánh trận Xẻo Da (An Phong) diệt khoảng 10 tên. Địch gọi máy bay ném bom, bắn phá loạn xạ vào nhà dân để trả thù.

Tháng 4/1968, tại xã An Long, lực lượng du kích phối hợp với Ban binh vận xã tổ chức "nội công ngoại kích" đánh đồn An Hòa, diệt 4 tên ác ôn (tên Chò, Vân, Hiền và Dư), thu được 4 súng.

Tháng 5/1968, tổng tiến công và nổi dậy Đợt II của toàn miền nổ ra, huyện Thanh Bình được tỉnh tăng cường Tiểu đoàn 502 về phối hợp cùng lực lượng võ trang huyện, mở cuộc tấn công vào trung tâm đầu não, chi khu quân sự Thanh Bình, tạo thời cơ cho phong trào nổi dậy của quần chúng. Đêm 4 rạng 5/5/1968, ta chia đội hình thành 3 mũi tấn công : mũi thứ nhất từ ấp Tân Đông (Tân Phú) đánh qua, do đồng chí Hai Thương chỉ huy; mũi thứ hai cặp sông Tân Thạnh đánh lên Chi cảnh sát, do đồng chí Quang chỉ huy; mũi thứ ba từ phía Nhà thương đánh xuống, do đồng chí Chín Đồng chỉ huy. Ngoài ra, hoả lực súng

⁽¹⁾ Lịch sử Lực lượng võ trang tỉnh Đồng Tháp (1954-1975), Nxb QĐND, 2001, tr.144-145.

cối của ta từ lộ 30 (phía trên và phía trong cầu Xẻo Miếu) bắn vào chi khu, kèm chế hoả lực địch, tạo điều kiện cho các mũi tiến công diệt địch. Nhưng do sự phối hợp không chặt chẽ, cuộc tấn công không đạt yêu cầu theo dự định⁽¹⁾. Địch huy động máy bay, tàu chiến và pháo binh phản kích dữ dội, sau một ngày chiến đấu ác liệt ta diệt 30 tên và tổ chức rút lui bảo toàn lực lượng.

Ngày 16/5/1968, ở xã Tân Công Sinh, tại ngã tư kinh Kháng Chiến (Cô Đông), du kích xã kết hợp với B12 giao liên, Đội bảo vệ Tỉnh uỷ đã chiến đấu quyết liệt với Tiểu đoàn 44, một tiểu đoàn dù, một đại đội biệt kích của địch, ta tiêu diệt 160 tên, bắn rớt 4 máy bay, bắn bị thương 6 máy bay khác, bảo vệ an toàn cho 4 đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ các tỉnh Kiến Phong, Mỹ Tho, Gò Công, Bến Tre và đồng chí Tư lệnh phó Quân khu 8 trên đường về Trung ương Cục họp.

Ngày 25/7/1968, địch huy động Sư đoàn 7, biệt động quân của Vùng 4 chiến thuật cùng 2 tiểu đoàn 417 và 423, nhiều máy bay ném bom yểm trợ, chúng đổ quân tấn công vào vùng Kinh Tư (Bắc Dầu) thuộc hậu cứ xã Bình Thành. Lực lượng võ trang huyện, du kích Tân Phú và Bình Thành phối hợp triển khai đội hình theo ven cây, tổ chức chiến đấu kèm chân địch suốt ngày. Ta bẻ gãy các cuộc tấn công của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 300 tên trong đó có 2 tên Mỹ.

Ngày 5/8/1968, Liên đoàn Biệt động quân 41 của địch tràn vào hậu cứ của ta ở xã Bình Thành, Tân Phú, có máy bay trinh sát, 2 máy bay F105 ném bom, 14 khẩu pháo yểm trợ cho 2 tiểu

⁽¹⁾ Theo Lịch sử Lực lượng võ trang tỉnh Đồng Tháp. Sđd, thì: do phối hợp thiếu chặt chẽ, nên khi nổ súng tấn công, pháo ta lại nổ trên lưng quân ta, gây một số thương vong, mũi tấn công bị sượng. (tr.152)

đoàn biệt động hành quân càn quét. Năm trước kế hoạch của địch, lực lượng ta triển khai đội hình đánh trả. Suốt một ngày chiến đấu, ta bề gãy 6 đợt tấn công của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 70 tên.

Trong thời gian này, du kích xã Bình Thành tấn công đồn Cái Nổ, bắn phá vào các đồn Cái Lách, Cái Tre, đồn Thầy Ba Dĩ. Du kích xã An Phong kết hợp lực lượng võ trang huyện đánh địch trên trục lộ 30, tại ấp Nhứt diệt hàng chục tên và 1 xe Jeep.

Một số xã còn lại nằm trên các khu Dinh điền thuộc quận Đồng Tiến, địch kềm kẹp chặt, địa bàn hoạt động của ta bị hạn chế. Riêng xã Tân Công Sính, vùng Tân Hưng, Tân Lợi, Gáo Đồi, ta sử dụng cơ sở dẫn đường di chuyển quân và vũ khí cho cách mạng. Vùng này ta hoạt động bí mật, vận động quần chúng đóng góp lương thực, tiền bạc, thuốc men... ủng hộ cho cách mạng. Nơi địch tạm chiếm ta đưa quân về bất ngờ tấn công rồi rút đi ngay, mục đích làm tiêu hao lực lượng địch (kể cả phòng vệ dân sự) gây tiếng vang và tác động tâm lý.

Trong giai đoạn này, ta phải đối đầu với chiến lược chiến tranh mới tàn bạo và nguy hiểm của địch, nhưng quân dân ta tình cảm vẫn thủy chung với cách mạng, tinh thần luôn sắt son với Đảng, lòng nhẫn nại và ý chí sắt đá luôn được trui rèn. Ở An Phong, đồng chí Phạm Văn O (Nhật Vinh - Huyện ủy viên) chỉ huy lực lượng chỉ có 7 người, vẫn hiên ngang đánh trả với một đại đội địa phương, 2 trung đội nghĩa quân địch, có pháo binh, máy bay yểm trợ. Các đồng chí chiến đấu quyết liệt, anh dũng hy sinh đến người cuối cùng. Nhật Vinh kết thúc trận đánh với quả lựu đạn sau cùng giữ trọn khí tiết người chiến sĩ cộng sản.

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1968 tuy chưa giành được thắng lớn như mong muốn, nhưng với lòng căm thù giặc cao độ và ý chí dũng cảm chiến đấu quên mình của quân dân ta đã làm sụp đổ chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ. Đảng bộ và quân dân Thanh Bình đã góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của cả nước, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Paris.

Chương bốn

Huyện Tam Nông được thành lập, góp phần cùng nhân dân cả nước đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn (1969 - 1975)

I. HUYỆN TAM NÔNG RA ĐỜI, GÓP PHẦN CÙNG NHÂN DÂN CẢ NƯỚC ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC "VIỆT NAM HOÁ CHIẾN TRANH" CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1969-1972)

1. Hoàn cảnh và điều kiện ra đời của huyện Tam Nông

Từ năm 1959, khi địch lập quân Đồng Tiến, đào kinh xáng An Long, với ý đồ khai thác mở mang vùng đất còn hoang hoá, thưa dân; đồng thời thực hiện âm mưu chia cắt Đồng Tháp Mười làm nhiều mảnh để thuận tiện trong việc đánh phá, bình định. Chúng tăng cường củng cố mạng lưới đồn bót và lực lượng càn quét có hệ thống qui mô hơn, do tên thiếu tá Trần Trọng Tãi làm Quận trưởng. Hệ thống dưới quyền có Đại đội 992 nghĩa quân để bảo vệ chi khu, do Trung uý Nghĩa chỉ huy. Đại đội 895 chia ra đóng tại Hoà Bình 2 trung đội, đóng tại Cà Dăm 2 trung đội. Linh

mục Tô Đức Bạch phụ trách giáo khu Hoà Bình. Từ năm 1966 Hoà Bình trở thành chi khu, có phái đoàn hành chánh trực thuộc quận Thanh Bình do thiếu tá Trọng làm trưởng đoàn.

Hệ thống xã trực thuộc quận Đồng Tiến gồm: An Long (Khu 1), xã Phú Thành (Khu 2), Phú Thọ (Khu 3), Phú Yên (Khu 4), Phú Cường (khu 5), Phú Hưng (Khu 6), Phú Đức (Khu 8 - 9), Phú Hiệp (Khu 10 - 11 - 12), Tràm Chim là nơi đóng các cơ quan đầu não của chi khu. Khu Hoà Bình và Cà Dăm, tập trung 192 gia đình Việt Kiều từ Campuchia về, khoảng 900 người, chúng dự kiến lập xã Phú Bình nhưng sau đó bãi bỏ. Chúng cưỡng ép hàng ngàn giáo dân đạo Thiên Chúa từ Bắc di cư vào, tập trung ở khu Hoà Bình, với ý đồ hình thành một giáo khu như Hố Nai, Gia Kiệm (ở Biên Hoà), Cái Sắn (ở Kiên Giang)... Bộ máy kềm kẹp của chúng từ quận đến xã được nhanh chóng hình thành, kiểm soát nghiêm ngặt. Các đồn nghĩa quân của địch đóng rải đều trên các xã. Ngoài ra, mỗi xã đều có cuộc cảnh sát và đoàn bảo an, tạo thêm vây cánh chặt chẽ cho bộ máy đàn áp, khủng bố của quận Đồng Tiến. Con kinh Đồng Tiến cắt quận Đồng Tiến và cả Đồng Tháp Mười ra hai mảnh. Phần lớn là đất đai của Đồng Tháp Mười đều nằm ở phía Bắc kinh. Phía Nam kinh chỉ là một phần nhỏ của các xã An Long, Phú Thành, Phú Cường, Phú Hưng ; hai xã Phú Thọ và Phú Yên có $\frac{3}{4}$ diện tích nằm ở phía nam kinh.

Quận Đồng Tiến ngoài quân số và bộ máy kềm kẹp tại chỗ, chúng tăng cường quân từ tỉnh, từ Quân đoàn IV xuống thường xuyên tổ chức các cuộc càn quét qui mô trong vùng; quân Mỹ, ngoài trung tâm biệt kích Cà Vàng, chúng còn đóng chốt từ

Mãng Đa, Ba Trúc đến Dinh Điền, với hai chi đoàn thiết vận xa. Sư đoàn 7 và Sư đoàn 9 của địch thường xuyên hoạt động ở đây. Trên kinh Đồng Tiến thường xuyên có trên 70 tàu chiến, thuyền bay tuần tiểu suốt ngày đêm. Hoạt động của địch chẳng những đàn áp phong trào cách mạng địa phương, mà chúng còn nhằm ngăn chặn sự di chuyển các lực lượng lớn của ta từ biên giới Campuchia xuống phía Nam và từ miền Đông xuống miền Tây.

Sau cuộc tổng tiến công mùa Xuân (1968), địch tăng cường càn quét khủng bố ác liệt hơn, gây cho ta muôn vàn khó khăn.

Khi địch thành lập quận Đồng Tiến, ta thấy chưa cần phải lập một đơn vị tương ứng với chúng trên địa bàn này, mà vẫn chỉ đạo phong trào cách mạng theo sự phân chia cũ. Tức là hai Huyện ủy Hồng Ngự và Thanh Bình tiếp tục lãnh đạo cách mạng trên địa bàn quận Đồng Tiến. Huyện ủy Hồng Ngự phụ trách các xã An Long, Tân Công Sinh sau thêm xã Phú Đức, Phú Hiệp; Huyện ủy Thanh Bình phụ trách các xã còn lại là Phú Thành, Phú Thọ, Phú Cường, Phú Hưng, Phú Yên (Tràm Chim).

Chiến tranh ngày một ác liệt, địch càng tăng cường bố trí chốt chặn, tuần tra trên bộ, dưới kinh, gây nhiều trở ngại cho ta. Trước yêu cầu cách mạng ngày càng cao, phải bảo đảm thông suốt, giao thông, liên lạc vận chuyển... chẳng những đối với hoạt động cách mạng địa phương, mà còn cho toàn vùng Đồng Tháp Mười, cho cả Khu 8 và Trung ương Cục. Trong khi sự chỉ đạo của ta trên địa bàn quận Đồng Tiến thiếu sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa hai huyện ủy Hồng Ngự và Thanh Bình; Hồng Ngự với xuống không tới, Thanh Bình nổi lên cũng không giúp. Trong cuộc tổng tiến công mùa Xuân Mậu Thân (1968), khó khăn do sự

chia cắt này càng lộ rõ. Tỉnh cử một bộ phận do đồng chí Ba Mạnh chỉ huy, từ Hồng Ngự xuống hoạt động ở các xã Tân Công Sính, Phú Đức, Phú Hiệp và An Long, phải vượt qua khỏi Dinh Điền và bôn biệt kích Mỹ ở trung tâm Cà Vàng, rồi mới trụ lại ở Gáo Đồi, Cỏ Trấp (Tân Công Sính). Còn Huyện uỷ Thanh Bình thì chỉ lãnh đạo được các xã Phú Thành, Phú Thọ, Phú Yên và Phú Cường, không thể vượt qua nổi bờ bắc kinh An Long.

Trước yêu cầu cấp bách đó, Trung ương cục Miền Nam chuẩn y đề nghị của tỉnh, ngày 15/5/1969 cho thành lập huyện mới Tam Nông ⁽¹⁾, với địa giới tương ứng của quận Đồng Tiến của địch.

2. Sự bố trí, sắp xếp của ta và phản ứng của địch, sau khi huyện Tam Nông được thành lập

Huyện Tam Nông được chánh thức thành lập, lúc đầu ta tổ chức lãnh đạo không theo địa giới hành chánh quận Đồng Tiến của địch, gồm 5 xã: Phú Yên (Khu 4), Phú Cường (Khu 5, Phú Đức (Khu 8, 9), Phú Hiệp (Khu 10, 11, 12) và Tân Công Sính. Sau đó điều chỉnh lại gồm các xã: An Long, Phú Thành, Phú Thọ, Phú Yên, Tân Công Sính, Phú Cường, Phú Hưng ⁽²⁾, Phú Đức và Phú Hiệp.

Từ giữa năm 1968, trung tâm biệt kích Mỹ ở Cà Vàng hoạt động mạnh, khống chế vùng biên giới, cộng với áp lực của khu Dinh Điền, nên sự chỉ đạo của Huyện uỷ Hồng Ngự rất khó khăn, nên phải đưa một bộ phận xuống kinh Xáng Cụt. Đây là tiền thân

⁽¹⁾ Tam Nông là tên một huyện của tỉnh Phú Thọ kết nghĩa với tỉnh Long Châu Sa thời kháng Pháp, sau là Kiến Phong

⁽²⁾ Đến năm 1972, giao xã Phú Hưng cho huyện Mỹ An

của lãnh đạo huyện Tam Nông. Bộ phận này gồm một trung đội võ trang do đồng chí Ba Mạnh chỉ huy, cùng với một số ngành của huyện, để trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng ở các xã. Cuối 1968 đầu 1969, tình hình căng thẳng hơn nữa, nên tỉnh phải cho phép thành lập Ban cán sự Đảng (BCSD) cho huyện mới Tam Nông.

Trong quá trình hình thành BCSD, tỉnh điều một số đồng chí từ nhiều huyện trong tỉnh về phụ trách, gồm các đồng chí Lê Dũng (của tỉnh), Hồ Thanh, Ba Mạnh (của Hồng Ngự), Tư Hồng, Năm Rem (của Thanh Bình), Ba Âu (Mỹ An), Hai Quốc (của Cao Lãnh), Bành Công (...). Ban cán sự huyện Tam Nông đầu tiên do đồng chí Huỳnh Văn Thường (Năm Thảo) - Ủy viên Thường vụ Tỉnh uỷ đang phụ trách huyện Hồng Ngự được chỉ định làm Trưởng Ban; các uỷ viên: đồng chí Lê Dũng phụ trách dân vận, đồng chí Ba Mạnh phụ trách quân sự. Sau khi chánh thức thành lập, BCSD Tam Nông đóng tại Gáo Đồi để lãnh đạo phong trào cách mạng và củng cố, xây dựng các cơ sở Đảng, cơ sở cách mạng.

Trong tình hình chiến trường nhiều khó khăn, đầu năm 1970, Tỉnh uỷ triển khai Chỉ thị 18 của Khu uỷ, nêu cao quyết tâm bám trụ đánh địch và ra sức xây dựng lực lượng.

Chấp hành chủ trương của trên, BCSD huyện Tam Nông đẩy mạnh công tác chống bình định nông thôn, coi đây là nhiệm vụ hàng đầu; công tác binh vận được coi là mũi nhọn của cuộc đấu tranh, vận động binh sĩ ngụy đào, rã ngũ, móc nối làm nội ứng cho ta; lấy hoạt động quân sự làm đòn xeo chủ yếu để thúc đẩy phong trào kháng chiến.

Vài tháng sau khi thành lập, đồng chí Hồ Thanh (Ba Thanh) được điều về làm Trưởng Ban cán sự Đảng thay cho đồng chí Năm Thảo chuyển về Hồng Ngự. BCSĐ huyện xem xét phân công đảng viên về phụ trách xây dựng phong trào cách mạng ở các xã còn yếu hoặc còn trắng Đảng, đồng chí Ba Âu được phân công về phụ trách xã Phú Thành và Phú Thọ (vùng trắng Đảng), đồng chí Ba Mạnh phụ trách xã Phú Yên và Tràm Chim (vùng trắng Đảng), đồng chí Ba Phán phụ trách xã Phú Đức (vùng trắng Đảng). Các xã còn lại đã có chi bộ.

Năm 1969, địch bung ra tăng cường hệ thống đồn bót, địch lập nhiều chốt đóng quân. Các ụ pháo 105 ly ở Đồng Tiến, Cà Dầm tăng cường ngày đêm bắn phá. Chúng dựa vào kinh xáng An Long làm các khu gom dân, chia cắt liên lạc quân sự và hậu cần của ta để dễ kềm kẹp, đánh phá. BCSĐ huyện Tam Nông không thể chỉ đạo hoạt động đến các xã phía bắc huyện; Huyện uỷ Hồng Ngự cũng gặp khó khăn trong việc chi viện hỗ trợ cho các xã Tân Thành, Tân Hộ Cơ. Thế liên hoàn chiến đấu của ta khó thực hiện. Ban cán sự Đảng huyện Tam Nông xác định được trách nhiệm phải tự lực khắc phục khó khăn để vươn lên lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương mình.

Trong thời gian này, địch ở quận Đồng Tiến âm mưu phát quang khu vực Giồng Găng, Bưng Sấm, ý đồ huỷ diệt địa hình ẩn náu của lực lượng cách mạng. Nhận được thông tin chúng chuẩn bị đưa cưa máy đốn cây và lực lượng vào Giồng Găng để thực hiện ý đồ trên, Ban cán sự Đảng Tam Nông quyết định bằng mọi cách phải ngăn chặn hành động này của địch. Đồng chí Sáu Bình, Bí thư chi bộ xã An Long, đồng chí Ba Âu phụ trách 2 xã Phú Thành và Phú Thọ phối hợp đưa lực lượng du kích vào cùng

với tổ chức binh dịch vận của huyện, móc nối được với đại đội trưởng nghĩa quân làm nội tuyến để lập thế trận đánh trả kế hoạch phát quang của địch. Một mặt ta cấm ngù, giăng dây, tạo bãi chông, gài lựu đạn, nguy trang rải khắp vùng chúng định phát quang; mặt khác ta vận động quần chúng chống đối, cùng với nội tuyến tuyên truyền làm lung lạc tinh thần, tác động tâm lý lo sợ trong hàng ngũ địch. Do ta tích cực chủ động, tác động nhiều phía, bọn lính có cơ không thực hiện lệnh của quận trưởng Đồng Tiến; kế hoạch phát quang Giồng Găng, Bưng Sấm của chúng bị thất bại.

Trong vùng tạm chiến, địch liên tục bắt lính đôn quân, bắt bỏ những gia đình chúng tình nghi có dính líu, quan hệ với cách mạng, làm cho quần chúng lo sợ, hoang mang. Phong trào đấu tranh của quần chúng vẫn liên tục và bền bỉ, kiên trì đấu tranh chống bắt lính, chống bắt người vô cố, chống gom dân vào khu Dinh Điền, khu Trù Mật...

3. Tam Nông góp phần đánh bại chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của đế quốc Mỹ (1969 - 1972)

Cuộc leo thang chiến tranh của đế quốc Mỹ ở Việt Nam trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" cho đến cuối năm 1968 coi như hoàn toàn thất bại. Hành động leo thang đó đã bị nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới, kể cả nhân dân Mỹ cực lực phản đối, lên án. Đế quốc Mỹ bị cô lập; chánh trị, kinh tế của chúng suy thoái dần, buộc chúng phải lùi một bước, tìm cách rút quân để gỡ gạc danh dự. Nhưng với bản chất hiếu chiến, đế quốc Mỹ dùng thủ đoạn khác xảo quyệt hơn, đó là "thay đổi màu da trên xác chết", dùng người Việt đánh người Việt, sử dụng con bài Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu thực hiện chiến lược mới "Việt

Nam hoá chiến tranh", tiếp tục chiếm đóng lâu dài miền Nam nước ta.

Mỹ tăng cường trang bị phương tiện chiến tranh, đô la cho chánh quyền Sài Gòn, để phát triển nhanh lực lượng nguy quân thay mạng cho Mỹ. Nguyễn Văn Thiệu kêu gọi tổng động viên, ra sức bắt lính đôn quân, mở nhiều chiến dịch "bình định", chiếm đóng. Bọn chúng cho lập kế hoạch "Phượng hoàng" nhằm tập trung tiêu diệt cơ sở hạ tầng của ta. Dịch cho rằng cán bộ cách mạng hoạt động được là nhờ bám vào những gia đình cơ sở, nên việc tấn công cơ sở cách mạng cũng quan trọng như tiêu diệt các đơn vị quân sự của ta.

Sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1968, địch thường xuyên sử dụng các lực lượng của Sư đoàn 7, Sư đoàn 9, Liên đoàn biệt động số 41 và bọn địa phương quân thuộc tiểu khu Kiến Phong, chi khu quân sự Thanh Bình, Đồng Tiến, Hồng Ngự liên tục càn quét, ném bom, bắn trọng pháo vào Tam Nông; vùng căn cứ của ta phải đương đầu với nhiều khó khăn mới. Ngoài ra, ở vùng địch tạm chiếm, kế hoạch "bình định" của chúng được tăng cường, mạng lưới kẽm kẹp khổng lồ được mở rộng. Trên kinh xáng An Long địch sử dụng tàu chiến ngày đêm tuần tiểu, cắt đứt tuyến giao liên của ta từ hành lang biên giới xuống.

Bên cạnh việc bắt lính đôn quân, chúng còn xây dựng các đơn vị cảnh sát dã chiến để yểm trợ công việc bình định. Chúng đôn lính dân vệ làm lính bảo an để gia tăng càn quét, lấn chiếm. Bọn dân vệ được trang bị súng liên thanh M.16. Các phương tiện chiến tranh hiện đại (như máy bay lên thẳng, tàu chiến, xe bọc thép...) được tăng cường gấp bội. Bom pháo dội xuống các tuyến giao thông, sông rạch, hành lang tiếp tế của ta với mật độ chưa

từng có. Chúng dùng trục thẳng đổ quân kiểu "nhảy cóc" xuống vùng căn cứ hoặc dọc theo tuyến hành lang biên giới. Chúng thường tổ chức cuộc hành quân dài ngày, chà đi xát lại trong một khu vực; tung biệt kích lập các chốt chặn trên đồng, trên sông rạch, trong xóm ấp. Trong mỗi xã chúng cho đóng ba bốn đến hơn chục đồn bót, thường xuyên lùng sục bắt bớ...Ngoài cảnh sát, an ninh, phòng vệ dân sự, chúng còn tăng cường xuống xã "cán bộ bình định" bám chặt dân tình trong xóm ấp. Tổ chức đưa gián điệp "phượng hoàng" vào vùng căn cứ móc nối kêu gọi chiêu hồi...

Từ đầu năm 1969, địch hoạt động, tuần tra hết sức nghiêm ngặt trên kinh An Long (Đồng Tiến), việc qua lại giữa hai bờ kinh vô cùng nguy hiểm.

Tại An Long, tháng 3/1969 tàu tuần cảnh ruồng bố, bắt quân địch, chúng bắt phần lớn những người tín đồ Phật Giáo Hoà Hảo đem gởi giam tại cuộc cảnh sát, đêm đến chúng cho thủ tiêu một số người. Cơ sở ta vận động 450 người gồm nhân dân, trong đó có 200 tín đồ Phật giáo Hoà Hảo cùng với 190 gia đình binh sĩ tham gia biểu tình phản đối, lên án hành động dã man của địch, đòi chúng đền mạng. Ông Ba Hế trong Ban trị sự Phật giáo Hoà Hảo dẫn đầu đoàn biểu tình bao vây cuộc cảnh sát An Long, tố cáo tội ác địch, buộc chúng phải nhận tội, chôn cất và trợ cấp cho gia đình nạn nhân. Tên thiếu tá Tả, quận trưởng Đồng Tiến và đồng bọn phải thừa nhận hành vi sai trái.

Cũng trong thời gian này (tháng 3/1969), địch đem 3 tiểu đoàn mở trận càn vào căn cứ của ta ở Bắc Dầu, bị lực lượng vũ trang ta phục kích đánh trả quyết liệt, loại khỏi vòng chiến nhiều tên.

Tháng 4/1969, du kích xã An Phong tấn công phá sập một góc cơ quan tề xã, thiêu huỷ hầu hết hồ sơ và tài liệu của địch.

Cơ sở cách mạng bị chúng ráo riết theo dõi vây bắt, đánh phá. Tình trạng bắt bớ, tra tấn, vu cáo, đòi hối lộ, tổng tiền diễn ra hàng ngày ở vùng tạm chiến, gây hoang mang, mâu thuẫn trong quần chúng, phong trào đấu tranh có phần sa sút.

Chúng còn áp dụng nhiều thủ đoạn để lôi kéo, mua chuộc nhân dân, như phổ biến kỹ thuật canh tác mới, giống mới, nông cụ mới (lúa thần nông IR.5, máy Kolher, phân bón, thuốc trừ sâu...), cho nông dân vay bằng quỹ "Quốc gia nông tín cuộc"... Chương trình bình định của Mỹ - ngụy thực chất là cuộc chiến tranh hai mặt, tàn bạo và xảo quyệt, nhằm giành giật nông thôn, biến nông dân thành lực lượng hậu thuẫn cho chính sách xâm lược và thống trị của chúng.

Ngày 2/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, gây xúc động mãnh liệt trong cả nước. Biến đau thương thành hành động cách mạng, nhiều địa phương trong huyện Tam Nông, nhất là trong vùng giải phóng, vùng căn cứ, nhân dân lập bàn thờ, tổ chức lễ truy điệu ... để tưởng nhớ vị lãnh tụ anh minh của dân tộc.

Từ đầu năm 1970, xã An Long là địa bàn địch thường xuyên tăng cường đánh phá để gom dân, qui khu lập ấp. Đồng chí Sáu Bình, Bí thư chi bộ xã tổ chức được lực lượng du kích mạnh, bố trí nhiều bãi chông, bãi lựu đạn... gây cản ngại cho các cuộc càn quét bình định; tổ chức phục kích bắn tĩa bất ngờ làm tiêu hao lực lượng địch, gây hoang mang cho chúng, ngăn chặn kế hoạch gom dân.

Đồng chí Sáu Bình còn chi viện cho xã Phú Thành một tiểu đội du kích để hỗ trợ xây dựng lực lượng du kích tại chỗ, tổ chức bắn tỉa, chống gom dân lập ấp như An Long đã làm.

Ở xã Phú Cường, đồng chí Tư Nghinh làm công tác binh địch vận, tổ chức nội tuyến, lôi kéo một tiểu đội binh sĩ ngụy làm binh biến nổi dậy mang một khẩu tiểu liên M.2 về với cách mạng.

Tháng 5/1970, địch hành quân càn quét ở Gò Tre (Tân Công Sính), du kích phục kích đánh trả tiêu diệt 5 tên địch. Mùa nước năm này, 6 du kích xã Tân Công Sính chặn đánh thuyền bay địch đi ruộng bố, diệt 2 chiếc, 2 chiếc bị thương.

Tháng 6/1970, thực hiện chỉ thị của Tỉnh uỷ Kiến Phong: "Đẩy mạnh tấn công địch, tăng cường công tác xây dựng Đảng,... thực hiện phương châm 3 bám: Chi bộ bám dân, dân bám đất, du kích bám đánh địch". BCSĐ huyện chủ trương tăng cường cán bộ trực tiếp về bám địa bàn các xã, khôi phục và xây dựng cơ sở, phát triển phong trào.

Trong năm 1971, địch mở 4 trận càn vào hậu cứ ta ở xã Tân Công Sính. Để bảo vệ an toàn hành lang vận chuyển vũ khí và cán bộ từ biên giới Campuchia xuống phía Nam kinh Đồng Tiến và cán bộ đi ngược lên, là phải chặn đánh bọn địch chốt chặn trên kinh Cô Đông từ Lung Bông vô Hoà Bình, gò Cỏ Súng (từ kinh Tân Công Sính đến Hoà Bình thuộc kinh Cà Dăm). Đồng chí Ba Phán, Huyện đội trưởng cùng 12 chiến sĩ kết hợp 12 du kích Phú Cường, Tân Công Sính tổ chức phục kích ở kinh Cô Đông, kết quả ta diệt tại chỗ 11 tên, bị thương 8 tên, trong đó 1 trung uý, 3 chuẩn uý, bắt sống tên Bê, trung đội phó, thu được 2 máy thông tin PRC. 25, 2 súng M.79 và 6 súng AR15.

Địch liên tục tổ chức bắt lính, gom dân vào các khu dinh điền, dưới sự lãnh đạo của các chi bộ địa phương, nhiều cuộc đấu tranh diễn ra liên tục dù không rầm rộ, nhưng bền bỉ, cương quyết với nhiều hình thức, buộc chúng phải nới lỏng kẽm kẹp ở một số dinh điền ở An Long, Khu 4.... để bà con trở về quê cũ làm ăn.

Tháng 12/1971, ở xã Phú Cường, đồng chí Tư Nghinh, Bí thư chi bộ xã, tổ chức khởi nghĩa trong lòng địch, đồng chí Bảy Bọ được phân công kết hợp nội ứng nổi dậy tước súng, giải tán 2 toán phòng vệ dân sự, thu toàn bộ vũ khí trong đó có 4 khẩu tiểu liên M2, vận động được 6 phòng vệ dân sự ngã theo cách mạng.

Năm 1972, trên toàn miền Nam Mỹ đã rút 40 vạn quân, nhưng chúng vẫn còn để lại một lực lượng lục quân, hải quân, không quân cùng với ngụy quân được tăng cường quân số và trang bị hiện đại. Riêng ở huyện Tam Nông, địch trang bị một lực lượng mạnh, với 2 chi đoàn xe thiết giáp đóng tại Khu dinh điền An Long và 4 cụm pháo: dinh điền 4 khẩu 105, 2 khẩu pháo 155; trung tâm Cà Vàng 2 khẩu pháo 105; chi khu Đồng Tiến (Khu 4) 2 khẩu pháo 105; Cà Dăm 2 khẩu 105 thường xuyên phối hợp bắn phá. Ngoài ra, địch còn cho 1 tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 7 đóng ở hậu xã Tân Thành, 1 tiểu đoàn biệt động quân án ngữ ở Cà Vàng liên kết với bọn biệt kích Mỹ ở Vĩnh Hưng (Long An) và một cụm pháo của Sư đoàn 7. Chúng tập trung càn quét, đánh phá vào địa bàn huyện Tam Nông. Lúc bấy giờ trên vùng Đồng Tháp Mười, Tam Nông là một trong những chiến trường khó khăn, ác liệt.

Hội nghị lần thứ 20 của Trung ương Đảng nhận định chung trên toàn miền, sự diễn biến tình hình hiện tại có lợi cho ta và khó

khăn cho địch, ta ở thế thắng, địch ở thế thua. Từ đó, Trung ương đề ra nhiệm vụ lúc này là: *"Với tinh thần kiên trì cuộc kháng chiến cho đến thắng lợi hoàn toàn, phải động viên toàn lực, cố gắng vượt bậc, anh dũng tiến lên, đẩy mạnh cuộc kháng chiến, giành thắng lợi to lớn hơn nữa trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước"* ⁽¹⁾.

Trong khó khăn gian khổ, lực lượng ta luôn đối đầu với hy sinh mất mát, Ban Cán sự Đảng huyện Tam Nông vẫn vững niềm tin, bám trụ địa bàn. Cơ quan đầu não của huyện khi đóng ở Gáo Đồi, lúc dời về Cả Trấp, khi đóng ở kinh Hồng Kỳ. Những lúc bị giặc đánh phá áp đảo, Ban cán sự, vẫn tiếp tục làm việc dưới công sự, bằng ý chí cương quyết vượt qua mọi gian nan nguy hiểm để lãnh đạo phong trào. Gian khổ nhất là trong mùa nước năm 1972, ta thiếu lương thực trầm trọng, kể cả thương binh bình nằm quân y cũng phải hái từng bông điên điển, nhổ từng cọng bông súng, bắt từng con ốc, con cua... để ăn ⁽²⁾, không có thuốc men điều trị, vết thương được trị bằng mật ong lấy được tại chỗ, phết lên... Do địch tăng cường tuần tra, kiểm soát ngày đêm với máy bay trên không, tàu chiến trên sông, hễ thấy có xuồng bơi cách xóm nhà dân 1.000 thước là chúng oanh kích, dập pháo... làm cho công việc tiếp tế trở nên vô cùng khó khăn nguy hiểm. Nhiều lúc cán bộ, chiến sĩ phải lâm vào tình trạng thiếu lương thực, thuốc men...

⁽¹⁾ Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp, tập III (1954-1975), tr.219

⁽²⁾ Cán bộ nhân viên của Quân y huyện gồm 10 người và thường xuyên phải nuôi từ 2 đến 4 thương binh mà mỗi ngày chỉ có hai lít gạo để nấu cháo.

Chiến cuộc dù diễn ra ác liệt, nhưng lòng dân không nao núng, vẫn có những phong trào đấu tranh công khai chống địch. Tháng 2/1972, xã Phú Cường nhận được tin của cơ sở nội tuyến cho biết bọn cảnh sát dã chiến, phối hợp với cảnh sát áo trắng hành quân lùng bắt quân địch. Lập tức bà con họp lại từng nhóm nhỏ, đấu tranh với địch bằng cách than nghèo kể khổ vì bom đạn bắn phá ác liệt, bữa bãi... làm lung lạc tinh thần bọn cảnh sát. Cuối cùng chúng phải rút lui.

Cuối tháng 3/1972, bão lửa cuộc tiến công chiến lược của quân và dân miền Nam dội xuống đầu Mỹ - ngụy. Ba phòng tuyến mạnh nhất của quân đội Sài Gòn: Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ bị chọc thủng trong một thời gian ngắn. Địch bị động chống đỡ nhiều nơi trên toàn chiến trường miền Nam. Tinh thần binh lính địch khủng hoảng, sa sút, chán ngán chiến tranh, bỏ ngũ, rã ngũ khắp nơi. Phong trào phản chiến trong hàng ngũ binh sĩ địch, phong trào đấu tranh chống bắt lính, chống chiến tranh nổi lên mạnh mẽ.

Ở Tam Nông, phong trào đấu tranh chống bắt lính diễn ra liên tục, khắp nơi ở vùng địch tạm chiếm. Các lực lượng vũ trang không ngừng hoạt động phá từng phần hệ thống kẽm kẹp, mở lõm du kích, lấn dần vùng địch tạm chiếm, làm cho chương trình "bình định nông thôn" của chúng bị phá vỡ từng mảng.

Ngày 25/5/1972, tại xã Phú Đức, đồng chí Hai Đảng, đồng chí Bảy Tích tổ chức cơ sở ta là Hai Đường, Tư Trang cùng với du kích địa phương phục kích đánh rã toán phòng vệ dân sự ấp K9 bắt 2 tên, thu 2 súng và cảm hoá 5 phòng vệ dân sự khác đi theo cách mạng.

Tháng 6/1972, cơ sở ta ở An Long tổ chức binh địch vận, vận động hơn 100 người nổi dậy, có lực lượng vũ trang yểm trợ cùng với các gia đình binh sĩ đón bắt tên mật vụ ác ôn Nguyễn Quang Đốc đem đến nương Ông Bái, phía trên chợ An Long xét xử tử hình tên này, được nhân dân ủng hộ nhiệt tình.

Tháng 8/1972, địch mở trận càn lớn vào Tân Công Sính, bị quân dân ta chặn đánh quyết liệt. Lực lượng địch gồm một bộ phận của Sư đoàn 7 và của Sư đoàn 9, trận đánh diễn ra 3 ngày đêm ở Đìa Phèn, vùng Cỏ Cày, Tân Thành. Sau hai ngày chiến đấu liên tục, ta bị xuống sức, lại có một số chiến sĩ bị thương. Đến ngày thứ ba, Ban cán sự huyện được tin địch sẽ tiếp tục đánh từ Tân Công Sính dọc theo kinh Phước Xuyên lên Cỏ Tráp (Tân Thành) nhằm phá căn cứ ta. Với lòng quyết tâm đánh địch bảo vệ căn cứ, bảo toàn lực lượng cách mạng, đồng chí Bành Công, Huyện đội trưởng chỉ đạo phải kết hợp với du kích Tân Công Sính, Phú Cường, Phú Đức và một tổ bảo vệ hành lang tiếp sức lập phương án tác chiến, do đồng chí Hai Đảng chỉ huy. Kết quả ta diệt và làm bị thương 150 tên trong đó có tên Đại úy Sộn.

Kể từ năm 1969-1972, chiến trường Tam Nông diễn ra ác liệt chưa từng thấy. Ở vùng đất sinh lầy địa hình trống trải, một năm phải trải qua 6 tháng mùa nước nổi. Địch quyết tâm thực hiện kế hoạch bình định, ráo riết kềm kẹp ở vùng tam chiến, các lực lượng quân sự kể cả pháo binh, phi cơ, xe lội nước, thuyền bay của Mỹ ngụy thuộc quân khu, tiểu khu và nhiều chi khu quanh vùng tập trung đánh phá, chà đi xát lại nhiều lần vùng căn cứ ta. Nhưng lực lượng cách mạng Tam Nông vẫn kiên cường đứng vững. Ban cán sự Đảng huyện kiên trì bám trụ, lãnh đạo phong

trào cách mạng, từng bước giành thắng lợi, góp phần với chiến trường trong tỉnh và toàn miền đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn thâm độc của địch, đẩy chúng vào tình trạng bị động lẩn quẩn, không lối thoát. Thắng lợi đó, đã khẳng định sự trưởng thành về năng lực lãnh đạo của Ban cán sự Đảng huyện và tinh thần kháng chiến anh dũng của quân và dân Tam Nông.

II.- NHÂN DÂN TAM NÔNG CHỐNG ĐỊCH VI PHẠM HIỆP ĐỊNH PARIS, VÙNG LÊN GÓP PHẦN GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973 - 1975)

1. Đấu tranh chống địch lấn chiếm, vi phạm Hiệp định Paris (27/1/1973)

Sau những thất bại nặng nề, để cứu vãn tình thế, tháng 12/1972 đế quốc Mỹ mở cuộc tập kích bằng không quân 12 ngày đêm vào thủ đô Hà Nội và thành phố Hải Phòng, nhưng chúng chuốc lấy thất bại, buộc phải ký Hiệp định Paris chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam vào ngày 27/1/1973, công nhận Chánh phủ Cách mạng Lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam. Điều đó đánh dấu bước thụt lùi quan trọng trong chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh. Nhưng đế quốc Mỹ vẫn không từ bỏ ý đồ bám lấy Miền Nam, chúng tiếp tục duy trì nguy quyền Nguyễn Văn Thiệu để điều khiển cuộc chiến.

Nguyễn Văn Thiệu không thi hành Hiệp định Paris, không công nhận Chánh phủ Cách mạng Lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam, chúng tăng cường lấn chiếm trên qui mô lớn, mở nhiều cuộc hành quân càn quét vùng giải phóng, ráo riết bắt lính đôn quân, cố tạo một quân đội lớn mạnh để thực hiện chương trình "tràn ngập lãnh thổ", lấn chiếm vùng giải phóng, giành dân.

Trên cơ sở rút kinh nghiệm địch vi phạm Hiệp định Giơnevơ (1954) về Đông Dương trước đây và nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng, Tỉnh uỷ Kiến Phong đề ra ba nhiệm vụ lớn:

- Kết hợp ba mũi đấu tranh dựa vào thế mạnh pháp lý của Hiệp định Paris, phối hợp chặt chẽ phong trào đấu tranh trên khắp ba vùng, chủ động và kiên quyết tấn công đánh bại mọi âm mưu của địch, tiếp tục bảo vệ thành quả cách mạng. Mở các đợt học tập, tuyên truyền nội dung Hiệp định và các Nghị định thư trong quần chúng, biến nó trở thành vũ khí sắc bén về pháp lý, tạo thế tấn công ba mặt của quần chúng.

- Phát động quần chúng tiếp tục đấu tranh với ngụy quyền, phá thế kềm kẹp, bung ra, về quê cũ xây dựng lại xóm ấp nhằm lấp các ấp trắng dân.

- Đối với vùng yếu, vùng tôn giáo, thị trấn, thị xã thì đi sâu phát động quần chúng, thực hiện đúng đắn chính sách hoà hợp, hoà giải dân tộc, làm cho quần chúng hiểu rõ cách mạng, nhất là chính sách tôn giáo của Đảng, đưa quần chúng tiến lên đấu tranh chính trị với địch; dần dần xây dựng cơ sở lấp các ấp, các xã trắng, xác lập sự lãnh đạo của Đảng trên toàn tỉnh.

Tại huyện Tam Nông, địch tiến hành cuộc chiến tranh lấn đất, giành dân. Trong vùng tạm chiến, chúng buộc mỗi gia đình phải vẽ cờ 3 que trước và trên mái nhà, viết những khẩu hiệu chống cộng. Mặt khác, chúng tăng cường Tiểu đoàn 417 bảo an của tỉnh về phối hợp với các lực lượng địa phương đẩy mạnh kế hoạch bình định, bắt lính đôn quân, bắt bố khùng bố những người mà chúng cho là thân cộng. Đồn bót mới của địch được lập thêm để kiểm soát ở vùng ven. Bên cạnh đó, địch thường xuyên sử

dụng bộ binh, có xe lội nước M.113, máy bay và pháo binh yểm trợ mở các cuộc càn quét, đánh phá vào vùng sâu, âm mưu xoá bỏ vùng căn cứ, vùng giải phóng.

Trong giai đoạn này, lực lượng võ trang địa phương huyện bước đầu được củng cố và mạnh dần lên, các mối liên lạc, hậu cần quân sự cũng được móc nối trở lại. Một số cán bộ ta bám ở vùng biên giới Campuchia-Hồng Ngự cũng lần lượt trở về huyện hoạt động. Phần lớn ở các xã đều có chi bộ (tái lập, mới lập) hoặc có đảng viên lãnh đạo phong trào. Đồng chí Bàn Công được tỉnh đưa về bổ sung trong Ban cán sự Đảng huyện phụ trách quân sự thay cho đồng chí Ba Mạnh, chuyển đi.

Chủ trương của BCSĐ lúc này là vận dụng linh hoạt phương châm kết hợp ba mũi tiến công, với tính pháp lý của Hiệp định Paris để chống kế hoạch lấn chiếm của địch. Trong vùng tạm chiếm, cơ sở ta vận động gia đình binh sĩ vào đồn thăm chồng con và lôi kéo họ về nhà làm ăn.

Đặc biệt, phong trào đấu tranh chống địch di dân lấn chiếm ở kinh An Long, Hồng Kỳ, Giồng Găng diễn ra mạnh mẽ. Nơi đây, địch lấn chiếm đất để lập nông trường, chúng sử dụng bọn tay sai lợi dụng tôn giáo như Lương Trọng Tường (Hoà Hảo), Tô Đức Bạch (Thiên Chúa), đưa một số người là tín đồ PGHH, đạo Thiên Chúa từ Chợ Mới (An Giang) qua và Việt Kiều từ Campuchia về xây dựng lực lượng vũ trang để giữ đất. Các chi bộ Đảng địa phương lãnh chỉ đạo đấu tranh với nhiều hình thức; ta vận động quần chúng tại chỗ tranh thủ với Ban trị sự PGHH đồng tình đấu tranh chống lấn chiếm, đòi lại đất; dùng truyền đơn, thơ tay, loa phóng thanh, võ trang tuyên truyền... nói rõ âm mưu chia rẽ nội bộ nông dân và đồng bào lương - giáo của địch. Chúng cướp đất

của đồng bào địa phương cấp cho đồng bào có đạo bị chúng ép buộc di dân.

Khi quân chúng nhận rõ âm mưu thâm độc của địch, họ không nhận đất, lần lượt kéo nhau về xứ. Một số bà con chí thú làm ăn, ở lại tìm cách xin đất. Ta phát động nhân dân tại chỗ nhường lại một ít đất trên tinh thần chia cơm sẻ áo. Họ rất phấn khởi. Từ đó, mối quan hệ giữa giáo dân với nông dân địa phương càng thêm chặt chẽ. Riêng ở Giồng Găng, cuộc đấu tranh giành co hơn một tháng, ta vận động báo chí Sài Gòn lên tiếng tố cáo, đấu tranh bằng dư luận, buộc địch phải rút toàn bộ lực lượng ra khỏi Giồng Găng (tháng 6/1973), nhân dân địa phương giành lại chủ quyền trên 3.000 công đất.

Đầu năm 1973, dưới sự lãnh đạo của đồng chí Ba Sắc, cuộc khởi nghĩa của một liên toán phòng vệ dân sự nổ ra, do đồng chí Tám Vũ làm nội ứng; ta thu toàn bộ vũ khí và hầu hết anh em này đều tham gia cách mạng, một số vào du kích, số khác tăng cường cho bộ đội huyện.

Lực lượng võ trang huyện và các xã đã liên tiếp mở 14 trận tập kích vào các đơn vị, căn cứ địch. Ta tổ chức đánh vào căn cứ tàu Mỹ ở Khu 6 (Mỹ Hưng, Phú Hưng) làm thiệt hại 10 tàu sắt. Tiếp theo, lực lượng ta đột kích vào đồn cảnh sát Khu 5, đánh tan rã các đội phòng vệ dân sự Khu 4, Khu 8, Khu 10. Kết quả ta giết 5 tên ác ôn, bắt sống 15 tên, giải tán 150 tên phòng vệ dân sự, thu 150 vũ khí các loại...

Tháng 10/1973, ta phối hợp với cơ sở là ông Hai Đường, Hai Chơn cùng lực lượng võ trang do đồng chí Tư Nghinh, đồng chí Hai Đăng chỉ huy đánh đồn Khu 9 (Phú Đức) diệt được hai tên,

làm bị thương 2 tên, bắt sống 3 tên, thu 7 súng trường, 1 máy PRC.25 và nhiều quân trang khác.

Vào đêm 16/11, bộ đội huyện và du kích kỳ tập bọn tề xã và cán bộ bình định ở trụ sở xã Phú Đức (Khu 8, 9), diệt và làm bị thương 13 tên, thu 11 súng, 1 máy thông tin PRC.25 và một máy đánh chữ.

Tháng 12/1973, địch mở trận càn lớn ở Gò Tre, nơi du kích xã Phú Cường đang trú đóng. Được địa phương quân huyện kết hợp du kích Tân Công Sính hỗ trợ du kích Phú Cường tổ chức đánh trả ác liệt suốt 3 ngày đêm, đẩy lùi địch. Ta bắn rơi 1 trực thăng, bắn bị thương 4 chiếc khác, diệt tại chỗ 8 tên địch.

Hoà nhịp với tấn công quân sự, hai mũi đấu tranh chính trị và binh vận ngày một phát triển diện rộng. Nổi bật là cuộc đấu tranh của cả ngàn người chống địch bắt lính ở An Long, hàng trăm người kéo về Phú Yên đòi cứu tế... Phong trào đấu tranh chống gom dân, di dân vào các khu dinh điền và chống cướp giựt cũng diễn ra rất quyết liệt ở các khu dinh điền. Nhân dân xã An Long và các xã chung quanh đã cùng du kích đấu tranh và vây lấn bức rút đồn mới lần chiếm ở Giồng Găng, phá banh khu gom dân này.

Đầu năm 1974, địch tăng cường lấn chiếm, di dân, vơ vét lúa gạo. Ở Đồng Tháp Mười, chúng đưa 2 tiểu đoàn, 1 đại đội thám sát của Trung đoàn 14 (sư đoàn 9), 4 chi đoàn xe M113 trực tiếp càn quét lấn chiếm. Chúng đưa quân chốt chặt các tuyến kinh, vàm xáng nhằm ngăn chặn các hành lang, ngăn ta thu đảm phụ nông nghiệp ở Tam Nông, hậu Thanh Bình, Hồng Ngự...

Tháng 3/1974, du kích xã Phú Cường do đồng chí Võ Hoàng Vũ, Xã đội trưởng kiêm Trưởng Ban an ninh cài anh Nguyễn

Văn Đăng, phòng vệ dân sự (PVDS), làm cơ sở của ta. Anh Đăng hoạt động tích cực, báo cáo cho ta nhiều tin tức quan trọng. Ta chủ động đột kích diệt ác, phá tề làm cho địch co lại, ta đi lại tự do ở nhiều nơi địch không còn kiểm soát chặt như trước. Trong đồn địch thường xuyên xuất hiện truyền đơn, khẩu hiệu kêu gọi binh sĩ buông súng. Thấy anh Đăng có thể bị lộ, nên đêm 22/4, du kích xã Phú Cường, với 6 tay súng do đồng chí Võ Hoàng Vũ chỉ huy, đột nhập vào kinh Cầu Sắt (Tư Lô). Dưới sự hướng dẫn của anh Đăng, ta thu được 7 khẩu carbin M.1, giải tán lực lượng PVDS ⁽¹⁾.

Nhìn chung trong thời gian này, ở Tam Nông, ta đã tấn công thúc ép địch vào đồn, phát động quần chúng phá thế kềm kẹp, chống càn có kết quả, giữ vững được vùng giải phóng. BCS Tam Nông biết linh hoạt vận dụng 3 mũi vũ trang, chánh trị và binh vận kết hợp dựa vào pháp lý của Hiệp định Paris, liên tiếp giành thắng lợi trong các cuộc đấu tranh chống lấn chiếm, giữ vững và phát triển vùng giải phóng. Nhờ đó, ta có điều kiện chuyển phong trào lên đấu tranh đòi hoà bình, độc lập, dân chủ, cơm áo và hoà hợp dân tộc.

⁽¹⁾ Theo các nhân chứng Ba Sắt (Bí thư xã Phú Cường), Năm Hồng (du kích), Tấn Minh (Tân Công Sinh), Tám Chuyển (Trường ấp A, Phú Cường), Ba Chạy, Hai Lẹ (An ninh quân ngục lúc ấy, ở Hòa Bình), thì khi đồng chí Võ Hoàng Vũ đến điểm hẹn, nhưng chưa bắt được tín hiệu của anh Đăng, nên lực lượng du kích phải chờ đến 4 giờ sáng, đồng chí Võ Hoàng Vũ quyết định đột kích từ kinh Cầu Sắt ra kinh xáng An Long, đến ấp A, nơi hẹn với anh Đăng. Đội hình ta chưa kịp ổn định, thì gặp một trung đội cảnh sát dã chiến từ Kiến Phong điều về tăng cường cho Đồng Tiến và lính của phân chi khu Phú Cường, do Trung úy Sang dẫn đi phục kích về, nên ta không nổ súng. Sau khi địch về Chi khu khoảng 15 phút, ta mới liên lạc được với anh Đăng. Sở dĩ có sự kiện địch đi phục kích, là do chúng được tin đêm 22 rạng 23/4/1974 có quân ta về...

2. Huyện Tam Nông ổn định tổ chức, củng cố lực lượng, cùng toàn miền Nam bước vào chiến dịch Hồ Chí Minh đưa cuộc giải phóng dân tộc đến thắng lợi hoàn toàn

Sau hơn 4 năm hoạt động, dưới sự lãnh chỉ đạo của Ban cán sự Đảng huyện Tam Nông, nhân dân, đảng viên, cán bộ, chiến sĩ trong huyện đã vượt qua muôn vàn khó khăn, từng bước trưởng thành. Đến tháng 9/1973, huyện Tam Nông đã có đủ điều kiện về nhân sự và thực lực để thành lập Huyện uỷ. Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện bầu Huyện uỷ đầu tiên, diễn ra tại kinh Hội Kỳ Nhì (nay thuộc xã Thạnh Lợi huyện Tháp Mười). Thường vụ Tỉnh uỷ phân công 2 đồng chí Năm Bình, Tỉnh uỷ viên và đồng chí Tám Đô, Phó Công an tỉnh đến dự và chỉ đạo Đại hội. Đại hội bầu Ban chấp hành Đảng bộ huyện gồm 9 đồng chí: Hồ Thanh, Hai Quốc, Tư Nghinh, Hai A, Tư Thủ, Hai Đăng, Tư Tiếp và Ba Âu, do đồng chí Hồ Thanh làm Bí thư.

Tháng 3/1974, Tỉnh uỷ triệu tập Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh (Kiến Phong) lần thứ 2. Về dự hội nghị có 50 đại biểu chánh thức, đại diện cho bảy Đảng bộ huyện thị và các Đảng bộ cơ ngành tỉnh. Hội nghị bầu ra 25 uỷ viên chánh thức và đồng chí Nguyễn Xuân Trường được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ. Hội nghị đề ra nghị quyết *"Phát huy thế tiến công trên khắp các chiến trường bằng ba mặt kết hợp pháp lý của Hiệp định, trên cả ba vùng nhằm giữ vững và mở rộng vùng giải phóng, bảo đảm nắm dân, giành dân, giành quyền làm chủ của nhân dân..."*⁽¹⁾

⁽¹⁾ Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp, tập III (1954-1975), tr.269-270

Cùng với việc triển khai Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh là triển khai Chỉ thị 01/CT-74 của Trung ương cục về việc củng cố chi bộ theo ba nội dung then chốt:

- Nhận rõ tính chất, vai trò tổ chức đảng cơ sở và nhiệm vụ chính trị địa phương;

- Nâng cao chất lượng hội nghị, chất lượng nghị quyết và chi bộ tổ chức thực hiện nghị quyết;

- Chi bộ phải gắn liền, bám chặt trong quần chúng.

Việc triển khai, học tập các chỉ thị, nghị quyết của trên đã làm cho đảng viên và cán bộ các cấp trong huyện biến chuyển sâu sắc về nhận thức và nâng cao năng lực lãnh đạo của các cơ sở đảng.

Lúc này địch liên tiếp càn quét vào xã Tân Thành, đốt phá, dùng trực thăng cướp trên 600 gia lúa, bắt gom một số dân về ấp Cây Me, Chòi Mồi. Ở Tam Nông và Thanh Bình, địch dùng xe M113 càn quét, ném bom, bắn pháo liên tục vào các ấp tranh chấp. Một số quần chúng ở vùng ngoài vào làm lúa ở Tam Nông, tìm cách thu hoạch nhanh rồi chở lúa về gia đình để tránh bị địch gây thiệt hại.

Riêng ở kinh xáng An Long, Tiểu đoàn 417 bảo an cùng 6 trung đội dân vệ địch càn quét. Trong 8 ngày, chúng hãm hiếp 30 phụ nữ, đốt cháy hơn 100 gia lúa, cướp đi 3.000 gia, gây nhiều bất bình và căm phẫn trong nhân dân. Các phong trào đấu tranh của quần chúng tuy không rầm rộ nhưng hết sức gay gắt, nổi nhất là đấu tranh chống bắt lính, chống vợ vét cướp giết, chống hãm hiếp, chống gom dân, đòi tự do đi lại làm ăn, đòi trở về đất cũ ở vùng giải phóng... Các vùng tranh chấp thuộc huyện Tam Nông,

ta lãnh đạo tổ chức giúp đỡ nhân dân thu hoạch nhanh vụ mùa, cất giấu lúa và đóng đảm phụ nông nghiệp cho cách mạng.

Tháng 6/1974, một bộ phận của Sư đoàn 9 ngụy hành quân càn quét vào khu vực Công binh xưởng của Quân khu 8, nằm trong vùng căn cứ ta. Du kích và địa phương quân huyện phối hợp phản kích đẩy lùi lực lượng địch, ta diệt và bắt bị thương 35 tên.

Để phân chia chiến trường cho phù hợp với tình hình, từ ngày 25 đến 27/8/1974, Thường vụ Trung ương Cục triệu tập hội nghị thảo luận về việc điều chỉnh địa bàn của các tỉnh Long Xuyên, Châu Đốc, Kiến Phong, Vĩnh Long.

Hội nghị quyết định các huyện Hồng Ngự, Tam Nông, Thanh Bình của tỉnh Kiến Phong nhập với các huyện Tân Châu, An Phú, Phú Tân A, và Phú Tân B thành lập tỉnh Long Châu Tiền, một số huyện còn lại của Kiến Phong giao về cho tỉnh Sađéc. Huyện Tam Nông thuộc Long Châu Tiền, gồm có 7 xã với 22 ấp và dân số là 54.000 người.

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Tam Nông cũng được điều chỉnh, bổ sung gồm 15 đồng chí:

- Đồng chí Huỳnh Thanh Hùng, Tỉnh uỷ viên dự khuyết làm Bí thư Huyện uỷ, thay đồng chí Hồ Thanh được rút về tỉnh.

- Đồng chí Nguyễn Văn Thương: Phó Bí thư Huyện uỷ phụ trách quân sự kiêm Chánh trị viên huyện đội.

- Đồng chí Hai Quốc: Chủ tịch Mặt trận Giải phóng huyện.

- Các uỷ viên khác gồm các đồng chí: Tư Nghinh, Lê Văn Thôi (Tư Thôi), Nguyễn Minh Trí, Mao Hồng Phước, Bảy Bo,

Ba Láng, Hai Đăng, Hai A, Tư Hiệp, Mức, Mười Đi, Hai Hồng và 2 uỷ viên dự khuyết là đồng chí Hai Can, Hùng.

Ban thường vụ Huyện uỷ gồm 3 đồng chí: Huỳnh Thanh Hùng, Nguyễn Văn Thương và Hai Quốc.

Ban thường vụ quyết định cơ quan Huyện uỷ và các cơ quan huyện đóng tại Cả Trấp.

Cả Trấp nằm trong xã Tân Thành, một vùng nhiều bưng trấp sinh lầy hiểm yếu. Huyện uỷ cho đào công sự, hầm bí mật, giao thông hào, đắp ụ chiến đấu, nghi trang tạo điều kiện bảo vệ an toàn cho cơ quan huyện.

Trước tình hình địch đánh phá, lấn chiếm ngày càng gia tăng, Huyện uỷ Tam Nông chỉ đạo các lực lượng vũ trang huyện, xã phải không ngừng củng cố và phát triển, lợi dụng những cơ hội thuận lợi phản công, tiêu diệt địch.

Tháng 10/1974, du kích xã Phú Đức tập kích hai lần vào một đơn vị bảo an của địch ở Phú Đức, đánh tiêu diệt và làm bị thương nhiều tên, thu 1 máy PRC25 và 15 súng các loại.

Cùng thời gian này, ta nắm được kế hoạch địch cần vào để chi viện đối quân cho đồn Bắc Dầu; lực lượng ta 12 người do đồng chí Bành Công chỉ huy, trên địa hình trống trải giữa mùa nước, gió lạnh, các chiến sĩ ta phải trằm mình dưới nước, dùng cỏ năng che phủ phục kích chờ địch (gọi là chiến thuật "đội mồi"); khi địch lọt vào tầm phục kích, bất ngờ ta nổ súng tấn công, diệt gọn 2 trung đội địch, bắt 2 tù binh, thu 2 M79 và 1 máy PRC.

Chi bộ xã Phú Cường lãnh đạo cơ sở quần chúng, nòng cốt là các chị Hai Tâm, Năm Bí, Bảy Tịch vận động phụ nữ và người

cao tuổi, được 200 người tham gia đấu tranh trực diện với địch, chặn không cho chúng bắt con em họ đi lính. Trước sự phẫn nộ của nhiều người làm bọn địch nhượng bộ.

Trong mùa nước nổi năm 1974, tổ chức binh vận ta mọc nổi được một số binh lính địch ở xã Tân Thành rã ngũ. Bọn biệt kích phát hiện nơi đóng quân của huyện đội, chúng tổ chức càn quét. Lợi dụng địa hình hiểm trở, lực lượng ta do đồng chí Hai Thương chỉ huy, phục kích tấn công bất ngờ làm chúng không trở tay kịp, một số chết, một số tháo chạy. Ta thu được 1 khẩu M79, 2 khẩu AR15. Trận đánh diễn ra nhanh gọn, ta rút về cứ an toàn. Sau đó, địch liên tiếp càn quét vào căn cứ ta ở Cả Trấp, chỉ vài ngày là đánh với chúng một trận, đánh xong ta gài bẫy lựu đạn. Mỗi lần hành quân càn quét vào vùng này, chúng gặp phải địa hình khó khăn nguy hiểm, cái chết luôn chờ chờ nên không lần nào chúng tiến sâu hơn nữa. Căn cứ ta được bảo vệ an toàn.

Từ ngày 14 đến ngày 16/11/1974, Tiểu đoàn 502 cùng huyện đội và du kích địa phương, đồng loạt nổ súng tiến công ở 3 khu gom dân 10, 11 và 12 trên kinh Xáng Cụt. Ta diệt một đồn ở Khu 10, tiêu hao và bức hàng đồn Khu 11, tiêu hao nặng đồn Khu 12, diệt gọn và đánh thiệt hại nặng một phân chi khu, một ban tề ấp, một ban tề xã, một cuộc cảnh sát, một đoàn bình định, một liên toán phòng vệ dân sự, hai trung đội dân vệ, đánh hư nặng một xe M113, buộc chi đoàn M113 giải tỏa đồn Khu 12 phải co cụm lại. Trong các đêm 16, 17 và 18/11, quân ta liên tục pháo kích vào đồn Cả Môn, đến ngày 19/11 đồn Cả Môn rút chạy. Hơn 5.000 dân ở 3 khu gom dân 10, 11, 12 kéo về quê cũ và vùng giải phóng ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp, tập III (1954-1975), tr.291-292.

Trong thời điểm này, địch tiếp tục đưa quân càn vào Cả Trấp, đồng chí Hai Thương chỉ huy lực lượng ta tấn công địch; bị bất ngờ, đội hình rối loạn, chúng hốt hoảng nhảy xuống nước, bị ta ném lựu đạn tiêu diệt, số còn lại chạy thụt mạng. Kết quả, nhiều tên địch chết tại chỗ, trong đó có tên Trung uý Lượng, đại đội trưởng. Ta thu nhiều súng đạn các loại.

Lực lượng huyện đội và du kích do đồng chí Tư Thôi chỉ huy, phục kích đánh chốt đóng quân địch gần đồn Cây Me. Cánh quân do đồng chí Út Dưỡng chỉ huy, có 1 khẩu đại liên. Ngay từ sáng sớm, ta nổ súng tấn công diệt 4 tên địch thu được 3 súng. Địch bị ta bắn áp đảo, hoảng sợ rút vô cố thủ. Chúng gọi đồn Cà Vàng đem quân tiếp viện, có pháo binh yểm trợ. Khoảng 3 giờ chiều, đội hình phục kích của ta nổ súng, nhiều tên chết tại chỗ, số bị diệt có tên Thọ, Trung đội trưởng chỉ huy. Lúc này pháo địch liên tiếp bắn yểm trợ cho đồng bọn rút chạy. Đến tối trận đánh kết thúc, ta thu nhiều vũ khí.

Cuối năm 1974, lực lượng vũ trang ta mạnh lên dần, ta mở nhiều lữ du kích tạo thế trận da beo, ghìm chân địch tại chỗ, không tiếp viện cho nhau được.

Lợi dụng thời cơ địch đang hoang mang lo sợ, lực lượng ta tổ chức tập kích đồn Cả Sơ và chốt cảnh sát địch gần đó, quân địch rút chạy.

Cán bộ binh vận phát loa kêu gọi địch trong đồn bỏ hàng ngũ về với cách mạng sẽ được khoan hồng. Ta vận động gia đình vợ con binh lính vào đồn thăm người thân và đưa thư kêu gọi bỏ ngũ; nội dung binh vận là Chánh sách 10 điểm và 7 điểm của

Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam. Các đồn hẻo lánh ở vùng sâu rút đi, phòng vệ dân sự cũng tan rã dần.

Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy Tam Nông nhanh chóng phân công cán bộ về từng địa bàn hoạt động, tập trung lực lượng và vũ khí, tổ chức nắm tình hình ở đồn bót địch để có đối sách phù hợp, tiến hành xây dựng cơ sở hậu cần tại chỗ.

Tháng 1/1975, bộ đội huyện Tam Nông và du kích xã Tân Thành đứng chân làm chủ trên sông Tân Thành, tấn công tiêu hao lực lượng địch các đồn Cả Sơ, Cây Me... Du kích xã Phú Hiệp, Phú Đức đột nhập các Khu 9, 10, 11, 12, tổ chức võ trang tuyên truyền, phát động quần chúng phá rã nhiều toán phòng vệ dân sự. Ta liên tục pháo kích vào các đồn bót địch. Du kích mở rộng hoạt động ra đến Giồng Găng.

Lúc này, ở huyện Tam Nông được Trung đoàn 207 và Tiểu đoàn 512 cơ động tỉnh Long Châu Tiền tăng cường, kết hợp với hỏa lực quân khu đưa về chi viện để sẵn sàng mở những trận đánh lớn ở Khu 10, Khu 12.

Tháng 2/1975, du kích xã Phú Cường và an ninh võ trang xã gồm 7 tay súng, do đồng chí Hoàng Vũ chỉ huy phục kích lính nghĩa quân (dân vệ) Đồn 15, diệt được 3 tên, làm bị thương 5 tên khác, thu 2 khẩu AR15, một khẩu M79. Du kích xã Phú Cường chẳng những hoạt động trên địa bàn xã nhà mà còn phối hợp với huyện đội Thanh Bình phục kích lính đi đổi quân ở đồn Bắc Dầu III, diệt 6 tên, hai tên bị thương, thu 3 súng AR15...

Kể từ tháng 3/1975, trên chiến trường chung của toàn miền Nam, quân dân ta liên tiếp chiến thắng giòn giã. Nhất là sau

thắng lợi ở Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng đã đẩy địch vào tình thế tuyệt vọng, suy sụp nhanh chóng. Tuy nhiên, Mỹ - ngụy vẫn còn ngoan cố tìm mọi cách cố thủ. Trong khi đó, khí thế và lực lượng cách mạng vẫn tiếp tục dâng lên mãnh liệt, không ngừng dội lên đầu chúng những trận đòn sấm sét.

Ngày 25/3/1975, Bộ Chánh trị Trung ương Đảng chủ trương "tập trung nhanh nhất lực lượng để giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa". Đến ngày 14/4/1975 Bộ Chánh trị quyết định mở chiến dịch Hồ Chí Minh với nhiệm vụ giải phóng thành phố Sài Gòn và toàn miền Nam. Bộ Chánh trị khẳng định: "Thời cơ chiến lược để tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa vào sào huyệt của địch đã chín muồi".

Theo chủ trương của Tỉnh ủy, Huyện ủy Tam Nông chỉ đạo khẩn trương tập trung lực lượng vũ trang kết hợp với lực lượng quần chúng nổi dậy, đánh mạnh vào những đồn bót của địch ở vùng tranh chấp.

Lực lượng địa phương quân của huyện Tam Nông lúc này có 2 trung đội, lực lượng du kích các xã được trên 100 tay súng.

Khi có lệnh tổng tiến công của Tỉnh đội Long Châu Tiền, Tiểu đoàn 512 về đứng chân huyện Thanh Bình trong suốt chiến dịch. Riêng huyện Tam Nông và Hồng Ngự phải tự lực với thực lực đang có. Huyện đội Tam Nông với hai trung đội và lực lượng du kích các xã, triển khai nhiệm vụ khống chế hai chi đoàn xe bọc thép M.113 của Vùng 4 chiến thuật đóng ở Dinh Điền. Ngoài ra, còn phải giải quyết mục tiêu quận lỵ Đồng Tiến và các đồn bót như Cây Me, đồn Cà Dăm, đồn Cả Sơn....

Đầu tháng 4/1975, trên chiến trường miền Nam ta tấn công địch giành thắng lợi giòn giã. Để phối hợp với chiến trường chung, Tỉnh đội Long Châu Tiên chỉ thị huyện đội Tam Nông liên tục bức hàng, bức rút đồn bót, đánh tiêu hao sinh lực địch, hình thành thế trận tiến công địch trên ba mũi giáp công: chánh trị, quân sự và binh vận.

Lúc bấy giờ địa phương quân huyện tập trung tấn công chủ yếu là khu Dinh Điền, quận lỵ Đồng Tiến, xã Tân Thành. Đồng chí Tư Thôi, Huyện đội phó được phân công xuống xã Tân Thành, để lãnh đạo du kích xã vây lấn đồn Cây Me. Huyện đội tăng cường cho xã Tân Thành một khẩu đại liên. Đúng giờ qui định, ta tấn công từ ba hướng, địch hoảng hốt bỏ chạy, ta giải phóng đồn và giữ thế thắng lợi này đến ngày giải phóng, vì chúng không còn khả năng phản kích chiếm lại. Thắng lợi này được xem như dấu hiệu báo trước sự sụp đổ không tránh khỏi của địch trên địa bàn huyện Tam Nông

Ngày 8/4/1975, ta chặn đánh và tiêu diệt một trung đội thám báo ở Cô Đông. Sau đó vài ngày (12/4/1975), cũng tại Cô Đông, lực lượng ta tấn công tiêu diệt 13 tên địch, thu 3 súng.

Trong thời gian này, tin chiến thắng dồn dập của quân dân ta trên khắp chiến trường Huế, Đà Nẵng, rồi Nam Trung Bộ cộng với khí thế cách mạng ở trong huyện, làm cho tinh thần binh lính địch ở Tam Nông vô cùng hoang mang, rệu rã, đào rã ngũ hàng loạt, chỉ còn những đồn ở quận lỵ và những đồn có thể tiếp ứng được thì chúng còn cố thủ, cầm cự. Quân số địch ngày một giảm sút và trên đà tan rã. Những tên ác ôn thì tìm đường trốn đi trước,

số còn lại cũng trong tình trạng hoảng sợ, chờ giao súng đầu hàng.

Đến ngày 28/4/1975, một số đồn lẻ tiếp tục rút chạy. Ngày 30/4/1975, Tướng Dương Văn Minh- Tổng thống Sài Gòn tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Địch như rắn mất đầu, chúng bị lực lượng cách mạng vây ép khắp nơi. Đến chiều ngày 30/4/1975, ở Tam Nông, lực lượng tề ngụy, các đội cảnh sát sắc phục bỏ ngũ, rút chạy về phía cù lao và Chợ Mới. Lực lượng ta vào tiếp quản chi khu Đồng Tiến và các căn cứ, đồn bót địch.

Riêng lữ đoàn thiết vận xa M113 gồm 14 chiếc, trên 100 quân, chúng buông súng đầu hàng giao nạp vũ khí cho ta, trở về gia đình. Trong đó có một trung tá, 2 thiếu tá, 3 đại úy, 4 trung úy, 4 thiếu úy.

Sáng ngày 1/5/1975, quân ta đã giải phóng hoàn toàn huyện Tam Nông. Ta tiếp quản toàn bộ cơ sở, căn cứ địch, chấm dứt cuộc chiến tranh 21 năm ác liệt chống đế quốc Mỹ.

Dù mới được thành lập, nhưng Đảng bộ và nhân dân huyện Tam Nông đã được rèn luyện và trưởng thành qua bao năm chiến đấu kiên cường, vượt qua biết bao nhiêu hy sinh, gian khổ trên một chiến trường hết sức đặc biệt. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân và dân Tam Nông cùng với nhân dân toàn tỉnh đấu tranh anh dũng, chống phá bình định, bẻ gãy âm mưu giành dân lần đầu, phá hoại Hiệp định Paris và cùng nhân dân cả nước đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn, giang san thu về một mối.

Phần thứ ba

KẾT LUẬN

Trong hơn 300 năm qua, cùng với nhân dân vùng Đồng Tháp Mười, nhân dân trên vùng đất Tam Nông vừa cần cù lao động sáng tạo, xây dựng quê hương, xóm làng, vừa kế thừa, phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc mà đỉnh cao là chủ nghĩa yêu nước. Nhân dân Tam Nông trải qua biết bao nhiêu gian khổ trong lao động và hy sinh, mất mát trong chiến đấu đánh đuổi ngoại xâm bảo vệ biên cương, góp phần giữ vững độc lập dân tộc, đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, biến vùng trũng thấp nhất của Đồng Tháp Mười thành làng mạc đông vui, phố phường tấp nập.

Toàn bộ diễn trình đó đã để lại cho hậu thế những nét son truyền thống và bài học kinh nghiệm quý báu sau đây.

Truyền thống tiêu biểu:

1. Dân tộc ta vốn có nhiều truyền thống quý báu; trong đó, truyền thống yêu nước, cần cù lao động, đoàn kết, đùm bọc giúp đỡ lẫn nhau, hiếu hòa với các dân tộc anh em... đã được nhân dân trên vùng đất Phong Thạnh Thượng vận dụng, phát huy trong suốt mấy trăm năm khai hoang, mở cõi, chiến đấu giữ vững biên cương của Tổ quốc

Trong môi trường tự nhiên hoang dã, khắc nghiệt, song rất đổi hào phóng của Đồng Tháp Mười, người dân ở đây thông minh sáng tạo, nắm những quy luật tự nhiên phục vụ cuộc sống. Suốt mấy thế kỷ qua, bao thế hệ con người ở đây đã dày công,

biển vùng trũng nhất của vùng Đồng Tháp Mười thành ruộng đồng, phố chợ,... Trong buổi đầu khai hoang cùng nhân dân cả tổng Phong Thạnh Thượng, họ cư ngụ ở vạt đất giồng ven sông Tiền. Các thế hệ kế tiếp tiến dần vào khai phá vùng sâu Đồng Tháp Mười, nơi đất nhiễm phèn nặng, sáu tháng nước ngập sâu hai, ba thước, sáu tháng khô kiệt, nước lợ phèn không thể uống được. Cái nhà sàn cao hơn mực nước nổi, chiếc xuồng với cây sào chống, đóng đáy, xây nò... là sản phẩm của mùa nước nổi. Đào mương xây rọ, đào đìa tát cá, làm khô làm mắm... với cái cộ trâu làm phương tiện vận chuyển là những hình ảnh phổ biến trong sinh hoạt vào mùa khô.

2. Dân ta vốn giàu truyền thống yêu nước - chống ngoại xâm

Truyền thống này đã được hình thành lâu đời, từ ngày dựng nước. Lịch sử dân tộc ta là lịch sử của những cuộc chiến đấu chống ngoại xâm, nên truyền thống này ngày một được nhân lên. Song song với công cuộc đấu tranh cải tạo thiên nhiên xây dựng quê hương, người dân Phong Thạnh Thượng thường xuyên phải cầm vũ khí đứng lên bảo vệ biên giới, bảo vệ độc lập dân tộc. Từ thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX, lợi dụng lúc nước ta có tình hình nội bộ bất ổn, là nước láng giềng, nhất là Xiêm La thường hay đem quân sang can thiệp, cướp phá. Song tất cả đều bị nhân dân Nam Kỳ, trong đó có nhân dân Phong Thạnh Thượng đánh tan. Dinh Ông Đốc Vàng (đền thờ Thượng tướng Quận công Trần Văn Năng) khói hương không dứt, sừng sững bên bờ sông Tiền, ngày đêm sóng vỗ như tiếng quân reo năm nào, là một trong những chứng tích hào hùng đó.

Đến giữa thế kỷ XIX, thực dân Pháp, hiện thân của chủ nghĩa tư bản, với tàu to, súng lớn sang xâm lược nước ta. Triều đình Huế nhu nhược, đi từ chính sách hòa hoãn đến đầu hàng, rồi cấu kết với quân cướp nước, chống lại nhân dân. Ngay từ lúc triều đình cắt ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ nhường cho giặc, nhân dân Phong Thạnh Thượng cùng nhân dân Nam Kỳ sát cánh bên Thiên hộ Võ Duy Dương lập căn cứ Tháp Mười bắt đầu cuộc kháng chiến. Suốt 70 năm (1862 - 1930), nhân dân Phong Thạnh Thượng cùng nhân dân Đồng Tháp Mười liên tục đấu tranh giành độc lập, dưới nhiều hình thức, nhiều phong trào, từ Cần Vương đến Đông Du, Minh Tân, Thiên Địa Hội.... Khi sôi nổi, lúc tiềm tàng, âm ỉ,....hầu như không bao giờ ngừng nghỉ. Tuy nhiên, cũng như cả nước, mọi phong trào đấu tranh yêu nước ở địa phương đều bị thực dân dìm trong biển máu. Mọi con đường cứu nước hầu như bế tắc.... Song, là một vùng nê địa, sinh lầy, nơi mai danh ẩn tích lý tưởng của những người yêu nước bị giặc truy lùng... nhờ đó, Phong Thạnh Thượng luôn tiếp nhận thêm nguồn sinh lực mới.

3. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, truyền thống yêu nước của nhân dân Tam Nông hoà nhập với tư tưởng cách mạng, thành dòng chảy sôi sục cách mạng

Năm 1930, Đảng cộng sản Việt Nam ra đời, do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sáng lập và lãnh đạo. Từ đây, phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam rẽ sang hướng mới, phù hợp với yêu cầu phát triển của lịch sử *Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội*, nên tập hợp, động viên được sức mạnh tổng hợp của cả dân

tộc. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, nhân dân Việt Nam trong đó có nhân dân Phong Thạnh Thượng giành từ thắng lợi này, đến thắng lợi khác, Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công lập ra nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa.

Trong 9 năm (1945 - 1954) kháng chiến chống giặc Pháp, nhân dân Phong Thạnh Thượng nêu cao tấm gương anh hùng góp phần biến Đồng Tháp Mười thành Việt Bắc của Nam Bộ, chia lửa với chiến trường chính, đưa tới chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (tháng 5/1954), buộc thực dân Pháp phải ký kết hiệp định Giơnevơ.

Sau khi có Hiệp định Giơnevơ, Miền Bắc từ vĩ tuyến 17 trở ra được giải phóng, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ở miền Nam, đế quốc Mỹ thay chân Pháp, lập chánh quyền tay sai Ngô Đình Diệm, không thi hành Hiệp định, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của đế quốc Mỹ. Trên vùng đất Phong Thạnh Thượng - Thanh Bình, nhân dân địa phương cùng toàn miền Nam tiếp tục cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Chúng cho đào kinh xáng An Long, chia cắt Đồng Tháp Mười thành hai mảng, tách Thanh Bình ra, lập quận mới: Đồng Tiến, phân thành nhiều khu dinh điền, gom dân, di dân đạo Thiên chúa vào thành lập giáo khu chống Cộng. Nhưng ngay trên địa bàn chúng vừa thành lập quận mới, chiến thắng giồng Thị Đam - gò Quản Cung (tháng 9/1959) nổ ra vang dội, như đánh vỡ vào mặt chúng, mở màn cho phong trào Đồng khởi toàn miền, là điểm son của cách mạng địa phương trong buổi đầu kháng chiến chống Mỹ. Do ta chưa hình thành một bộ phận lãnh

đạo cách mạng đối trọng với quân Đồng Tiến của địch, nên Huyện ủy Hồng Ngự chỉ đạo với xuống các xã phía Bắc kinh An Long và Huyện ủy Thanh Bình phụ trách phần đất phía Nam kinh. Điều này gây khó khăn rất lớn cho phong trào cách mạng địa phương. Sau cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân (1968), khó khăn này mới được khắc phục, khi huyện Tam Nông chính thức được thành lập theo địa bàn quận Đồng Tiến của địch.

Là một chiến trường trống trải, đồng bị ngập nước kéo dài gần nửa năm, dân chúng bị kềm kẹp, khống chế trong các khu dinh điền, áp chiến lược. Địch lùng sục, càn bố ác liệt với thuyền bay, tàu chiến thường xuyên tuần tra trên kinh An Long; dùng tôn giáo khống chế mặt tinh thần của nhân dân, dẫn tới khi ta thành lập huyện có tới 5/8 xã trắng đảng. Nhưng Huyện ủy Tam Nông đã mưu trí, sáng tạo, vận dụng địa thế sông nước tự nhiên làm căn cứ, kết hợp với phương châm "*hai chân, ba mũi*", vừa đánh địch, vừa xây dựng lực lượng, phát triển Đảng trong sự đùm bọc, bảo vệ của nhân dân. Lực lượng cách mạng Tam Nông lớn mạnh dần và đủ sức hoàn thành nhiệm vụ "*xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện*" trong Chiến dịch lịch sử Hồ Chí Minh, góp phần giải phóng quê hương đất nước.

Bài học kinh nghiệm:

1. Đảng bộ địa phương quán triệt quan điểm cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, đã huy động được sức mạnh của các tầng lớp nhân dân đoàn kết thống nhất trong mặt trận dân tộc, đứng lên kháng chiến chống ngoại xâm

Ngay từ khi các chi bộ Đảng được thành lập (năm 1930), số đảng viên tuy còn ít, nhưng biết dựa vào dân, tuyên truyền đường lối đấu tranh giành độc lập của Đảng cho nhân dân. Từ trong phong trào quần chúng, nhiều người trở thành đảng viên, hạt nhân của phong trào cách mạng ở địa phương. Khi quần chúng giác ngộ về lợi ích dân tộc, lợi ích giai cấp, đã tự giác tham gia đấu tranh chống thực dân, chống phong kiến, mà điển hình là trong cao trào 1930 - 1931, Phong Thạnh Thượng là một trong các địa phương có phong trào mạnh trong tỉnh. Trên cơ sở đó, mười lăm năm sau, Phong Thạnh Thượng góp phần cùng nhân dân cả nước tiến hành thắng lợi cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945.

Sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Mặt trận Việt Minh tiếp tục rộng mở, động viên, tập hợp được mọi tầng lớp nhân dân tiến hành chống cùng một lúc ba thứ giặc: đói, dốt và ngoại xâm, với tên là hội Liên Hiệp Quốc dân Việt Nam, gọi tắt là Liên Việt. Đến năm 1960, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời nhằm tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân tham gia kháng chiến. Đối với giai cấp thống trị trước đây, Đảng thông qua quần chúng để phân hóa, cô lập phần tử phản động, tranh thủ giáo dục những người lương chừng đi theo kháng chiến. Trong thời chống Mỹ, địch kềm kẹp, áp bức quần chúng dưới nhiều hình thức, nhiều thủ đoạn. Đảng phân tích vạch rõ, chỉ cho quần chúng thấy được âm mưu của chúng, khơi dậy lòng căm thù và hướng dẫn nhân dân đấu tranh. Đảng luôn đánh giá cao lòng yêu nước và tinh thần cách mạng của nhân dân, tin

vào nhân dân, đấu tranh đúng mục tiêu, yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân. Trong những lúc cách mạng địa phương lâm vào cảnh khó khăn, cán bộ đảng viên vẫn bám vào dân, tin tưởng vào lòng trung thành với cách mạng của nhân dân. Nhân dân bất chấp khó khăn gian khổ, kể cả hy sinh mạng sống để che chở, bảo vệ cán bộ đảng viên.

Điểm nổi bật trong chính sách dân tộc của Đảng ta, bên cạnh chủ trương đoàn kết dân tộc, còn đặt quyền lợi dân tộc lên trên hết, nên chẳng những động viên, thu hút được sự ủng hộ của các tầng lớp nhân dân, trong đó có cả địa chủ tư sản, nhân sĩ, tri thức yêu nước, mà còn sự tham gia nhiệt tình của tín đồ, chức sắc các tôn giáo. Chính sách đúng đắn này đã đánh bại được âm mưu đưa tôn giáo vào trung tâm Đồng Tháp Mười, lập quận Đồng Tiến, một giáo khu chống Cộng của Mỹ - Diệm.

Từ chánh sách dân tộc nói chung, Đảng ta phát triển thành một mũi đấu tranh riêng, nhằm vào binh sĩ, sĩ quan, viên chức... người Việt vì lý do này, lý do khác phải cộng tác với giặc. Tùy theo thời kỳ kháng chiến, có lúc gọi là địch nguy vận, hay binh tề vận hoặc binh vận. Trên cơ sở truyền thống yêu nước của nhân dân, tình dân tộc, ta kêu gọi, khơi dậy lòng yêu nước đến các đối tượng. Trong hai thời kháng chiến vừa qua nhất là trong kháng chiến chống Mỹ, mũi đấu tranh binh vận này, có khi chiến đấu đơn lẻ, có khi kết hợp với mũi quân sự và chánh trị, đã góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.

2. Năm vững đường lối chiến tranh nhân dân ; ra sức xây dựng củng cố Đảng, chánh quyền cách mạng, vừa động viên

các tầng lớp nhân dân tham gia kháng chiến, vừa quan tâm bồi dưỡng sức dân, với ý chí tự lực tự cường vượt qua mọi khó khăn, gian khổ hy sinh để giành thắng lợi

Ngay từ khi bắt đầu cuộc kháng chiến chống giặc Pháp (1945 - 1954), Đảng ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hiệu triệu toàn dân tham gia cuộc kháng chiến "toàn dân, toàn diện và trường kỳ". Các cấp ủy đảng và chính quyền kháng chiến ở vùng Phong Thạnh Thượng đã động viên nhân dân chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ. Song song với chiến đấu chống giặc, xây dựng, phát triển Đảng, phát triển lực lượng vũ trang, xây dựng chính quyền, các cấp ủy Đảng và chính quyền kháng chiến thường xuyên chăm lo đến đời sống nhân dân. Trong vùng căn cứ, vùng giải phóng, vận động địa chủ hiến đất, tịch thu ruộng đất của địa chủ phản động, lấy đất vắng chủ tạm cấp cho nông dân; phát động trong nhân dân xây dựng cuộc sống mới, bài trừ mê tín dị đoan, hủ tục, xây dựng trường học, trạm y tế, nhà hộ sinh.... Trong vùng tạm chiếm, vận động địa chủ hiến đất, động viên tư sản, nhân sĩ, trí thức ủng hộ kháng chiến, có chính sách phân biệt bạn, thù rõ ràng để động viên nhân dân tham gia kháng chiến. Một vài vị là tấm gương yêu nước điển hình được đề cử và đặc cử vào Quốc hội, đó là ông Nguyễn Hữu Nghi (Thầy Ba Dĩ) ở xã Bình Thành... Nhờ có chính sách bồi dưỡng sức dân đúng đắn, nên cách mạng huy động được sức mạnh của toàn dân trong vùng Phong Thạnh Thượng. Nhiều địa chủ, tư sản yêu nước hiến ruộng đất, tài sản, lúa thien (ngàn gạ) cho kháng chiến. Nhân dân sẵn sàng mang tài sản quý giá trong gia đình: vàng bạc, đồ đồng, kể cả lư thờ, nhẫn, bông tai cưới...

nộp vào "Tuần lễ vàng", công binh xưởng. Trong kháng chiến tiêu thổ, nhân dân không ngần ngại dỡ, phá nhà, đem ghe xuống,... nhận xuống vằm rạch, vằm kinh đắp cản ngăn tàu giặc, góp phần kháng chiến mau thắng lợi.

3. Nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng, không ngừng xây dựng củng cố và phát triển lực lượng vũ trang, đẩy mạnh chiến tranh du kích, liên tục tấn công địch, giành thắng lợi cuối cùng

Sau cách mạng tháng 8/1945, khi chánh quyền nhân dân được thành lập trên vùng đất Phong Thạnh Thượng, các lực lượng vũ trang lần lượt ra đời và phát triển nhanh chóng: dân quân du kích xã, bộ đội địa phương huyện. Mặc dù với vũ khí thô sơ, tự tạo hoặc đánh lấy của địch trang bị cho ta, lực lượng du kích thường xuyên phối hợp với các đơn vị tập trung của huyện, tỉnh tấn công, bao vây địch, đưa phong trào du kích chiến tranh lên cao, xây dựng ấp, xã chiến đấu với hầm chông, bãi mìn, gài trái, rào, ngù... vừa ngăn chặn các cuộc hành quân của địch, tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch, bảo vệ nhân dân, bảo vệ căn cứ,... hình thành thế du kích dựa vào địa hình sinh lầy của Đồng Thấp Mười.

Lực lượng an ninh cũng được xây dựng, củng cố tổ chức, góp phần trấn áp bọn tề điệp ác ôn, giữ vững an ninh vùng giải phóng, vùng căn cứ.

Trong thời kỳ điều lắng sau Hiệp định Giơnevơ (1954), Đảng ta chủ trương đấu tranh chánh trị với địch, đòi chúng thi hành Hiệp định, hiệp thương thống nhất đất nước. Mặc dù chấp hành chủ trương của trên; song, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Phong

Thanh Thượng vẫn muốn sử dụng võ trang đấu tranh, dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng. Nghị quyết 15 ra đời và chiến thắng giồng Thị Đam - gò Quản Cung (26/9/1959) tại xã Phú Hiệp (Tam Nông) càng khẳng định bạo lực cách mạng là con đường tất yếu dẫn đến thắng lợi. Đảng bộ Thanh Bình - Tam Nông ra sức lãnh đạo các tầng lớp nhân dân, lực lượng võ trang sử dụng triệt để bạo lực cách mạng, góp phần đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ, tiến tới tổng công kích, tổng khởi nghĩa, giải phóng hoàn toàn miền Nam vào ngày 30/4/1975.

4. Nắm vững vị trí, đặc điểm của địa phương trên chiến trường Đồng Tháp Mười, xây dựng căn cứ địa, tạo thế đứng chân vững chắc để tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài cho đến ngày giành thắng lợi

Vận dụng đường lối chiến tranh nhân dân là phải có căn cứ địa đứng chân. Nhưng xây dựng căn cứ địa phải biết lấy dân làm gốc và kết hợp được yếu tố nhân dân với yếu tố địa hình có lợi nhất, yếu tố kinh tế và đường lối lãnh đạo của Đảng.

Trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, lúc đầu lực lượng ta còn non trẻ. Tuy có sức mạnh chính nghĩa và tinh thần vì độc lập, tự do rất cao nhưng địch mạnh về vũ khí, lại có bộ máy kềm kẹp, đàn áp khủng bố rộng khắp. Để tồn tại và phát triển lực lượng, tất yếu phải có vùng căn cứ tạo chỗ đứng chân để xây dựng, bảo tồn và phát triển lực lượng cách mạng

Chiến trường Đồng Tháp Mười không có núi non hiểm trở, chỉ có cỏ lác, sen súng, lau sậy, rừng tràm thưa và thấp, nhưng lại

sình lầy với gần nửa năm ngập nước, có năm ngập trên 3m. Dân cư tập trung ven sông rạch, vào sâu trong nội đồng, có nơi không có người ở... Do đó, trong hai thời kỳ kháng chiến, căn cứ ta thường thay đổi, tùy theo tình hình chiến trường, có khi theo độ cao của mực nước.

Cồn Ông Cha, Bắc Dầu - Quán Tre, kinh Xáng Cụt, Gáo Đồi, Cả Trấp... là những địa điểm được huyện Thanh Bình, huyện Tam Nông chọn lập căn cứ.

Trước khi thành lập huyện (tháng 5/1969) bộ phận của đồng chí Ba Mạnh về đóng ở Xáng Cụt. Sau khi chánh thức thành lập huyện, Ban cán sự huyện và một số cơ quan đầu não đóng ở Gáo Đồi. Đến tháng 9/1973, sau khi tổ chức Đại hội bầu Ban chấp hành Đảng bộ huyện, Ban Thường vụ Huyện ủy và các cơ quan huyện về đóng ở Cả Trấp.

Do điều kiện địa hình, nên căn cứ ở Tam Nông muốn được vững chắc để lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương, phải được phòng thủ tốt và được nhân dân bảo vệ. Phòng thủ ở đây chủ yếu là "phòng thủ thụ động", tức là làm sao để địch không biết đây là căn cứ. Ta không cất lán trại, ban ngày trú nắng dưới tàn cây, ban đêm mới căng ny-long (vải nhựa che mưa), chỗ nào trống trải phải trồng cây. Đào đắp các loại công sự, hầm hào để trú ẩn, dưỡng thương, tránh bom pháo, chiến đấu (chỉ đánh trả địch khi không còn cách nào khác), lập các bãi trái lựu đạn, bãi mìn, hầm chông, rào, ngù, ngụy trang... Nhân dân là yếu tố vô cùng quan trọng trong công tác bảo vệ, bảo đảm an toàn căn cứ. Tuy là vùng thưa dân, song vì do được nhân dân yêu mến, tin

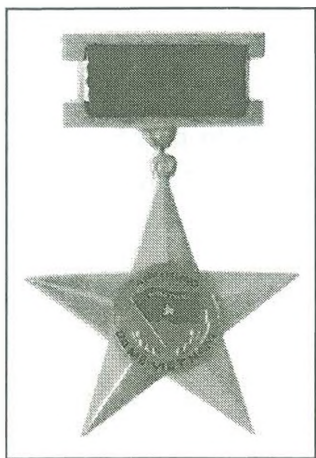
tưởng, nên ngoài việc cho con em đi theo kháng chiến, tiếp tế lương thực, thuốc men, cung cấp tin tức,... nhân dân còn là tai, mắt bảo vệ căn cứ.... Nhờ đó mà căn cứ Cả Tráp đứng vững trước nhiều lần tấn công của địch và tồn tại đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Dù bám trụ ở Gáo Đồi hay Cả Tráp, từ ngày chánh thức thành lập huyện, phong trào cách mạng địa phương có biến chuyển lên rõ rệt so với trước đó. Từ căn cứ, lãnh đạo huyện trực tiếp chỉ đạo chi bộ các xã phấn đấu thực hiện "ba bám" (Đảng bám dân, dân bám đất, du kích bám địch) để xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng theo kịp với tình hình chung của cách mạng trong tỉnh và cả nước./.

PHỤ LỤC

I. TÓM TẮT TIỂU SỬ BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG HUYỆN TAM NÔNG

Mẹ NGUYỄN THỊ BẢY (1919-1994)



Mẹ Nguyễn Thị Bảy sanh năm 1919 quê ở Ấp 3, thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Mẹ là con thứ bảy trong gia đình nông dân nghèo. Khi trưởng thành mẹ lập gia đình với ông Trương Văn An, sanh năm 1913 người cùng làng với mẹ. Vợ chồng mẹ sanh được 9 người con (tám trai, một gái).

Giữa thời chiến tranh, hai vợ chồng mẹ vừa làm ruộng, vừa nuôi con mong sao cho con mau lớn để đi làm cách mạng.

Nghe lời động viên của cha mẹ, nghe theo tiếng gọi của non sông, các con của mẹ lần lượt ra đi cống hiến tuổi thanh xuân cho đất nước. Các con của mẹ tham gia cách mạng từ khi còn ở tuổi vị thành niên, chiến đấu rất dũng cảm để không phụ lòng mẹ một đời tần tảo nuôi con, góp phần giải phóng quê hương.

Anh Trương Văn Ươm con trai thứ ba của mẹ, sanh năm 1948 là người đầu tiên xin mẹ lên đường theo cách mạng lúc mới 13 tuổi. Mẹ không biết nói gì chỉ dặn dò con phải đi tới bờ, tới bến. Anh tham gia vào quân đội, chiến đấu rất dũng cảm; chẳng bao lâu, được giao nhiệm vụ Trung đội phó, bộ đội địa phương tỉnh Kiến Phong. Ngày 20 tháng 02 năm 1961 anh hy sinh trong một trận chống càn tại Cao Lãnh, không tìm thấy xác.

Con trai thứ bảy của mẹ, anh Trương Văn Khum, sanh năm 1956. Ngày 01 tháng 01 năm 1963 tham gia công tác xã Tân Công Sính và sau đó vào bộ đội địa phương tỉnh Kiến Phong, cấp bậc thượng sĩ. Anh hy sinh ngày 20 tháng 11 năm 1968 trong một trận chống địch càn ở Cao Lãnh, đồng đội và gia đình không tìm được xác anh Khum.

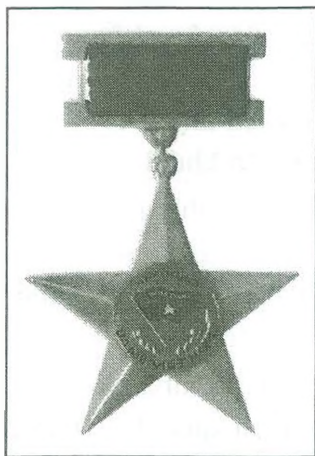
Sau cái chết của người con thứ bảy chưa đầy một năm, mẹ lại nhận tin con trai thứ năm hy sinh cũng trong một trận chống càn, Anh bị hoả tiễn địch bắn trúng và mất xác luôn. Đó là anh Trương Văn My sanh năm 1952, thoát ly gia đình theo cách mạng 1968, lúc hy sinh (1969) anh là Trung đội trưởng, bộ đội Quân khu 8.

Ba đứa con đã ngã xuống, ba lần mẹ như chết đứng. Và, đau đớn hơn, các anh hy sinh đều bị mất xác. Chỉ có một điều an ủi trong lòng mẹ là các con mẹ đã đi theo con đường của cách mạng. Mẹ không ân hận gì cả, vì các con của mẹ đã làm đúng.

Đất nước giải phóng, mẹ sống thanh nhàn tại quê nhà cùng con cháu. Năm 1994 mẹ Nguyễn Thị Bảy lâm bệnh qua đời. Trước những đóng góp to lớn của mẹ đã có 3 người con hy sinh cho Tổ quốc, mẹ Nguyễn Thị Bảy được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu cao quý **BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG**.

Hiện con trai út của mẹ, anh Trương Văn Đơ hương khói, phụng thờ mẹ tại Ấp 3, thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Mẹ DƯƠNG THỊ CẤP (1927 - 1968)



Mẹ Dương Thị Cấp sinh năm 1927, quê ấp Long Hoà, xã Long Thuận, huyện Hồng Ngự, tỉnh Châu Đốc. Khi lập gia đình mẹ theo chồng về sống ở xã Phú Ninh, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Vợ chồng mẹ sanh được 5 người con (bốn trai, một gái). Mẹ là người phụ nữ hiền từ, phúc hậu, đảm đang, tần tảo làm thuê, làm mướn nuôi chồng con tham gia cách mạng.

Chồng mẹ, ông Phạm Văn Ngụy, sanh năm 1923, ông tham gia trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, là Bí thư chi đoàn thanh niên xã Long Thuận. Trong trận địch càn vào đơn vị ngày 20 tháng 8 năm 1960, địch bắt tra tấn nhưng ông không khai báo, chúng giết ông rồi thủ tiêu mất xác.

Cái chết của chồng làm quận thất lòng mẹ. Hàng ngày chứng kiến bọn lính ức hiếp bà con, người dân vô tội bị giết chết dã man vì bị nghi ngờ nhà có người theo cách mạng. Mẹ quyết định cho các con cầm súng đánh lại chúng, trả thù nhà, nợ nước. Các con mẹ lần lượt lên đường theo truyền thống gia đình.

Con thứ hai của mẹ, anh Phạm Văn Thành sanh năm 1949, tham gia hoạt động cách mạng thời kỳ chống Mỹ, là Thượng sĩ, bộ đội huyện Tam Nông. Anh hy sinh tháng 11 năm 1968.

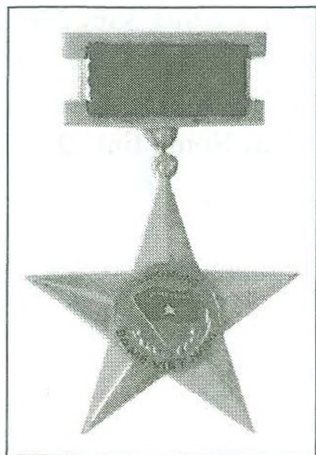
Những mong thấy được ngày giải phóng, nào ngờ, cùng năm anh Phạm Văn Thành hy sinh, mẹ cũng lâm bệnh qua đời.

Sau đó, năm 1969 con trai mẹ, anh Phạm Hoài Vân sinh năm 1950, cũng hy sinh trong một trận địch càn vào trạm xá xã Phú Thành, để bảo vệ bệnh binh anh đã chiến đấu đến hơi thở cuối cùng.

Trước những đóng góp to lớn của mẹ đã có chồng và 2 con là liệt sĩ hy sinh cho Tổ quốc, ngày 24 tháng 4 năm 1995, mẹ Dương Thị Cấp được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu cao quý **BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG**.

Hiện con trai của mẹ, anh Phạm Văn Tiểu Đơ hương khói, phụng thờ mẹ tại Ấp 1, xã Phú Ninh, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Mẹ PHẠM THỊ ĐẦM (1920 - 1960)



Mẹ Phạm Thị Đầm là con thứ tám trong một gia đình nông dân nghèo, có truyền thống cách mạng, quê ở Cả Tiêu - Cả Sớ, nay thuộc xã Bình Thạnh, huyện Hồng Ngự; người em út của mẹ tham gia cách mạng và hy sinh trong kháng chiến chống Pháp.

Cũng như bao nhiêu thôn nữ nghèo khác, mẹ không có điều kiện học hành, mà phải làm thuê, làm mướn phụ giúp gia đình. Khi trưởng thành, mẹ kết hôn với ông Trương Văn Tắc sanh năm 1919, ở xã An Bình, huyện Hồng Ngự.

Gia đình có tới sáu người con, bốn trai, hai gái; hai vợ chồng rất chật vật trong việc làm ăn. Dù vậy, cuối năm 1959, cả gia đình mẹ cũng đi theo cách mạng, vào vùng căn cứ ở Lung Bông - Tráp Muối thuộc xã An Bình; ông Chín Tắc, chồng mẹ là cán bộ cơ sở. Mẹ tảo tần nuôi nấng sáu con, để chồng yên tâm công tác.

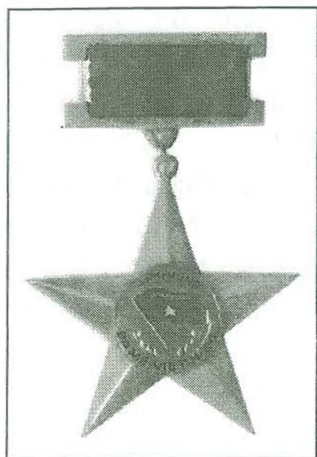
Trong một trận pháo kích của giặc ngày 28-2-1960 vào vùng căn cứ, cả hai vợ chồng mẹ đều bị thương. Riêng mẹ bị nặng hơn, trên đường đến bệnh viện thì qua đời. Chồng mẹ, ông Trương Văn Tắc sau khi lành bệnh vẫn tiếp tục công tác. Về việc gia đình, ông Tắc gởi ba con còn nhỏ (Trương Văn Yêm, Trương Thị Ấm và

Trương Thị Êm) về An Phong cho ông Phạm Văn Hoặc, em thứ tư của mẹ nuôi dưỡng. Trong chiến tranh cục bộ, Mỹ-ngụy càn quét ráo riết vùng căn cứ, ông Tắc bị giặc bắt và giết chết ngày 14-8-1967.

Dù không còn cha mẹ trực tiếp nuôi dạy, ba người con lớn (Trương Văn Bao, Trương Văn Hoàng và Trương Văn Ngọc) vẫn lớn lên trong truyền thống gia đình và sự đùm bọc của cô chú cán bộ, với nỗi căm thù là cha mẹ đã chết vì bàn tay của Mỹ - ngụy. Vì nợ nước thù nhà, ba người con lớn của mẹ không thể ngồi yên nhìn bom đạn Mỹ giày xéo quê hương, giết hại dân lành. Họ lần lượt lên đường cầm súng ra trận và cũng lần lượt hy sinh!.

Với chồng và ba con đã hy sinh vì nước, mẹ Phạm Thị Đầm được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước **BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG** vào năm 1994. Hiện con cháu thờ cúng mẹ tại xã Phú Ninh, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Mẹ NGUYỄN THỊ ĐIỂN (1920 - 1988)



Mẹ Nguyễn Thị Điển sinh năm 1920, quê xã Tân Phú, nay thuộc huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Gia đình nghèo, ngoài làm ruộng mẹ còn làm mướn, làm thuê để kiếm thêm thu nhập.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, mẹ cùng chồng nuôi con tham gia cách mạng ở địa phương. Nhà mẹ là cơ sở nuôi chứa cán bộ cách mạng; mẹ làm công tác giao liên tại xã vận chuyển gạo muối, cơm nước, thuốc men cho bộ đội. Bất cứ việc gì bộ đội cần, mẹ sẵn sàng giúp đỡ.

Do truyền thống cách mạng của gia đình và sự dạy dỗ của mẹ, khi trưởng thành, 3 (trong số 7 người) con của mẹ tham gia cách mạng và cả 3 là liệt sĩ.

Người con lớn là anh Lê Văn Mơ, sinh năm 1928, tham gia kháng chiến chống Mỹ, là cán bộ cơ sở xã Tân Mỹ. Anh hy sinh ngày 12 tháng 7 năm 1962.

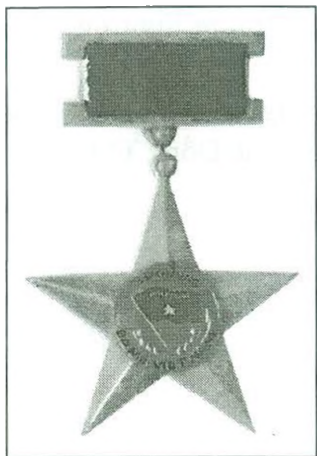
Người con kế của mẹ là anh Lê Văn Chiến, sinh năm 1939, tham gia cách mạng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, anh là Tiểu đội trưởng du kích xã Tân Mỹ. Anh hy sinh ngày 15 tháng 4 năm 1964.

Người con út là anh Lê Văn Ôn, sanh năm 1940, tham gia cách mạng chống Mỹ cứu nước, làm Tiểu đội trưởng du kích xã . Anh hy sinh năm 1964.

Trước những đóng góp to lớn của mẹ Nguyễn Thị Điển cho cách mạng và có 3 người con hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc; ngày 17 tháng 12 năm 1994, mẹ được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước **BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG**. Mẹ Nguyễn Thị Điển lâm bệnh qua đời năm 1988.

Hiện cháu ngoại của mẹ là Trần Văn Tùng thờ phụng, hương khói mẹ ở xã Tân Công Sính, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Mẹ NGUYỄN THỊ HAI (1929 - 1996)



Mẹ Nguyễn Thị Hai sinh năm 1929, tại tỉnh Tà Keo, Campuchia. Mẹ là con thứ hai trong một gia đình nông dân. Khi trưởng thành, mẹ lập gia đình và sinh được một người con trai.

Gia đình nghèo, quanh năm làm thuê mướn sanh sống. Cán bộ cách mạng Việt Nam nhiều lần sang Campuchia gây dựng phong trào trong bà con Việt kiều, đã dừng chân tại nhà mẹ. Nhờ đó, vợ chồng mẹ giác ngộ Cách mạng và đi theo con đường đánh Tây góp phần giành độc lập. Vợ chồng mẹ không trực tiếp tham gia kháng chiến mà chỉ nhận nhiệm vụ tiếp tế theo yêu cầu của tổ chức. Nhà mẹ là cơ sở cho cán bộ, bộ đội Việt Nam sang Campuchia công tác và ngược lại nghỉ ngơi.

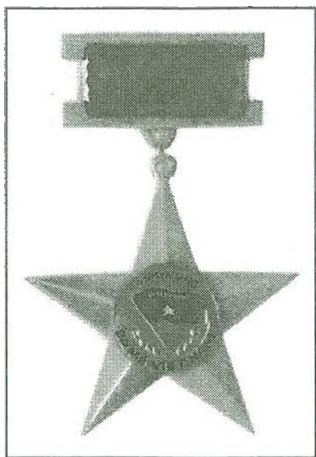
Được sự động viên của cha mẹ, khi trưởng thành người con trai duy nhứt của mẹ là anh Nguyễn Văn Chia, sinh năm 1950 lên đường hoạt động cách mạng năm 1967, là chiến sĩ Bộ đội địa phương tỉnh An Giang. Anh Chia hy sinh tháng 6/1967.

Ngày 22 tháng 10 năm 1978 anh được truy tặng Huy chương Chiến sĩ giải phóng.

Đất nước giải phóng, mẹ Nguyễn Thị Hai trở về Tổ quốc. Tuy không còn người thân nhưng mẹ không cô đơn, mẹ sống trong tình thương của chánh quyền và bà con lối xóm. Trước những đóng góp to lớn của mẹ cho cách mạng và có người con duy nhất hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, ngày 24 tháng 4 năm 1995, mẹ được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước **BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG**. Năm 1996 mẹ Nguyễn Thị Hai lâm bệnh qua đời.

Hiện cháu của mẹ là chị Nguyễn Thị Nhồng hương khói, phụng thờ mẹ tại ấp Long Thành, xã Phú Thành A, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Mẹ CAO THỊ KIẾN (1903 - 1947)



Mẹ Cao Thị Kiến sinh năm 1903, quê xã Phú Cường (nay là ấp A, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp). Lớn lên mẹ lập gia đình với ông Đặng Văn Sấm sinh năm 1900 quê xã An Bình, huyện Hồng Ngự. Vợ chồng mẹ sinh được 5 người con (bốn trai, một gái). Gia đình nghèo quanh năm đi làm mướn sinh sống. Năm 1947 mẹ lâm bệnh và qua đời.

Mẹ mất sớm, cha đi thêm bước nữa để lại các con thơ dại. Người con trai thứ hai của mẹ, anh Đặng Văn Thế thay mẹ nuôi các em khôn lớn. Anh thường nói với các em câu nói của mẹ khi mẹ còn sống: “Mẹ rất ghét bọn Tây cướp nước, hà hiếp dân lành. Sau này các con khôn lớn phải góp phần công sức cùng bà con đánh đuổi bọn Tây đem lại bình yên cho quê hương”. Nhớ lời mẹ dặn, khi các em trưởng thành anh động viên các em tham gia cách mạng. Và các con của mẹ lần lượt thoát ly gia đình, đi kháng chiến; ba người hy sinh trong cùng một năm.

Người con thứ ba của mẹ, anh Đặng Văn Nghiệp, sinh năm 1935, tham gia cách mạng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, anh là

chiến sĩ Đại đội 261 thuộc Tiểu đoàn 502. Anh hy sinh tháng 11 năm 1963.

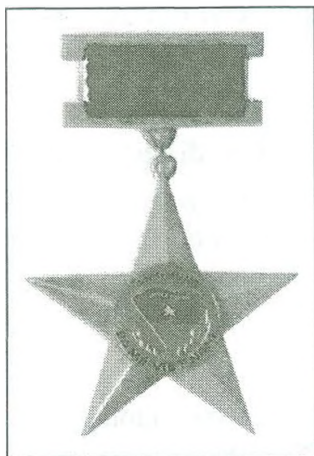
Người con thứ sáu của mẹ là anh Đặng Văn Lập, sinh năm 1937, trong kháng chiến chống Mỹ, anh là chiến sĩ Đại đội 261 thuộc Tiểu đoàn 502. Anh hy sinh tháng 3 năm 1963.

Người con thứ sáu của mẹ là anh Đặng Văn Đường, sinh năm 1939, tham gia chống Mỹ, cứu nước, là chiến sĩ Đại đội 261 thuộc Tiểu đoàn 502. Anh hy sinh tháng 3 năm 1963 (anh hy sinh cùng trường hợp với anh Đặng Văn Lập).

Tuy mẹ không nuôi các con đến ngày khôn lớn, đi kháng chiến để giành lấy độc lập cho quê hương, nhưng mẹ có công sanh thành 3 người con và cả 3 hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Ngày 28 tháng 4 năm 1997 mẹ Cao Thị Kiện được Chủ tịch nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu cao quý **BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG**.

Hiện anh Đặng Văn Thế con trai thứ hai của mẹ hương khói, phụng thờ tại ấp A, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Mẹ DƯƠNG THỊ LIÊN (1918 - 1980)



Mẹ Dương Thị Liên sinh năm 1918, quê ấp Long An, xã Vĩnh Hoà Thượng, huyện Pè-m-Chô, tỉnh Prây-veng, Campuchia; năm 1978 mẹ về sống ở ấp Long An A, xã Phú Thành A, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Lớn lên, mẹ kết hôn với ông Trần Văn Sinh, sinh năm 1915, sinh được 10 người con (7 trai, 3 gái). Gia đình nghèo, sống chủ yếu bằng nghề nông.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, mẹ cùng chồng nuôi con tham gia cách mạng, làm công tác giao liên, vận chuyển lương thực, thuốc men cho bộ đội. Mẹ còn là cơ sở nuôi chứa cán bộ tại nhà. Lành lợi, hoạt bát, mẹ luôn qua mắt địch, hoàn thành nhiều nhiệm vụ đơn vị giao.

Sống trong gia đình truyền thống cách mạng, mẹ luôn giáo dục, động viên các con tham gia cách mạng. Trong 10 người con của mẹ có 3 người là liệt sĩ.

Anh Trần Văn Thử sinh năm 1924, tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp, gia nhập bộ đội Hải ngoại. Anh bị địch bắn hy sinh năm 1947.

Anh Trần Văn Đá sinh năm 1938, tham gia hoạt động cách mạng trong thời chống Mỹ, là chiến sĩ Tiểu đoàn 502, hy sinh năm 1968.

Tiếp nối truyền thống cách mạng, anh Trần Văn Quý sinh năm 1952, tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, anh là Trung sĩ bộ đội chủ lực Quân khu 2 (Quân khu 8). Anh hy sinh ngày 22 tháng 11 năm 1973.

Ba người con hy sinh là nỗi đau to lớn của mẹ, nhưng mẹ vẫn âm thầm hoạt động cách mạng cho đến ngày đất nước hoàn toàn giải phóng.

Năm 1980 mẹ Dương Thị Liễn lâm bệnh qua đời. Trước những đóng góp của mẹ cho cách mạng và có đến 3 người con hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, ngày 17 tháng 12 năm 1994, mẹ được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu cao quý **BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG**.

Hiện con trai của mẹ, anh Trần Văn Hòa sinh năm 1940, ở ấp Long An A, xã Phú Thành A, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp thờ cúng mẹ.

Mẹ LÊ THỊ LÒNG (1916 - 1999)



Mẹ Lê Thị Lòng sinh năm 1916, quê làng Vĩnh Châu B (nay là xã Vĩnh Châu B, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An). Lớn lên, mẹ kết hôn với ông Nguyễn Văn Huyện sinh năm 1914. Gia đình mẹ sống chủ yếu bằng nghề đặt lợp, bắt tôm cá, đây cũng là nguồn thu nhập chính của gia đình.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, mẹ cùng chồng nuôi con và tham gia cách mạng ở địa phương.

Nhà mẹ là cơ sở nuôi chứa cán bộ cách mạng, mẹ làm công tác giao liên tại xã, tiếp tế cơm nước, thuốc men cho bộ đội khi cần thiết. Trong gia đình, mẹ thường giáo dục, động viên con tham gia cách mạng. Mẹ có 11 người con (sáu trai, năm gái), trong đó, có 3 người là liệt sĩ.

Người con thứ tư của mẹ là anh Nguyễn Văn Ngoạch, sinh năm 1940. Năm 1961 tham gia công tác ở địa phương. Anh lanh lợi, nhiệt tình được tổ chức phân công làm Bí thư Chi đoàn xã Vĩnh Châu và sau đó anh vinh dự được đứng vào hàng ngũ của Đảng Cộng sản Việt Nam; anh thoát ly địa phương đi bộ đội. Năm 1965 anh hy sinh khi mang cấp bậc Thượng sĩ. Anh được truy tặng Huân chương Kháng chiến hạng Ba.

Anh Nguyễn Văn Tam con trai thứ bảy của mẹ, sanh năm 1945. Năm 1963 anh tham gia công tác du kích xã và sau đó đi bộ đội. Năm 1968 anh hy sinh, mang cấp bậc Thiếu úy Trung đội trưởng đặc công. Anh được truy tặng Huân chương Kháng chiến hạng Ba.

Người con gái thứ tám của mẹ là chị Nguyễn Thị Nhiên, sanh năm 1947. Năm 1962 chị là y tá Quân y Tỉnh đội Kiến Phong. Chị Nguyễn Thị Nhiên hy sinh năm 1965. Chị được truy tặng Huân chương Kháng chiến hạng Ba.

Cuối năm 1999 mẹ Lê Thị Lòng lâm bệnh qua đời. Trước những đóng góp của mẹ cho cách mạng và có ba người con hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, ngày 17 tháng 12 năm 1994, mẹ Lê Thị Lòng vinh dự được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước **BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG**.

Hiện cháu ngoại của mẹ là Huỳnh Văn No ngụ xã Hòa Bình, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp thờ cúng mẹ.

Mẹ NGUYỄN THỊ MẠNH (1921-)



Mẹ Nguyễn Thị Mạnh sinh năm 1921 tại tỉnh Prây-veng- Campuchia. Khi trưởng thành mẹ lập gia đình và sinh được một người con trai. Gia đình mẹ làm nghề buôn bán ở chợ Nam Vang (thủ đô Phnôm Pênh).

Được sự động viên của cha mẹ, khi trưởng thành người con trai duy nhứt của mẹ là anh Võ Văn Ai thoát ly gia đình đi kháng chiến, là chiến sĩ Đại đội 1, Tiểu đoàn 502. Anh hy sinh ngày 09 tháng 11 năm 1978 trong một trận chống quân Pôn

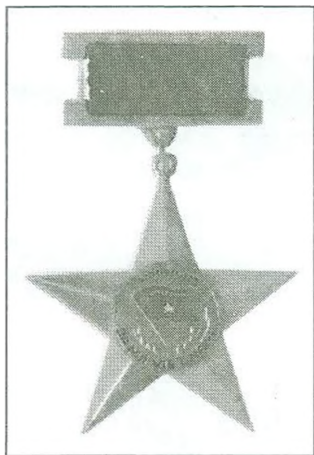
Pốt (Campuchia) tràn xuống Hồng Ngự.

Năm 1975 mẹ về sống ở xã An Long, đến năm 2000 gia đình mẹ về cư ngụ ấp Long Thành, xã Phú Thành A, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Ghi nhận sự hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc của người con trai duy nhứt của mẹ, ngày 28 tháng 4 năm 1997, mẹ Nguyễn Thị Mạnh được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước **BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG**.

Năm nay (2007) mẹ Nguyễn Thị Mạnh ở vào tuổi 86, sức khỏe yếu. Mẹ hiện sống với người cháu ruột là chị Nguyễn Thị Đẹt, tại ấp Long Thành, xã Phú Thành A, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Tháp nhận phụng dưỡng mẹ đến cuối đời.

Mẹ TRẦN THỊ NGỰ (1927 - 1998)



Mẹ Trần Thị Ngự sinh năm 1927, quê xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Khi trưởng thành mẹ kết hôn cùng ông Nguyễn Văn Huỳnh. Vợ chồng mẹ sinh được 2 người con (một trai, một gái), sớm giãc ngộ cách mạng. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, mẹ dẫn con đến Gò Cát, xã Phú Cường, huyện Tam Nông sinh sống.

Chồng mẹ, ông Nguyễn Văn Huỳnh sinh năm 1925, là cán bộ cách mạng hoạt động vùng Hóc Môn - Bà Điểm - Sài Gòn.

Ông bị quân địch giết chết cùng 20 cán bộ khác tại Hóc Môn vào những năm đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Tiếp bước truyền thống của gia đình, anh Nguyễn Văn Đức con trai của mẹ, sinh năm 1948, gia nhập quân đội năm 1968. Trong năm 1968 anh bị thương nặng được đưa về quê điều trị, sau khi vết thương lành anh lại tiếp tục trở lại đơn vị; sau đó anh hy sinh trong trận chống địch càn trên kinh Tháp Mười.

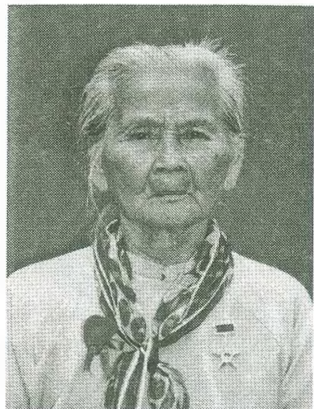
Chồng và con hy sinh mẹ lại trở về quê cũ tiếp tục hoạt động cách mạng. Mẹ cất một quán nhỏ bán cháo, nhưng đây cũng là nơi liên lạc, cung cấp thông tin cho cách mạng.

Đất nước giải phóng, mẹ sống trong sự quan tâm của chánh quyền. Trước những đóng góp của mẹ cho cách mạng và có người

con duy nhứt hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, ngày 17 tháng 12 năm 1994 mẹ Trần Thị Ngu được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu vinh dự nhà nước **BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG**. Năm 1996, Đảng uỷ xã An Phú cất cho mẹ một căn nhà tình nghĩa khang trang.

Năm 1998, mẹ Trần Thị Ngu trở về sống tại Gò Cát, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Cùng năm đó mẹ lâm bệnh qua đời. Hiện mẹ được chị Nguyễn Thị Hoàng hương khói, phụng thờ tại ấp Gò Cát, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Mẹ NGUYỄN THỊ PHƯƠNG (1916 - 1996)



Mẹ Nguyễn Thị Phương sinh năm 1916, ở vùng Vàm Bà Tám (khu vực rừng Phua-Miêu, thuộc phum Xuxôm-riêng, xã Xà-Rốc, huyện Kiên-Saoai, tỉnh Cần-Đan), nước Campuchia.

Chồng mẹ, ông Mai Văn Nhật cũng là một Việt Kiều ở Campuchia. Trên đất bạn gia đình mẹ đã làm ăn phát đạt, giàu có nhất vùng này. Là chủ vừa cá, nhà mẹ có xe tải, nhiều chiếc ghe lớn và xuồng. Cán bộ cách mạng nhiều lần sang gây dựng phong trào trong bà con Việt Kiều đã dừng chân tại nhà mẹ. Nhờ đó, vợ chồng mẹ giác ngộ và đi theo con đường cách mạng đánh Tây góp phần giành độc lập. Vợ chồng mẹ nhận nhiệm vụ tiếp tế theo yêu cầu của tổ chức. Nhà có xe tải thường chở cá lên Phnôm - Pênh bán, chuyển về mua hàng hoá theo yêu cầu của cách mạng, khi thì máy đánh chữ, giấy, mực in, khi thì a-xit, thuốc Tây...

Chánh quyền tay sai của Pháp ở Campuchia nghi ngờ gia đình mẹ mua hàng hoá tiếp tế cho cách mạng, chúng nhiều lần bắt chồng mẹ đi tù, mẹ cũng bị bắt, nhà bị chúng đốt thiêu rụi gia sản, ...Các con của mẹ bị bệnh, chết dần chỉ còn lại mỗi anh Út Ứng (Mai Văn Ứng - sinh năm 1948).

Năm 1970, Lon-Non do Mỹ hậu thuẫn, làm đảo chánh lật đổ Quốc trưởng Xi-han-úc. Tình hình phức tạp, thanh niên Việt Kiều chạy vô rừng. Ở lại phum sóc chỉ còn những người già. Lính của Lon Non ập đến, lôi tất cả đàn ông ra sông nã đạn, giết hàng chục người. Chồng mẹ bị tách riêng, trói vô gốc cây thốt nốt và bị bắn chết.

Cuộc tàn sát đẫm máu tạm yên, anh Út Ứng từ trong rừng quay về tìm gia đình. Mẹ động viên anh tham gia cách mạng. Tháng 8 - 1970, anh Út Ứng vào đơn vị Đại đội 4, Tiểu đoàn 2, Đặc công Quân khu 8.

Chồng chết, tài sản không còn, đứa con còn lại duy nhất đã lên đường kháng chiến. Bọn theo Mỹ đã đốt phá tất cả mười lần nhà của mẹ. Mẹ sống trong khó khăn, thiếu thốn, hàng ngày phải đi mò cua, bắt ốc hái bông điên điển để sống. Mẹ thường nói: “Ở hiền gặp lành”. Cái chòi của mẹ không cô đơn. Cán bộ, bộ đội Việt Nam sang Campuchia công tác thường đến đây tá túc. Các anh mang theo những ruột tượng gạo trút ra nuôi mẹ. Mẹ vẫn lo cho các con của cách mạng tô canh ngon từ những con cá, mớ rau mẹ kiếm được.

Năm 1973, mẹ nhận được tin anh Mai Văn Ứng hy sinh. Thế là đứa con duy nhất còn lại của mẹ không còn.

Năm 1975 miền Nam giải phóng, mẹ trở về Tổ quốc. Tuy không còn người thân nhưng mẹ sống không cô đơn, như mẹ nói: “Má sống không cô đơn, có chánh quyền, bà con trong họ tộc và tình xóm giềng”.

Mẹ Nguyễn Thị Phương, được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước **BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG** ngày 24 tháng 4 năm 1995.

Mẹ Nguyễn Thị Phương qua đời ngày 27 tháng 8 năm 1996. Hiện cháu cố là Nguyễn Văn Phước thờ phụng, hương khói cho mẹ tại ấp Long Thành, xã Phú Thành A, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Mẹ NGUYỄN THỊ SỰ (1922 - 2001)



Mẹ Nguyễn Thị Sự, sinh năm 1922 ngụ tại ấp Tân Hưng, xã Tân Công Sính, huyện Tam Nông. Khi trưởng thành, mẹ kết hôn cùng ông Võ Văn Hùng, sinh năm 1920, ông tham gia cách mạng kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Gia đình mẹ có truyền thống cách mạng, người này “ra đi” người khác lại lên đường. Thế hệ sau tiếp bước thế hệ trước giành độc lập, tự do. Mẹ cũng như bao mẹ Việt Nam yêu nước khác, vừa gánh vác việc nhà gánh cả việc nước non.

Mẹ có nhiều người con. Các con mẹ tham gia cách mạng từ khi còn rất nhỏ. Anh Võ Văn Lịch (sinh năm 1948), con trai thứ ba, đi theo cách mạng mới 14 tuổi. Anh nhanh nhẹn, dũng cảm, thạo đường đi nước bước nên được giao công tác giao liên.

Ít lâu sau tới anh Võ Văn Nghịch sinh năm 1951, mới 17 tuổi làm giao liên đường dây M 55 thuộc Quân khu 8, đóng quân ở Dinh Điền - Hồng Ngự. Anh hy sinh trong trận đụng độ với bọn lính “trâu điên” (biệt kích Mỹ) năm 1966. Mẹ như bị cắt đi khúc ruột. Chồng mẹ động viên: “Tham gia cách mạng có chết có sống bà đừng buồn mà tiếp tục lo cho các con và chồng yên tâm làm cách mạng, vì đất nước vẫn còn chưa độc lập, nhân dân còn cảnh nhà tan cửa nát”.

Anh Võ Văn Nghịch hy sinh mới 2 năm, vào ngày 20/4/1968 chồng mẹ cán bộ Tài Chánh xã, bị máy bay bắn chết trong một trận càn. Nỗi đau chồng chất lên nỗi đau, năm 1970 anh Võ Văn Lịch Tiểu đội trưởng du kích xã lại hy sinh.

Thù nhà nợ nước chất chồng trên đôi vai của mẹ. Mẹ động viên mấy đứa con còn nhỏ: “Máu nhà mình đổ nhiều rồi. Bà con máu cũng đổ nhiều rồi, cách mạng chưa tới đích. Các con còn nhỏ, để mẹ đi làm cách mạng. Mẹ phải thực hiện lời thề này. Đúng lúc ấy mẹ nhận việc tiếp vận lương thực và vải mủ, thuốc men cho đơn vị. Năm 1972 mẹ trực tiếp tham gia cách mạng.

Mỗi lần nhận được lá thư ghi: “Mẹ lên thăm con, nhớ mang cho con mớ gạo”, mẹ hiểu Ban Quân lương đã cạn lương thực. Mẹ đi ghe qua Mỹ Luông (An Giang) mua gạo, vải mủ. Mẹ đi theo con đường đó để tránh bót Cà Dăm, bót Ngã Tư (Lung Bông), chỉ qua có một cái bót ở Hồng Ngự. Để che mắt địch, mẹ làm ghe hai đáy. Đi vô mẹ chở gạo, đi ra mẹ chở bông súng. Những lần đi, mẹ chở theo con nhỏ, tã lót đồ dơ mẹ cuộn luộm thuộm bỏ lên trên. Tụi lính ngó vô ghe thấy dơ bẩn, bỏ đi. Vậy mà mẹ vẫn ba lần bị chúng tịch thu mất lúc 5 gạ, lúc 7 gạ gạo, mấy cây vải mủ.

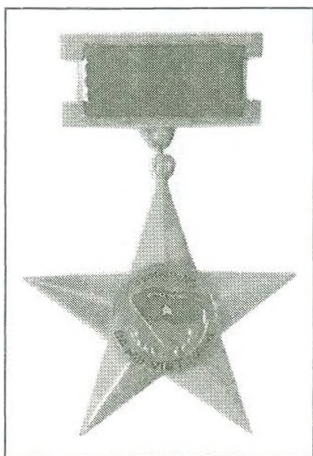
Từ ấy, mẹ sống lênh đênh trên sông nước, vừa mua bán nuôi con, vừa tiếp tế cho cách mạng. Mỗi chuyến đi tiếp lương mất ba, bốn ngày. Có những chuyến đi nguy hiểm, vất vả nhưng mẹ rất dũng cảm, khôn khéo vượt qua. Chính nhờ lòng căm thù giặc, thương chồng, thương con đã giúp mẹ vượt qua tất cả.

Vợ chồng mẹ vinh dự được Nhà nước tặng bằng “Gia đình vẻ vang”. Ông Võ Văn Hùng và anh Võ Văn Lịch được truy tặng Huân chương Kháng chiến hạng Ba. Và bản thân mẹ vinh dự được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước **BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG** ngày 17 tháng 12 năm 1994.

Năm 2001, mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Sự bình và qua đời tại quê nhà. Hiện nay, anh Võ Văn Luỹ phụng thờ, hương khói cho mẹ tại ấp Tân Hưng, xã Tân Công Sính, huyện Tam Nông.

Nhớ lời mẹ dặn dò, động viên... các con của mẹ (Anh Võ Văn Thanh, Võ Thành Tre, Võ Văn Luỹ) và các cháu nội, ngoại đã và đang trưởng thành trong nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ quê hương, Tổ quốc.

Mẹ NGUYỄN THỊ TÊN (1922 - 1973)



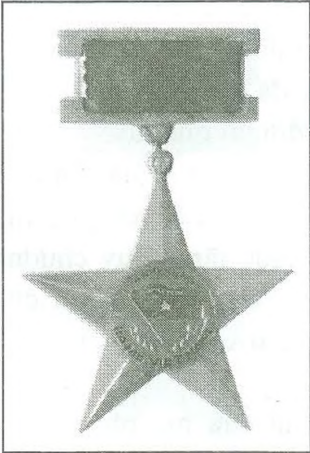
Mẹ Nguyễn Thị Tên sinh năm 1922, tại làng Mỹ Luông, quận Chợ Mới, tỉnh Long Xuyên. Khi trưởng thành mẹ kết hôn với ông Đặng Văn Hân sinh năm 1922, người cùng quê. Năm 1973 mẹ mất, ông Đặng Văn Hân cùng người con duy nhất của mẹ về sinh sống tại xã Phú Ninh và ông đi thêm bước nữa.

Người con trai duy nhất của mẹ là anh Trần Văn Sơn, sinh năm 1960. Năm 1978, vừa tròn 18 tuổi anh tham gia vào quân đội và vài tháng sau anh hy sinh trong một trận quân Pôn-Pốt (Campuchia) càn xuống Hồng Ngự. Anh được tặng Huân chương Kháng chiến hạng Ba. Hiện nay, hài cốt anh được cải táng tại Nghĩa trang liệt sĩ biên giới tại xã Phú Thọ, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Tuy mẹ không nuôi dưỡng con đến ngày con đi theo tiếng gọi của Tổ quốc, nhưng mẹ có công sinh thành ra anh. Ghi nhớ công lao to lớn của mẹ, ngày 24 tháng 4 năm 1995 mẹ Nguyễn Thị Tên được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước **BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG**.

Hiện nay, anh Võ Văn Lũy (con chồng sau của mẹ) phụng thờ, hương khói mẹ tại Ấp 1, xã Phú Ninh, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Mẹ ĐÌNH THỊ THÀ (1904 - 1991)



Mẹ Đình Thị Thà sanh năm 1904, tại làng Tân Quới, (nay là ấp Tân Trung, xã Tân Quới, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp). Mẹ là con thứ tư trong gia đình có sáu người con. Khi lập gia đình, mẹ theo chồng về sinh sống tại xã Phú Ninh, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp bây giờ. Bây giờ khi chồng và con tham gia kháng chiến, mẹ làm lưng vất vả để sinh sống và tiếp tế cho cách mạng. Mẹ không ngại nguy hiểm vất vả, chạy ngược xuôi ra vào tiếp tế cho kháng chiến; mẹ

lại còn nhận làm công tác giao liên xã và đào hầm nuôi giấu cán bộ tại nhà.

Chồng mẹ, ông Nguyễn Văn Khánh sanh năm 1901. Ông tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1945, làm Trưởng Phòng Kinh tài huyện Hồng Ngự.

Anh Nguyễn Văn Hoạch con trai thứ hai, sanh năm 1925. Năm 1955 anh tham gia đội du kích xã An Long. Chiến tranh không tránh được mất mát đau thương. Ngày 10/3/1963 anh Hoạch là đứa con đầu tiên của mẹ đã ngã xuống trong một trận càn quét, địch bắt và giết anh khi không khai thác được gì.

Anh Nguyễn Văn Hoanh con trai thứ tư của mẹ, sanh năm 1930 tham gia kháng chiến. Anh từng giữ chức vụ Huyện ủy viên huyện

Tam Nông. Anh hy sinh ngày 25 tháng 9 năm 1964 trong một trận càn, khi anh đánh lạc hướng địch để giấu tài liệu một nơi khác an toàn.

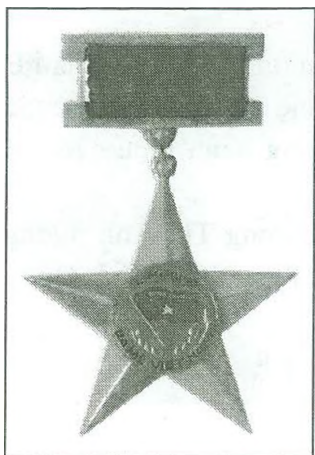
Cái chết của 2 người con đã làm nát tan lòng mẹ! Nhưng đau thương vẫn chưa dừng lại ở đó. Tháng 11 năm 1966, mẹ nhận được tin chồng hy sinh trong một trận càn của địch. Ba người thân ngã xuống, ba lần mẹ chết trong lòng, điều an ủi cuối cùng lúc mẹ còn sống là: "Chồng và con mẹ đã đi theo con đường của cách mạng. Mẹ không ân hận gì cả. Vì người thân của mẹ đã làm đúng".

Năm 1991 mẹ Đinh Thị Thà bình và qua đời tại quê nhà.

Vợ chồng mẹ vinh dự được Nhà nước tặng bằng "Gia đình vẻ vang". Ông Nguyễn Văn Khánh được truy tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhứt. Và bản thân mẹ vinh dự được tặng Huy chương Kháng chiến hạng Nhứt và Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu cao quý **BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG** ngày 17 tháng 12 năm 1994.

Hiện nay, chị Nguyễn Thị Ri, con gái út của mẹ phụng thờ, hương khói mẹ tại xã Phú Ninh, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Mẹ NGUYỄN THỊ THÀNG (1910 - 1989)



Mẹ Nguyễn Thị Thàng sinh năm 1910, quê làng Vĩnh Châu B (nay là xã Vĩnh Châu B, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Long An). Mẹ là con thứ Sáu trong gia đình nông dân nghèo. Lớn lên mẹ lập gia đình cùng ông Trương Văn Mão sinh năm 1908, người cùng quê. Vợ chồng mẹ có tất cả bảy người con (bốn trai, ba gái).

Gia đình nghèo, mẹ tần tảo làm nhiều nghề: câu lưới, làm ruộng... nuôi con. Các con khôn lớn, mẹ thường dạy: “Cả cuộc đời của mẹ bươn chải để nuôi các con

khôn lớn nên người. Các con phải sống vì nước, vì dân, vì lý tưởng cao đẹp”. Lời nói đó lần lượt khắc ghi vào tâm trí những đứa con của mẹ. Và, các anh đã làm rạng rỡ truyền thống gia đình.

Anh Trương Văn Khiêm, con trai thứ tư của mẹ, sinh năm 1931. Anh tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1958, hy sinh ngày 15/4/1959 tại Vĩnh Thạnh; anh là đảng viên, được truy tặng Huân chương Kháng chiến hạng Ba.

Anh Trương Văn Bé (Bé Lớn) con trai thứ bảy của mẹ, sinh năm 1936. Năm 1958 thoát ly gia đình đi kháng chiến, làm Trung đội Phó, Tiểu đoàn 502. Anh hy sinh ngày 20/3/1966.

Anh Trương Văn Bé (Bé Nhỏ) con trai thứ út của mẹ, sanh năm 1937. Năm 1958, anh Bé thoát ly gia đình đi kháng chiến, làm Thượng sĩ Tiểu đoàn 504. Anh hy sinh ngày 13 tháng 12 năm 1963, được truy tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì.

Ba lần phải chịu nỗi đau mất con. Mẹ nghĩ, nỗi đau này không chỉ riêng một mình mẹ, mà bao bà mẹ Việt Nam khác cũng cùng số phận. Đất nước giải phóng mẹ rất vui, nhưng các con mẹ không thấy được ngày độc lập.

Ngày 16 tháng 12 năm 1989 mẹ bệnh và mất tại xã Vĩnh Châu B (tỉnh Long An). Ngày 17 tháng 12 năm 1994 mẹ được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu cao quý **BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG**.

Hiện nay, con gái thứ sáu của mẹ, chị Trương Thị Ảnh hưởng khối, phụng thờ mẹ tại xã Hòa Bình, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Mẹ NGUYỄN THỊ THOẠI (1923 -1996)



Mẹ Nguyễn Thị Thoại, sinh năm 1923, quê quán xã Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, một xã vùng biên giới giáp Campuchia. Quê mẹ đất rộng người thưa. Bắt đầu cuộc kháng chiến, gia đình mẹ cùng gia nhập vào cuộc cách mạng đánh Tây.

Mùa thu năm 1945, chồng mẹ tham gia kháng chiến. Năm 1948 ông vinh dự đứng vào hàng ngũ của Đảng và sau đó là Huyện ủy viên, Bí thư Chi bộ xã Vĩnh Thạnh.

Chồng lo việc nước, mẹ ở nhà trồng khoai mì, đập lúa trời, mò cá bán để nuôi con. Đồng thời, nhà mẹ cũng là nơi trú quân của nhiều đơn vị, cơ quan cách mạng. Anh em về "cùng ăn, cùng ở" trong căn nhà nhỏ bé của mẹ. Hết tốp này đi, tốp khác đến. Gom góp được ít tiền mẹ lại mua lúa ví bò. Bộ đội về mẹ chỉ bồ lúa. "Đó! Tụi bay xay mà ăn. Ăn cho no, hết mẹ tính."!

Mẹ có 13 người con (8 trai, 5 gái). Tiếp nối truyền thống cách mạng của quê hương, các con mẹ lớn lên đều đi kháng chiến.

Anh Trương Văn Bé (Bé Em), sinh năm 1947, lên đường gia nhập bộ đội Miền vào năm 1963. Anh đi mẹ chỉ dặn: "Đó, người ta đi gian khổ, chết chóc. Con thấy đi được vững chí cứ đi, đừng nói chuyện cực khổ, xách đồ quay về là không được. Đã đi phải đi tới cùng".

Cũng cùng năm 1963, anh Trương Văn Sông lên đường gia nhập vào đơn vị của Tỉnh đội. Ngày 10/02/1967 (âm lịch), mẹ nhận được tin hai anh đã hy sinh cùng lúc khi hai đơn vị phối hợp chiến đấu chống giặc tàn ác.

Năm tháng sau, anh Trương Văn Công (sinh năm 1952), người con thứ tám của mẹ xin mẹ đi trả thù nhà, đền nợ nước. Mẹ nói: "Hai anh con chết rồi, con thấy đi được thì đi, mà đi thì đừng có bỏ về. Phải chấp nhận hy sinh". Anh Công tham gia Tiểu đoàn 504 tỉnh Kiến Tường (Long An) và hy sinh ngày 28/12/1968. Mẹ tê tái vì nỗi đau này chưa với nỗi đau khác ập tới !

Thấy các em hy sinh, anh Trương Văn Sắc (con thứ ba), tích cực hoạt động cách mạng ở địa phương và sớm đứng vào hàng ngũ của Đảng, được Đảng tín nhiệm giao làm Bí thư Chi bộ đầu tiên của xã Phú Cường.

Sau anh Ba Sắc không lâu, người con gái thứ tư của mẹ - chị Trương Thị Hòa lại lên đường làm nữ cứu thương, đơn vị bộ đội đóng ở Cái Sách, Hồng Ngự.

Có 3 con là liệt sĩ, mẹ Nguyễn Thị Thoại được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước **BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG** năm 1995.

Mẹ Nguyễn Thị Thoại lâm bệnh nặng, từ trần năm 1996. Hiện con trai mẹ, anh Trương Hồng Em thờ phụng, hương khói cho mẹ tại ấp B, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Mẹ NGUYỄN THỊ THƯỢNG (1927-)



Mẹ Nguyễn Thị Thượng sinh năm 1927, quê làng Vĩnh Thạnh (nay là xã Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An). Mẹ là con thứ tư trong gia đình nông dân nghèo. Lớn lên, mẹ lập gia đình cùng ông Huỳnh Văn Nhung. Mẹ theo chồng về sống tại làng Tân Phú (nay là Ấp 4, xã Tân Phú, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp). Vợ chồng mẹ có tất cả mười người con (tám trai, hai gái), chủ yếu sống bằng nghề câu lưới, làm ruộng.

Tuy gia đình nghèo lại đông con, nhưng mẹ luôn gánh vác chuyện nhà, động viên chồng và các con thoát ly gia đình, đi kháng chiến. Chồng và các con mẹ lần lượt tham gia kháng chiến.

Chồng mẹ, ông Huỳnh Văn Nhung, sinh năm 1923, trong chống Pháp và chống Mỹ ông tham gia kháng chiến ở địa phương và sau đó bị, qua đời.

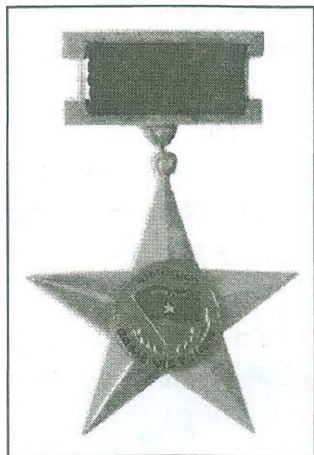
Anh Huỳnh Văn Hối, con trai thứ hai của mẹ, sinh năm 1947. Anh tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1968, trong Đội Thanh niên xung phong ở trại giam Phú Quốc, Khu B8. Anh hy sinh ngày 23/4/1972 tại Phú Quốc (Kiên Giang).

Anh Huỳnh Văn Nói, con trai thứ ba của mẹ, sanh năm 1949. Năm 1966 anh tham gia du kích xã Tân Công Sính. Anh hy sinh ngày 07/10/1966.

Năm 1973, anh Huỳnh Văn Tăng (sanh năm 1955), con trai thứ sáu của mẹ, tham gia công tác du kích xã, làm Xã đội phó xã Tân Công Sính. Anh hy sinh tháng 8 năm 1974, tại xã Tân Công Sính.

Mẹ Nguyễn Thị Thượng đang sống tại xã Hoà Bình, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Ngày 17 tháng 12 năm 1994 mẹ được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước **BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG**.

Mẹ NGUYỄN THỊ TỎI (1915 - 1991)



Mẹ Nguyễn Thị Tới sinh năm 1915, quê ấp An Phú, xã An Long, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Mẹ sinh trưởng trong một gia đình nông dân nghèo. Cũng như bao thôn nữ nghèo khác, mẹ không có điều kiện học hành mà chỉ ở nhà phụ gia đình làm ruộng. Khi trưởng thành, mẹ kết hôn với ông Huỳnh Văn Đợi, sinh năm 1909, người cùng quê.

Vợ chồng mẹ có tới sáu người con (năm trai, một gái). Hai vợ chồng rất chặt vật trong việc làm ăn, nuôi con. Tuy vậy, cuối năm 1943 được sự động viên của mẹ, chồng mẹ thoát ly gia đình tham gia cách mạng, tham gia vào Thanh niên tiền phong. Ngày 21/11/1945, ông chiến đấu rất dũng cảm hy sinh trong trận đánh đồn Cả Chơn xã Tân Quới. Ông hy sinh khi là chiến sĩ của trung đội Thanh niên Tiền phong. Ông được truy tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì.

Cái chết của ông làm lòng mẹ tê tái. Mẹ âm thầm nuôi các con khôn lớn và động viên các con tham gia cách mạng. Vì mối thù nhà, nợ nước, hai người con trai của mẹ không thể ngồi yên nhìn bom đạn Mỹ giày xéo quê hương, giết hại dân lành. Các anh lần lượt lên đường cầm súng ra trận và cũng lần lượt hy sinh!.

Anh Huỳnh Văn Chuyển, sanh năm 1939, tham gia cách mạng năm 1967, chức vụ Trung đội trưởng bộ đội Quân khu 8. Anh hy sinh năm 1965, được truy tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì.

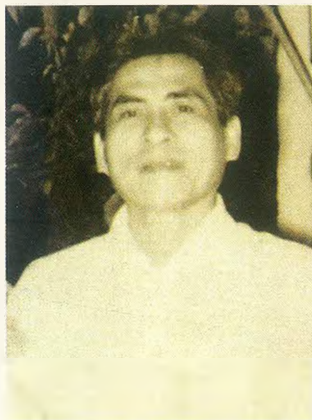
Anh Huỳnh Văn Bảo, sanh năm 1945, tham gia hoạt động cách mạng năm 1955, là Trung đội phó quân đội nhân dân. Anh hy sinh ngày 20 tháng 02 năm 1961, được truy tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì.

Ngày hoà bình, bàn thờ nhà mẹ treo đầy bằng Tổ quốc ghi công, huân chương Kháng chiến, nghi ngút hương khói. Năm 1991 mẹ Nguyễn Thị Tới lâm bệnh qua đời.

Vợ chồng mẹ Nguyễn Thị Tới vinh dự được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng "Gia đình vẻ vang". Bản thân mẹ Nguyễn Thị Tới được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước **BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG** ngày 12 tháng 8 năm 1995.

Hiện con trai thứ ba của mẹ là anh Huỳnh Văn Mưa phụng thờ, hương khói mẹ tại ấp An Phú, xã An Long, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

CHÂN DUNG CÁC ĐC BT HUYỆN ỦY TAM NÔNG



Đ/c HUỖNH VĂN THƯỜNG

(Năm Thảo)

(Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách huyện 1969 - 1971)



Đ/c HỒ ĐÔNG ĐỘ

(Hồ Thanh)

BT HU 1972-1973



Đ/c HUỖNH THANH HÙNG

Bí thư Huyện ủy Tam Nông

(1974-1978)

MỘT SỐ HÌNH ẢNH



Tràm chim Tam Nông 1987

LÂM TẤN TÀI



Địa danh gò Quần Cung (gò Ông Quán) xã Phú Hiệp huyện Tam Nông - Nơi Tiểu đoàn 502 phục kích địch ngày 26/9/1959 giành thắng lợi giòn giã.

(Ảnh chụp 10/2007)



Sếu đầu đỏ - Vườn Quốc gia Tràm Chim

Ảnh: MINH LỘC



Địa danh Cây Gáo Đồi (xã Tân Công Sính) (Ảnh chụp 10/2007)



Bia tưởng niệm Anh
hùng liệt sĩ xã Anh hùng
Tân Công Sính

Lễ nhận Bằng Di tích lịch sử - Văn
hóa cấp Quốc gia Tượng đài Giao
bưu - Thông tin vô tuyến điện Nam
bộ (gò Mười Tái, xã Phú Cường,
huyện Tam Nông).

20/12/2007

ĐỨC HÒA



II. LIỆT SĨ HUYỆN TAM NÔNG

Trải qua 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và bảo vệ Tổ quốc, huyện Tam Nông có: **540 liệt sĩ**.

Trong đó:

- + Chống Pháp: **66 liệt sĩ**
- + Chống Mỹ: **350 liệt sĩ**
- + Bảo vệ Tổ quốc: **124 liệt sĩ**

III. ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VÕ TRANG:

1. Đơn vị anh hùng:

THÀNH TÍCH TUYÊN DƯƠNG DANH HIỆU ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VÕ TRANG NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VÕ TRANG XÃ TÂN CÔNG SÍNH, HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP.

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

Xã Tân Công Sinh thuộc huyện Tam Nông tỉnh Đồng Tháp, có diện tích 12.600 ha, là vùng sâu trung tâm Đồng Tháp Mười, Đông giáp xã Hòa Bình; Tây giáp xã Phú Thọ; Nam giáp xã Phú Cường; Bắc giáp xã Phú Đức, Phú Hiệp. Có 4 ấp: Ấp 1, Ấp 2, ấp Tân Hưng và Tân Lợi. Dân số trước năm 1975 khoảng 2000 người. Dân tộc Kinh khoảng 95%, tôn giáo trong xã có 60% theo Công giáo, Phật giáo và các đạo khác.

Thời kỳ đầu (1954), còn là khu vực hoang hóa, 6 tháng mùa mưa nước ngập sâu từ 1,5 - 4m, việc đi lại rất khó khăn, dân sống chủ yếu bằng nghề đánh cá đồng tự nhiên (đũa, bèo, giăng lưới câu).

Những năm chiến tranh, Tân Công Sinh cùng các xã lân cận trở thành căn cứ của nhiều cơ quan thuộc Trung ương Cục, Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ, Khu ủy khu 8, Tỉnh ủy Long Châu Sa, Kiến Phong, cơ sở sản xuất vũ khí và hậu cần của tỉnh đội, Huyện ủy Thanh Bình, Tam Nông và là một chốt trạm của đường giao thông liên lạc. Cán bộ chiến sĩ từ Trung ương, Khu 8 đi xuống các tỉnh Mỹ Tho, Bến Tre, Sađéc và miền Tây đều phải đi qua và nghỉ chân tại đây, kể cả vận chuyển vũ khí...

Quân và dân xã Tân Công Sinh đã phát huy truyền thống cách mạng, nuôi chứa, chiến đấu và bảo vệ căn cứ cách mạng được an toàn.

1. Tình hình địch:

Là 1 xã có căn cứ kháng chiến thuộc trung tâm Đồng Tháp Mười, kẻ thù tập trung đánh phá ác liệt. Chúng đã tập trung lực lượng và tổ chức hoàn thiện bộ máy từ xã tới ấp, gồm hệ thống tề điệp với 11 đồn bót, chi khu quân sự Đồng Tiến (quận lỵ), một cụm pháo tại Cà Dăm và 1 đồn tổng; ngoài lực lượng nghĩa quân, cảnh sát, còn có 1 đại đội cảnh sát dã chiến, 2 đoàn xây dựng nông thôn, phương hoàng thiên nga, nhân dân tự vệ (200 tên). Ngoài ra còn có Trung đoàn 44 biệt động quân, Sư đoàn 9 sẵn sàng hỗ trợ cho nhau.

2. Tình hình ta:

Thời kỳ đầu kháng chiến chi bộ Đảng được thành lập, có 8 Đảng viên, do đồng chí Ba Cước làm Bí thư; lúc cao điểm chi bộ có 25 Đảng viên và 4 tổ Đảng. Lực lượng võ trang xã cũng hình thành gồm: 1 tiểu đội du kích thường trực, 1 trung đội dân quân, mỗi ấp có 1 tiểu đội du kích. Các đảng viên đều được bố trí vào lực lượng võ trang để làm nòng cốt. Trong những năm chiến tranh, lực lượng du kích đều được tăng cường, xây dựng; những lúc chiến tranh ác liệt (1969 -1971), lực lượng du kích công khai còn 6 đồng chí, 3 Đảng viên, số còn lại được bố trí làm công tác dân vận, binh vận.

II. THÀNH TÍCH TỔNG HỢP TRONG KHÁNG CHIẾN

1. Đấu tranh võ trang:

Từ ngày đầu kháng chiến đến 30/4/1975, lực lượng võ trang xã Tân Công Sính đã phối hợp với lực lượng của trên đánh 250 trận lớn nhỏ, diệt và làm bị thương 3810 tên (1 sĩ quan Mỹ, 1 đại úy, 1 trung úy, 2 thiếu úy, 3 chuẩn úy, 5 tề điệp), bắn rớt 4 máy bay, bị thương 7 chiếc khác, chìm 1 thuyền bay, bị thương 2 thuyền bay, làm hư hại trên 300 tàu xuồng (trong đó có 10 tàu sắt), thu 250 súng các loại và nhiều phương tiện chiến tranh khác.

Riêng lực lượng võ trang xã độc lập đánh địch 115 trận lớn nhỏ, tiêu diệt làm bị thương 1100 tên (có 5 tên ác ôn, 1 trung úy, 2 thiếu úy, 3 chuẩn úy) bắn chìm 1 thuyền bay, bị thương 1 chiếc, thu 1 đại liên, 1 M79..., phá banh nhiều ấp chiến lược, hàng vạn mét kẽm gai, thu 300 cây sắt và nhiều phương tiện khác.

2. Đấu tranh chánh trị và binh địch vận:

Quân và dân Tân Công Sính không ngừng đấu tranh chánh trị với địch, kể cả những lúc ác liệt nhất; tổng cộng đã tổ chức 215 cuộc lớn nhỏ, có 4800 lượt người tham gia. Nội dung đấu tranh như: kiến nghị, biểu tình đòi chúng thi hành hiệp định đình chiến, hiệp thương tổng tuyển cử, đòi quyền dân sinh, dân chủ; chống đàn áp khủng bố, bồi thường tài sản và tính mạng của dân, chống lại chủ trương đào kinh Hòa Bình, chống càn quét, bắn phá bữa bãi...

Do lực lượng quần chúng mạnh, có sự lãnh đạo của ta nên nhiều cuộc đấu tranh chánh trị giành thắng lợi, buộc địch phải nhượng bộ, như việc đào kinh Hòa Bình 3 - 4 năm sau địch mới thực hiện được. Tiêu biểu trong các cuộc đấu tranh có những tấm gương như: bà Năm Công, bà Tư Chơi, ông Năm Bay,... Với các hình thức khác nhau, ta tổ chức nội tuyến trong lòng địch (100 người như Sáu Càng làm cảnh sát, Tư Vận làm trưởng ấp) để làm nội ứng cho du kích đánh địch và giáo dục lôi cuốn binh sĩ rã ngũ theo cách mạng v.v....

3. Xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân:

Giáo dục nhân dân bảo vệ vùng căn cứ, phối hợp chặt chẽ với các xã bạn và lực lượng của trên để bám địa bàn hỗ trợ chiến đấu cho nhau.

Xây dựng cơ sở quần chúng làm mật báo để ta chủ động đối phó với địch.

Xã có tổ chức sản xuất vũ khí thô sơ: làm chông bàn, đập lỏi... (tổ có 3 người tham gia do đồng chí Tư Chép làm tổ trưởng). Nơi đây còn có công xưởng sản xuất, sửa chữa vũ khí của Quân khu 2

(Khu 8), do đồng chí Tư Xe lãnh đạo và có tổ hậu cần của tỉnh Kiến Phong do đồng chí Tám Phúc, Hai Đồi lãnh đạo.

Bố trí hệ thống bãi chông, gài trái, bãi ngù thành vệt dài hàng chục cây số để ngăn cản càn quét, gây khó khăn cho địch. Trong thế trận chiến tranh nhân dân có sự phối hợp giữa đấu tranh quân sự, chánh trị, binh vận - nội tuyến và hợp pháp, bất hợp pháp đã tạo ra thế vững vàng để chống lại địch. Trong chiến đấu, lực lượng du kích tại chỗ có phối hợp với lực lượng của trên đồng thời tự lực, sáng tạo trong cách đánh như gài trái, vây đồn, bình ong, làm công sự trên xuống, làm cản... phù hợp với chiến trường đồng nước và trong hoàn cảnh thiếu vũ khí, gây cho địch nhiều thiệt hại, hoang mang.

4. Đóng góp sức người sức của:

Với tinh thần đoàn kết khắc phục khó khăn, kiên cường bám ruộng đồng giúp đỡ và nuôi chứa cán bộ, bảo vệ an toàn căn cứ cách mạng kể cả những lúc chiến tranh ác liệt nhất. Đảng bộ quân dân Tân Công Sính đã có những đóng góp to lớn về xương máu, của cải vật chất cho cách mạng.

III. NHỮNG THÀNH TÍCH CÓ Ý NGHĨA TIÊU BIỂU

1. Đấu tranh vũ trang:

Lực lượng vũ trang xã Tân Công Sính ra đời đã trở thành nòng cốt cho phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng, cùng nhân dân tiến hành giải phóng quê hương.

- Năm 1960 du kích phối hợp lực lượng cấp trên tổ chức 3 trận phục kích (ở Giồng Găng, Bảy Thưa, giồng Cỏ Ống, Cù Lao Dài), diệt 130 tên địch, làm bị thương nhiều tên khác (đa số là lính người Nùng) làm thất bại chiến dịch Thoại Ngọc Hầu.

- Năm 1960, du kích tổ chức 10 đợt phục kích, gài trái ngăn không cho chúng đào kinh Phước Xuyên (Hòa Bình) diệt và làm bị thương 15 tên.

- Năm 1962 du kích xã tổ chức nhiều đợt phục kích đánh địch mức kinh Xáng Cụt, gây thiệt hại nặng 3 chiếc xáng, diệt 2 tên, làm 3 tên khác bị thương.

- Năm 1963 du kích xã phối hợp với lực lượng cấp trên tổ chức 3 trận đánh vào ấp chiến lược (khu phi trường An Long, Cỏ Trâu, Cỏ Sỏi, Sâm Sai), thu hơn 300 cây sắt, phá hủy hàng chục ngàn mét kẽm gai, góp phần giải phóng hơn 200 hộ dân thoát khỏi ấp chiến lược của Mỹ - ngụy.

Giữa mùa nước nổi năm 1966, địch tổ chức trận càn quét vào khu vực của ta với tàu sắt, thuyền bay, phi cơ và lực lượng bộ binh. Lực lượng du kích xã chia làm 2 mũi tổ chức phục kích đánh trả, bẻ gãy trận càn của địch (diệt 6 tên, bắn bị thương 1 máy bay, 1 thuyền bay và 8 phương tiện khác).

Mùa nước năm 1967, địch tổ chức trận càn bằng thuyền bay, âm mưu ngăn chặn và đánh đoàn vận tải của ta từ Campuchia về chiến trường Mỹ Tho. Lực lượng tại chỗ tổ chức đánh trả: bắn chìm 1 thuyền bay, bắn bị thương 1 chiếc khác, diệt 3 tên, có 1 sĩ quan Mỹ, bị thương 1 tên, thu 1 đại liên, 1 M79, 2 AR15 và nhiều đạn dược, bẻ gãy và chấm dứt chiến thuật thuyền bay của chúng tại vùng này.

Trận đánh Ngã tư kinh Kháng Chiến (Cỏ Đông) ngày 16/5/1968 du kích xã kết hợp với B12 giao liên, Đội bảo vệ Tỉnh ủy đã chiến đấu quyết liệt với Tiểu đoàn 44, một tiểu đoàn dù, 1 đại đội biệt kích của địch; ta tiêu diệt 160 tên, bắn rớt 4 máy bay, bị thương 6 chiếc khác, bảo vệ an toàn cho 4 đồng chí Bí thư Tỉnh ủy các tỉnh: Kiến Phong, Mỹ Tho, Gò Công, Bến Tre và đồng chí Phó Tư lệnh Quân khu 8 về Trung ương Cục họp. Sau trận này địch cay cú, đốt 80 ngôi nhà, xả súng xuống trần - xê (hầm trú ẩn) giết 1 bà già và 4 em gái.

Tháng 5/1970, du kích phục kích ở Gò Tre, diệt 5 tên.

Tháng 11/1971, 4 lần phục kích ở kinh Cô Đông, diệt 11 tên, bị thương 8 tên (trong đó có 1 trung úy, 3 chuẩn úy), thu 2 máy PRC25, 2 súng M79 và 6 súng AR15.

- Tháng 8/1972, trận đánh ác liệt ở ngã tư Đìa Phèn với Sư đoàn 7, Sư đoàn 9 của Mỹ - nguy liên tiếp 3 ngày đêm ở vùng Cả Cái - Tân Thành, diệt và làm bị thương 150 tên, trong đó có 01 chỉ huy là đại úy Sộn.

- Đầu và giữa năm 1973 có 14 trận tập kích, đột kích đánh vào cư xá tàu Mỹ ở Khu 6 (Mỹ Hưng), cảnh sát Khu 5, Khu 4, giải tán phòng vệ dân sự Khu 4, 8, 10; giết 5 tên ác ôn, bắt 15 tên khác, giải tán 150 tên phòng vệ dân sự, làm hư hại 10 tàu sắt, thu 150 vũ khí các loại, máy đánh chữ và hồ sơ tài liệu khác.

- Tháng 12/1973, đánh địch đi càn ở Gò Tre (3 ngày đêm), bắn rớt 1 trực thăng, làm bị thương 4 chiếc khác, diệt 8 tên địch.

Tháng 6/1974, du kích và địa phương quân phối hợp đánh Sư đoàn 9 càn quét vô Công binh xưởng của Quân khu 8, ta tiêu diệt và làm bị thương 35 tên.

- Tháng 10/1974, du kích tổ chức 2 lần tập kích vào bảo an đoàn ở xã Phú Đức, diệt và làm bị thương 1 đại đội, thu 1 máy PRC25, thu 15 súng các loại.

- Trận ngày 8/4/1975, du kích phối hợp lực lượng của cấp trên, tiêu diệt và làm tan rã 1 trung đội thám báo ở kinh Cô Đông.

- Trận ngày 12/4/1975, cũng tại Cô Đông du kích và lực lượng cấp trên chặn đánh địch diệt 13 tên, thu 3 súng.

- Ngày 30/4/1975, du kích phối hợp với lực lượng của huyện đồng loạt tiến công các đồn địch và tiếp quản chỉ khu Đồng Tiến, thu 115 súng các loại và toàn bộ phương tiện chiến tranh của địch.

2. Đấu tranh chánh trị và binh dịch vận:

- Năm 1962 biểu tình đòi vô vùng Tân Công Sính để sản xuất, có 200 người tham gia, do ông Năm Bay dẫn đầu buộc địch phải chấp nhận.

- Năm 1966, địch bắn pháo bờ bãi làm chết 45 thường dân, ta tổ chức biểu tình, có 300 người tham gia, do bà Năm Công (vợ ông Lê Minh Đường, Đảng viên xã TCS) lãnh đạo, gây cho địch nhiều hoang mang, đối phó bị động.

- Tháng 10/1972, địch dùng máy bay bắn phá bờ bãi làm chết, bị thương 85 người dân (trong đó có 1 số bộ đội miền Bắc tăng cường hy sinh) ta tổ chức đấu tranh, có 300 người tham gia, do bà Tư Chơi lãnh đạo.

- Công tác binh vận ta làm rã ngũ, bỏ ngũ 300 tên, chủ yếu là địa phương quân, một số mang vũ khí về nộp cho ta.

- Năm 1960, Sáu Càng và Tư Vân làm nội ứng giúp lực lượng vây đánh đồn Hòa Bình gây cho địch nhiều thiệt hại.

3. Đóng góp sức người sức của:

- Trong kháng chiến, xã TCS đã đóng góp tiền bạc lúa gạo (trị giá 10.000 gia lúa), thuốc men, chăm sóc thương binh, tiếp tế đạn dược, chôn giấu vũ khí (1954 có chôn một hầm 30 súng ở gò Cà Dăm)...

- Năm 1968 xã có 8 Đảng viên và 13 thanh niên lên đường phục vụ Chiến dịch Mậu Thân. Đưa 6 đảng viên thành lập chi bộ xã Phú Đức và Phú Cường. Tăng cường một số đảng viên có trình độ cho huyện.

- Năm 1971 tiếp tục đưa đảng viên thành lập chi bộ xã Phú Yên.

Chiến tranh ác liệt để lại hậu quả cho xã, toàn xã có nhiều

người dân thiệt mạng, tàn phế, có 65 liệt sĩ, 30 thương binh, 210 gia đình có công cách mạng, có 4 bà mẹ VNAH, được nhà nước tặng 104 huân huy chương các loại.

IV. THÀNH TÍCH TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY

Tiếp tục phát huy thành tích trong chống Pháp, Mỹ, hơn 20 năm sau giải phóng, Đảng bộ và nhân dân xã Tân Công Sính thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế Văn hóa - Xã hội, An ninh - Quốc phòng đạt nhiều kết quả.

a) Về sản xuất nông nghiệp:

Do điều kiện đất đai nên trong sản xuất nông nghiệp, chủ yếu là trồng cây lúa. Đảng bộ quân và dân xã Tân Công Sính quyết tâm cải tạo đồng ruộng, nâng dần diện tích lúa 2 vụ và tăng sản lượng lúa hàng năm. Coi thủy lợi là mũi nhọn hàng đầu, xã đã đầu tư khai thông các tuyến kinh: An Bình, Lung Bông, Tân Công Sính 2. Đồng thời đẩy mạnh công tác khuyến nông, áp dụng thành tựu khoa học - kỹ thuật, có biện pháp về vốn, vật tư v.v... Do vậy mà diện tích sản xuất từ 1.700ha (1994) lên 4.727ha (1996); nâng tổng sản lượng lương thực từ 4.250 tấn (1994) lên 18.900 tấn (1996). Ngoài cây lúa, nhân dân xã Tân Công Sính còn trồng được 2.000 ha trà.

b) Về đời sống Văn hóa - Xã hội:

Ý thức được là vùng sâu, vùng căn cứ kháng chiến, Đảng bộ thật sự quan tâm xây dựng và phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội. Công tác giáo dục, đào tạo tăng cả về số lượng lẫn chất lượng, năm 1996 xã có 450 em học sinh các cấp. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân chú ý cả 3 mặt: phòng chống dịch bệnh, khám và điều trị và chăm sóc sức khỏe ban đầu; năm 1996 tiêm phòng bệnh cho trẻ em dưới 1 tuổi đạt 98%. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được chú ý.

Những năm qua, với sự giúp đỡ của trên, xã đã xét cho 206 hộ vay 230 triệu đồng để giải quyết việc làm, đầu tư sản xuất. Đảng ủy xã cũng rất quan tâm đến công tác thương binh, chăm lo, giúp đỡ gia đình chính sách.

c) Về An ninh - Quốc phòng:

Song song với phát triển kinh tế xã hội, Đảng bộ chú ý xây dựng các lực lượng vũ trang địa phương. Nhiều năm qua, công tác an ninh trật tự an toàn xã hội được giữ vững, kịp thời phối hợp giải quyết những tranh chấp trong xã hội như: tranh chấp ruộng đất của nông dân.

Lực lượng dân quân tự vệ xã đảm bảo đạt tỷ lệ 2% và được luyện tập theo định kỳ. Công tác tuyển quân những năm qua đều đạt và vượt chỉ tiêu trên giao.

d) Xây dựng hệ thống chính trị:

Đảng bộ, chính quyền và các đoàn thể đi sâu sát trong nhân dân để động viên mọi người thực hiện chủ trương chung của Đảng, đồng thời giải quyết, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong nhân dân.

Chi bộ có 17 Đảng viên, qua phân loại có 13 Đảng viên loại A, 4 Đảng viên loại B. Chi bộ Tân Công Sính được Huyện ủy Tam Nông công nhận là chi bộ khá.

Với ý chí sắt đá, tinh thần khắc phục mọi khó khăn, bám trụ vững vàng, bất khuất kiên cường trong chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ; cũng như những thành tích về kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng của địa phương, hơn 20 năm giải phóng, xã Tân Công Sính, huyện Tam Nông tỉnh Đồng Tháp xứng đáng được nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân./.

Năm 1996

2. Cá nhân anh hùng:

HÀ HỒNG HỔ (1955 -)



Hà Hồng Hổ sinh năm 1955, quê xã Phú Thành, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp; nhập ngũ tháng 7 năm 1970; cấp bậc Thượng sĩ; chức vụ Trung đội Trưởng Công binh thuộc Đại đội 381, Bộ đội địa phương tỉnh An Giang, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Từ năm 1970 đến tháng 4 năm 1975, dù chiến đấu ở chiến trường có nhiều khó khăn ác liệt, nhưng Hà Hồng Hổ luôn thể hiện quyết tâm cao, chiến đấu dũng cảm, mưu trí. Trong các trận đánh ông thường được giao nhiệm vụ ở hướng chủ yếu, dù khó khăn nguy hiểm vẫn hoàn thành tốt nhiệm vụ. Ông đã tham gia chiến đấu trên 30 trận, diệt gần 100 tên địch, bắt 5 tên, thu 30 súng.

Những trận chiến đấu tiêu biểu của Hà Hồng Hổ:

- Ngày 20/11/1974, trong trận đánh đồn Khu 10, huyện Tam Nông; Hà Hồng Hổ chỉ huy mũi tấn công hướng chủ yếu, bí mật vượt qua 6 lớp hàng rào dây thép gai, đánh vào trung tâm; địch chống cự quyết liệt, một số đồng chí bị thương vong, ông cũng bị thương nhưng vẫn tiếp tục dẫn đầu tổ đánh chiếm sở chỉ huy địch. Mũi tiến công của đơn vị bạn chưa vô được, ông lập tức phát triển

chiến đấu sang hướng đó, tạo điều kiện cho đơn vị nhanh chóng diệt gọn đồn. Riêng ông Hồ diệt 10 tên, bắt 1 tên, thu 7 súng.

- Ngày 5/12/1974, trong trận đánh đại đội bảo an lấn chiếm xã Thường Thới Hậu (huyện Hồng Ngự), ông ngấm mình dưới nước nhiều đêm để nghiên cứu tình hình địch. Sau đó ông trực tiếp chỉ huy một tổ đánh vào hướng chủ yếu. Địch chống cự quyết liệt, các mũi bạn gặp khó khăn không phát triển được, ông bình tĩnh dẫn đầu tổ đánh vào trung tâm, diệt nhiều hỏa điểm địch. Khi hết đạn, ông dũng cảm vật lộn với địch, đoạt súng chi viện cho các mũi bạn nhanh chóng diệt gọn đại đội địch, bắt 15 tên, thu 30 súng.

- Ngày 18/1/1978, trong trận chiến đấu chống quân Pôn-Pốt xâm lược, bảo vệ biên giới Tây - Nam Tổ quốc, Hà Hồng Hồ hy sinh anh dũng.

Hà Hồng Hồ có tác phong gương mẫu, nghiêm chỉnh chấp hành lệnh cấp trên và làm tốt chánh sách tù hàng binh, đoàn kết trên dưới một lòng, được anh em yêu mến, tin tưởng. Hà Hồng Hồ được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhứt, 2 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Ba, 17 Bằng và Giấy khen, 2 lần là chiến sĩ thi đua.

Ngày 6/11/1978, Hà Hồng Hồ được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu **Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân**.

IV. DANH SÁCH BÍ THƯ HUYỆN ỦY TAM NÔNG (1969-1978)

1. Đồng chí **Huỳnh Văn Thường** (Năm Thảo): từ năm 1969 - 1971 - Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách huyện.
2. Đồng chí **Hồ Đông Độ** (Ba Thanh, Hồ Thanh): từ năm 1972-1973
3. Đồng chí **Huỳnh Thanh Hùng** (Hai Thanh Hùng): từ năm 1974-1978

DANH SÁCH BAN CÁN SỰ ĐẦU TIÊN

Tháng 8/1970 thành lập BCS huyện (tại xã Vĩnh Lợi Trinh, CPC) gồm:

1. Đồng chí **Hồ Đông Độ** (Hồ Thanh, Ba Thanh)
2. Đồng chí **Ba Mạnh**
3. Đồng chí **Lê Dùng** (Bảy Râu)
4. Đồng chí **Năm Rôm**
5. Đồng chí **Ba Hương**

* Đến tháng 7/1972 đồng chí **Tư Hồng** chết, đồng chí **Năm Thảo** - TVTU phụ trách;

- Đồng chí **Hồ Thanh** làm Trưởng Ban Cán sự
- Đồng chí **Ba Mạnh** - Phó Ban Cán sự
- Đồng chí **Lê Dùng** - Ủy viên

* Đến tháng 9/1973, bầu BCH mới (tại kinh Hội Kỳ Nhì) gồm 9 đồng chí:

1. Đồng chí **Hồ Đông Độ** (Ba Thanh)
2. Đồng chí **Hai Quốc**
3. Đồng chí **Phạm Văn Thủ** (Tư Thủ)
4. Đồng chí **Nguyễn Văn Nghinh** (Tư Nghinh)
5. Đồng chí **Nguyễn Văn Đăng** (Hai Đăng)
6. Đồng chí **Hai A**
7. Đồng chí **Thái Văn Tiếp** (Tư Tiếp)
8. Đồng chí **Ba Âu** (Nữ - Tỉnh đưa về)
9. Đồng chí **Mười Nhị** (Tỉnh đưa về)

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

- Võ Tòng Xuân: Mười năm xây dựng và phát triển kinh tế xã hội Tam Nông, Sở KHCN&MT, 1994
- Nhiều tác giả: Đồng Tháp tiềm năng và triển vọng, Nxb Đồng Tháp 1990.
- Trịnh Hoài Đức : Gia Định thành thông chí, tập Trung, Phủ QVKĐTVH, 1972.
- Nguyễn Đình Đầu: Nghiên Cứu Địa bạ triều Nguyễn, tỉnh Định Tường, Nxb Tp.HCM, 1994.
- Tòa Hành chánh Kiến Phong: Kiến Phong Địa phương chí, 1974.
- Monographic de la Province de Châu Đốc, 1903.
- Monographic de la Province de Long Xuyên, 1903..
- Monographie de la Province de Sadéc, 1903.
- Bản đồ Nha Địa dư Quốc gia ấn hành 1971.
- Châu Đạt Quan: Chân Lạp phong thổ ký, Bản dịch Lê Hương. Kỷ nguyên Mới xuất bản, 1973.
- Niên Giám Thống kê tỉnh Đồng Tháp năm 1999.
- Quốc Sử quán: Đại Nam nhất thống chí, Lục tỉnh Nam Việt, tập Trung, Phủ QVKĐTVH, 1972.
- Nguyễn Hữu Hiếu: Tìm hiểu địa danh Nam Bộ, Nxb KHXH, Hà Nội, 2004.
- Nguyễn Hữu Hiếu: Tìm hiểu Văn hoá tâm linh Nam Bộ, Nxb TRẺ, 2000.
- Nguyễn Hữu Hiếu: Chúa Nguyễn và các giai thoại về cuộc mở đất phương Nam. Nxb TRẺ, 2000.
- Nguyễn Hữu Hiếu (chủ biên): Võ Duy Dương và cuộc kháng chiến Đồng Tháp Mười, NxTrẻ, 2004.
- Cao Tự Thanh (viết chung): Địa chí Đồng Tháp Mười, Nxb CTQG, 1996
- Quốc sử quán: Đại Nam thực lục tiền biên. Bản dịch Viện sử học
- Quốc sử quán: Đại Nam thực lục tập xxxvi và xxviii. Bản dịch Viện sử học.
- A. Schreiner: Đại Nam quốc sử lược. Bản dịch Nguyễn Văn Nhân.

- Lịch sử nền thống trị Thái Lan: Bản dịch Mai Văn Bảo, Viện Đông Nam Á, 1978.

- Yves Henry: Économie Agricole d'Indochine Publication du Gouvenemente générale d l'Indochine , Hà Nội, 1930.

- Lịch sử truyền thống Huyện Thanh Bình, tập 1 & 2. Huyện ủy Thanh Bình, 1986.

- Lịch sử Huyện Đảng bộ Hồng Ngự, Ban Tuyên giáo Huyện ủy

- Lịch sử Đảng bộ Đồng Tháp (sơ thảo), tập III (1954-1975). Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Tháp, 1997, - Lịch sử Đảng bộ Đồng Tháp , tập II(1945-1954) . Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Tháp, 2005.

- Lịch sử Đảng bộ Đồng Tháp (sơ thảo), tập I (1930-1945). Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Tháp, 1987, - Lịch sử Lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Tháp (1954-1975), Nxb QĐ, 2001

- Trần Văn Giàu: Một khoảng đời, Hồi ký. Bản đánh máy.

- Trần Văn Giàu: Long An hai mươi một năm đánh Mỹ, Nxb Long An, 1988.

- Nguyễn Thị Thập: Từ đất Tiền Giang, Hồi ký, Nxb Văn học, 1986.

- Nguyễn Xuân Đào: Tổ chức hành chánh cấp xã tại Việt Nam. Bản dịch Nguyễn Văn Thuần, 1958.

MỤC LỤC

Trang

Phần thứ nhất

Khái quát đất đai và con người trên vùng đất Tam Nông	9
--	---

Chương một:

Điều kiện tự nhiên và tiềm năng kinh tế	9
---	---

I. Điều kiện tự nhiên.	10
------------------------	----

II. Tiềm năng kinh tế.	13
------------------------	----

Chương hai:

Vài nét về hành chánh, cư dân và truyền thống văn hóa	15
--	----

I. Sự thay đổi địa giới hành chánh qua các thời kỳ lịch sử	15
---	----

II. Tình hình cư dân và tôn giáo.	25
-----------------------------------	----

III. Vài nét về văn hóa truyền thống	28
--------------------------------------	----

Phần thứ hai

Tam Nông qua các thời kỳ lịch sử (TK XVIII - 1975)	32
--	----

Chương một:

Nhân dân Tam Nông trong buổi đầu khai hoang lập ấp, đấu tranh chống phong kiến và ngoại xâm (Thế kỷ XVIII - 1930).	32
---	-----------

I. Diễn trình khai hoang và đời sống trong buổi đầu mở cõi.	32
II. Vùng đất Tam Nông dưới thời phong kiến.	43
III. Tam Nông trong buổi đầu kháng chiến chống thực dân Pháp.	50

Chương hai:

Nhân dân trên vùng đất Tam Nông tổng Phong Thanh Thượng, dưới sự lãnh đạo của Đảng đứng lên đấu tranh chống đế quốc và phong kiến giành độc lập dân tộc và kháng chiến chống thực dân Pháp (1930-1954).	65
--	-----------

I. Hoàn cảnh kinh tế - xã hội ở Tam Nông và sự ra đời của các chi bộ Đảng.	65
II. Phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Phong Thanh Thượng dưới sự lãnh đạo của Đảng (1930-1945).	72
III. Nhân dân trên vùng đất Tam Nông cùng cả nước kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954).	92
1. Xây dựng, củng cố chánh quyền cách mạng, chuẩn bị kháng chiến lâu dài (1945 - 1946);	92

2. Cùng cả nước tiến hành kháng chiến trường kỳ
chống thực dân Pháp xâm lược (1947-1954). 100

Chương ba:

**Nhân dân trên vùng đất Tam Nông cùng
nhân dân huyện Thanh Bình kháng chiến chống Mỹ
cứu nước trước ngày huyện Tam Nông chánh thức
thành lập (1954-1968).** 116

I. Đấu tranh chánh trị, bảo tồn và phát triển lực lượng,
tiến tới khởi nghĩa vũ trang (1954-1960). 116

II. Góp phần đấu tranh đánh bại chiến lược
"Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ (1961-1965). 140

III. Tam Nông góp phần đánh bại chiến lược
"Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ (1965-1968). 149

Chương bốn:

**Huyện Tam Nông được thành lập, góp phần cùng
nhân dân cả nước đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ,
cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn (1969 - 1975).** 162

I. Huyện Tam Nông ra đời, góp phần cùng nhân dân
cả nước đánh bại Chiến lược "Việt Nam hóa chiến
tranh" của đế quốc Mỹ (1969 - 1972). 162

1. Hoàn cảnh và điều kiện ra đời của huyện Tam Nông; 162

2. Sự bố trí, sắp xếp của ta và phản ứng của địch,
sau khi huyện Tam Nông được thành lập. 165

3. Tam Nông góp phần đánh bại chiến lược "Việt Nam
hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ (1969-1972). 168

II. Nhân dân Tam Nông chống địch vi phạm hiệp định Paris, vùng lên góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973 - 1975).	177
1. Đấu tranh chống địch lấn chiếm, vi phạm Hiệp định Paris (27/1/1973)	177
2. Huyện Tam Nông ổn định tổ chức, củng cố lực lượng, cùng toàn miền Nam bước vào chiến dịch Hồ Chí Minh đưa cuộc giải phóng dân tộc đến thắng lợi hoàn toàn.	183

Phần thứ ba

KẾT LUẬN

- Truyền thống tiêu biểu	193
- Bài học kinh nghiệm	197

Phụ lục

I. Tóm tắt tiểu sử Bà mẹ Việt Nam Anh hùng huyện Tam Nông	206
II. Liệt sĩ huyện Tam Nông	241
III. Anh hùng lực lượng vũ trang	242
1. Đơn vị anh hùng	242
2. Cá nhân anh hùng	251
IV. Danh sách Bí thư Huyện ủy Tam Nông (1969 - 1978)	253

Tài liệu tham khảo chính

254

Chịu trách nhiệm xuất bản:

LÂM VĂN LÓNG

Ủy viên Thường vụ Huyện ủy

Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy Tam Nông

❖ *Biên tập xuất bản:*

LÊ ĐỨC HÒA

❖ *Trình bày*

LÊ ĐỨC

❖ *Sửa bản in:*

HÙNG VIỆT + LÊ ĐỨC

❖ *Ảnh*

Tư liệu + MINH LỘC + ĐỨC HÒA

*In 500 cuốn, khổ 14x20 cm theo giấy phép xuất bản số 29/GPXB - SVHTT do Sở Văn hóa thông tin tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 09/11/2007.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 1/2008.*

